PHẦN I:
CHƯƠNG TRÌNH HỌC KÌ I

ĐỀ SỐ 1

Qua văn bản "Phong cách Hồ Chí Minh" của Lê Anh Trà, em hãy phân tích sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, giữa thanh cao và giản dị trong phong cách Hồ Chí Minh.

BÀI LÀM

Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam, anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá thế giới. Cả dân tộc Việt Nam biết ơn sự hi sinh lớn lao của người vì "hoà bình, độc lập, ấm no và hạnh phúc" cho đất nước ta, nhân dân ta. Cả thế giới nghiêng mình trước tình yêu vô bờ bến mà Người dành cho tất cả những con người cùng bị áp bức, bóc lột. Nhưng ở con người vĩ đại ấy lại có một phong cách rất riêng của "sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, giữa thanh cao và giản dị". ("Phong cách Hồ Chí Minh" - Lê Anh Trà). Phong cách ấy làm nên một nhân cách lớn, là tấm gương sáng để chúng ta noi theo.

Bàn về phong cách Hồ Chí Minh, tác giả nói về vấn đề lối sống, cách sinh hoạt, làm việc, ứng xử... tạo nên nét riêng độc đáo của Người.

Đặc điểm đầu tiên trong phong cách ấy là sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại. Người sớm rời quê hương để ra đi tìm đường cứu nước. Trên hành trình đầy gian khổ "truân chuyên", Người đã bôn ba và đến nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới, cả phương Đông lẫn phương Tây. Người cũng có cơ hội ghé lại nhiều hải cảng, đến thăm các nước châu Phi, châu Á, châu Mỹ. Đến mỗi mảnh đất, Hồ Chí Minh đã phải tự lập kiếm sống bằng đủ các nghề: từ cào tuyết, rửa bát trên boong tàu... đến viết báo, viết kịch và dạy học.

Sống nơi đất khách quê người, Hồ Chí Minh cũng chăm chỉ học ngoại ngữ và Người có thể nói và viết thạo rất nhiều thứ tiếng trong đó phải kể đến tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung. Chính nhờ lòng ham học hỏi, nhờ lòng quyết tâm tìm ra con đường cách mạng cứu nước và nhờ tài năng Người đã tích luỹ cho mình một kho kiến thức vô cùng rộng lớn, uyên thâm. Người là một tấm gương sáng về tinh thần tự học. Hơn nữa, với Người, học không chỉ để biết mà là để hiểu. Thật ít vị lãnh tụ nào có sự am hiểu sâu sắc về nhiều nền văn hoá trên thế giới như Người. Thêm vào đó, Hồ Chí Minh học trên tinh thần vừa biết chắt lọc, tiếp thu những cái hay, cái đẹp, những tinh hoa của thế giới lại vừa biết phê phán những cái tiêu cực, đặc biệt của chủ nghĩa tư bản. Cũng trên tinh thần tiếp thu có sáng tạo ấy mà sau khi tìm ra con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc là chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã vận dụng nó cho phù hợp với đất nước Việt Nam, đem lại những hiệu quả lớn lao.

Nhưng bản thân sự am hiểu về tinh hoa văn hoá nhân loại chưa làm nổi bật lên phong cách Hồ Chí Minh. Ở Người, sự hiện đại luôn gắn bó với truyền thống, nhân loại gắn bó với dân tộc tạo nên sự giao thoa hoà hợp. Cái gốc dân tộc ở Hồ Chí Minh trước bất kì ảnh hưởng nào của văn hoá thế giới đều không bao giờ thay đổi. Phong cách mà cũng làm nên nhân cách rất Việt Nam ở Hồ Chí Minh đồng thời cũng là một nhân cách lớn. Người luôn là một tấm gương lớn để đời đời con cháu học tập và noi theo. Trong thời buổi hiện nay, trước tình hình xã hội ngày càng mở rộng giao lưu văn hoá thì đặc điểm phong cách đầu tiên của Hồ Chí Minh lại càng có ý nghĩa sâu sắc. Đảng và Nhà Nước ta tiếp thu phong cách của Người mà đưa ra khẩu hiệu: "Hoà nhập chứ không hoà tan" làm phương châm hành động. Như vậy, phong cách Hồ Chí Minh chính là bài học về mối quan hệ giữa ý thức cá nhân với ý thức cộng đồng, rộng hơn nữa là ý thức dân tộc với ý thức thế giới. Chúng ta phải biết kết hợp hài hoà nhiều yếu tố, biết tiếp thu có chắt lọc, sáng tạo và trên hết luôn luôn giữ cho được "bản sắc Việt Nam".

Đặc điểm thứ hai trong phong cách Hồ Chí Minh cũng rất riêng biệt, độc đáo, đó là sự kết hợp hài hoà giữa thanh cao và giản dị. Có thể nói đi tìm một lãnh tụ "đi nhiều, làm nhiều, biết nhiều" như Hồ Chí Minh rất khó, thì kiếm một chủ tịch nước có lối sống giản dị mà thanh đạm như Người lại càng khó hơn.

Nếp sống giản dị mà thanh đạm của Hồ Chí Minh trước tiên thể hiện ở ngôi nhà Người ở. Nó là một chiếc nhà sàn nhỏ, "vẻn vẹn" có

phòng tiếp khách, phòng họp Bộ Chính trị, phòng làm việc và phòng ngủ. Đồ đạc trong nhà cũng rất "mộc mạc, đơn sơ". Bên cạnh nhà là một cái ao rộng để Người nuôi cá, thả sen; bao quanh ngôi nhà có rất nhiều cây cối xanh mát.

Bản thân Người cũng hết sức giản dị. Trang phục là bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ cùng đôi dép cao su. Tư trang của Người cho mỗi chuyến đi chỉ có một chiếc va li con, trong đó đựng vài bộ áo quần và vài vật kỉ niệm. Thức ăn hằng ngày của Người rất đạm bạc với những món ăn dân dã như: cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa... Cuộc sống giản dị mà vẫn rất thanh cao trong sự chan hòa với thiên nhiên, muông thú.

Chúng ta không khỏi ngạc nhiên và khâm phục trước nếp sống giản dị và đạm bạc của Người. Với cương vị của một chủ tịch nước, cùng công lao to lớn của mình thì Người xứng đáng có một cuộc sống hiện đại và văn minh nhất. Nhưng Người chọn cho mình một lối sống không hề thay đổi và thống nhất với đức tính, nhân cách cao đẹp của mình. Phong cách này, nhân cách này cũng là một bài học cho mỗi chúng ta. Một bài học về sự tiết kiệm, giản dị.

Dành trọn cả cuộc đời, hi sinh hạnh phúc riêng tư để sống và làm việc vì tình cảm lớn, mục đích lớn nhưng khi trở về với cuộc sống cá nhân, Hồ Chí Minh luôn là một con người rất mực giản dị nhưng cũng rất thanh tao. Nhân cách ấy là nhân cách của một bậc trượng phu, quân tử mà chúng ta bắt gặp rất nhiều trong thơ ca cổ cũng như trong Đường thi của Trung Quốc. Với họ, cuộc sống giản dị, đạm bạc mới là lối sống thanh cao, một cách để di dưỡng tinh thần. Sâu xa hơn, lối sống đó gửi gắm một quan niệm thẩm mĩ về cuộc đời, về cái đẹp và hạnh phúc của con người.

Với phong cách kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại, sự thanh cao và giản dị, Hồ Chí Minh đã để lại một dấu ấn riêng độc đáo trong lòng người dân Việt Nam cũng như trong toàn nhân loại. Qua văn bản "Phong cách Hồ Chí Minh" (của Lê Anh Trà) chúng ta hiểu hơn về Người và thêm kính yêu và khâm phục nhân cách vĩ đại ấy. Người mãi là tấm gương sáng trong, không vết bụi để người người Việt Nam noi theo. Nếu những nhân cách cao quý chúng ta biết được trong Đường thi - Trung Quốc thường gắn bó với hình ảnh cây mai, cây tùng... thì Hồ Chí Minh trong dân tộc Việt Nam giống như một bông hoa sen với vẻ đẹp mộc mạc mà rất thanh cao.

ĐỀ SỐ 2

Phát biểu cảm nghĩ của em sau khi học bài *Đấu tranh cho một thế giới hòa bình* của nhà văn G. G. Mác-két.

BÀI LÀM

Chiến tranh và hoà bình luôn là những vấn đề quan tâm hàng đầu của nhân loại. Nhắc đến chiến tranh là gợi lên trong chúng ta ám ảnh về đau thương và mất mát. Hẳn không ai có thể nào quên hai cuộc chiến bạo tàn nhất xảy ra ở thế kỉ XX đã huỷ diệt không biết bao nhiêu người dân vô tội, bao mái nhà, bao cảnh đẹp. Ngày nay chúng ta đang sống trong một không khí hoà bình nhưng xung quanh ta, ở đâu đó trên thế giới thì nạn khủng bố, chiến tranh lạnh và đặc biệt là nguy cơ chiến tranh hạt nhân vẫn đang là mối đe doạ đầy tiềm ẩn đến sự sống của trái đất. Vì vậy bài tham luận *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* của G. G. Mác-két đọc tại cuộc họp mặt của sáu nguyên thủ quốc gia có nhiều ý nghĩa thiết thực với mỗi chúng ta.

Vấn đề xây dựng vũ khí hạt nhân và nguy cơ bùng nổ chiến tranh đang là một vấn đề thời sự vô cùng cấp bách. Hiện nay, ở nhiều nước trên thế giới đang tập trung xây dựng nhiều nhà máy hạt nhân và mối nguy cơ chiến tranh hạt nhân có thể bùng nổ bất cứ lúc nào. Trong các cuộc chiến tranh trước kia, chúng ta biết rằng các đế quốc hùng mạnh vẫn sử dụng nhiều vũ khí hiện đại thì ngày nay khi khoa học công nghệ phát triển đến đỉnh cao và con người sáng tạo ra hạt nhân như một vũ khí tối tân nhất cũng phần nào thể hiện tài năng của loài người. Tuy nhiên, tài năng đó sẽ vô cùng nguy hiểm nếu đem phục vụ cho các cuộc chiến tranh phi nghĩa. Nó sẽ trở thành một việc làm vô nhân tính bởi sức tàn phá mà vũ khí hạt nhân có thể gây ra là vô cùng kinh hoàng mà có lẽ con người cũng chưa lường hết được.

Bài tham luận của Mác-két mở đầu bằng một viễn cảnh có thể xảy ra khi chiến tranh hạt nhân bùng nổ. Với những tài liệu thực

chứng về tình hình vũ khí hạt nhân hiện nay trên thế giới, Mác-két đã đưa ra một tính toán lý thuyết về sức tàn phá khủng khiếp của khối vũ khí hạt nhân hiện nay: "Có thể tiêu diệt tất cả các hành tinh đang xoay quanh mặt trời, cộng thêm bốn hành tinh nữa, và phá huỷ thế thăng bằng của hệ mặt trời". Cách vào đề như vậy có khả năng gây ấn tượng mạnh tới người nghe.

Một tình trạng thực tế đang xảy ra hiện nay, đó là cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân đã làm mất đi khả năng để con người được sống tốt đẹp hơn. Tác giả đưa ra một phép so sánh giúp chúng ta thấy rằng: việc chi phí khổng lồ cho cuộc chạy đua vũ trang đã làm mất đi khả năng cải thiện đời sống cho hàng tỉ người về nhiều lĩnh vực thiết yếu như xã hội, y tế, tiếp tế thực phẩm, giáo dục... Những tương quan đối lập kiểu như: "chỉ hai chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân là đủ tiền xoá nạn mù chữ cho toàn thế giới", hay "chỉ cần 27 tên lửa MX là đủ trả tiền nông cụ cần thiết cho các nước nghèo để họ có được thực phẩm trong bốn năm tới"... có thể khiến người nghe ngạc nhiên, bất ngờ trước những sự thật tưởng như phi lí.

Rõ ràng điều này đi ngược lại với lí trí của con người khi mà trái đất vẫn đang được coi là sự sống duy nhất trên vũ trụ. Chúng ta phát minh ra một công nghệ tiên tiến nhưng lại đang dùng nó để đào mồ chôn chính mình. Chúng ta đang thực hiện điều tưởng như nhân danh sự tiến bộ, văn minh nhưng thực chất lại đang khiến nhân loại ngày một đói nghèo và trơ lì tình cảm. Suy cho cùng việc chạy đua vũ khí hạt nhân đang phát triển rầm rộ giữa các nước là do tính ích kỉ, chỉ biết vụ lợi trước mắt của con người mà không lường đến hậu quả của nó.

Hơn nữa, chiến tranh hạt nhân không chỉ tiêu diệt loài người mà còn tiêu huỷ mọi sự sống trên trái đất. Vì vậy, nó đi ngược với "lí trí tự nhiên", tức đi ngược với quy luật của tự nhiên, lô-gic tất yếu của tự nhiên. Sự sống như ngày hôm nay trên trái đất có được là do cả một quá trình tiến hoá hết sức lâu dài: "Từ khi mới nhen nhúm sự sống trên trái đất, đã phải trải qua 380 triệu năm con bướm mới bay được, rồi 180 triệu năm nữa bông hồng mới nở, chỉ để làm đẹp mà thôi...". Vậy mà nếu chiến tranh hạt nhân xảy ra, nó có thể đưa sự tiến hoá của vũ trụ trở lại điểm xuất phát ban đầu. Điều này hoàn toàn phản tự nhiên, phản tiến hoá. Bằng một luận điểm và các luận

chứng vô cùng lôgic, đầy đủ cùng những dẫn chứng cụ thể, những số liệu xác thực, Mác-két đã gióng lên một tiếng chuông cảnh tỉnh với toàn thể nhân loại về mối nguy hiểm cấp bách đang tồn tại trong lòng xã hội hiện đại ngày nay.

Kết thúc bài tham luận của mình, ông đưa ra một thái độ tích cực cần có trong mỗi chúng ta. Nhìn nhận đúng thực trạng vấn đề không phải để có thái độ hoảng sợ hay hoài nghi, mất niềm tin vào con người. Nhà văn đã chỉ ra rằng "phải đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân cho một thế giới hoà bình". Trong xã hội hiện nay vẫn còn rất nhiều người thờ ơ trước nỗi đau của người khác. Dường như tâm lý "cha chung không ai khóc" đang thành một một tâm lý khá phổ biến của con người. Cũng có nhiều người bất lực và bi quan trước thực trạng xã hội và chọn con đường cam chịu, nhẫn nhục, "sống qua ngày"... Đó là mặt trái của xã hội. Nó lại càng khiến cho vấn nạn chiến tranh hạt nhân có cơ hội bùng nổ dễ dàng hơn. Mác-két một mặt nhìn thẳng vào sự thật, vào thực trạng xã hội nhưng mặt khác không ngừng động viên, khích lệ thái độ tích cực cần có trong mỗi con người trước hoàn cảnh. Theo ông, phải dũng cảm đứng lên, đoàn kết và một lòng quyết tâm chiến đấu thì mới có thể đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân cho nhân loại. Đó là thái độ cần có ở mỗi con người. Còn hành động thực tiễn thì tuỳ mỗi người, tuỳ hoàn cảnh mà tìm cho mình những việc làm thích hợp mà hiệu quả.

Có thể nói, bài viết "đấu tranh cho một thế giới hoà bình" của G.Mác-két đã đem lại cho mỗi chúng ta nhiều bài học cần thiết và phương hướng hành động tích cực. Ta học được ở đó bài học về tính nhân đạo, về tình thương yêu, sự đồng cảm và sẻ chia giữa những con người với nhau, cả bài học về mối quan hệ giữa tài năng và đạo đức... Thật đáng lên án những con người hiếu chiến, ích kỉ chỉ vì lợi ích ti tiện mà đẩy nhân loại vào thảm hoạ hạt nhân. Lịch sử loài người rõ ràng không phải là lịch sử của các cuộc chiến tranh mà là lịch sử của các cuộc đấu tranh vĩ đại của con người cho một thế giới hoà bình!

ĐỀ SỐ 3

Bằng hiểu biết của mình, em hãy viết bài giới thiệu về tác giả Nguyễn Dữ và giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo của *Chuyện người con gái Nam Xương*.

BÀI LÀM

Thế kỉ XVI, xã hội phong kiến Việt Nam lâm vào khủng hoảng trầm trọng, các tập đoàn phong kiến nổi lên tranh giành quyền bính gây nên cảnh loạn lạc ở khắp mọi nơi. Cũng như bao trí thức tiến bộ thời bấy giờ, Nguyễn Dữ chán ghét cảnh quan trường điên đảo nên về quê ở ẩn, song không lúc nào trái tim nhân ái đầy yêu thương của ông thôi trăn trở về cuộc sống buổi rối ren. Tất cả tâm sự của ông trước thời thế được ông gửi trọn vào tập truyện chữ Hán: *Truyền kì mạn lục* và được người đời nay yêu mến, nhắc tới nhiều nhất vẫn là câu chuyện: *Chuyện người con gái Nam Xương*. Tác phẩm ra đời đã lâu song vẫn ngời sáng giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc.

Nếu ai đặt chân tới đất Hải Dương thì nên ghé qua địa danh nổi tiếng Trường Tân, nay là huyện Thanh Miện bởi đây chính là nơi nhà văn Nguyễn Dữ (chưa rõ năm sinh, năm mất) đã sinh ra và lớn lên. Nguyễn Dữ, sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho có truyền thống khoa bảng. Cha ông là tiến sĩ Nguyễn Tường Phiên. Ông cũng từng theo học Tuyết Giang phu tử Nguyễn Bỉnh Khiêm, là bạn thân của Phùng Khắc Khoan. Sống vào những năm cuối thế kỉ XV, đầu thế kỉ XVI, đất nước gặp buổi loạn li với những cuộc nội chiến kéo dài, Nguyễn Dữ học rộng tài cao song chỉ làm quan được một năm thì lui về ở ẩn. Chẳng bước chân tới chốn kinh kì, thị thành song tâm hồn ông lúc nào cũng hướng ra cuộc sống, cảnh đời để mà thương cảm. Và vì vậy, những trang văn trong *Truyền kì mạn lục* dưới "cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời" vẫn luôn lấp lánh ánh sáng của tư tưởng thân dân sâu sắc.

Trước hết, tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* đã vẽ lại bức tranh thu nhỏ về hiện thực xã hội những năm cuối thế kỉ XV, đầu thế kỉ XVI đầy sinh động, rõ nét. Đó là một hiện thực đầy những ngang trái, bất công. Xã hội rối ren, biến động với những cuộc chiến tranh kéo dài liên miên, gây nên bao cảnh tan cửa nát nhà. Đời sống nhân dân cực khổ loạn li: bao nhiêu người mẹ phải từ biệt con, bao nhiêu người vợ phải tiễn chồng vào nơi binh đao đạn lửa, chiến đấu cho những cuộc chiến phi nghĩa.

Hơn nữa, xã hội phong kiến với chế độ nam quyền độc đoán, cùng những lễ giáo nghiệt ngã đã chà đạp lên phẩm hạnh con người, đặc biệt là người phụ nữ. Nhân vật Vũ Nương trong câu chuyện xinh đẹp là thế, đức hạnh là thế, đáng giá cả trăm lạng vàng là thế, vậy mà cũng lâm vào cảnh oan khiên, bị chồng là Trương Sinh nghi ngờ, ghen tuông bóng gió để rồi cuối cùng không còn con đường nào khác phải chọn cái chết để chứng minh cho sự trong sạch của mình.

Yêu thương, trân trọng người con gái Nam Xương, Nguyễn Dữ đã tìm cách giải oan cho nàng. Xã hội phong kiến mù quáng đổ tội cho nàng thì thần linh, những người thấu suốt mọi chuyện đã cứu vớt nàng. "Các nàng tiên trong cung nước thương tôi vô tội, rẽ một đường nước cho tôi thoát chết, nếu không đã vùi vào bụng cá, còn đâu mà gặp ông." Đó là lời tâm sự chân thành của Vũ Nương với người đồng hương là Phan Lang dưới chốn thủy cung bồng lai tiên cảnh. Sau này, trên đàn giải oan bên bến Hoàng Giang, Vũ Nương được quay trở lại trần gian trong chốc lát để cảm tạ tấm lòng của Trương Sinh song cũng là bày tỏ bi kịch cuộc đời mình: "Đa tạ tình chàng. Thiếp chẳng thể về nhân gian được nữa", rồi bóng nàng loang loáng, mờ dần rồi biến mất." Lời nhắn nhủ cuối cùng của nàng với Trương Sinh ấy hay cũng chính là Vũ Nương thay lời Nguyễn Dữ tố cáo xã hội phong kiến tàn nhẫn, nghiệt ngã, bất công đã dồn đẩy người phụ nữ đến bước đường cùng không lối thoát. Những con người như Vũ Nương, những con người mang một vẻ đẹp hoàn mĩ lẽ ra phải được hưởng hạnh phúc trọn vẹn thì lại không có chốn dung thân trên dương thế. Đáng thương thay!

Không chỉ thành công ở giá trị hiện thực, *Chuyện người con gái Nam Xương* còn thấm nhuần tư tưởng nhân đạo sâu sắc. Tác phẩm là tiếng nói cảm thương chân thành cho những người phụ nữ - thân phận nhỏ bé, mong manh, luôn bị xã hội phong kiến đày đọa, vùi dập. Câu chuyện như

tiếng đồng vọng của Nguyễn Dữ, yêu thương nhân vật của mình hết mực nên ông đã xây dựng một loạt các chi tiết kì ảo, hoang đường để tạo nên một kết thúc có hậu. Vũ Nương trở nên bất tử.

Thiên truyện đồng thời cũng là nơi tôn vinh biết bao phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ. Ngay từ những dòng văn đầu tiên, Nguyễn Dữ với tấm lòng nhân đạo cao cả đã vẽ lên trước mắt ta một Vũ Nương "tính đã thùy mị nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp". Tới khi làm vợ Trương Sinh, nàng đã làm tròn bổn phận của một người vợ, một người con dâu đức hạnh. Khi chồng đi lính nàng một lòng thủy chung, son sắt. Bao gánh nặng gia đình đều dồn hết lên đôi vai nhỏ bé của nàng song chẳng bao giờ ta thấy người phụ nữ ấy có chút than phiền, kêu ca. Với bé Đản, thương con sinh ra đã thiếu tình thương của cha nên lúc nào Vũ Nương cũng yêu chiều, chăm chút con hết mực. Đối với mẹ chồng, nàng là một người con dâu hiền thảo. Khi mẹ ốm đau, nàng đã hết lòng thuốc thang, chăm sóc. Khi mẹ qua đời, nàng lại lo liệu ma chay chu đáo như con đẻ. Ân tình của Vũ Nương đối với gia đình chồng như thế có thể nói là trọn tình trọn nghĩa. Nàng xứng đáng là biểu tượng cho hình ảnh người phụ nữ Việt Nam truyền thống với vẻ đẹp tuyệt vời đáng được tôn vinh.

Sáng tạo nên phần hậu thân của Vũ Nương, Nguyễn Dữ đã góp phần hoàn thiện thêm vẻ đẹp của nàng đồng thời gửi gắm trong đó ước mơ ngàn đời của nhân dân ta. Hình ảnh Vũ Nương xuất hiện rực rỡ, lộng lẫy ở cuối thiên truyện ẩn chứa một niềm tin, hi vọng mãnh liệt vào cuộc sống hạnh phúc của người phụ nữ. Niềm tin, hi vọng ấy dù chỉ mong manh như một ảo ảnh nhưng cũng đủ để thắp sáng thiên truyện, khiến lòng người thấy ấm áp hơn.

Với việc chọn đề tài là người phụ nữ, Nguyễn Dữ đã mở đầu cho chủ nghĩa nhân đạo của nền văn học trung đại Việt Nam. Sự xuất hiện của Vũ Nương chính là báo hiệu cho những nàng chinh phụ, những Thúy Kiều,... sau này. Chỉ như vậy cũng đủ thấy được giá trị của tác phẩm lớn lao và sâu sắc đến nhường nào.

Qua bức tranh hiện thực phản ánh trong *Chuyện người con gái Nam Xương* và tấm lòng nhân đạo bao la của Nguyễn Dữ, tác giả không chỉ mang đến cho nhân loại một kiệt tác mà còn dạy cho ta một bài học về cách xây đắp, giữ gìn hạnh phúc gia đình: yêu thương, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau.

ĐỀ SỐ 4

Phân tích bức tranh hiện thực của đất nước ta vào thời vua Lê - chúa Trịnh cuối thế kỉ XVIII qua đoạn trích *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* (Vũ Trung tuỳ bút) của Phạm Đình Hổ.

BÀI LÀM

Nước Đại Việt đã trải qua hơn 500 năm thống nhất với một nhà nước phong kiến trung ương tập quyền ngày càng được củng cố. Nhưng đến đầu thế kỉ XVI, nhà Lê bắt đầu mục nát và cuối cùng bị Mạc Đăng Dung lên chiếm ngôi vào năm 1527. Cũng từ đây, Đại Việt tuy không rơi vào tình cảnh bị giặc ngoại xâm đe doạ nhưng tình trạng nội chiến cát cứ giữa các tập đoàn phong kiến trong nước lại xảy ra liên miên. Đặc biệt trong những năm 1592 đến 1786 dưới thời Lê - Trịnh, nước Đại Việt ta tồn tại dưới chính quyền vua Lê - chúa Trịnh ở đàng ngoài. Đây là thời kì nhà Lê Trung Hưng trị vì nhưng thực chất mọi quyền lực lại nằm trong tay chúa Trịnh. Nhân dân điêu đứng trước sự ăn chơi xa xỉ và hoang dâm vô độ của chúa. *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* (trích Vũ Trung tuỳ bút) của Phạm Đình Hổ là áng tuỳ bút đặc sắc đã tái hiện lại chân thực bức tranh hiện thực của đất nước ta thời kì này.

Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh ghi chép về cuộc sống ở phủ chúa thời Thịnh Vương Trịnh Sâm (1742 - 1782). Trịnh Sâm ngay từ nhỏ đã thể hiện là người "có đủ tài văn võ, đã xem khắp kinh sử và biết làm thơ" nhưng sau khi đã dẹp yên được các phe phái chống đối, lập lại kỉ cương thì dần trở nên "kiêu mãn, cho mình có công lớn, bốn cõi yên ổn hơn mọi đời chúa trước" và "có phần thoả mãn với công trạng đạt được". Từ đó, chúa sống xa hoa, hưởng thụ. Với lối kể chân thực, khách quan cùng cách lựa chọn nhiều chi tiết chọn lọc, đắt giá, thói ăn chơi xa xỉ, xa hoa của vua chúa và sự những nhiễu của bọn

quan lại thời Lê - Trịnh đã được Phạm Đình Hổ miêu tả rất cụ thể, sinh động trong đoạn trích.

Xã hội ta về hình thức là họ Lê làm vua chính thống nhưng trên thực tế thì họ Trịnh còn quyền hơn cả vua, cũng có phủ điện, bộ máy quan lại riêng. Đây lại là những năm tháng hoàng kim, "vô sự" của Thịnh Vương Trịnh Sâm nên chúa mặc sức ăn chơi, hưởng thụ.

Đầu tiên, để thỏa mãn ý thích "chơi đèn đuốc" chúa cho xây dựng rất nhiều cung điện, đền đài ở khắp mọi nơi. Công việc này, "cứ liên miên" vừa hao tiền, tốn của lại tốn sức của dân mà vẫn chưa vừa lòng chúa. Nói đến sự xa hoa của chúa Trịnh, thầy thuốc Lê Hữu Trác trong một lần được chúa mời vào chạy chữa cho thái tử Trịnh Cán đã không khỏi ngạc nhiên, rợn ngợp bởi sự xa hoa, tráng lệ nơi phủ chúa như cung điện của bậc đế vương. Trước những điều mắt thấy tai nghe, ông cảm tác mà viết "*Thượng kinh kí sự*" trong đó có đoạn trích "*Vào phủ chúa Trịnh*" tả rằng: "Quang cảnh ở phủ chúa cực kì xa hoa tráng lệ, không ở đâu sánh bằng. Khi vào phủ phải qua nhiều lần cửa với những hành lang quanh co, nối tiếp nhau, ở mỗi cửa đều có vệ sĩ canh gác. Khuôn viên phủ chúa rộng, có trạm dừng chân được thiết kế thật kiểu cách, với cảnh trí thiên nhiên kì lạ. Trong vườn chim kêu ríu rít, danh hoa đua thắm, gió đưa thoang thoảng mùi hương. Bên trong là những đại đường, gác tía với kiệu son, võng điều. Đồ dùng của chúa được sơn son thếp vàng, đồ dùng để tiếp khách ăn uống cũng đều là mâm vàng, chén bạc, của ngon vật lạ... Đến nội cung của thế tử cũng phải qua sáu lần trướng gấm. Nơi ở của thế tử rất sang trọng, có sập thếp vàng, ghế rồng bày nệm ấm, xung quanh lấp lánh, hương hoa ngào ngạt...".

Chúa lại thường hay ngự giá bên ngoài kinh thành. Đây không phải là những chuyến vi hành để xem thực trạng đời sống dân chúng bên ngoài mà để thoả mãn thêm một sở thích xa hoa ích kỉ của mình: thăm thú cảnh đẹp và bày nhiều trò chơi tốn kém. Chúa cho xây dựng nhiều li cung và thường ngự ở các li cung trên Tây Hồ, núi Tử Trầm, núi Dũng Thuý. Những cuộc dạo chơi của chúa ở Tây Hồ được miêu tả tỉ mỉ: "Mỗi tháng ba bốn lần, Vương ra cung Thuỵ Liên trên bờ Tây Hồ, binh lính dàn hầu vòng quanh bốn mặt hồ, các nội thần thì đều bịt khăn, mặc áo đàn bà, bày bách hoá chung quanh bờ hồ để bán. Thuyền ngự đi đến đâu thì các quan hỗ tụng đại thần tuỳ ý ghé

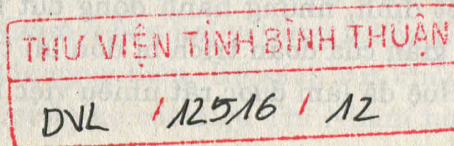
vào bờ mua bán các thứ như ở cửa hàng trong chợ. Cũng có lúc cho bọn nhạc công ngồi trên gác chuông chùa Trấn Quốc, hay dưới bóng cây bến đá nào đó, hoà vài khúc nhạc". Chỉ bằng vài chi tiết chọn lọc đắt giá, Phạm Đình Hổ đã tái hiện lại một cuộc ăn chơi tốn kém và lố lăng của vị chúa tiếm quyền Trịnh Sâm.

Cùng với sự ăn chơi hưởng lạc của Chúa là biết bao công sức, mồ hôi của nhân dân phải đổ xuống. Nhưng nỗi khốn khổ của người dân thời chúa Trịnh còn thêm điêu đứng hơn với sở thích sưu tầm "những loài trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở chốn dân gian" của chúa. Nhà dân nào có những đồ quí đó thì chúa ra "sức thu lấy, không thiếu một thứ gì" để trang trí cho nơi ở của mình. Tác giả thuật lại tỉ mỉ sự kiện chúa cho người khiêng về "cả cây đa to, cành lá rườm rà, từ bến bắc chở qua sông đem về. Nó giống như một cây cổ thụ mọc trên đầu non hốc đá, rễ dài đến vài trượng, phải một cơ binh mới khiêng nổi, lại bốn người đi kèm, đều cầm gươm, đánh thanh la đốc thúc quân lính khiêng cho đều tay". Hoá ra để có được những vật cảnh quý báu trang trí trong phủ chúa thì biết bao nhiêu người dân đã bị ăn cướp một cách trắng trợn.

"Thượng biến, hạ tắc loạn" - trên biến thì dưới tất loạn. Thịnh Vương Trịnh Sâm vốn là một người ưa nịnh nọt. Bọn quan lại biết vậy ra sức tổ chức nhiều cuộc ăn chơi tốn kém hòng mua vui cho chúa. Mặt khác chúng ỷ thế nhà chúa ra sức hoành hành, những nhiễu dân chúng. Thủ đoạn của chúng là lấy cớ "phụng thủ" (dâng cho vua chúa) mà ra sức săn lùng vật quí trong dân để trấn lột. Tác oai tác quái hơn, chúng còn bày trò mờ ám: đợi đêm đến sai lính lấy cắp đồ quí đem giấu để doạ lấy tiền của dân. Dân bị cướp của giờ lại mất tiền có khi còn phải tự tay phá huỷ những thứ mình đã chăm sóc để tránh tai vạ. "Các nhà giàu bị họ vu cho là giấu vật cung phụng, thường phải bỏ của ra kêu van chí chết, có khi phải đập bỏ núi non bộ, hoặc phá bỏ cây cảnh để tránh khỏi tai vạ". Sự những nhiễu của bọn quan lại vừa làm đầy túi tham riêng cho chúng vừa mang thêm tiếng mẫn cán trong việc công. Chỉ có dân chúng là hết sức lao đao, khốn khổ. Vẫn bằng lối kể chân thực, tác giả kể lại một sự việc đã từng xảy ra ngay tại gia đình mình: bà mẹ tác giả đã phải sai người chặt đi một cây lê "cao vài mươi trượng" và hai cây lựu trắng, lựu đỏ cũng vì lí do này. Câu chuyện của chính gia đình tác giả đã tăng thêm tính thuyết

phục cho sự tác oai tác quái của bọn quan quân dưới quyền chúa Trịnh và qua đó tính chất phê phán tố cáo cũng được bộc lộ sắc nét hơn.

Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh gợi lên bức tranh chân thực về đời sống xa hoa, bóng bẩy của vị chúa tiếm quyền Trịnh Sâm và bọn quan lại nịnh nọt, đê tiện. Đồng thời đoạn trích cũng cho ta thấy một bức tranh đối lập về cuộc sống khổ cực, lao đao điêu đứng của người dân dưới thời kì vua Lê - chúa Trịnh. Phạm Đình Hổ tưởng như rất trung thực với cách kể khách quan của thể loại tuỳ bút nhưng cũng có lúc ông phải thốt lên nỗi niềm: "Mỗi khi đêm thanh cảnh vắng, tiếng chim kêu, vượn hót ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn ào như trận mưa sa gió táp, vỡ tổ tan đàn, kẻ thức giả biết đó là triệu bất tường". Quang cảnh tưởng chừng như yên bình "vô sự" nhưng âm thanh lại gợi lên sự tan tác, suy vong. Đó là một điềm gở, điềm chẳng lành. Như vậy mượn cảnh bất thường trong phủ chúa, tác giả đã trực tiếp bày tỏ thái độ chủ quan của mình đồng thời cũng như một lời tiên đoán cho sự suy vong tất yếu của một triều đại Lê - Trịnh đang trên đà mục ruỗng, thối nát.



ĐỀ SỐ 5

Phân tích hình tượng người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua đoạn trích *Hoàng Lê nhất thống chí* (Hồi thứ mười bốn) của Ngô gia văn phái.

BÀI LÀM

Một trong những đặc trưng của văn học thời trung đại là văn sử bất phân. Đặc trưng này dẫn đến nhiều tác phẩm văn học trung đại vừa có giá trị lịch sử vừa có giá trị văn học cao. *Hoàng Lê nhất thống chí* là một trong những tác phẩm như thế. Đó là một cuốn tiểu thuyết lịch sử do anh em dòng họ Ngô Thì viết. Tác phẩm ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê. Đồng thời, bằng quan điểm lịch sử đúng đắn và niềm tự hào dân tộc, tác phẩm còn tái hiện chân thực hình tượng người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh được nói đến trong hồi thứ mười bốn của cuốn tiểu thuyết này.

Trước hết, hình tượng Quang Trung - Nguyễn Huệ hiện lên trong đoạn trích là một con người mạnh mẽ và quyết đoán. Câu chuyện mở ra bằng một tình thế khẩn cấp: giặc Thanh đã đánh đến tận Thăng Long chiếm cả một vùng rộng lớn. Trước tình huống khó khăn, trái với hành động hèn yếu ích kỉ của vua Lê Chiêu Thống khi đầu hàng giặc nhằm giữ lại ngôi vị đế vương bù nhìn cho mình, người anh hùng Nguyễn Huệ lúc này là Bắc Bình Vương tỏ ra không hề nao núng, "liền họp ngay các tướng sĩ, định thân chinh cầm quân đi ngay". Đây là một nhân vật hành động, ta có thể thấy từ đầu đến cuối đoạn trích hình ảnh vị anh hùng áo vải Nguyễn Huệ hiện lên gắn liền với một loạt những quyết định, những hành động dứt khoát, nhanh gọn và quả quyết. Thời gian của đoạn trích bị dồn lại trong vòng một tháng nhưng Nguyễn Huệ đã làm được rất nhiều việc lớn: "tế cáo trời đất...

lên ngôi hoàng đế", "đốc suất đại binh" ra Bắc, định kế hoạch đánh giặc và cả kế hoạch đối phó với nhà Thanh sau chiến thắng...

Chân dung Nguyễn Huệ còn hiện lên là một người có trí tuệ sáng suốt và nhạy bén. Người biết nghe lời khuyên hợp lý của các tướng sĩ, trước khi cầm quân đi đánh giặc đã đắp đàn lên ngôi hoàng đế với mục đích thống nhất nội bộ và "để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người".

Sự sắc bén của trí tuệ thể hiện rõ nhất qua lời dụ quân lính ở Nghệ An trước khi người lên đường. Vua Quang Trung đã có một bài dụ hết sức thuyết phục kêu gọi quân lính "đồng tâm hiệp lực" trong cuộc chiến đấu chính nghĩa của dân tộc. Đầu tiên ông khẳng định "đất nào sao ấy", điều này đã được trời phân định sẵn. Qua đó ông vạch trần dã tâm, mưu đồ "lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện" của người Thanh là một việc làm phi nghĩa. Ông kêu gọi quân sĩ phải "có lương tri, lương năng", biết phân biệt phải trái để cùng nhau lập công lớn. Để khích lệ tinh thần chiến đấu cho các tướng sĩ, vua Quang Trung viện dẫn ra một loạt những tấm gương anh dũng của dân tộc ta từ ngàn xưa như: Trưng Nữ Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành... Việc lấy những tấm gương của dân tộc chứ không phải những tấm gương trong sách vở kinh viện nhà Hán đã làm cho lời dẫn dụ của Nguyễn Huệ tăng thêm tính thực tiễn và tính thuyết phục cao đối với quân lính. Cái tài của một vị chỉ huy không dừng lại ở việc khiến cho quân của mình khâm phục mà còn biết kính sợ, Quang Trung đã kết thúc bài dụ bằng một lời răn đe nghiêm khắc: "Chớ có quen thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như sự việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!".

Vua Quang Trung đã thể hiện sự anh minh của mình cả trong việc xét đoán và dùng bề tôi. Khi hai tướng Sở và Lân rút khỏi Thăng Long về Tam Điệp gặp vua xin chịu tội, Quang Trung bằng cái nhìn thấu đáo và sáng suốt đã chỉ ra hành động đó không phải là một sự hèn nhát trái lại còn là một kế sách hay phù hợp với tình hình của quân mình.

Quang Trung - Nguyễn Huệ rất tin dùng Ngô Thì Nhậm. Ông tin tưởng để Ngô Thì Nhậm ở bên hai vị dũng tướng Lân, Sở cũng là để phụ giúp, ứng phó lúc nguy biến. Kế sách rút khỏi thành Thăng Long ông cũng đoán được là kế của Ngô Thì Nhậm hòng "bên trong

thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng" mất chủ quan.

Hiểu và biết dùng người, Quang Trung còn là người có tầm "nhìn xa trông rộng". Tình thế mở đầu đang nghiêng về phía giặc, bất lợi cho ta. Quân Thanh thì hùng mạnh. Vua tôi Lê Chiêu Thống thì hèn nhát. Thành Thăng Long đã bị quân giặc chiếm đóng. Vậy mà Quang Trung nói chắc chắn "phương lược tiến đánh đã có tính sẵn" và quả quyết "chẳng qua mươi ngày sẽ đuổi được người Thanh". Nhìn trước được thắng lợi tất yếu trong trận đánh sắp tới, Quang Trung còn suy xét sâu xa nền thái bình yên ổn muôn đời cho dân chúng. Ông biết giặc thua sẽ ấm ức đợi thời cơ phục thù, theo đó việc binh đao không biết bao giờ mới chấm dứt. Ông tin tưởng rằng chỉ có tài ăn nói khéo léo của Ngô Thì Nhậm mới "dẹp tắt" việc binh đao để "mười năm nữa cho ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh, thì ta còn sợ gì chúng?".

Hồi thứ mười bốn của truyện tập trung vào trận đánh mười hai ngày đêm đầy uy vũ của đội quân do vị vua tài ba thao lược chỉ huy. Cuộc hành quân thần tốc từ 25 tháng Chạp ở Phú Xuân, sau một tuần nghĩa quân đã ra đến Tam Điệp. Đêm 30 tháng Chạp, nghĩa quân lại lập tức lên đường, tiến ra Thăng Long. Cuộc hành quân liên tục nhưng dưới tài chỉ huy của Quang Trung, không ai rệu rã mà lúc nào cũng chỉnh tề, sẵn sàng giao chiến với địch.

Quang Trung là một vị tướng tài giỏi trong hoạch định chiến lược tiến đánh và tổ chức quân sĩ. Ông đã bày binh bố trận như thần, từ việc cho quân lính lặng lẽ vây làng Hà Hồi, bắc loa cho quân "luân phiên nhau dạ ran hưởng ứng" khiến quân giặc "ai nấy rụng rời sợ hãi, liền xin hàng" đến "cưỡi voi đốc thúc tiến sát đồn Ngọc Hồi" dàn quân theo hình chữ nhất nhất tề xông tới, lại "mở cờ gióng trống bày nghi binh" ở phía đông bờ đê Yên Duyên lùa quân địch chạy sang đường Vịnh Kiều rồi trốn xuống Đầm Mực, rốt cuộc bị quân ta "lùa voi cho giày đạp, chết đến hàng vạn người". Chính sự lãnh đạo tài tình của Quang Trung - Nguyễn Huệ đã khiến cho đội quân của ông dù không nhiều lính thiện chiến, không trang bị hiện đại tối tân mà vẫn có những trận đánh và những chiến công oanh liệt. Hình ảnh người anh hùng áo vải hiện lên giữa làn khói chiến tranh thật oai hùng, lẫm liệt khiến cho quân giặc phải khiếp vía mà thốt lên: "Tướng ở trên trời rơi xuống, quân chui dưới đất lên". Hình ảnh vị anh hùng Nguyễn Huệ càng nổi bật hơn khi đặt cạnh những hình ảnh đối lập: vua Lê "cuống quýt", bề tôi Tôn Sĩ Nghị "sợ mất mật" và quân giặc thì "bỏ chạy toán loạn". Đã rất nhiều trang sử ghi lại phút huy hoàng của vị tổng chỉ huy này và *"Hoàng Lê nhất thống chí"* góp phần cho hình tượng người anh hùng thêm tỏa sáng.

Chỉ một đoạn trích ngắn với nhiều sự kiện diễn ra gấp gáp, nhiều hành động khẩn trương trong thời gian như nén lại, hình tượng Nguyễn Huệ hiện lên với đầy đủ phẩm chất và nhân cách của một vị anh hùng: quả cảm, sáng suốt, có tài dụng binh và tổ chức chiến thuật. Đó chính là yếu tố quyết định dẫn đến chiến thắng oanh liệt của dân tộc ta trước kẻ thù lớn mạnh. Chiến thắng này đặt một dấu ấn vàng son cho lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta vốn đã rất lẫy lừng. Nguyễn Huệ là linh hồn bất tử cho chiến công bất tử đó. Ngô gia văn phái vốn là những cựu thần chịu ơn sâu nặng của nhà Lê nhưng với cái nhìn đầy khách quan, trung thành với lịch sử dân tộc đã đem đến cho bạn đọc những trang văn thật đẹp về vị anh hùng áo vải Nguyễn Huệ để các thế hệ bạn đọc thưởng thức.

ĐỀ SỐ 6

Nêu những nét chính trong tiểu sử có ảnh hưởng tới sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

GỢI Ý

- Nguyễn Du (1765 - 1820), tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

- Những yếu tố ảnh hưởng tới sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du:

+ Quê hương: Nguyễn Du may mắn được tiếp nhận truyền thống văn hóa của nhiều vùng quê khác nhau (cha quê Hà Tĩnh, mẹ quê Bắc Ninh, vợ quê Thái Bình). Đây là một tiền đề thuận lợi cho sự tổng hợp nghệ thuật của đại thi hào dân tộc.

+ Gia đình: Nguyễn Du xuất thân trong một dòng họ danh giá lúc bấy giờ (thân phụ ông đã có lúc giữ chức Tể tướng trong triều đình Lê - Trịnh, anh cùng cha khác mẹ với ông từng làm quan tới chức Tham tụng), bởi thế ông có điều kiện tốt để dùi mài kinh sử, được giáo dục một cách nề nếp, quy củ. Đặc biệt, dòng họ Nguyễn ở Tiên Điền lại nổi tiếng về truyền thống văn học. Đây chính là một cơ sở quan trọng để trang bị cho Nguyễn Du kiến thức sâu rộng về văn chương.

+ Thời đại: Nguyễn Du là nhân chứng của một thời đại xã hội đầy biến động: nội chiến kéo dài, khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ, sự sụp đổ thảm hại của triều đình Lê - Trịnh, vận mệnh rạng rỡ nhưng ngắn ngủi của triều đình Tây Sơn... Chính thời đại này đã tác động không ít tới tư tưởng của Nguyễn Du trong các tác phẩm của mình.

+ Vốn sống vô cùng phong phú: Thời thơ ấu và niên thiếu, Nguyễn Du sống tại Thăng Long trong một gia đình phong kiến quyền quý. Nhờ vậy, hơn ai hết ông hiểu sâu sắc về cuộc sống phong lưu, xa hoa của giới quý tộc phong kiến - những điều đó đã để lại dấu ấn trong sáng tác văn học của ông sau này. Sự xuất hiện khá đậm

nét của những ca nhi, kĩ nữ với tiếng đàn, giọng hát và thân phận đau khổ trong sáng tác của Nguyễn Du rất có thể là sự ám ảnh từ những gì ông chứng kiến trong gia đình người anh Nguyễn Khản mà ông từng sống cùng khi cha mẹ ông mất. Thêm vào đó, do biến cố lịch sử, Nguyễn Du đã phải trải qua hơn chục năm lưu lạc, sống một cuộc sống hết sức khó khăn chật vật ở các vùng quê khác nhau. Đây chính là dịp Nguyễn Du có cơ hội học hỏi, nắm vững ngôn ngữ nghệ thuật dân gian và mở rộng tầm mắt ra mọi cảnh đời. Sau năm 1802, ông lại ra làm quan cho nhà Nguyễn và được cử đi sứ. Chuyến đi sứ không những đã để lại dấu ấn sâu đậm trong những sáng tác của đại thi hào mà còn nâng tầm khái quát của những tư tưởng về xã hội và thân phận con người của ông. Như vậy, có thể thấy rằng, chính những trải nghiệm trong môi trường quý tộc và cuộc sống thực tế phong phú đã thôi thúc ông suy ngẫm nhiều về xã hội, về thân phận con người, tạo tiền đề quan trọng cho sự hình thành tài năng và bản lĩnh sáng tác văn chương.

ĐỀ SỐ 7

Phân tích đoạn trích *Chị em Thúy Kiều* (Truyện Kiều - Nguyễn Du) để thấy được vẻ đẹp "mười phân vẹn mười" của hai chị em Thúy Kiều.

BÀI LÀM

Vẻ đẹp của người phụ nữ là nguồn cảm hứng muôn thuở của văn học nghệ thuật nói chung, thơ ca nói riêng. Nhưng với mỗi một thời kì lịch sử, thước đo vẻ đẹp người phụ nữ lại thay đổi. Nếu trong những bài ca dao, dân ca trữ tình mượt mà, hình ảnh người phụ nữ nông thôn Việt Nam hiện lên thật khoẻ khoắn tươi vui thì sang đến thơ ca trung đại vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam lại hiện ra rất qui phạm với những ước lệ, tượng trưng chuẩn mực. Một trong những vẻ đẹp được ưa chuộng nhất của thơ ca trung đại là vẻ đẹp sang trọng cao quí của các thiếu nữ khuê các. Vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du phỏng theo truyện *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân Trung Quốc là một minh chứng.

Trước khi miêu tả vẻ đẹp riêng của hai chị em Thuý Kiều, nhà thơ đưa ra một lời nhận xét ngắn gọn mà khái quát vẻ đẹp chung của cả hai người con gái:

Mai cốt cách tuyết tinh thần,
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.

Trong hai câu thơ này Nguyễn Du lấy hai hình ảnh ước lệ tượng trưng là cây mai và tuyết để gợi tả vẻ đẹp vừa thanh cao, sang trọng lại vừa ngây thơ, trong sáng của hai cô thiếu nữ khuê các đang đến tuổi cập kê. Vẻ đẹp toàn bích "mười phân vẹn mười" của hai chị em Thuý Kiều tiếp tục được hoạ lên sau đó, trước hết là cô em Thuý Vân:

Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.
Hoa cười ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.

Cách tả của Nguyễn Du luôn đi từ khái quát đến chi tiết. Mở đầu bằng nét bút khái quát, nhà thơ đã cho bạn đọc một ấn tượng về nàng Vân "trang trọng khác vời". Đó là một vẻ đẹp cao sang, quý phái không phải ai cũng có được. Vẻ đẹp trang trọng đầy đặn của Vân được so sánh với những hình ảnh như hoa, trăng, mây, tuyết, ngọc... Chỉ ba câu thơ thôi nhưng tác giả đã phác lên những nét vẽ rất cụ thể về Thuý Vân: từ khuôn mặt đầy đặn như mặt trăng, lông mày sắc nét như con ngài, khoé miệng cười tươi tắn như hoa, giọng nói trong trẻo như ngọc, mái tóc mây tơ bồng bềnh và làn da trắng mịn như tuyết. Lấy thiên nhiên làm thước đo cho vẻ đẹp của con người vốn là một thủ pháp quen thuộc của thơ văn trung đại. Nguyễn Du đã tiếp nối truyền thống đồng thời gửi gắm vào đó cái nhìn độc đáo của mình. Bút pháp khắc hoạ của thi hào luôn gắn liền với điểm dự cảm. Chân dung con người nhất là chân dung hai chị em Thúy Kiều là chân dung mang tính cách, số phận. Ở đây, vẻ đẹp "trang trọng", "đầy đặn" của Thúy Vân tạo nên một sự hài hoà cân đối ngầm dự báo một cuộc đời êm đềm, bình lặng và trôi chảy.

Đến bức chân dung thứ hai về nàng Kiều, Nguyễn Du dành nhiều nét bút hơn. Ở nhân vật này lời nhận xét khái quát của tác giả cũng mở màn bằng hai câu thơ:

Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn:

Một bên là cô em cao quý, hồn hậu, một bên là cô chị "sắc sảo mặn mà". Thuý Kiều là người con gái "sắc sảo" về hình thức, "mặn mà" về tâm hồn. Nguyễn Du để Thúy Vân xuất hiện trước với vẻ đẹp đáng mơ ước của biết bao thiếu nữ thì ngay sau đó vẻ đẹp ấy bỗng chốc thành một tấm phông nền để Thuý Kiều rực rỡ bước ra, người đọc bị choáng ngợp trước một tuyệt thế giai nhân. Sắc đẹp lộng lẫy của nàng Kiều tiếp tục được miêu tả:

Làn thu thuỷ nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.

Không đặc tả chi tiết như Thúy Vân, Nguyễn Du chỉ dùng một nét bút chấm phá về đôi mắt Thúy Kiều như muốn thâu tóm và thể hiện cái hồn của bức tranh chân dung trác tuyệt này. Đôi mắt của nàng Kiều trong trẻo mà có độ sâu của làn nước mùa thu, trên đôi mắt ấy là đôi lông mày thanh tú như núi mùa xuân. Cách dùng hình

ảnh ước lệ tượng trưng vốn là một đặc trưng bút pháp của thơ ca cổ mà ở đây Nguyễn Du đã đạt đến độ điêu luyện.

Không miêu tả liệt kê, tỉ mỉ về ngoại hình như Thúy Vân, vẻ đẹp của Thuý Kiều có sức gợi cao hơn qua hình ảnh miêu tả tập trung về "cửa sổ tâm hồn", vẻ đẹp ấy dễ khiến xao động lòng người, tạo ra một sự chú ý đến kì lạ. Ở vẻ đẹp này cái gì cũng được đẩy đến mức tuyệt đỉnh. Nhưng phải chăng sự tuyệt đỉnh này là một điềm gở, bởi trong dân gian ta thường nghe người ta răn rằng:

Một vừa hai phải ai ơi!
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen

Quả vậy, Thúy Vân đẹp như những gì đẹp nhất của thiên nhiên vẻ đẹp ấy được thiên nhiên thừa nhận thì đến Thuý Kiều thiên nhiên thấy mình bị lép vế, bị lấn át, sinh ra lòng "ghen ghét đố kị". Còn hơn thế, vẻ đẹp ấy đi đến đâu thì "nước nghiêng thành đổ" đến đấy:

Một hai nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành đòi một tài đành hoạ hai

Điển cố "nghiêng nước nghiêng thành" gợi cho bạn đọc liên tưởng đến hình ảnh một tuyệt thế giai nhân khác bên Trung Quốc: Tây Thi, người con gái đẹp đã khiến cho vị vua nước Việt (một triều đại của Trung Quốc) say mê dẫn đến nước mất nhà tan. Gợi nhớ như thế để bạn đọc thêm sững sờ trước nét vẽ tài hoa của tác giả, không tả nhiều, không hoạ nhiều mà cái đẹp vẫn hiện lên lộng lẫy và kiêu sa đến mê mẩn lòng người. Vẻ đẹp ấy đúng là có một không hai trên đời.

Dành phần ưu ái cho nhân vật chính của mình, tác giả không dừng lại ở việc miêu tả hình thức bên ngoài mà còn dành nhiều câu thơ hơn miêu tả tài năng của người con gái đẹp này:

Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm.
Cung thương lầu bậc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
Khúc nhà tay lựa nên chương,
Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân.

Kiều là người con gái tài sắc vẹn toàn, thậm chí còn đạt đến độ tuyệt đỉnh. Nàng thông minh thiên phú nên cầm, kì, thi, hoạ nghề gì cũng giỏi, giỏi đến mức điêu luyện, "ăn đứt" cả người trong nghề. Kiều đặc biệt giỏi đàn, thành thạo âm luật, lại còn có thể tự sáng tác được.

Khúc ca "Bạc mệnh" do chính nàng viết và tấu lên đã chạm được vào trái tim của người nghe khiến không ai không rơi lệ. Có thể nói sắc đẹp của Kiều làm đắm say lòng người bao nhiêu thì tài đàn của Kiều có thể làm người ta thổn thức, não nùng bấy nhiêu.

Vậy là đến đây bức chân dung nàng Kiều mới thật sự hoàn chỉnh. Cũng giống như khi miêu tả Thuý Vân, chân dung Thuý Kiều hiện lên không chỉ có vẻ bề ngoài tài sắc mà còn ngầm ẩn trong đó nhiều dự đoán. Đó là kiểu chân dung mang tính cách và số phận. Nét đẹp thuần hậu, trang trọng của người em, vẻ đẹp mà thiên nhiên chấp nhận, chịu nhường ngầm báo một cuộc đời bình ổn, êm đềm. Ngược lại, vẻ đẹp của Thuý Kiều quá lộng lẫy và có sức hút nguy hiểm. Nó khiến tạo hoá cũng phải ganh tị, ghen ghét. Ấy là dự báo cho một cuộc đời sẽ gặp nhiều phong ba bão táp, sẽ nhiều nước mắt, buồn thương như cái bản nhạc "Bạc mệnh" nàng sáng tác. Thuý Kiều chính là nhân vật trung tâm cho chủ đề xuyên suốt trong toàn bộ tác phẩm. Dân gian thường nói "hồng nhan bạc mệnh", Nguyễn Du đẩy nó lên một bậc với thuyết "tài mệnh tương đố". Ông có cái nhìn đầy nhân đạo trước người tài sắc mà lại phải chịu một cuộc đời đầy bể dâu, một số phận nhiều nghiệt ngã để qua đó tiếng nói tố cáo xã hội thêm sâu sắc.

Bốn câu cuối là lời nhận xét chung về cuộc sống hai chị em Thuý Kiều:

Phong lưu rất mực hồng quần,
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê.
Êm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.

Đó là hai người con gái của một gia đình trung lưu, đức hạnh, đúng khuôn phép của lễ giáo phong kiến. Họ đều đến độ tuổi đẹp nhất, thời kì xuân sắc nhất của người con gái nhưng vẫn êm đềm trong khuê phòng của mình, mặc cho "ong bướm" bên ngoài đi về. Một cuộc sống thật êm đềm, khuôn phép, đức hạnh đúng kiểu gia đình lễ giáo phong kiến xưa kia.

Dùng các biện pháp tu từ quen thuộc trong thơ ca cổ như: ước lệ, tượng trưng, nhân hoá, thậm xưng, đối xứng... Nguyễn Du, bằng tấm lòng ngưỡng mộ, trân trọng, đã hoạ nên hai bức chân dung hoàn mỹ về vẻ đẹp người phụ nữ qua đó thể hiện tài năng tác giả qua bút pháp miêu tả nhân vật đặc sắc. *Truyện Kiều* thật xứng đáng với danh xưng tuyệt tác hơn bất kì một tác phẩm nào.

ĐỀ SỐ 8

Phân tích, so sánh cảnh mùa xuân trong câu thơ cổ Trung Quốc: "Phương thảo liên thiên bích - Lê chi sổ điểm hoa" (Cỏ thơm liền với trời xanh - Trên cành lê có mấy bông hoa) và cảnh mùa xuân trong câu thơ: "Cỏ non xanh tận chân trời - Cành lê trắng điểm một vài bông hoa" để thấy được sự tiếp thu và sáng tạo của Nguyễn Du.

BÀI LÀM

Thơ ca trung đại Việt Nam thường tiếp thu có sáng tạo thơ ca cổ Trung Quốc. Nguyễn Du cũng thế. Trong kiệt tác *Truyện Kiều*, những câu thơ miêu tả mùa xuân:

Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

được tác giả sáng tạo từ hai câu của Đường thi:

Phương thảo liên thiên bích
Lê chi sổ điểm hoa.
(Cỏ thơm liền với trời xanh
Trên cành lê có mấy bông hoa).

Bức tranh phong cảnh tiết thanh minh của *Truyện Kiều* chỉ có bốn dòng, trong đó hai dòng đầu tiên vừa nói thời gian lại vừa gợi không gian:

Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

Chim én báo hiệu mùa xuân. Câu mở đầu đã vẽ ra một không gian khoáng đạt với hình ảnh chim én bay liệng giữa bầu trời trong

xanh, thanh bình. Tác giả dùng hình ảnh ẩn dụ "con én đưa thoi" để diễn tả sự trôi mau của thời gian, ý nói thời gian trôi qua thấm thoắt như đưa thoi trên khung cửi. Tác giả đứng trước cảnh đẹp đã không khỏi bồi hồi, ngỡ ngàng pha lẫn một chút tiếc nuối, hụt hẫng bởi cái đẹp đang dần trôi qua không trở lại. "Thiều quang" là từ ngữ gợi sự ấm áp của tiết trời mùa xuân vậy mà cũng chỉ có chín mươi ngày, nay đã trôi qua "ngoài sáu mươi". Cách nói ấy ám gợi thời gian cảnh vật lúc này đang vào tháng ba. Đó cũng là khoảng thời gian đẹp nhất của mùa xuân.

Vậy nên dù một chút xao lòng thì cảnh vật vẫn hiển hiện lên trước mắt tác giả như một bức hoạ tuyệt đẹp của thiên nhiên. Bằng vài nét phóng bút người hoạ sĩ ngôn từ đã hoạ lên một không gian xuân thật trẻ trung, khoáng đạt và giàu sức sống:

Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Hai câu thơ này dù Nguyễn Du học tập từ hai câu thơ cổ Trung Quốc, nhưng bằng tài năng của mình Nguyễn Du đã tiếp thu và có sáng tạo của riêng mình tạo nên một cặp câu thơ độc đáo về mùa xuân. Ở câu thơ đầu Nguyễn Du dùng hình ảnh "cỏ xanh" thay cho "phương thảo" (cỏ thơm) trong câu thơ Đường cổ. Cách dùng này đã chuyển từ cảm nhận mùi vị sang cảm nhận bằng màu sắc và xúc giác trước cảnh vật khiến cho bức tranh thiên nhiên có sức tác động lớn lao, mãnh liệt hơn với người đọc. Với con mắt hoạ sĩ, Nguyễn Du cảm nhận được cảnh xuân thật đẹp với màu xanh như trải dài vô tận. Màu xanh non tươi của cỏ xuân tiếp với màu xanh lam của bầu trời xuân tạo nên một không gian xanh bất tận, một không khí xuân đầy sức sống và tươi trẻ. Trên cái gam nền xanh chủ đạo ấy nổi bật lên hình ảnh những bông lê điểm xuyết. Sắc trắng của hoa lê không mang cái lạnh cho cảnh xuân mà trái lại, nó khiến cho sắc xanh trong trẻo và tinh khôi hơn. Đây cũng chính là nhãn tự của câu thơ khiến cho cảnh thiên nhiên trong thơ Nguyễn Du có hồn hơn chứ không phải một bức tranh tĩnh tại, đơn điệu. Câu thơ Đường cổ tuy cũng có dùng những hình ảnh ước lệ, tượng trưng tuyệt đẹp nhưng chỉ đơn thuần

như liệt kê sự vật. Còn Nguyễn Du bằng việc thêm một từ "trắng" đảo lên trước từ "điểm", ngay lập tức đã làm cho sự vật trở nên thật sống động. Đất trời vào xuân giống như một cô thiếu nữ thanh khiết, tràn đầy sức sống, khoác trên mình một chiếc váy xanh điểm bi trắng đang tung tăng nhảy chân sáo và miệng hát vang một bản nhạc tươi vui.

Nguyễn Du là một tài năng trong việc vận dụng bút pháp cổ điển như ước lệ, tượng trưng, "lấy điểm tả diện", chỉ gợi chứ không tả... để sáng tạo nên nhiều nhân vật và nhiều bức tranh phong cảnh tuyệt đẹp. Một trong những bức tranh hoa mỹ đó là "cảnh ngày xuân" trong tiết thanh minh. Học tập thơ Đường cổ nhưng tác giả đã sáng tạo nên một bức tranh phong cảnh tuyệt đẹp và rất có hồn. Với tài năng của mình, Nguyễn Du đã khiến ngôn từ tiếng Việt vốn trong sáng, giản dị thêm phần gợi cảm.

ĐỀ SỐ 9

Phân tích những biểu hiện đa dạng nhưng hợp lí, nhất quán trong tính cách của Thúy Kiều và Hoạn Thư trong đoạn trích *Thúy Kiều báo ân báo oán*. (*Truyện Kiều* - Nguyễn Du).

BÀI LÀM

Nguyễn Du là một thiên tài trong việc xây dựng nhân vật. Nhân vật trong *Truyện Kiều* của ông được khắc hoạ toàn diện cả hai mặt hình thức lẫn tính cách. Để miêu tả ngoại hình nhân vật, tác giả chủ yếu dùng bút pháp ước lệ (trong đoạn trích *Chị em Thuý Kiều*), nhưng để khắc hoạ tâm lý, diễn tả chiều sâu tâm hồn nhân vật thì đại thi hào Nguyễn Du lại vận dụng nhiều bút pháp nghệ thuật, có lúc là "tả cảnh ngụ tình" (trong đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích*), có lúc lại thông qua ngôn ngữ đối thoại. Đoạn trích *Thuý Kiều báo ân báo oán* làm nổi bật tính cách nhân vật Thuý Kiều, Hoạn Thư bằng bút pháp nghệ thuật này.

Cuộc sống tủi nhục chốn lầu xanh của Thuý Kiều tưởng như được chấm dứt khi chàng thương gia "thư sinh" Thúc Sinh vì ham mê tài sắc của nàng mà cứu nàng ra khỏi lầu xanh và cưới làm vợ bé. Nhưng một lần nữa số phận nghiệt ngã lại bủa vây lấy nàng khi Hoạn Thư, vợ Thúc Sinh biết chuyện. Người đàn bà nổi tiếng hay ghen và rất mực gian xảo, thông minh này đã lập mưu bắt cóc người con gái tài hoa bạc mệnh Thuý Kiều về làm nô tì cho gia đình mình, ngày ngày ra sức hành hạ.

Không chịu được kiếp sống tôi đòi còn tủi nhục hơn cả kiếp gái lầu xanh, Kiều đã tìm cách bỏ trốn. Chính nhờ bỏ trốn khỏi nhà Hoạn Thư và trong lúc tuyệt vọng nhất, Kiều được gặp Từ Hải - vị anh hùng "đội trời đạp đất ở đời". Đây chính là bước ngoặt quan trọng nhất trong cuộc đời người con gái họ Vương. Nàng Kiều giờ đây không những thoát khỏi kiếp "gái lầu xanh" hay kiếp "hoa nô" cho

nhà Thúc Sinh - Hoạn Thư, mà còn trở thành một "mệnh phụ phu nhân" danh giá, đầy quyền uy của chàng chủ tướng họ Từ. Cũng từ đây, nàng đường đường chính chính mở một phiên toà xét xử ân oán với những người liên quan đến cuộc đời mình, trong đó có vợ chồng Hoạn Thư. Nắm trong tay cán cân công lý, lại là một con người rất mực công minh, Kiều biết đền đáp ơn nghĩa những người đã cưu mang giúp đỡ nàng trong hoạn nạn, đồng thời trừng trị những kẻ bất nhân, tàn ác hãm hại nàng.

Trong phiên toà ấy nổi bật lên là cuộc xét xử Hoạn Thư. Như chúng ta đã biết, Hoạn Thư chính là người đã khiến cho Thuý Kiều phải chịu bao nhiêu tủi nhục, hành hạ nàng cả về thể xác lẫn tinh thần vì máu ghen. Với tội trạng như thế việc Kiều trừng trị, trả thù cô tiểu thư họ Hoạn kia cũng là một lẽ đương nhiên theo quan điểm dân gian "kẻ hiền gặp lành, kẻ ác gặp hoạ". Hình ảnh Hoạn Thư đã được nhắc đến gián tiếp trong lời độc thoại của Kiều với thư sinh họ Thúc khi nàng đền ơn chàng đã cứu mình ra khỏi lầu xanh và còn coi trọng, muốn cưới mình làm vợ lẽ. Khác hẳn với cách nói trang trọng thể hiện sự tri ân dành cho Thúc Sinh, nhắc đến Hoạn Thư, ngôn ngữ của Thuý Kiều bỗng trở nên nôm na, bình dị với những thành ngữ quen thuộc dễ hiểu như: "kẻ cắp gặp bà già", "kiến bò miệng chén":

Vợ chàng quỷ quái tinh ma,
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau.
Kiến bò miệng chén chưa lâu,
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa.

Với tội trạng đã vạch rõ ra như vậy thì lời buộc tội trên hàm ý sẽ đe doạ, trừng trị thích đáng Hoạn Thư cũng là một lẽ đương nhiên.

Sau cảnh Thuý Kiều trả ơn Thúc Sinh (12 câu đầu) là cảnh Thuý Kiều báo oán Hoạn Thư (22 câu còn lại). Cảnh này dựng lên chủ yếu thông qua lời đối thoại giữa hai nhân vật Hoạn Thư và Thuý Kiều. Cũng chính bút pháp dùng ngôn ngữ đối thoại tài tình mà Nguyễn Du đã khám phá được chiều sâu tâm hồn và làm nổi bật lên tính cách mỗi nhân vật.

Trước tiên là lời Thuý Kiều nói với Hoạn Thư:

Thoắt trông nàng đã chào thưa:
Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây!

Rõ ràng cách nói trên của Kiều hàm chứa thái độ mỉa mai dành cho Hoạn Thư. Hoàn cảnh hiện tại đã "thay bậc đổi ngôi" giữa Kiều và Hoạn Thư nhưng nàng vẫn một điều "chào thưa", hai điều "tiểu thư" với Hoạn Thư như thời còn bị làm hoa nô trong nhà Hoạn Thư. Sự lễ phép, biết điều của Kiều thực chất là lời mỉa mai, châm biếm nhằm khơi gợi cho Hoạn Thư nhớ lại tội ác đã đày ải, hành hạ nàng trong quá khứ.

Cùng với thái độ mỉa mai, Kiều tiếp tục tỏ rõ thái độ cay nghiệt, đay nghiến "tội nhân" Hoạn Thư:

Đàn bà dễ có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan!
Dễ dàng là thói hồng nhan,
Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều.

Lời thơ như dằn ra từng tiếng, giọng điệu chua chát, từ ngữ lặp lại, "dễ có", "dễ dàng", mấy tay", "mấy mặt", "mấy gan", cùng cấu trúc nhấn mạnh "càng... càng"... đã làm nổi bật bản chất của con người Hoạn Thư, một người đàn bà xảo quyệt, tinh ranh và tàn ác, đúng như Nguyễn Du từng nói:

Bề ngoài thơn thớt nói cười
Bề trong nham hiểm giết người không dao

Cách nói đầy tính doạ nạt và quyết tâm trừng trị của Kiều đã khiến cho Hoạn Thư không khỏi "hồn lạc phách xiêu" và ngay lập tức có hành động "khấu đầu dưới trướng liệu điều kêu ca" mà thực chất của lời kêu ấy là lời "gỡ tội". Nhưng chưa xét đến lời kêu của Hoạn Thư sau đó mà ngay trong hành động đầu tiên nếu tinh ý ta có thể thấy ngay bản chất khôn ngoan, giảo hoạt của Hoạn Thư đã được bộc lộ. Đặt trong một hoàn cảnh nguy nan mà mình, vừa là tội nhân vừa là kẻ thất thế, thì tâm lý sợ hãi là điều đương nhiên. Nhưng ngay trong nét mặt sợ hãi ấy vốn đã có ý đồ khơi gợi lòng thương cảm cho một kẻ đã biết tội chứ không hề ngoan cố trốn tránh tội trạng của mình. Hơn nữa tâm lý sợ sệt, hoang mang xảy ra không lâu, Hoạn Thư nhanh chóng lấy lại bình tĩnh để tìm cách gỡ tội. Đây là đoạn đối thoại của Hoạn Thư:

Rằng: "Tôi chút phận đàn bà,
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.
Nghĩ cho khi gác viết kinh,
Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.

Lòng riêng riêng những kính yêu,
Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.
Trót lòng gây việc chông gai,
Còn nhờ lượng bể thương bài nào chăng.

Có thể nói đoạn hội thoại trên đã cô đúc và tiêu biểu nhất cho tài ăn nói và hùng biện của nàng tiểu thư hay ghen họ Hoạn.

Đầu tiên, Hoạn Thư tự nhận mình là "chút phận đàn bà" như một mũi tên đánh trúng vào tâm lý chung của mọi người phụ nữ "ghen tuông thì cũng người ta thường tình". Với một người phụ nữ vốn suy nghĩ sâu xa như Thuý Kiều thì đây là lời phủ đầu rất có hiệu lực. Ngẫm ra mà xét thì quả trên đời này, mấy người phụ nữ chịu nổi cảnh người chồng bao năm "đầu ấp tay gối" với mình lại đi tìm duyên bên một người phụ nữ khác. Nổi máu ghen vì thế là một tâm lý rất "thường tình" ở nữ giới. Hoạn Thư đã bào chữa tội trạng cho mình và cho Kiều thấy mình cũng chỉ là một nạn nhân đáng thương của chế độ đa thê mà thôi.

Tiếp đó, Hoạn Thư kể lại "công trạng" của mình đối với Thuý Kiều. Hồi Thuý Kiều còn làm hoa nô trong nhà Hoạn Thư, người đàn bà khôn ngoan sắc sảo đó đã cho Kiều được ở gác Quan Âm chép kinh và khi nàng ăn trộm Phật tiền trên bàn thờ nhà họ Hoạn làm lộ phí bỏ trốn thì Hoạn Thư cũng không đuổi theo. Lý giải cho hành động của mình, Hoạn Thư muốn cho Kiều hiểu là nàng không có ý hãm hại Kiều mà chỉ không muốn ai tranh giành chồng với mình mà thôi. Hơn nữa, dù kể công trạng nhưng một lần nữa Hoạn Thư vẫn khôn khéo nhấn mạnh lại tình cảnh đáng thương của mình:

Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai

Dùng đại từ phiếm chỉ "ai" Hoạn Thư đánh đồng được mình cùng với Thuý Kiều làm một. Bởi nếu Thuý Kiều có bị đặt trong tình trạng hai người đàn bà phải chung cảnh một chồng thì cũng rất khó mà thoải mái, không ghen tuông. Chỉ một câu nói Hoạn Thư đã khôn khéo kéo được Thuý Kiều từ vị thế đang đứng đối lập giờ đây phải đứng cùng phía với mình mà đồng cảm cho thân phận mình. Hơn nữa, chỉ vì thân phận nhỏ nhoi của một người đàn bà yêu chồng và yếu đuối mà đâm lòng ghen ghét chứ "Lòng riêng" Hoạn Thư cũng luôn biết yêu quí, nể trọng tài năng của Thuý Kiều: "Lòng riêng riêng những kính yêu".

Cuối cùng, không dừng lại ở việc giãi bày hoàn cảnh và kể lể công trạng, Hoạn Thư thẳng thắn nhận lấy tội trạng của mình và kêu thương lòng độ lượng ở Kiều, mặc Kiều phán xét. Không chối bỏ việc mình đã "Trót lòng gây việc chông gai" cho Thuý Kiều mà thẳng thắn nhận tội nhưng Hoạn Thư vẫn ngỏ lời mong đợi lòng thương từ Kiều để được tha tội. Đến đây lời bào chữa của tội nhân kết thúc mà cả tình và lý đều khiến xúc động lòng người, nhất là một người phụ nữ có tấm lòng bao dung, độ lượng như trời bể Thuý Kiều. Xét cả lý lẫn tình thì Hoạn Thư đúng là kẻ đáng tội nhưng cũng rất đáng thương. Kiểu "kêu ca" như vậy quả thật khiến Kiều phải thay đổi thái độ cương quyết ban đầu của mình. Nàng "kết án" cuối cùng như sau:

Khen cho: "Thật đã nên rằng,
Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời.
Tha ra thì cũng may đời,
Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.
Đã lòng tri quá thì nên.

Kiều đã phải thừa nhận và khen cho trí "khôn ngoan đến mực nói năng phải lời" của Hoạn Thư. Chính tài ăn nói của Hoạn Thư khiến cho Kiều khó xử trong việc "báo oán" và suy xét tha hay không tha. Cuối cùng bằng một lời răn đe nhẹ nhàng, nàng tha bổng cho Hoạn Thư vì ghi nhận "lòng tri quá" (lòng biết lỗi) của Hoạn Thư.

Có thể nói thái độ và hành động của Kiều trước lúc và sau khi Hoạn Thư kêu lời bào chữa là hoàn toàn nhất quán chứ không vô lý. Bởi mọi lời nói, cách nghĩ và cách làm của Thuý Kiều đều làm nổi bật lên một con người có bản chất vị tha và nhân hậu. Bản chất cao đẹp ấy khiến Kiều có thể bao dung độ lượng với ngay cả những người đã hãm hại, hành hạ mình như Hoạn Thư. Kiều cũng là nhân vật đại diện cho quần chúng nhân dân, quan điểm nhân dân: "Đánh kẻ chạy đi chứ không ai đánh kẻ chạy lại" hay tư tưởng nhân đạo mà Phật giáo vẫn dạy rằng: "Quay đầu là bờ".

Còn Hoạn Thư cũng qua đoạn đối thoại đã nổi bật lên được một nhân vật khôn ngoan đến tinh quái. Chính cái bản chất "sâu sắc nước đời" của người đàn bà hay ghen Hoạn Thư đã góp phần gỡ tội cho ả. Tuy nhiên, phần lớn quyết định cho sự tha bổng này không ở phía Hoạn Thư mà do bản tính độ lượng như trời bể, không chút nhỏ nhen, ích kỉ của Kiều.

Đoạn trích *Thuý Kiều báo ân báo oán* là một trong những đoạn trích vừa làm nổi bật bức chân dung nhân vật về mặt tính cách của Hoạn Thư và Thuý Kiều, lại vừa góp phần thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc của tác giả. Đoạn trích phản ánh ước mơ và khát vọng được thực hiện công lý chính nghĩa của nhân dân trong thời đại Nguyễn Du (trong đó có cả bản thân tác giả) hay trong mọi thời đại nói chung. Ở đâu có áp bức bất công là ở đó có tiếng kêu đòi công lý, đòi chính nghĩa. Nhưng mỗi thời đại lại có một cách nhìn về sự chính nghĩa khác nhau. *Truyện Kiều* là một bước tiến bộ trong tư tưởng so với thời trước đó. Chúng ta bắt gặp tư tưởng "ở hiền gặp lành" và "ác giả ác báo", "gieo gió gặt bão" xuất hiện nhiều trong các truyện cổ tích dân gian. Đến Nguyễn Du, tư tưởng ấy vẫn còn nhưng có sự gần gũi và giao thoa với quan điểm của nhân dân. Tác giả dùng con mắt nhân đạo đầy tình thương để nhìn người và nhìn đời. Tình thương ấy chan hoà cho tất cả mọi người, kể cả những kẻ ác biết nhận lỗi và chịu tội. Đó là tư tưởng chủ đạo, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tác phẩm và cũng làm cho kiệt tác *Truyện Kiều* trở thành viên ngọc sáng trong kho tàng truyện cổ Việt Nam.

ĐỀ SỐ 10

Trình bày giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm: *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu.

GỢI Ý

*** Giá trị nội dung:**

Mục đích chính của Nguyễn Đình Chiểu khi viết *Truyện Lục Vân Tiên* là để truyền dạy đạo lý làm người:

Hỡi ai lẳng lặng mà nghe,
Dữ răn việc trước, lành dè thân sau.
Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình.

Đạo lý đó có thể thâu tóm ở mấy điểm sau:

- Coi trọng tình nghĩa giữa người với người: tình cha con, mẹ con, tình nghĩa vợ chồng, bè bạn, tình yêu thương, cưu mang, đùm bọc những người gặp khó khăn, hoạn nạn.

- Đề cao tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu khốn phò nguy (Vân Tiên đánh cướp, Hớn Minh bẻ giò Đặng Sinh).

- Thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời thông qua kết thúc có hậu của tác phẩm là thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà.

*** Giá trị nghệ thuật:**

- *Lục Vân Tiên* là một truyện thơ Nôm chủ yếu để kể hơn là để đọc nên chú trọng đến hành động của nhân vật hơn là miêu tả nội tâm, do đó tính cách của nhân vật thường bộc lộ qua việc làm, lời nói, cử chỉ. Thái độ ca ngợi hay phê phán của tác giả đều thể hiện qua cách miêu tả nhân vật.

- Ngôn ngữ trong truyện rất giản dị, mộc mạc, dễ hiểu, đậm đà sắc thái Nam Bộ.

(Nguồn: http://vi.wikipedia.org)

ĐỀ SỐ 11

Phân tích đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga (Truyện Lục Vân Tiên* - Nguyễn Đình Chiểu)

BÀI LÀM

Nguyễn Đình Chiểu là một "ngôi sao sáng" trong bầu trời văn học Việt Nam. Mặc dù bị mù loà và phải sống trong xã hội phong kiến thời suy vi và loạn lạc bởi giặc ngoại xâm bên ngoài đe doạ, nhưng ông vẫn sống cuộc sống thanh cao và "trọn đời một tấc lòng son" với dân tộc. Ông đã gửi gắm toàn bộ tư tưởng của mình trong truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên*. Ngay từ khi ra đời, tác phẩm đã nhanh chóng chiếm được tình cảm yêu mến của đông đảo quần chúng nhân dân, đặc biệt là người dân Nam Bộ. Truyện thơ này thể hiện tư tưởng của tác giả nhưng cũng là tiếng nói tình cảm của cả một dân tộc qua những nhân vật lý tưởng như: Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga. Hai hình tượng nhân vật này được khắc hoạ rõ nét thông qua đoạn trích: *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*.

Đoạn trích nằm ở phần đầu của tác phẩm. Nhân vật Lục Vân Tiên lúc này đang trên đường trở về nhà thăm cha mẹ trước khi lên kinh đô dự thi, gặp bọn cướp hoành hành, Lục Vân Tiên đã xông vào đánh tan bọn cướp, giải cứu Kiều Nguyệt Nga và cô hầu Kim Liên. Thông qua hành động và ngôn ngữ, bức chân dung về hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga cũng được hiện lên.

Đầu tiên là hình ảnh chàng thư sinh văn võ toàn tài Lục Vân Tiên. Chàng lúc này mới vừa rời trường học bước vào đời, lòng còn phơi phới khát vọng và ước mơ lập công danh, cứu đời, giúp nước. Toán cướp giữa đường đang quấy nhiễu dân lành chính là thử thách đầu tiên đối với nhân vật. Cũng qua thử thách này, sự nhất quán trong hành động và suy nghĩ của nhân vật tự bộc lộ. Gặp người bị nạn giữa đường chàng không chần chừ mà ngay lập tức: "Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô". Không vũ khí trong tay, Lục Vân Tiên phải lấy cây bên đường làm gậy chống chọi với bọn cướp vừa đông người, vừa có nhiều gươm giáo trong tay. Vì thế hình ảnh Lục Vân Tiên hiện lên như một vị tướng oai hùng xông pha nơi chiến trận:

Vân Tiên tả đột hữu xông,
Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang.
Lâu la bốn phía vỡ tan,
Đều quăng gươm giáo tìm đàng chạy ngay.
Phong Lai chẳng kịp trở tay,
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong.

Trước sự gian nguy mà không nao núng, chần chừ, hành động đánh cướp cứu người của Lục Vân Tiên càng chứng tỏ được tài năng và dũng khí của mình. Sự hống hách, ngạo mạn ban đầu của bọn cướp đối lập với cảnh tan đàn, tán loạn sau này càng khiến cho hình ảnh Lục Vân Tiên thêm toả sáng. Vẻ đẹp của chàng được tác giả ví von với hình ảnh người anh hùng Triệu Tử Long, một dũng tướng của nhà Hán đã quá quen thuộc với bạn đọc Việt Nam qua bộ truyện *Tam Quốc*. Thế nhưng hành động đó cũng thể hiện tấm lòng vị nghĩa của bậc quân tử: "Giữa đàng thấy chuyện bất bình chẳng tha".

Phẩm chất người anh hùng Lục Vân Tiên tiếp tục được bộc lộ ở phần sau đoạn trích qua cuộc trò chuyện với Kiều Nguyệt Nga. Thấy người trong xe dường như còn chưa hết sợ hãi, chàng nhẹ nhàng an ủi: "Ta đã trừ dòng lâu la" để trấn an người gặp nạn và hỏi han ân cần. Khi nghe thấy tiếng nói nữ nhi từ bên trong chiếc xe cất ra lời cảm ơn và tỏ ý muốn đền ơn thì chàng khẳng khái đáp lại rằng:

Khoan khoan ngồi đó chớ ra,
Nàng là phận gái ta là phận trai

Cách nói này phần nào cho thấy nhân vật bị ảnh hưởng bởi tư tưởng "nam nữ thụ thụ bất thân" của Nho giáo nhưng phần nhiều xuất phát từ đức tính hào hiệp, chính trực và khiêm nhường của người quân tử: "Làm ơn há dễ trông người trả ơn". Sau khi nghe hết lời trình bày của Kiều Nguyệt Nga, biết danh tính, thân phận và hoàn cảnh của nàng và biết Kiều Nguyệt Nga ngỏ ý có lời mời chàng cùng về với mình gặp bố nàng, vốn là quan tri phủ miền Hà Khê để nàng có cơ hội được đền ơn cứu mạng, Lục Vân Tiên một lần nữa đáp lại:

Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
Nay đà rõ đặng nguồn cơn,
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.
Nhớ câu kiến nghĩa bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

Đây là lời thoại mà Lục Vân Tiên đối đáp lại Kiều Nguyệt Nga nhưng cũng chính là lời chàng muốn bày tỏ quan niệm, thái độ sống cao đẹp của mình. Đối với con người luôn "trọng nghĩa khinh tài" Lục Vân Tiên, hành động đánh cướp cứu người hoạn nạn của chàng hết sức tự nhiên, là trách nhiệm bổn phận mà nếu đặt trong bất kì hoàn cảnh nào chàng cũng sẽ hành động như thế. Lục Vân Tiên làm việc nghĩa nhưng chưa bao giờ suy tính chuyện thiệt hơn cho mình, cũng không mong nhận được sự trả ơn của người mình cứu giúp. Với chàng, đánh cướp không phải là hành động chứng tỏ công trạng hay thành tích gì mà chỉ đơn giản là việc làm nên có ở bậc anh hùng hảo hán mà thôi.

Có thể nói, nhân vật Lục Vân Tiên là mẫu hình nhân vật lý tưởng của Nguyễn Đình Chiểu. Hình tượng nhân vật hiện lên trong đoạn trích thật đẹp, thật oai hùng và đạo đức. Tác giả gửi gắm trong hình tượng nhân vật này rất nhiều ước mơ và khát vọng. Nó cũng là niềm mong ước chung cho tất cả quần chúng nhân dân về một xã hội luôn có những con người tài đức, sẵn lòng ra tay chống lại những thế lực bạo tàn, cứu giúp và bênh vực người hoạn nạn.

Song song với hình ảnh Lục Vân Tiên là hình ảnh nàng tiểu thư Kiều Nguyệt Nga, con gái tri phủ miền Hà Khê. Không miêu tả hành động, hình ảnh Kiều Nguyệt Nga chỉ được tái hiện thông qua lời giãi bày với Lục Vân Tiên về thân phận, hoàn cảnh của mình và ngỏ lời muốn được đền ơn đáp nghĩa chàng.

Trước hết qua lời nàng tự giới thiệu về mình, bạn đọc có thể thấy đây là một cô gái con nhà khuê các, tính tình đoan trang, thuỳ mị và có học thức. Với bản tính khiêm nhường, e lệ của một cô thiếu nữ được gia đình giáo dục tốt, Kiều Nguyệt Nga đã tự xưng mình là "tiện thiếp" và gọi Lục Vân Tiên là "quân tử". Trong khi trình bày lại hoàn cảnh gặp nạn của mình, lời lẽ của nàng vừa ngắn gọn, rõ ràng lại vừa dịu dàng, mực thước:

Thưa rằng: "Tôi Kiều Nguyệt Nga,
Con nầy tì tất tên là Kim Liên.
Quê nhà ở quận Tây Xuyên,
Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê.
Sai quân đem bức thơ về,
Rước tôi qua đó định bề nghi gia.

Làm con đâu dám cãi cha,
Ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành.
Chẳng qua là sự bất bình,
Hay vầy cũng chẳng đăng trình làm chi.

Sau khi bình tĩnh kể lại hoàn cảnh cho Lục Vân Tiên nghe, nàng không giấu nổi sự xúc động và niềm cảm kích tột bậc với vị ân nhân đã cứu mạng:

Lâm nguy chẳng gặp giải nguy,
Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi.
Trước xe quân tử tạm ngồi,
Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa.

Đó là một lối hành xử cao đẹp của những con người biết trọng đạo lý. Kiều Nguyệt Nga hơn ai hết biết ơn Lục Vân Tiên một mặt vì đã xả thân đánh cướp cứu mạng mình, nhưng quan trọng hơn chàng đã giúp nàng tránh khỏi bị vết nhơ ô nhục. Nàng biết nếu không có người "giải nguy" trong tình thế này, hẳn cái tiết hạnh cao quý của một người con gái sẽ bị mất đi bởi bọn hung đồ và để lại vết nhơ muôn đời không gột rửa hết. Đặt trong hoàn cảnh phong kiến ngày xưa, khi mà tiết hạnh được đặt lên làm phẩm chất hàng đầu của một người con gái, nó còn quan trọng hơn cả tính mạng thì việc làm của Lục Vân Tiên quả thực là cái ơn không biết lấy gì đền đáp nổi. Nàng trước chỉ biết mong chàng nhận lấy một cái lạy tạ ơn để biểu lộ tấm chân tình của mình, sau muốn mời chàng về miền Hà Khê để nàng được hậu tạ. Tuy nhiên, Kiều Nguyệt Nga vẫn hết sức áy náy vì biết rằng:

Gẫm câu báo đức thù công,
Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi.

Nàng băn khoăn không biết phải làm gì để thể hiện hết được tấm lòng cảm kích biết ơn của mình. Bởi nàng thấy cái cúi lạy hay những lợi lộc mà mình mong được báo đáp ân nhân là vẫn chưa đủ để "báo đáp thù công". Đoạn trích chấm dứt ở đây nhưng theo dõi toàn bộ câu chuyện thì ta biết sau này Kiều Nguyệt Nga đã tự nguyện gắn bó cuộc đời mình với Lục Vân Tiên. Khi biết mình sắp phải cống cho giặc Ô Qua, nàng đã nhảy xuống sông tự tử, quyết giữ tấm lòng trinh trắng và sau khi nghe tin Lục Vân Tiên chết đuối, nàng nguyện thủ tiết suốt đời. Cũng như Lục Vân Tiên, ở nhân vật Kiều Nguyệt Nga

luôn có sự nhất quán trong tính cách và hành động. Hình ảnh Kiều Nguyệt Nga hiện lên trong đoạn trích là một người con gái không chỉ đẹp mà còn nết na và có nhân cách, thật xứng đáng đứng bên vị quân tử Lục Vân Tiên.

Tóm lại, chỉ bằng một đoạn trích mà Nguyễn Đình Chiểu đã thật tài tình tạc dựng lên hai nhân vật tượng trưng cho hai mẫu hình lý tưởng của đạo đức phong kiến. Lục Vân Tiên tượng trưng cho mẫu người quân tử "vị nghĩa vong thân" còn Kiều Nguyệt Nga tượng trưng cho mẫu người phụ nữ tiết hạnh, thuỷ chung son sắt. Đó cũng là tấm gương đạo đức mà cụ Đồ Chiểu muốn chúng ta noi theo, như ngay lời mở đầu câu chuyện:

Hỡi ai lẳng lặng mà nghe,
Dữ răn việc trước, lành dè thân sau.
Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình.

ĐỀ SỐ 12

Phân tích tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện ở hai đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* và *Lục Vân Tiên gặp nạn* (Truyện Lục Vân Tiên).

BÀI LÀM

"Văn dĩ tải đạo" đó là tinh thần chung của văn chương trung đại Việt Nam. Đặt trong hoàn cảnh thời đại của Nguyễn Đình Chiểu, một thời đại mà chế độ phong kiến đang rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng, một xã hội mục ruỗng, ở đó kỉ cương, trật tự lỏng lẻo còn đạo đức bị suy vi, hơn lúc nào hết, văn học trở thành một công cụ để các nhà văn "tỏ lòng" mình và nêu cao tinh thần đạo lý của dân tộc. Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng về đạo đức với tinh thần nhân nghĩa cao cả. Ông cũng bộc lộ tư tưởng nhân nghĩa của mình hết sức rõ ràng qua hai đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* và *Lục Vân Tiên gặp nạn* được rút ra từ truyện thơ Nôm nổi tiếng *Lục Vân Tiên*.

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà Nho dưới thời Nguyễn, thời kì mà Nho giáo rất được đề cao. Vì vậy, trong Truyện *Lục Vân Tiên* tư tưởng nhân nghĩa là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt tác phẩm. Khái niệm nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu vốn bắt nguồn từ tư tưởng "trung hiếu tiết nghĩa" của Nho giáo, được nói rõ ngay từ những câu thơ mở đầu của truyện:

Hỡi ai lẳng lặng mà nghe,
Dữ răn việc trước, lành dè thân sau.
Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình.

Tư tưởng cao đẹp này sẽ được truyền tải vào trong truyện thơ và toả sáng ở những hình tượng nghệ thuật như: Kiều Nguyệt Nga,

Hớn Minh, Ngư Ông, Quán Ông... và đặc biệt ở Lục Vân Tiên. Tuy nhiên, Nguyễn Đình Chiểu cũng là một nhà Nho tiến bộ. Vậy nên, tư tưởng của ông một mặt ảnh hưởng từ đạo Nho, mặt khác có sự gần gũi và giao thoa với quan điểm của quần chúng nhân dân. Sự hài hoà và tiến bộ trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu được thể hiện rõ nét qua hai đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* và *Lục Vân Tiên gặp nạn*.

Ở đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*, tư tưởng nhân nghĩa trước tiên thể hiện ở việc người anh hùng họ Lục: "Giữa đàng thấy việc bất bình chẳng tha" và sẵn sàng xả thân cứu người. Trên đường đi chàng gặp một toán cướp đang làm hại dân lành. Vốn nghe kể nhiều về việc chúng quấy nhiễu dân chúng, nên không một chút đắn đo chàng "bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô". Cuộc đọ chiến không cân sức giữa chàng với toán cướp dữ tợn được trang bị nhiều vũ khí, binh đao trong tay đã xảy ra. Nhưng bằng lòng quả cảm và tài năng văn võ song toàn, Lục Vân Tiên đã đánh cho bọn cướp tan tác, cứu người gặp nạn là nàng Kiều Nguyệt Nga, con gái ông tri phủ miền Hà Khê.

Mô-típ "anh hùng cứu mỹ nhân" vốn rất quen thuộc với truyện Nôm truyền thống. Hình ảnh của chàng được ví như người anh hùng Triệu Tử Long, một tấm gương trung hiếu thời nhà Hán bên Trung Quốc. Thế nhưng trong *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, hành động anh hùng này mang một ý nghĩa sâu rộng hơn. Nó không đơn thuần tỏ lòng trung quân ái quốc mà còn thể hiện ước mơ của đông đảo quần chúng về những tấm lòng nhân nghĩa sẵn sàng tiêu diệt cái ác để ra tay cứu giúp người hoạn nạn.

Đánh cướp để giải cứu Kiều Nguyệt Nga - con gái tri phủ, Lục Vân Tiên dĩ nhiên sẽ được nàng biết ơn và mong được đền đáp. Thế nhưng trước lời tri ân của người con gái họ Kiều, chàng khẳng khái đáp:

Vân Tiên nghe nói liền cười,
Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
Nay đà rõ đặng nguồn cơn,
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.
Nhớ câu kiến nghĩa bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

Lời đối thoại cuối đoạn trích đã đúc kết tư tưởng nhân nghĩa của nhân vật Lục Vân Tiên mà cũng là của cụ Đồ Chiểu. Cái cười

của chàng là cái cười của một bậc trượng phu, bậc hiền nhân quân tử cứu giúp người mà không màng đến ơn huệ hay so bì thiệt hơn. Lối hành xử giản dị, cho mà không cần phải nhận lại vốn đã là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta từ bao đời nay, giờ đây được nâng lên thành tư tưởng nhân nghĩa cao đẹp của người anh hùng, quân tử. Có thể nói Lục Vân Tiên là một hình ảnh đẹp, một nhân vật lý tưởng mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm trong đó niềm tin và ước vọng của mình.

Cùng với nhân vật Lục Vân Tiên, tư tưởng nhân nghĩa của cụ Đồ Chiểu còn thể hiện ở nhân vật Ngư Ông trong đoạn trích *Lục Vân Tiên gặp nạn*.

Đoạn trích đặt trong hoàn cảnh Lục Vân Tiên bị Trịnh Hâm, người bạn cùng đi thi với chàng hãm hại. Vì lòng ganh ghét, đố kị mà hắn đã rắp tâm đẩy Lục Vân Tiên xuống nước. Nhưng may thay, chàng đã được Ngư ông đem về cứu giúp. Cảnh cả gia đình ông hối hả lo chạy chữa cho chàng thật chân thành và cảm động:

Hối con vầy lửa một giờ,
Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày.

Cứu người thoát chết, lão Ngư còn sẵn sàng cưu mang Lục Vân Tiên khi nghe chàng kể lại nguồn cơn mọi chuyện. Tinh thần nhân nghĩa biểu hiện ở sự sẻ chia. Cuộc sống của lão Ngư dù rất giản dị chứ không phải giàu sang, dư dật gì nhưng ông vẫn mở rộng cánh cửa đón chào một con người đang gặp nhiều bất hạnh cần sự giúp đỡ, nó rất gần với truyền thống: "Lá lành đùm lá rách" của dân tộc ta. Tình người chính là "tài sản" quí giá nhất của những con người giàu đạo đức như nhân vật Ngư ông, như Lục Vân Tiên... Với họ, một cuộc sống hạnh phúc chứa chan tình thương yêu mới là một cuộc sống có ý nghĩa.

Ông Ngư cũng như Lục Vân Tiên đã gặp nhau trong tư tưởng nhân nghĩa. Họ giúp đỡ người hoạn nạn như là một bản năng tự nhiên, một lẽ tất yếu. Cả hai hành động mà không một chút đắn đo, suy xét hay mưu cầu danh lợi:

Ngư rằng: "Lòng lão chẳng mơ,
Dốc lòng nhơn nghĩa há chờ trả ơn?
Nước trong rửa ruột sạch trơn,
Một câu danh lợi chi sờn lòng đây.

Nói tóm lại, đoạn trích này chính là phần bổ sung và mở rộng tư tưởng nhân nghĩa trong tác phẩm. Nó cũng thể hiện quan điểm tiến bộ của tác giả. Không bị gò bó bởi tư tưởng Nho giáo phong kiến truyền thống, Nguyễn Đình Chiểu qua nhân vật Ngư ông muốn bày tỏ quan điểm nhân nghĩa tiến bộ và cởi mở theo quan điểm dân tộc của mình. Ông cho rằng việc làm nhân nghĩa không phải chỉ có ở người tri thức, người quân tử mà còn có thể ở ngay trong quần chúng lao động bình thường. Nhân nghĩa do đó không phân biệt địa vị sang hèn, học thức hay không có học thức. Nhân vật Ngư ông không tên tuổi rõ ràng chỉ được gọi theo nghề nghiệp kiếm sống (nghề đánh cá) phải chăng cũng chính là đại diện cho toàn thể nhân dân lao động nói chung, không riêng bất kì ai. Như vậy, nhân nghĩa là một bản tính tốt đẹp mà ai cũng có thể có, đặc biệt nó thường ngời sáng ở những con người lao động bình thường, giản dị nhất. Có lẽ cụ Đồ Chiểu đã rút ra từ chính sự trải nghiệm trong cuộc đời nhiều dâu bể của mình rằng cái ác thường hay núp dưới bóng danh vọng, tiền tài mà làm điều bất nhân, bất nghĩa. Còn cái thiện lại thường toát lên ở những con người nghèo khổ mà giàu lòng "vị nghĩa vong thân". Vì thế, khi phát biểu tư tưởng nhân nghĩa gửi gắm trong các nhân vật chính diện thì đồng thời tác giả cũng xây dựng một hệ thống những nhân vật phản diện. Như trong hai đoạn trích trên, hình tượng nhân vật Ngư ông, Lục Vân Tiên được đặt trong thế đối lập với hình tượng toán cướp, Trịnh Hâm... giữa một bên là điều thiện, sự cao cả, lòng nhân nghĩa với một bên là cái ác, sự thấp hèn và lòng bất nhân, bất nghĩa. Tư tưởng nhân nghĩa của cụ Đồ Chiểu rất rõ ràng và quán triệt từ đầu đến cuối tác phẩm. Ông cũng tỏ thái độ thẳng thắn "yêu ghét rõ ràng" với mỗi tuyến nhân vật. Kết thúc mỗi câu chuyện đều có hậu theo quan điểm "ở hiền gặp lành", "ác giả ác báo" chính là tiếng lòng tác giả đã đồng điệu với tiếng lòng dân tộc tạo nên một bài ca nhân nghĩa cao cả và sâu sắc.

Một trong những mục đích chủ yếu của văn chương trung đại là "tải đạo", tức nhà văn tạo dựng nên hình tượng nhân vật và dùng nhân vật làm "phát ngôn" cho tư tưởng đạo đức của mình. Cặp nhân vật Lục Vân Tiên, Ngư ông trong hai đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* và *Lục Vân Tiên gặp nạn* chính là những hình tượng nhân vật giúp Nguyễn Đình Chiểu chuyển tải tư tưởng nhân nghĩa vào trong tác phẩm của mình. Bản thân ông cũng dành trọn cuộc đời mình cho những điều nhân nghĩa dù trong bất kì hoàn cảnh khó khăn nào. Hơn nữa, quan điểm tiến bộ của tác giả đến nay vẫn có giá trị. Ở bất kì thời đại nào, tấm lòng yêu thương đùm bọc lẫn nhau vẫn rất cần và rất quí. Với giá trị nội dung sâu sắc như vậy, truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* đã không những chạm đến trái tim người dân Nam Bộ ở thời đại ông mà còn lan toả ra hàng trăm, hàng nghìn thế hệ sau này. Quan trọng hơn, bạn đọc qua *Truyện Lục Vân Tiên* có thể hiểu thêm bức chân dung tinh thần của cụ Đồ Chiểu, một nhân cách mãi sáng ngời trên bầu trời văn học Việt Nam.

ĐỀ SỐ 13

Ý nghĩa nhan đề của bài thơ *Đồng chí* - Chính Hữu.

GỢI Ý

Cần đảm bảo được các nội dung sau:

- *Đồng chí* là tên gọi của một tình cảm mới, đặc biệt xuất hiện và phổ biến trong những năm cách mạng và kháng chiến. Đó là thứ tình cảm thiêng liêng, đẹp đẽ giữa những người cùng chí hướng, sẵn sàng sát cánh bên nhau trong cuộc chiến đấu gian khổ, ác liệt để bảo vệ non sông, Tổ quốc.

- Nhan đề bài thơ đã hé mở cho chúng ta biết về chủ đề tác phẩm: bài thơ là lời ngợi ca về tình đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó, một lòng, một dạ của những người lính trong chống Pháp - những người nông dân ra lính. Với họ tình đồng chí chính là một nguồn năng lượng lớn tiếp thêm sức mạnh để họ vượt qua mọi gian lao, thử thách, nắm chắc tay súng, hoàn thành nhiệm vụ.

- Tình đồng chí là cốt lõi, là bản chất sâu xa của sự gắn bó giữa những người lính cách mạng, trong bài thơ tác giả đã tập trung làm nổi bật nội dung này.

- Toàn bài thơ được triển khai với một bố cục rất chặt chẽ và hợp lí, mạch xuyên suốt chính là tình cảm đồng chí, đồng đội của những người lính trong kháng chiến chống Pháp.

Đoạn 1 (7 câu thơ đầu): Cơ sở hình thành tình đồng chí của những người lính.

Đoạn 2 (10 câu thơ tiếp theo): Những biểu hiện của tình đồng chí.

Đoạn 3 (3 câu cuối cùng): Biểu tượng đẹp về tình đồng chí.

ĐỀ SỐ 14

Phân tích bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu.

BÀI LÀM

Đất nước Việt Nam đã trải qua biết bao cuộc chiến tranh khốc liệt, cũng thấm đẫm biết bao hi sinh gian khổ của con người cho nền hoà bình, độc lập của dân tộc. Hiện thực đau thương nhưng cũng rất đỗi hào hùng của đất nước ta đã được phản ánh rất chân thực trong văn chương nghệ thuật. Biết bao tấm gương đã trở thành những hình tượng bất hủ đi vào các tác phẩm thơ ca. Chúng ta đã biết đến hình tượng người sĩ phu tràn đầy khí tiết qua các trang văn thơ cổ. Tiếp nối truyền thống yêu nước của dân tộc, trong văn thơ kháng chiến thời kì chống Pháp nổi bật lên hình tượng người lính cụ Hồ. Người lính giờ đây trở thành nhân vật trung tâm của nền văn học kháng chiến và hiện lên như "những con người đẹp nhất". Biết bao bài văn, bài thơ đã vẽ lên những bức chân dung thật đẹp về người lính nơi chiến trường, một trong những tác phẩm tiêu biểu đó là bài thơ "*Đồng chí*" của Chính Hữu. Tác phẩm được nhà thơ Chính Hữu sáng tác năm 1948, thời kì đầu của cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp. Bài thơ đã dựng lên bức chân dung chân thực về hình ảnh những "anh lính cụ Hồ" giản dị và quả cảm, đồng thời cũng là lời ngợi ca tình đồng chí keo sơn, gắn bó giữa những người lính trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt.

Những dòng thơ đầu là sự lí giải về cơ sở của tình đồng chí. Mượn cách xưng hô "anh - tôi" để tạo nên một không khí thoải mái, tự nhiên, người lính tự giới thiệu về lai lịch bản thân mình:

Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,

Khác với những người lính "hào hoa phong nhã" của *Tây Tiến* (Quang Dũng) vốn xuất thân từ những chàng trai trí thức tư sản Hà Thành, những người lính trong *Đồng chí* của Chính Hữu xuất thân rất bình thường. Người thì ở nơi "nước mặn đồng chua" của vùng đất biển nhiễm phèn, người lại ở nơi đồi núi "đất cày lên sỏi đá". Dù ở đâu, họ đều là những người nông dân. Cuộc sống nghèo khổ nhưng vốn yên ấm và thanh bình của họ đã bị phá tan dưới gót giày xâm lược của quân thù. Vậy là những người nông dân ấy, nghe theo tiếng thúc giục của trái tim đã hăm hở lên đường, tình nguyện gia nhập quân đội chiến đấu giải phóng dân tộc.

Những người nông dân chất phác, lam lũ khăn gói lên đường hành quân, để lại sau lưng quê hương và gia đình yêu dấu:

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

Những hình ảnh thân thuộc của làng quê đọng lại mãi trong tim ngay cả khi họ đã quyết chí lên đường. Lòng quyết tâm được thể hiện ở hành động dứt khoát "gửi", "để mặc" nhưng giữa người lính với quê hương và gia đình vẫn còn nhiều lưu luyến lắm. "Giếng nước gốc đa" cũng chỉ là một hình ảnh ẩn dụ cho hình ảnh làng quê nghèo khó mà ấm áp nghĩa tình, nơi ấy có mẹ già, vợ dại, con thơ đang ngày ngày tựa cửa ngóng tin... Họ xót xa, luyến tiếc người ra đi hay chính là tấm lòng nhớ thương của chính người ra đi gửi lại nơi chôn rau cắt rốn của mình. Tâm trạng của "người ra đi" này gợi ta nhớ đến hình ảnh người lính trong *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi:

Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.

Có thể thấy chính cuộc sống nghèo khổ của những người nông dân là cơ sở cho sự đồng cảm giai cấp của những người lính cách mạng. Thế nhưng ở họ còn có chung một nỗi niềm, một tâm sự thầm kín. Bằng bút pháp tả thực, *Đồng chí* của Chính Hữu đã tái hiện lại những tình cảm rất thiêng liêng của những người nông dân đi lính trong thời kì kháng chiến chống Pháp nhưng cũng là tình cảm chung của bất kì cuộc kháng chiến nào. Đồng thời tình đồng chí còn nảy nở và bền chặt trong sự chan hoà, sẻ chia những gian lao cũng như những niềm vui, nỗi buồn. Bằng giọng điệu mộc mạc, giản dị tác giả

tái hiện cho người đọc thấy một cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ nơi chiến trường ác liệt:

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi.
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Như vậy, tình đồng chí còn là tình cảm của những con người đồng cam cộng khổ. Những chi tiết tả thực kể lại sự khó khăn mà các chiến sĩ của ta đã phải trải qua, gây xúc động mãnh mẽ tới người đọc bởi tính chân thực của các chi tiết. Có được hiệu ứng thành công này cũng bởi vì chính bản thân tác giả Chính Hữu cũng là một người lính, cũng từng vào sinh ra tử nơi chiến trường. Ông hiểu rõ những khó khăn của một người lính phải đối mặt: thiếu thốn về lương thực, quần áo, những trận sốt rét do muỗi rừng gây ra luôn đe doạ rình rập... Họ đã sống khổ, chịu khổ cùng nhau. Quan trọng hơn trên môi họ luôn nở một nụ cười lạc quan, tin tưởng. Tinh thần lạc quan cùng tình cảm yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau giữa những người lính đã tiếp sức cho họ vượt qua mọi gian khổ để vẫn hiên ngang chiến đấu với kẻ thù. Tình cảm thiêng liêng cao quý ấy được thể hiện rất ý tứ mà cảm động qua cử chỉ "tay nắm lấy bàn tay". Đôi tay đã từng cầm súng bắn quân thù, đôi tay cũng đã từng chuyền cho nhau "những củ sắn lùi" và giờ đây đôi tay ấy nắm lấy một đôi tay khác đang rét buốt. Cái nắm tay thật chặt, chẳng cần thêm một lời nói nào mà cũng đủ truyền thêm bao sức mạnh, ý chí và niềm tin. Bài thơ của Chính Hữu chẳng kể đến một chiến công rực rỡ nào của những người lính cụ Hồ nhưng lại làm sáng rực lên tình đồng đội ấm nồng. Đó cũng là lời lý giải sâu xa cho những kì tích mà quân dân ta đã làm được trong cuộc kháng chiến trường kì, gian khổ của những năm tháng chống Pháp.

Chính Hữu đã có một cái nhìn thật mới mẻ và sâu sắc về hai từ "đồng chí". Với ông, đây không phải một khái niệm đơn thuần chỉ những con người cùng sống và chiến đấu trên chiến trường. Đồng chí trong quan niệm của tác giả bao hàm một ý nghĩa rất rộng. Đó là những con người cùng chung một hoàn cảnh xuất thân, cùng một tình

cảm nhớ thương với làng quê khi dứt áo lên đường hành quân, cùng chiến đấu và chịu đựng những khó khăn gian khổ nơi chiến trường.

Nhưng quan trọng hơn tất thảy, đồng chí với tác giả là tiếng gọi thiêng liêng bởi ở họ có chung chí hướng, lý tưởng - lý tưởng cách mạng. Chính Hữu đã khiến cho từ "đồng chí" không còn đơn thuần là cách xưng hô khô cứng mà thổi vào đó một ý nghĩa thật thiêng liêng, tình cảm:

Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ
Đồng chí!

Anh với tôi từ chỗ "hai người xa lạ" giờ đây gắn bó keo sơn như một đôi tri kỉ, biết chia sẻ và thấu hiểu lẫn nhau. Cao hơn nữa, anh và tôi, hai người nhập làm một để trở thành đồng chí. Hai tiếng "đồng chí" được ngắt xuống dòng một cách đột ngột cùng với dấu chấm cảm kết thúc dòng thơ đã tạo lên một dư âm thật đặc biệt cho bài thơ. Nó reo lên như một sự phát hiện và khẳng định, lại cũng như một giọng nghẹn ngào trầm lắng của suy tư.

Họ cùng một khát khao muốn chiến đấu đánh đuổi giặc ngoại xâm ra khỏi bờ cõi, đem lại bình yên và hạnh phúc cho mỗi mảnh đất, mỗi gia đình trên đất nước Việt Nam yêu dấu:

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

Bài thơ kết lại bằng một hình ảnh vừa mang tính hiện thực lại vừa có chất trữ tình khiến cho tình đồng chí trở thành một biểu tượng đầy chất thơ. Hai câu đầu nói về công việc hằng ngày của người lính mà cũng là môi trường thử thách, tôi luyện tình đồng chí, đồng đội. Có thể nói chính trong giờ phút gác quân "chờ giặc tới", trong khoảnh khắc mong manh giữa sự sống và cái chết thì tình đồng chí lại trở nên thật thiêng liêng và cao đẹp.

Tác giả bất ngờ kết thúc bài thơ bằng một hình ảnh thú vị: "Đầu súng trăng treo". Đặt trên cái nền là cánh rừng mùa đông Việt Bắc phủ đầy sương muối, những người lính đứng sát cánh bên nhau phục kích chờ giặc trong đêm tối thì hình ảnh "đầu súng trăng treo" hiện lên thật độc đáo. Nó vừa là một hình ảnh tả thực lại vừa là hình ảnh mang tính chất tượng trưng. Từ điểm nhìn ở dưới ngược lên quan

sát thì đúng là ngọn súng và ánh trăng kết nối với nhau giống như ánh trăng đang treo lên ngọn súng. Trăng với súng thành đôi bạn thân thiết với nhau và sự hoà hợp giữa hai hình ảnh này mang nhiều ý nghĩa sâu sắc. Súng là hình ảnh của chiến tranh, khói bom đạn, trăng lại là hình ảnh của cuộc sống thanh bình. Người lính cụ Hồ chung vai chiến đấu bên nhau cũng là vì muốn đem lại một cuộc sống tự do, hoà bình và yên ấm cho dân tộc. Hình ảnh "đầu súng trăng treo" như vậy vừa tô đậm tình đồng chí son sắt lại vừa ngợi ca cuộc chiến đấu vì chính nghĩa của quân và dân ta.

Bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu đã khắc hoạ nên hình ảnh đẹp về người lính cách mạng thời kì kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta.

ĐỀ SỐ 15

Ý nghĩa nhan đề của bài thơ *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* - Phạm Tiến Duật.

GỢI Ý

Cần đảm bảo được các nội dung sau:

- Nhan đề làm nổi bật một hình ảnh rất độc đáo của toàn bài và đó là hình ảnh hiếm gặp trong thơ - hình ảnh những tiểu đội xe không kính. Hình ảnh những chiếc xe không kính chính là hiện thân của chiến tranh khốc liệt. Những người lính lái xe bước vào trong thơ Phạm Tiến Duật với tất cả những khó khăn, gian nan, thử thách mà cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc đã đặt ra. Thế nhưng điều mà nhà thơ muốn nói tới ở đây không chỉ dừng lại ở đó. Vượt lên trên hoàn cảnh, những người lính lái xe vẫn bộc lộ rõ vẻ đẹp rất riêng của thế hệ mình. Nhan đề của bài thơ có hai chữ "Bài thơ" tưởng như rất thừa nhưng lại là sự khẳng định chất thơ của hiện thực, của tuổi trẻ hiên ngang, dũng cảm, vượt lên nhiều thiếu thốn, hiểm nguy của chiến tranh bao trùm khắp câu chữ, dòng thơ.

- Nhan đề bài thơ rất lạ, rất độc đáo, gây sự chú ý cho người đọc, thể hiện cách nhìn, cách khai thác hiện thực rất riêng của tác giả.

ĐỀ SỐ 16

Phân tích bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* của Huy Cận.

BÀI LÀM

Huy Cận là một trong những đại diện tiêu biểu cho phong trào thơ mới những năm 1930 - 1945 với những bài thơ mang âm điệu buồn sầu. Cách mạng tháng Tám thành công tạo nên một bước ngoặt cho lịch sử dân tộc và cũng tạo nên bước ngoặt trong tâm hồn thi sĩ. Thơ ca của Huy Cận những năm sau cách mạng tháng Tám bỗng trở nên khoẻ khoắn, tươi vui lạ thường. Có rất nhiều vần thơ cất lên ca ngợi một cuộc sống thanh bình và trù phú, trong đó phải kể đến bài *Đoàn thuyền đánh cá*. Tác phẩm này được Huy Cận viết sau chuyến đi thực tế dài ngày ở Quảng Ninh.

Bài thơ mở ra bằng cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi đầy hào hứng trong buổi hoàng hôn:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa.
Sóng đã cài then đêm sập cửa.
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

Bằng phương pháp nhân hoá và so sánh, tác giả đã gợi ra những liên tưởng thật đẹp về cảnh hoàng hôn trên biển. Hình ảnh mặt trời sắp lặn gợi cho thi nhân cảm nhận nó giống như một hòn lửa đang toả hơi ấm và ánh sáng vào không gian đang ngả sang chiều tối. Sự chuyển đổi thời gian từ hoàng hôn sang chập tối khiến cho cảnh biển mang một nét đẹp kì vĩ, tráng lệ nhưng cũng rất gần gũi. Người dân chài trên chiếc thuyền câu bé nhỏ lênh đênh giữa biển nước mênh mông nhưng không có cảm giác rợn ngợp, sợ hãi. Cảnh vật như một ngôi nhà thân quen và an toàn vì đã được "cài then", "sập cửa".

Màn đêm khép lại không gian của một ngày nhưng cũng lại mở ra một ngày làm việc mới cho những ngư dân. Từ "lại" cho thấy tính lặp thường xuyên của công việc. Có nghĩa là ngày nào cũng vậy, hoàng hôn buông xuống, trời về đêm thì từng đoàn thuyền đánh cá cũng bắt đầu đi ra biển đánh cá. Tác giả đã dùng hình ảnh ẩn dụ "câu hát căng buồm cùng gió khơi" để nói lên cái khí thế ra khơi đầy phơi phới, hân hoan của chuyến đi. Đó cũng là lời cầu nguyện của ngư dân về một buổi đánh bắt thành công và gặp nhiều suôn sẻ.

Sang đến bốn khổ thơ sau là cảnh đánh cá trên biển của người dân chài. Vẫn tiếp nối cảm hứng lãng mạn tràn đầy lòng say mê và hào sảng, Huy Cận đã sáng tạo một hình ảnh thật đẹp. Đó là hình ảnh con thuyền nhỏ bé bỗng chốc trở nên kì vĩ, lớn lao đang băng băng lướt trên sóng biển:

Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,

Cùng với hình ảnh con thuyền mang tầm vóc vũ trụ, hình ảnh người đánh cá cũng trở lên to lớn hơn. Họ giống như những vị tướng tài ba, khéo léo trong việc bày binh bố trận. Con người hoà hợp và hoàn toàn làm chủ trước thiên nhiên bao la rộng lớn:

Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Bài thơ bỗng chuyển sang lời ca ngợi sự giàu có và xinh đẹp của biển cả. Lời thơ vừa thể hiện sự am hiểu tường tận của một người làm nghề đánh cá, lại vừa bộc lộ sự cảm nhận tinh tế của một nhà thơ:

Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé.
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.

Những con cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song... là những loài cá quí đem lại nguồn thu nhập lớn cho người dân chài. Thế nhưng bằng phương pháp nhân hoá cùng cách gọi thân mật "em" tác giả khiến bạn đọc lại thấy giữa chúng với con người không đơn thuần là mối quan hệ lợi ích vật chất mà thật sự giống như một người bạn thân thiết.

Biển giàu có và biển còn rất đẹp, đẹp một cách mộng mơ. Trên cái nền đen của biển đêm lấp lánh màu sắc của muôn loài cá cùng

với màu vàng của ánh trăng loang in trên mặt nước khi bị đàn cá quẫy đuôi thật đã tạo nên bức tranh biển đêm long lanh và huyền ảo. Trước cảnh đẹp nhà thơ tạo ra một trường liên tưởng nối tiếp hết sức độc đáo: "Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long". Sóng biển đu đưa lùa ánh sao trời in trên mặt nước tạo ra một thứ âm thanh mà tác giả liên tưởng đến tiếng thở của đêm. Dưới con mắt của người nghệ sĩ, thiên nhiên hiện lên thật đẹp, thật tráng lệ mà cũng thật sống động, gần gũi. Không còn thấy bóng dáng Huy Cận "sầu" như giai đoạn trước cách mạng, thiên nhiên giờ đây không phải là cái gì đó quá lớn lao, quá xa lạ với con người và con người cũng không còn cảm nhận sự nhỏ bé, cô đơn của mình trước thiên nhiên. Thiên nhiên và con người không phải là hai bức tranh đối lập mà là một tổng thể hài hoà và gắn bó. Con người lao động tiếp tục cất lên bài hát tươi vui:

Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.

Trong đoạn thơ này, tác giả lại tiếp tục mở ra thêm một trường liên tưởng thú vị cho bài thơ với hình ảnh: "Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao". Không phải con người mà chính là ánh trăng đang gõ lên những nhịp điệu hối thúc gọi cá vào. Biển vào đêm, sóng xô ánh trăng in trên mặt nước khiến nhà thơ thấy như chính ánh trăng đang gõ vào mạn thuyền. Có thể nói dưới cái nhìn lãng mạn của nhà thơ, công việc đánh cá nặng nhọc, vất vả của những người dân chài cũng trở nên bay bổng và thi vị. Hai câu cuối là lời tri ân sâu sắc của con người dành cho biển cả. Cũng giống như lòng mẹ bao la, biển đem lại cho con người nguồn hải sản dồi dào để cưu mang và nuôi lớn con người bằng một tình yêu vô bờ bến.

Công việc đánh cá cũng đến hồi kết thúc, lúc này trời cũng bắt đầu hừng sáng:

Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.
Vẩy bạc đuôi vàng loé rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.

Nếu như đoạn thơ đầu của bài thơ là cánh cửa chuyển giao thời khắc từ ngày sang đêm thì ngược lại, đoạn thơ trên miêu tả thời gian

đang chuyển dần từ đêm tối đến hừng đông. Những ngôi sao bắt đầu lặn dần, mờ dần thì cũng kịp lúc đoàn thuyền bắt đầu kéo lưới thu mẻ cá đánh bắt được. Biển không phụ những ngư dân cần cù khi cho họ "xoăn tay" kéo những "chùm cá nặng". Từng chùm cá đổ tràn trên khoang thuyền với muôn màu sắc lóng lánh và càng lóng lánh hơn khi mặt trời sau một giấc ngủ sâu cũng đã bắt đầu nhô lên cao toả ánh nắng hồng rạng đông của một ngày mới lên đàn cá biển.

Đoàn thuyền lại hăm hở căng buồm lướt sóng trở về cùng chiến lợi phẩm:

Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.
Mặt trời đội biển nhô màu mới,
Mắt cá huy hoàng muôn dặm khơi.

Có thể thấy tiếng hát nguyện cầu đầy lạc quan tin tưởng lúc bắt đầu ra khơi giờ đây thành bài ca chiến thắng khi trở về. Câu hát trở đi trở lại thể hiện một niềm vui lao động của những con người tràn đầy nhiệt huyết, say mê. Mọi hành động đều trở nên nhanh, mạnh. Cuộc trở về được ví von như cuộc chạy đua với mặt trời đã tạo nên cái không khí khẩn trương và sôi nổi. Hình ảnh mặt trời được nhắc lại nhưng không phải là mặt trời "xuống biển" báo hiệu màn đêm dần buông xuống mà là mặt trời "đội biển" nhô lên báo hiệu một ngày mới bắt đầu, ngày mới tràn đầy niềm vui và hạnh phúc với những thành quả có được sau một đêm lao động vất vả. Hơn nữa, với khả năng liên tưởng độc đáo, tác giả đã nhìn thấy một mặt trời nữa cũng huy hoàng không kém gì mặt trời thực của thiên nhiên. Đó là mặt trời của muôn ngàn mắt cá lấp lánh trong buổi bình minh. Một lần nữa, tác giả rất thành công khi tạo ra những hình ảnh đẹp để tạo sự gắn bó hoà hợp giữa con người và thiên nhiên.

Đoàn thuyền đánh cá đã tả lại hành trình công việc của ngư dân từ lúc bắt đầu ra khơi cho đến lúc thắng lợi trở về. Với cảm hứng lãng mạn và ngợi ca, Huy Cận đã sáng tạo nên nhiều bức tranh đẹp thể hiện trường liên tưởng độc đáo và tạo ra cả những khoảnh khắc chuyển đổi diệu kì của thời gian và thiên nhiên tạo vật. Bài thơ cũng là một khúc ca của tình yêu lao động và niềm lạc quan tin tưởng của tác giả đối với đất nước ta những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

ĐỀ SỐ 17

Ý nghĩa nhan đề của bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* - Nguyễn Khoa Điềm.

GỢI Ý

Cần đảm bảo được các nội dung sau:

- Nhan đề đã hé mở ra cho chúng ta biết nội dung của tác phẩm chính là viết về hình ảnh những em bé dân tộc Tà-ôi lớn trên lưng những người mẹ anh hùng. Hình ảnh "những em bé lớn trên lưng mẹ" thực sự là một hình ảnh rất đẹp, rất thơ, bởi nó là kết tinh niềm tự hào cũng như niềm tin tưởng của tác giả vào một thế hệ măng non anh dũng, luôn luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

- Ở đây, tác giả sử dụng danh từ chung "những em bé" chứ không phải một em cu Tai cụ thể nào khiến cho hình ảnh thơ mang tính khái quát. Không phải chỉ một em bé mà là cả một thế hệ những con người được nuôi dưỡng và lớn lên từ trên lưng mẹ. Người mẹ Tà-ôi trong tác phẩm cũng không chỉ là một người mẹ cụ thể mà chính là đại diện cho hình ảnh những bà mẹ Việt Nam mang trong mình tình yêu con hoà chung với tình yêu quê hương, đất nước.

ĐỀ SỐ 18

Phân tích bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy.

BÀI LÀM

Nguyễn Duy thuộc thế hệ những nhà văn - chiến sĩ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Ông cùng đồng đội của mình đã trải qua một thời mưa bom đạn lửa, cùng ăn sương nằm giá ở nhiều cánh rừng già của Tổ quốc. *Ánh trăng* là bài thơ được ông viết vào năm 1978, ba năm sau khi đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất. Bài thơ chính là những hồi tưởng đẹp của tác giả về những ngày đã qua, đồng thời còn là những suy tư của tác giả về ngày hôm nay, đặt trong mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên. Tính trữ tình, tự sự đã giúp *Ánh trăng* của Nguyễn Duy có một giọng điệu rất riêng, gây nhiều ám ảnh cho độc giả.

Giống như một câu chuyện nhỏ được kể lại theo trình tự thời gian tuyến tính, Nguyễn Duy dẫn dắt người đọc cùng sống lại quãng đời từ tuổi ấu thơ đến khi lớn lên, trải qua thời chiến và thời bình trong sự gắn bó đặc biệt với vầng trăng.

Hai khổ thơ đầu, tác giả mở ra cả một không gian rộng lớn với bao kỉ niệm đẹp, tình cảm gắn bó giữa con người với vầng trăng quá khứ. Đây là một thời thơ ấu hồn nhiên tươi đẹp, biết bao kỉ niệm của những lần thả diều trên cánh đồng làng quê, những buổi trưa hè ra sông tắm mát cùng lũ bạn, cả những lần đuổi bắt nhau trên bãi bể... Tuổi thơ của tác giả tràn đầy những niềm vui bình dị khó quên, trong mỗi kỉ niệm đều gắn với ánh trăng quê hương: trăng trên cánh đồng, trăng nơi đáy nước, đứa trẻ đi đâu trăng theo tới đó. Trăng mở ra một khoảng không gian bao la, gần gũi:

Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể

Thời gian tiếp tục trôi cuốn đi tuổi thơ hồn nhiên, vui tươi của một thời trẻ dại, đứa bé ngày nào giờ trưởng thành. Như bao chàng thanh niên yêu nước khác, cậu cũng tham gia vào cuộc chiến tranh chống Mỹ. Nhớ lại thời khói bom lửa đạn này tác giả không khỏi thấy nghẹn ngào:

hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỉ

Chỉ vẻn vẹn có hai câu thơ thôi nhưng cũng đủ khơi dậy trong tác giả cũng như những anh em đồng đội một thời bao nhiêu kỉ niệm. Cả một dân tộc nhỏ bé, nghèo khổ phải chống chọi với kẻ thù to lớn và tàn ác. Dù hậu phương vẫn ngày đêm chi viện cho tiền tuyến, nhưng cuộc sống vẫn còn rất nhiều thiếu thốn, vất vả. Trong giai đoạn gian khổ, vầng trăng gắn bó bền chặt với con người. Trăng thành người bạn tri kỉ của người lính, chia sẻ nhiều niềm vui cũng như nỗi buồn. Trăng đồng hành trong những đêm dài phục kích, trên đường hành quân. Trăng xoa dịu những mất mát đau thương. Trăng gợi cảm giác yên bình. Trăng cũng là nguồn động viên lớn để người lính vào sinh ra tử. Trăng tươi sáng, mát lành giúp cho cuộc sống thực tế đầy khắc nghiệt của những người lính trẻ cũng có lúc thật bình dị, thơ mộng... Câu thơ xuống dòng nhưng không viết hoa đầu dòng đã thể hiện những suy nghĩ miên man của tác giả trong quá trình hồi tưởng. Cứ như vậy, Nguyễn Duy dẫn dụ người đọc vào trường liên tưởng bất tận của mình.

Có thể nói "vầng trăng" chính là hình ảnh tượng trưng cho kí ức chan hoà tình nghĩa mà nhà thơ đã trải qua trong quá khứ đau thương mà hào hùng của dân tộc:

Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa

Tác giả ngỡ những kỉ niệm, những gắn bó ân tình thì sẽ "không bao giờ quên" được. Lời tâm niệm vừa như một lời hứa, một lời khẳng định của người lính với "vầng trăng tình nghĩa". Nhưng chỉ một tiếng "ngỡ" đặt ở đầu khiến câu thơ như có gì thảng thốt, có gì tiếc nuối. Nó gợi mở sự xuất hiện của những biến chuyển mới trong câu chuyện của nhà thơ.

Khổ thơ thứ ba đưa người đọc trở về hiện tại với nhiều đổi thay:

Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương

vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường

Trước hết là sự đổi thay của cuộc sống. Cuộc chiến trường kì gian khổ kết thúc trong chiến thắng, miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước độc lập và thống nhất. Cả dân tộc chung tay khắc phục những hậu quả sau cuộc chiến và chuyển sang thời kì xây dựng xã hội chủ nghĩa. Trong sự thay đổi lớn lao của Tổ quốc là sự thay đổi của từng mảnh đời, từng số phận. Tác giả từ một người lính "ở rừng" chuyển về "thành phố". Không còn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt thời chiến, cuộc sống thời bình nơi thành thị giờ hiện đại, tiện nghi và đầy đủ hơn với "ánh điện, cửa gương"...

Cuộc sống ấm no, hạnh phúc hơn thì tình cảm con người lại thay đổi. Dù vô tình hay cố ý để bị cuốn vào vòng xoáy của cuộc sống mới, con người cũng đã lãng quên đi quá khứ, lãng quên mất "vầng trăng nghĩa tình" từng một thời coi như "tri kỉ". Lời thơ có vẻ thản nhiên, lạnh lùng nhưng ta vẫn cảm nhận được sự nghẹn ngào, day dứt qua hình ảnh "người dưng". Vầng trăng thì vẫn mãi còn đó, vẫn đêm đêm "đi qua cửa" ngôi nhà mình nhưng con người hờ hững, thờ ơ không để ý. Cái vô tình bạc bẽo của lòng người khiến vầng trăng giống như một "người dưng qua đường" hoàn toàn xa lạ. Cuộc sống mới với bao nhiêu bận rộn, con người hiếm có những giây phút thảnh thơi để ngoái nhìn lại. Ánh sáng đèn điện cũng thay thế cho ánh trăng khiến cho vầng trăng không còn nhiều ý nghĩa với con người. Vầng trăng một thời tác giả "ngỡ không bao giờ quên" mà lại đang bị chìm vào quên lãng. Sự lãng quên có thể là mãi mãi nếu không có một tình huống bất ngờ xảy ra:

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn

Hai từ láy "thình lình", "đột ngột" được đảo lên đầu câu khiến cho nhịp thơ nhanh hơn, nhấn mạnh tính bất ngờ của sự việc. Tình huống "mất điện" tuy chỉ là một tình huống rất thực, rất đời thường nhưng nó có ý nghĩa lớn lao với mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình - tác giả. Nó tạo bước ngoặt để nhà thơ bộc lộ cảm xúc và thể hiện chủ đề của tác phẩm. Vì "mất điện" khiến cho bóng tối lại trùm lên

căn nhà, tác giả "vội bật tung cửa sổ" như một phản ứng tự nhiên. Và chính giây phút không đề phòng ấy, ánh trăng hiện ra sáng loà trước mắt nhà thơ một cách đột ngột, không báo trước. Trong khoảnh khắc ấy tác giả bàng hoàng, ngỡ ngàng thấy vầng trăng vẫn còn đó, vẫn tròn đầy đẹp đẽ như xưa. Trăng thiên nhiên thực ra bao đời nay vẫn ở đó chứ không phải do điện tắt mới hiện ra "đột ngột". Vậy nên cái đột ngột là ở trạng thái cảm xúc của thi nhân. Ánh trăng tròn đột ngột xuất hiện khiến trái tim tác giả trào dâng một rung động mạnh mẽ:

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

Cuộc gặp gỡ giữa người và trăng được sắp đặt như duyên kì ngộ trong một đêm yên tĩnh. "Mặt đối mặt" có nhiều cách hiểu. Có thể hiểu đó là sự đối diện giữa mặt người với mặt trăng, giữa quá khứ với hiện tại, giữa sự nghĩa tình với sự lãng quên. Nhưng cũng có thể hiểu đó là cuộc đối diện của nhà thơ với chính lòng mình. Tác giả nhìn trăng và tự vấn lương tâm, tự chiêm nghiệm và ăn năn về sự bạc bẽo, vô tình của mình. Một sự xúc động trào qua tim, nghẹn ngào "rưng rưng" lên khoé mắt. Quá khứ lại ùa về trong cảm xúc mãnh liệt của tác giả, có cánh đồng, con sông tuổi thơ, có cả chiến trường khốc liệt. Kỉ niệm này chưa hết, kỉ niệm khác đã chen lên, khiến cho câu thơ xuống dòng gấp gáp để chạy đua với hoài niệm của tác giả.

Khép lại bài thơ, cảm xúc của tác giả được nâng lên thành triết lý nhân sinh sâu sắc:

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.

Hai câu đầu hiện lên hai hình ảnh đối lập. Vầng trăng thiên nhiên thì vĩnh hằng, bất biến còn con người lại đổi thay, vô tình. "Vầng trăng tri kỉ", "vầng trăng nghĩa tình" của quá khứ đến nay vẫn "tròn vành vạnh" nguyên vẹn, đủ đầy, vẫn thuỷ chung son sắt với con người ngay cả khi con người vô tình lãng quên nó. Trong cuộc gặp gỡ diệu kì, ánh trăng được nhân hoá "im phăng phắc". Cái im lặng

"đủ" khiến người đối diện phải "giật mình" thức tỉnh. Đó là sự thức tỉnh và chiến thắng của lương tâm, bản chất tốt đẹp trong cuộc đấu tranh chống lại sự vô tình, bạc bẽo của chính mình. Vầng trăng mãi là người bạn độ lượng và thuỷ chung, suốt đời lặng lẽ dõi theo từng biến chuyển trong quá trình hoàn thiện nhân cách của con người. Bài thơ đã kết thúc bất ngờ bằng một cái giật mình nhiều ý nghĩa. Câu chuyện của cá nhân tác giả giờ đây lại là một bài học cho tất cả chúng ta suy ngẫm.

Ánh trăng là một câu chuyện nhỏ, giản dị mà Nguyễn Duy, thủ thỉ, tâm tình với bạn đọc. Bài thơ cũng chính là lời nhắc nhở về bài học thuỷ chung, uống nước nhớ nguồn - một lẽ sống cao đẹp của con người trong bất kì thời đại nào chứ không chỉ dành riêng cho những người lính chống Mỹ như tác giả. Với ý nghĩa sâu sắc, khái quát của tác phẩm cùng với nghệ thuật tự sự, trữ tình độc đáo, bài thơ mãi là một vầng trăng đẹp, tròn đầy trong lòng độc giả.

ĐỀ SỐ 19

Ý nghĩa nhan đề của tác phẩm *Làng* - Kim Lân.

GỢI Ý

Cần đảm bảo được các nội dung sau:

- Nhắc đến làng là gợi nhắc tới hình ảnh người nông dân, một đề tài mà Kim Lân viết rất thành công.

- Nhan đề *Làng* đã gói gọn đề tài của tác phẩm là viết về lòng yêu làng, yêu nước của người nông dân trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Đối với những người nông dân, làng chính là hiện thân của quê hương đất nước. Họ yêu làng đồng nghĩa với yêu nước. Tình yêu làng hòa chung trong tình yêu nước. "Làng" ở đây chính là cái làng Chợ Dầu mà ông Hai yêu như máu thịt của mình. Nơi ấy với ông là niềm tin, là tình yêu, là niềm tự hào vô bờ bến. Nơi ấy chính là quê hương là đất nước của ông.

- Không phải ngẫu nhiên mà tác giả chọn tên tác phẩm là *Làng* chứ không phải là "Làng Chợ Dầu". Có lẽ, nhà văn muốn nhấn mạnh tính khái quát của tư tưởng, chủ đề trong tác phẩm. Làng ở đây không chỉ là cái làng Chợ Dầu cụ thể của ông Hai mà còn chỉ tất cả những ngôi làng anh hùng, ngôi làng kháng chiến kiên cường bất khuất trên mọi miền đất nước. Lời ngợi ca vì thế trở nên có tầm vóc, ý nghĩa sâu sắc hơn.

ĐỀ SỐ 20

Ý nghĩa nhan đề của tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* - Nguyễn Thành Long.

GỢI Ý

Cần đảm bảo được các nội dung sau:

- *Lặng lẽ Sa Pa* trước hết gợi nhắc cho ta nhớ tới hay hình dung ra cái thần khí của Sa Pa. Nhắc đến Sa Pa là người ta thường nghĩ tới sự yên tĩnh, bình lặng, nghĩ đến sự nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng.

- Thế nhưng, tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa*, giúp ta nhận ra một điều có ý nghĩa lớn lao. Sa Pa vốn yên bình và lặng lẽ thật, song đó chỉ là cái vẻ lặng lẽ bên ngoài mà thôi. Thực chất, bên trong nó lại không hề lặng lẽ. Đằng sau cái vẻ lặng lẽ của Sa Pa là cuộc sống sôi nổi của những con người đầy trách nhiệm đối với công việc, đối với đất nước, với mọi người mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng một mình trên đỉnh núi cao. Họ âm thầm và lặng lẽ cống hiến cả tuổi xuân của mình cho sự giàu đẹp của đất nước. Như vậy, cái lặng lẽ của Sa Pa không chỉ là cái lặng lẽ của thiên nhiên, cảnh vật mà nó còn là cái lặng lẽ đầy hi sinh, đầy khiêm tốn của những con người nơi đây, cái lặng lẽ vô cùng cao cả. Tạo ra sự đối lập nhan đề và nội dung tác phẩm tác giả muốn làm nổi bật nội dung, ý nghĩa.

- Qua nhan đề tác phẩm, tác giả muốn gửi đến mọi người thông điệp: "Trong cái không khí lặng im của Sa Pa, lại có những con người ngày đêm lao động hăng say, miệt mài, lặng lẽ, âm thầm cống hiến cho đất nước".

ĐỀ SỐ 21

Phân tích hình tượng nhân vật anh thanh niên trong truyện *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long.

GỢI Ý

Cần đảm bảo được một số nội dung sau:

* Hoàn cảnh sống và làm việc:

Anh thanh niên sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao hai nghìn sáu trăm mét, quanh năm suốt tháng chỉ có mây mù bao phủ... Công việc của anh là đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất. Công việc ấy đòi hỏi sự tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao.

* Vẻ đẹp tính cách và tâm hồn của anh thanh niên:

- Sự ý thức về công việc và lòng yêu nghề, thấy được ý nghĩa cao quý trong công việc thầm lặng của mình. Sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống.

- Anh đã có những suy nghĩ thật đúng, thật giản dị mà sâu sắc về công việc, về cuộc sống: "Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?".

- Anh còn biết tìm đến những nguồn vui lành mạnh để cân bằng đời sống tinh thần của mình: anh biết lấy sách làm bạn tâm tình, biết tổ chức cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, tươi tắn (trồng hoa, nuôi gà...).

- Anh luôn cởi mở chân thành, rất quý trọng tình cảm của mọi người, luôn khao khát được gặp gỡ và trò chuyện cùng mọi người: vui mừng đến luống cuống, hấp tấp cùng thái độ ân cần, chu đáo tiếp đãi những người khách xa đến thăm bất ngờ...

- Anh còn là người khiêm tốn, thành thực, cảm thấy công việc và những đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé: khi ông hoạ sĩ muốn vẽ chân dung anh, anh không dám từ chối để khỏi vô lễ nhưng anh nhiệt thành giới thiệu những người khác mà anh thực sự cảm phục.

ĐỀ SỐ 22

Thay lời nhân vật anh thanh niên kể lại câu chuyện *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long.

BÀI LÀM

Tôi đang loay hoay chăm sóc mấy khóm hoa dơn sắp nở thì bỗng tiếng còi xe quen thuộc của bác lái xe vang lên dưới chân núi. Ở độ cao hai nghìn sáu trăm mét này, để tìm được một người bạn tốt bụng và xởi lởi như bác lái xe ấy quả là một điều may mắn cho tôi.

Tôi là anh thanh niên sống và làm việc một mình trên đỉnh núi Yên Sơn. Công việc của tôi là đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày. Nhà tôi vốn ở dưới xuôi, hồi đầu mới lên đây thấy buồn và cô đơn kinh khủng. Đến một hôm, vì quá thèm được nói chuyện với mọi người, tôi liền đẩy một khúc thân cây chắn ngang đường khiến cho chiếc xe khách phải dừng lại. Lúc ấy tôi mới chạy đến, hè với khách đẩy khúc cây sang bên đường cho xe đi. Cũng từ đó, tôi quen được bác lái xe, mối dây liên lạc của tôi với dưới xuôi. Cứ đến giờ này của thứ Hai hằng tuần, bác lại có chuyến xe lên trên này và tôi lại có dịp gặp gỡ, tiếp xúc với con người cho đỡ nhớ. Thời gian rỗi trên núi, tôi cũng có nuôi một vài con gà, tôi cứ để dành trứng gà rồi thi thoảng lại đem biếu bác lái xe một ít. Thỉnh thoảng tôi còn nhờ bác mua sách báo để đọc cho đỡ buồn.

Cũng như mọi lần, vừa nghe thấy tiếng còi xe là tôi vội vàng chạy xuống gặp bác. Bác chỉ có ba mươi phút nên lúc nào tôi cũng phải tranh thủ. Tôi cũng không quen đem theo mấy củ tam thất để biếu bác gái ngâm rượu uống. Vừa nhìn thấy tôi, bác lái xe đã rút từ cửa xe ra một gói giấy và nói:

- Đây là sách tôi mua hộ anh.

Tôi mừng quýnh cầm lấy cuốn sách, còn chưa kịp cảm ơn bác lái xe thì bác lái xe đã kéo tôi lại trước mặt một người trung niên và một cô gái trẻ nói:

- Đây, tôi giới thiệu với anh một họa sĩ lão thành nhé. Và cô đây là kĩ sư nông nghiệp. Anh hãy đưa khách về nhà chơi đi.

Tôi đỏ mặt, luống cuống, một phần vì quá vui mừng khi có người lên thăm nhà tôi - điều rất hiếm xảy ra, nhưng cũng còn vì tôi có chút bối rối, ngượng ngùng trước vị khách nữ này. Để kỉ niệm cho dịp đặc biệt này, tôi muốn tặng cô một bó hoa trong vườn của tôi. Vì thế tôi liền nói:

- Mời bác và cô lên chơi, nhà cháu kia. Nước sôi đã có sẵn, bác và cô lên ngay nhé. Cháu xin phép về trước một chút.

Nói xong, tôi chạy vụt đi, lòng đầy hồi hộp. Tới vườn hoa, tôi chọn những bông hoa tươi nhất, rực rỡ nhất kết thành một bó và trao cho cô gái:

- Tôi cắt thêm vài cành nữa rồi cô muốn lấy bao nhiêu nữa tùy ý. Cô cứ cắt một bó rõ to vào, có thể cắt hết nếu cô muốn. Tôi không biết kỉ niệm thế nào về ngày hôm nay cho long trọng. Bác và cô là đoàn khách thứ hai đến thăm tôi từ Tết đến giờ. Và cô đây là cô gái đầu tiên đến nhà tôi từ bốn năm nay.

Để tranh thủ thời gian, tôi mời luôn hai người vào nhà và nói chuyện. Tôi nói qua về công việc của mình: những nhiệm vụ phải làm, những yêu cầu công việc và cái gian khổ trong công việc,... Tất cả hết năm phút. Tôi dừng kể lể về công việc của mình và trong khi bác họa sĩ và cô kĩ sư vẫn đang chăm chú, háo hức nghe. Họ tỏ vẻ nể phục công việc tôi đang làm lắm. Riêng tôi thì tôi nghĩ đó chỉ là công việc rất bình thường góp phần vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Tôi đã từng gặp rất nhiều những con người vĩ đại, lớn lao hơn tôi gấp trăm lần, chứ công việc của tôi đâu có đáng kể gì. Tôi muốn dành thời gian để nghe những câu chuyện dưới xuôi, tình hình nhân dân dưới đó như thế nào.

Vừa vào đến nhà, bác họa sĩ đã thốt lên ngạc nhiên:

- Anh ở một mình mà bài trí nhà cửa cũng sạch sẽ, ngăn nắp gớm nhỉ?

Tôi chỉ biết cười. Nhà tôi có ba gian, bày biện nào bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm,... Cuộc đời của tôi thu gọn lại trong một góc trái gian với một chiếc giường, một chiếc bàn học cùng với chiếc giá sách. Cô gái có vẻ thích thú với chiếc giá sách của tôi nên cô đến ngay bên cạnh và ngồi xuống chiếc bàn đọc. Tôi mời bác

họa sĩ uống trà và bưng một chén con đặt trước mặt cô kĩ sư. Lúc đó, bác họa sĩ mới hỏi tôi một câu rất thú vị:

- Sao người ta bảo anh là người cô độc nhất thế gian, rằng anh "thèm người" lắm?

Tôi bật cười khanh khách và giải thích với bác:

- Đó chỉ là do bác lái xe nói vậy thôi chứ làm khí tượng, được ở cao như thế này là lí tưởng đấy ạ. Còn một mình thì anh bạn trên trạm đỉnh Phan-xi-phăng mới một mình hơn cháu. Vả khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao lại gọi là một mình được hả bác. Huống chi việc của cháu gắn liền với bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi thì cháu buồn chết mất. Vả lại cháu cũng còn có sách để làm bạn nữa.

Tôi đang say sưa nói chuyện thì chợt nhận ra bác họa sĩ đang vừa nghe tôi nói chuyện, tay bác vừa tranh thủ vẽ tôi vào cuốn sổ nhỏ. Tôi bối rối, thấy mình không xứng đáng được bác họa sĩ ưu ái như vậy nhưng cũng không dám vô lễ nên cứ ngồi yên. Tôi rối rít nói:

- Không, bác đừng mất công vẽ cháu. Cháu giới thiệu cho bác người khác, họ mới xứng đáng. Đó là ông kĩ sư vườn rau, ngày ngày đợi lúc hoa tung cánh, ông cầm chiếc que thụ phấn cho từng cây để củ su hào được to hơn, ngọt hơn. Hay là đồng chí nghiên cứu khoa học ở cơ quan cháu lúc nào cũng ở tư thế sẵn sàng chờ sét để mong sớm làm ra bản đồ sét riêng cho nước ta. Họ mới thực sự là những bức tranh đẹp bác ạ.

Mặc tôi phản đối, cuối cùng bác cũng đã phác họa vài nét ghi lại lần đầu chân dung của tôi. Vẽ xong, nét mặt bác giãn ra có vẻ hài lòng, tâm đắc. Bác mỉm cười dễ mến. Dù đây là lần đầu tiên gặp mặt con người này nhưng tôi thấy họ thật thân thiện và gần gũi. Còn cô kĩ sư đang chăm chú đọc những trang sách dở của tôi kia dường như đã làm đẹp cả một góc phòng.

Chợt tôi nhìn đồng hồ và giật mình nói to:

- Trời ơi, chỉ còn năm phút.

Nói rồi tôi chạy ra đằng sau và trở lại với một làn đầy trứng để biếu bác họa sĩ và cô kĩ sư. Bác họa sĩ lúc ấy quay người chụp lấy tay tôi, lắc mạnh và hứa:

- Chào anh! Nhất định tôi sẽ quay trở lại với anh, tôi sẽ ở với anh ít hôm được chứ?

Tôi cầm tay bác họa sĩ đầy xúc động vì đó là món quà vô giá đối với tôi. Đến lượt cô gái, cô chìa tay cho tôi nắm cẩn trọng, rõ ràng đang cho một cái gì đấy chứ không chỉ đơn thuần là cái bắt tay. Cô nhìn thẳng vào mắt tôi để từ biệt. Giây phút ấy khiến tôi thực sự bối rối, cảm xúc lạ lẫm xâm chiếm. Tôi quay mặt đi để giấu cảm xúc. Cuối cùng tôi cũng nói được lời từ biệt với những vị khách đặc biệt đáng mến này. Nhưng tôi không tiễn họ được vì tôi không muốn nhìn thấy cảnh tiễn biệt.

Họ đi rồi, tôi quay trở vào nhà, thấy căn phòng dường như thiếu mất cái gì đó. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi nhưng đã để lại cho tôi bao nhiêu dư vị và niềm mong đợi một điều gì đó mơ hồ.

ĐỀ SỐ 23

Ý nghĩa nhan đề của tác phẩm *Chiếc lược ngà* - Nguyễn Quang Sáng.

BÀI LÀM

Cần đảm bảo được các nội dung sau:

Nhan đề *Chiếc lược ngà* nhắc tới một hình ảnh vô cùng ý nghĩa trong tác phẩm: Hình ảnh chiếc lược ngà. Chiếc lược ngà là hình ảnh đầy xúc động về tình cha con sâu nặng giữa ông Sáu và bé Thu. Nó là minh chứng thiêng liêng nhất cho tình cảm giữa hai cha con ông Sáu. Với ông Sáu, chiếc lược ngà dồn nén, chứa đựng biết bao nhiêu thương nhớ của ông đối với bé Thu. Chiếc lược ngà ấy thật đáng quý, đáng trân trọng bởi nó không chỉ được làm bằng một loại chất liệu quý (ngà voi) mà còn được mài giũa bằng tất cả tấm lòng của ông dành cho con gái. Mỗi một chiếc răng lược là biết bao nhớ nhung, tỉ mẩn của ông Sáu. Với bé Thu, chiếc lược là vật còn thiêng liêng hơn gấp bội phần bởi nó chính là kỉ vật của người cha mà em vô cùng yêu thương để lại cho em. Chiếc lược ngà trở thành cầu nối yêu thương giữa hai cha con ông Sáu. Bởi thế, đặt tên tác phẩm là *Chiếc lược ngà*, Nguyễn Quang Sáng đã khắc sâu vào trái tim người đọc những ám ảnh khôn nguôi về tình cảm cha con trong thời kì kháng chiến chống Mĩ.

ĐỀ SỐ 24

Phân tích hình tượng nhân vật ông Sáu trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.

BÀI LÀM

Tình cảm gia đình là tình cảm giản dị nhưng cũng thiêng liêng, cao quý vô cùng. Thơ văn là tiếng lòng của con người, nói hộ con người những cảm xúc, tình cảm đậm chất nhân văn này. Đóng góp vào nền thơ văn dân tộc, nhà văn Nam Bộ Nguyễn Quang Sáng cho ra đời truyện ngắn *Chiếc lược ngà* ca ngợi tình cảm cha con sâu sắc. Lấy bối cảnh thời kì chiến tranh và một tình huống đặc biệt, truyện ngắn này đã tái hiện lên một bức chân dung thật đẹp về nhân vật người lính - ông Sáu và tình cha sâu đậm của ông dành cho đứa con gái yêu quý - Thu.

Ông Sáu đi lính và chiến đấu trên chiến trường miền Đông để lại nơi quê nhà người vợ trẻ và đứa con gái đầu lòng chưa đầy một tuổi. Lúc còn ở rừng, trong hoàn cảnh đầy gian khổ và khắc nghiệt, mong manh trên bờ vực giữa sống và chết nhưng ông Sáu không nguôi nhớ về đứa con yêu dấu. Hằng ngày cứ lúc nào rảnh rỗi là ông lại lôi tấm ảnh nhỏ của con ra ngắm cho thoả nỗi nhớ và khát khao ngày được gặp lại con.

Thời gian trôi qua, ông được đơn vị cho về nhà nghỉ phép ba ngày. Lúc này, con gái ông đã gần tám tuổi và thay đổi rất nhiều so với thời còn đỏ hỏn. Tình cha con dồn nén bao nhiêu năm ngỡ tưởng đã đến lúc được thoả niềm mong ước. Chưa gặp được con mà lòng ông đã "nôn nao" nhiều cảm xúc. Khi xuồng vào bến, nhìn thấy một bé gái đứng chơi dưới bóng cây xoài trước sân nhà mình, đoán biết là con, ông Sáu chẳng thể chờ được xuồng cập bến "nhón chân nhảy thót lên bờ, xô chiếc xuồng tạt ra". Tiếp đó, ông "bước vội vàng với những bước dài", "kêu to" tên con, "giọng lặp bặp run run". Ông "vừa bước,

vừa khom người đưa tay đón chờ con". Giọng nói nghẹn ngào, hành động gấp gáp đã diễn tả tâm trạng xúc động mãnh liệt của một người lính mà tình cảm với con bị dồn nén sau bảy, tám năm xa nhà. Nỗi xúc động không chỉ thể hiện qua ngôn ngữ, cử chỉ mà còn thể hiện ngay trên gương mặt "mỗi lần bị xúc động, vết thẹo dài bên má phải lại đỏ ửng lên, giần giật".

Nhưng đáp lại sự xúc động không ghìm nén nổi của ông Sáu, bé Thu lại tỏ ra ngơ ngác, sợ hãi và vụt bỏ chạy. Điều đó cũng dễ hiểu bởi thời gian cùng sự tàn phá của chiến tranh khiến con người ta có nhiều thay đổi, rõ nét nhất ở ngoại hình bên ngoài. Hơn nữa, khi bé Thu mới chào đời ông đã phải vào rừng chiến đấu. Hình ảnh người cha chỉ được biết đến thông qua lời kể của mẹ. Giờ đây lại có người đàn ông lạ mặt có vết thẹo đáng sợ trên má cứ liên tục chạy đến gọi tên mình khiến cô bé có phản ứng tự nhiên đó.

Trước phản ứng của con gái, ông Sáu "sầm mặt lại" và "hai tay buông xuống như bị gãy". Những chi tiết đó cho thấy tâm trạng ông lúc này đang đau khổ tột cùng. Càng háo hức, mong ngóng bao nhiêu trong ngày gặp lại, ngỡ tưởng được con ôm vào lòng và nghe tiếng gọi cha thì giờ đứa con lại hoảng sợ, xa lánh mình, ông Sáu càng hụt hẫng, thất vọng và cảm thấy bất lực bấy nhiêu. Nỗi đau tinh thần hoá thành nỗi đau thân thể, người cha đáng thương thấy mình như bị rụng rời một phần cơ thể.

Chỉ vẻn vẹn ở lại nhà có ba ngày nhưng ông Sáu "suốt ngày chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con" để "mong được nghe một tiếng "ba" của con bé". Tác giả khéo léo tạo ra nhiều tình huống như tạo cơ hội để ông Sáu đạt được mong ước nhưng dường như đều không thành công. Bé Thu không bao giờ chịu gọi ông là ba, mà toàn "nói trổng". Ngay cả khi ông Sáu "giả vờ không nghe" và dồn bé Thu vào "thế bí" thì con bé vẫn nhất quyết im lặng.

Trong bữa ăn, trước cử chỉ dùng đũa hất miếng trứng cá ra khỏi bát cơm khi ông Sáu gắp cho nó, "giận quá không kịp suy nghĩ" ông đã đánh con khiến con bé chạy đến nhà ngoại không chịu về. Vậy là ba ngày ngắn ngủi trôi qua, đêm cuối cùng hai cha con lại mỗi người một nơi. Dù tác giả không diễn tả cảm xúc của ông Sáu lúc này nhưng bạn đọc có thể thấu hiểu sự giày vò, buồn khổ nơi tâm can ông.

Cảnh chia tay diễn ra thật xúc động. Người lính ra đi trong sự bịn rịn, lưu luyến của người ở lại. Ông Sáu sau khi bắt tay hết mọi người mới đưa mắt nhìn con "với đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu". Muốn ôm con nhưng nén lòng mình lại vì sợ con lại giẫy lên bỏ chạy, ông Sáu chỉ dám khe khẽ nói lời từ biệt: "Thôi! Ba đi nghe con!". Trớ trêu thay, lúc chia li lại là lúc bé Thu nhận ra ông Sáu đúng thực là cha mình. Người chứng kiến không khỏi xúc động trước những hành động và lời nói của bé dành cho ba, đó là tình cảm bao nhiêu năm bé Thu dồn lại giờ cứ xổ bung ra hết đợt này đến đợt khác nhưng ông Sáu vẫn phải ra đi. Tác giả để cho nhân vật người kể chuyện bộc lộ thái độ, cảm xúc của mình trước tình cảm cha con của bé Thu và ông Sáu: "Tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim tôi". Tình cha con chân thành đã chạm đến trái tim của mọi người và đó cũng là lời kết án đanh thép nhất dành cho tội ác giặc ngoại xâm gây ra. Chính chiến tranh đã gây nên bao "cuộc chia li màu đỏ" và cuộc chia li trong *Chiếc lược ngà* cũng vậy.

Ông Sáu trở lại miền Đông, tiếp tục cuộc chiến trường kì gian khổ cùng đồng đội. Trong những đêm thao thức ở rừng, ông không nguôi nhớ về con và cảm thấy ân hận vì đã đánh con. Từ nỗi khổ tâm cùng tình yêu bao la vô bờ bến dành cho đứa con gái bé bỏng, ông quyết định làm một chiếc lược ngà dành tặng con như lời hứa với bé Thu trước lúc chia tay. Công việc làm ra một chiếc lược ngà được tác giả kể lại chi tiết, tỉ mỉ, từ việc tự động đi tìm ngà voi rồi lại tự tay cưa từng chiếc răng lược, thận trọng như "một người thợ bạc". Ông còn gò lưng khắc tỉ mẩn lên đó dòng chữ "Yêu nhớ tặng Thu con của ba".

Có thể thấy chiếc lược ngà là một món quà, một lời hứa nhưng trên tất cả là biểu tượng cho tình yêu của ông Sáu dành cho con gái. Ông đã dồn hết tâm huyết cùng tình cảm vào nó. Nhưng chiến tranh nghiệt ngã đã cướp đi sinh mệnh của ông Sáu. Trước lúc hi sinh, ông Sáu móc cây lược ra trao vào tay người bạn chiến đấu cùng lời nhắn nhủ "mang về trao tận tay cho cháu". Nhận được lời hứa từ người bạn, ông Sáu mới nhắm mắt được. Có thể thấy theo năm tháng, trong những thử thách chiến tranh và ngay cả khi cái chết đang đến cận kề, tình yêu của ông Sáu dành cho đứa con không những không phai nhạt đi, mà còn mãnh liệt hơn.

Đoạn trích *Chiếc lược ngà* trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Nguyễn Quang Sáng là một câu chuyện đầy cảm động xảy ra trong những năm tháng chiến tranh chống Mỹ của dân tộc. Tác giả chọn người kể chuyện là một người đồng đội của nhân vật chính, chứng kiến và kể lại. Cách lựa chọn này vừa giúp cho câu chuyện trở nên chân thực, gần gũi hơn lại vừa khéo léo giúp tác giả khi cần có thể bộc lộ trực tiếp những suy nghĩ và thái độ của mình với sự kiện và nhân vật.

Cùng khai thác đề tài người lính nhưng nhà văn Nam Bộ Nguyễn Quang Sáng đã có một cái nhìn rất riêng về hình tượng nhân vật người lính cũng như về chiến tranh. Không đi sâu miêu tả những khó khăn, gian khổ nơi chiến trường, cũng không tập trung vào sự oai hùng, quả cảm của họ trong những trận đánh, nhà văn lại dành sự quan tâm đặc biệt của mình vào khía cạnh tâm hồn, tình cảm của người lính dành cho gia đình, cho những đứa con. Nhân vật ông Sáu trong *Chiếc lược ngà* vì thế đã góp phần tạo nên bức chân dung về người lính thêm toàn diện. Ông Sáu là đại diện cho cả một thế hệ những anh lính cụ Hồ, vừa là chiến sĩ quả cảm, anh dũng nơi chiến trường vừa là người rất mực yêu thương vợ con.

ĐỀ SỐ 25

Phân tích giá trị nhân đạo của truyện ngắn *Cố hương* - Lỗ Tấn.

BÀI LÀM

Lỗ Tấn là nhà văn lớn, là ngọn cờ đầu của văn học Trung Quốc thế kỉ XX. Phan Bội Châu từng nói: "Văn chương có ngậm triết học mới hay. Văn chương Lỗ Tấn là văn chương "ngậm triết học", nhưng muốn hiểu triết lý văn chương Lỗ Tấn, trước hết phải hiểu triết lý nhân sinh Lỗ Tấn". Quả thật, những trang viết của ông chứa chan tinh thần nhân đạo vì "tồn tại, ấm no và phát triển" cho con người và dân tộc Trung Hoa. Truyện ngắn *Cố hương* là một trong những truyện ngắn tiêu biểu của ông thể hiện tư tưởng chủ đề này.

Cố hương cũng như nhiều truyện ngắn khác của ông đều lấy bối cảnh là xã hội Trung Quốc trong giai đoạn chuyển mình từ cách mạng dân chủ cũ sang cách mạng dân chủ mới, tức là từ những năm trước và sau cách mạng Tân Hợi (1911) đến cao trào cách mạng (1925). Truyện ngắn của Lỗ Tấn tập trung tái hiện lại một thời kì lịch sử của nhân dân Trung Hoa dưới chế độ phong kiến mà nhân vật người điên trong tác phẩm *Nhật kí người điên* của ông gọi là "lịch sử ăn thịt người".

Vì vậy, giá trị nhân đạo của truyện ngắn Lỗ Tấn trước hết thể hiện ở tinh thần phê phán sâu sắc xã hội phong kiến đương thời. Trong *Cố hương*, tư tưởng của nhà văn được bộc lộ thông qua nhân vật người kể chuyện xưng "tôi". Nhân vật "tôi" trở về quê hương sau hai mươi năm xa cách, gặp lại những con người đã từng gắn bó sâu sắc với tuổi thơ của mình, chứng kiến tận mắt và đau đớn, xót xa trước sự đổi thay của làng quê và nhất là sự thay đổi ngay trong chính con người nơi đây.

Có thể nói, một trong những đề tài tiêu biểu của Lỗ Tấn là viết về số phận những người nông dân dưới ách áp bức, bóc lột của thế lực phong kiến. Ông nói về nỗi khốn khổ của họ trước sự bóc lột của giai cấp địa chủ, trước hiểm hoạ đói nghèo và bệnh tật.

Trước hết, nỗi đau của những kẻ bị áp bức đã hiển hiện ngay ở ngoại hình bên ngoài của họ. Lấy tình huống rời quê hai mươi năm trời nay trở lại, nhà văn để cho nhân vật "tôi" không khỏi ngạc nhiên và "bàng hoàng" trước những con người ngày nay. Tất cả họ đều thay đổi khiến cho nhân vật "tôi" không thể nhận ra. Họ khác xa với hình ảnh mà nhân vật "tôi" lưu giữ trong kí ức: Từ "nàng Tây Thi đậu phụ" một thời nay "lưỡng quyền nhô ra, môi mỏng dính, hai tay chống nạnh, không buộc thắt lưng, chân đứng chạng ra, giống hệt cái com-pa trong bộ đồ vẽ có hai chân bé tí". Hay hình ảnh Nhuận Thổ, người bạn thân thiết thuở nhỏ của "tôi". Trong kí ức ấu thơ của "tôi" đó là một cậu bé có "khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí tẹo, cổ đeo vòng bạc sáng loáng". Hình ảnh đáng yêu trong quá khứ đến hôm nay sau bao năm trời xa cách, Nhuận Thổ giờ "nước da đổi thành vàng sạm, lại có thêm những nếp răn sâu hoắm... mi mắt viền đỏ húp mọng lên... Anh đội cái mũ lông chiên rách tươm, mặc một chiếc áo bông mỏng dính, người co ro cúm rúm... Bàn tay này cũng không phải là bàn tay tôi còn nhớ, hồng hào, lanh lẹn, mập mạp, cứng rắn, mà vừa thô kệch vừa nặng nề, nứt nẻ như vỏ cây thông"...

Tuy nhiên, khi thể hiện nỗi đau trước thân phận người nông dân trọng xã hội phong kiến, ông không dừng lại ở việc khắc hoạ biểu hiện bề mặt ở những nỗi đau thể xác, mà ông còn đi sâu khám phá những đau khổ tinh thần mà theo ông, cái này còn đáng sợ hơn, khó lòng chịu đựng hơn. Cái nghèo làm cho tính cách người nông dân cũng thay đổi. Gia đình nhân vật "tôi" lần này về quê để thu dọn đồ đạc chuyển lên thành phố ở, khách đến thăm cũng nhiều nhưng "kẻ đến đưa chân, người đến lấy đồ đạc. Có kẻ vừa đưa chân vừa lấy đồ đạc". Tình làng nghĩa xóm cũng có nhưng có lẽ điều quan trọng hơn của những người nông dân đến nhà "tôi" là đem về những thứ mà gia đình nhân vật "tôi" để lại. Có người còn tự nhiên "chôm chỉa" đồ đạc mang về như chị Hai Dương, hay lén lút giấu vào đống tro mang về như Nhuận Thổ...

Người nông dân dường như mất hết lòng tự trọng và sĩ diện, trở nên khúm núm, sợ sệt với thân phận "nô lệ" của mình, Nhuận Thổ và nhân vật "tôi", tuy hai gia đình thuộc hai tầng lớp khác nhau nhưng hồi bé thân thiết như hai anh em. Lần này trở về quê, "tôi" háo hức bao nhiêu vì mong được gặp lại người bạn cũ thì thất vọng, đau đớn bấy nhiêu trước thái độ của Nhuận Thổ đối với mình. Giữa họ giờ đây là cả một khoảng cách, một sự xa lạ đến ngỡ ngàng. Cuộc sống đông con, đói ăn của gia đình khiến cho Nhuận Thổ thấy mình thấp hèn trước nhân vật "tôi", một điều "thưa" hai điều "bẩm ông" với nhân vật "tôi"...

Có thể nói, qua việc khắc hoạ sự thay đổi toàn diện của người nông dân cả mặt nhân hình lẫn nhân tính, Lỗ Tấn đã lên án gay gắt cái chế độ phong kiến thối nát, vô nhân đạo đương thời. Hai mươi năm đã làm cho những nhân vật thay đổi nhưng có phải nguyên nhân chỉ có tác nhân thời gian? Lỗ Tấn bằng cái nhìn xoáy sâu vào bản chất vấn đề đã chỉ cho ta thấy chính chế độ phong kiến với những thế lực thống trị bạo tàn và những chính sách, luật lệ hà khắc, phi nhân đạo đã khiến cho cuộc sống người nông dân trở nên khốn khổ, tiều tuỵ. Cũng chính chế độ phong kiến đã xây dựng nên bức tường ngăn cách, phá hoại những tình cảm trong sáng, chân thành giữa con người với nhau.

Giá trị nhân đạo của Lỗ Tấn còn thể hiện ở niềm tin vào cuộc đời mới cần có và sẽ có cho xã hội cách mạng dưới ngọn cờ cách mạng. Lỗ Tấn một mặt phơi bày thực trạng đen tối của xã hội, thẳng tay chỉ ra những "căn bệnh" tiêu cực của quốc dân nhưng không phải với một thái độ bi quan, trái lại *Cố hương* kết thúc với một thái độ đầy lạc quan, tin tưởng của nhân vật "tôi". Không phải vô tình mà ông để nhân vật "tôi" trở về làng quê khi trời còn đang "u ám" và ra đi lúc "hoàng hôn". Trước mắt nhân vật "tôi" hiện ra cảnh tượng "một cánh đồng cát, màu xanh biếc, cạnh bờ biển, trên vòm trời xanh đậm, treo lơ lửng một vừng trăng tròn vàng thắm". Đó chính là ước mơ của nhà văn về một tương lai hứa hẹn đầy tươi sáng cho dân tộc ông. Nhà văn cho rằng: "Kì thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi". Đường là do con người dẫm nát chỗ chông gai mà tạo nên. Cũng như để có một ngày mai tươi sáng thì ngày hôm nay chúng ta phải biết đứng lên chiến đấu chống lại những

"ung nhọt" của căn bệnh quốc dân, đi theo tiếng gọi của cách mạng chống lại giai cấp phong kiến thống trị.

Lỗ Tấn là một người dân yêu nước, người luôn quan tâm đến vận mệnh của dân tộc và đấu tranh không mệt mỏi cho một xã hội tiến bộ, nhân đạo để nhân dân được ấm no, hạnh phúc. Con người chiến sĩ kết hợp con người văn chương trong Lỗ Tấn đã tạo ra những truyện ngắn đặc sắc và chứa chan tinh thần nhân đạo. Ông xứng đáng là "linh hồn dân tộc" bốn chữ mà nhân dân Trung Hoa với sự biết ơn trân trọng của mình, đã khắc lên lá cờ đỏ phủ lên trên chiếc quan tài cho ông.

ĐỀ SỐ 26

Chọn và phân tích, bình luận một số hình ảnh của ba đứa trẻ hàng xóm qua sự cảm nhận của A-li-ô-sa trong tác phẩm *Những đứa trẻ* của M.Go-rơ-ki.

BÀI LÀM

Tiểu thuyết tự thuật, hay còn gọi là tự truyện, là câu chuyện nhà văn kể lại cuộc đời mình, thông qua người kể chuyện xưng "tôi", cũng chính là tác giả. Dưới hình thức tiểu thuyết, tác phẩm không đơn thuần chỉ là bản liệt kê các sự kiện đã từng xảy ra trong cuộc đời nhà văn mà bằng tài năng hư cấu, bản "tiểu sử" đơn điệu đó sẽ trở nên những câu chuyện có sức hút lớn với người đọc. Nhà văn Nga - M. Go-rơ-ki đã viết cuốn tiểu thuyết tự thuật dài mười ba chương *Thời thơ ấu* gây nhiều ấn tượng cho độc giả bởi tính chân thực và giọng điệu hài hước, dí dỏm. Nhà văn không chỉ thành công trong việc tự hoạ bức chân dung cho chính mình mà còn vẽ lên nhiều bức chân dung nhân vật độc đáo khác có liên quan đến cuộc đời mình. Như trong đoạn trích ngắn *Những đứa trẻ* nằm ở chương IX cuốn tiểu thuyết tự thuật này, M. Go-rơ-ki đã vẽ lên hình ảnh ba đứa trẻ hàng xóm qua sự cảm nhận của nhân vật "tôi" - A-li-ô-sa - thật đáng yêu mà tội nghiệp.

Ba đứa trẻ nhà hàng xóm và A-li-ô-sa tuy mỗi gia đình thuộc thành phần xã hội khác nhau (một bên là quan chức giàu có, một bên chỉ là dân thường) nhưng chúng có hoàn cảnh rất giống nhau: đều là những đứa trẻ mồ côi, sống thiếu tình thương của gia đình và hay bị đánh đòn. Có lẽ từ sự đồng cảnh này mà A-li-ô-sa dành nhiều thiện cảm cho ba đứa trẻ và có sự quan sát rất nhạy cảm, tinh tế, thể hiện sự đồng cảm sâu sắc.

Trong một cuộc nói chuyện trên cái xe trượt tuyết cũ để dưới mái hiên nhà kho của ba đứa trẻ, A-li-ô-sa có hỏi về mẹ bọn chúng.

Sau câu trả lời của thằng anh lớn, A-li-ô-sa quan sát thấy: "Và cả ba đứa có vẻ nghĩ ngợi, gương mặt sầm lại" cùng một sự liên tưởng thú vị: "Chúng ngồi sát vào nhau giống như những chú gà con". Qua sự cảm nhận này của A-li-ô-sa, người đọc dường như thấy ở hình ảnh ba đứa trẻ này có cái gì đó vừa ngây thơ trẻ con lại vừa đáng thương, tội nghiệp. Chúng mất mẹ khi còn là những đứa con nít vẫn cần lắm bàn tay chăm sóc hằng ngày của một người mẹ. Chúng cũng muốn lắm mà chẳng được ai kể truyện cổ tích cho nghe. Bố chúng có lấy vợ khác và chúng hiểu người đó cũng được gọi là "mẹ" hay gọi là "dì ghẻ" theo lời nhân vật A-li-ô-sa. Hoàn cảnh mồ côi đáng thương hiện qua chi tiết nói về vẻ mặt u sầu, nghĩ ngợi của ba anh em mà A-li-ô-sa đã nhìn thấy. Ta thấy rằng dường như cuộc sống hiện tại với bố và dì ghẻ cũng không vui vẻ hay hạnh phúc gì.

Tìm hiểu câu chuyện độc giả có thể thấy rằng sự cảm nhận của A-li-ô-sa rất nhạy cảm và chính xác. Ba đứa trẻ sống dưới một ngôi nhà thiếu tình thương của gia đình, hay bị đánh đòn và cấm đoán. A-li-ô-sa rất yêu thích truyện cổ tích. Cho nên em đã so sánh ba đứa trẻ với hình ảnh "chú gà con" trong sự liên tưởng về cảnh lũ gà con sợ hãi co cụm vào nhau khi nhìn thấy diều hâu mà em vẫn thấy trong các câu chuyện cổ tích bà ngoại kể.

Thêm một sự quan sát và nhận xét nữa của A-li-ô-sa về ba đứa trẻ cũng rất tinh tế. Đó là khi đại tá Ốp-xi-an-ni-cốp, cha của ba đứa trẻ, bất chợt xuất hiện, mắng con thì "cả mấy đứa trẻ lặng lẽ bước ra khỏi chiếc xe và đi vào nhà, khiến tôi nghĩ đến những con ngỗng ngoan ngoãn". Thêm một hình ảnh so sánh thú vị và rất chính xác với nhân vật. Hình ảnh "những con ngỗng ngoan ngoãn" lặng lẽ đi vào nhà không chỉ gợi về dáng dấp, điệu bộ bên ngoài mà còn thấy rõ nội tâm của chúng. Hình ảnh ba đứa trẻ hiện lên thật tội nghiệp trước người bố hà khắc hay cấm đoán, áp chế. Với chúng, nỗi sợ hãi với bố có lẽ còn lớn hơn cả tình yêu. Có lẽ vì vậy mà trong các cuộc nói chuyện của A-li-ô-sa thì ba đứa trẻ "chưa bao giờ nói một lời nào về bố và dì ghẻ".

Trong ba đứa trẻ, thằng lớn là đứa được A-li-ô-sa "ưa hơn cả" cho nên cũng nói về nó nhiều hơn cả. A-li-ô-sa để ý thấy rằng "nó thường nói một cách buồn bã: ngày trước, trước kia, đã có thời... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm". Lời nhận xét này cho thấy vẻ già dặn trước tuổi của thằng anh lớn. Chính hoàn cảnh đáng thương đã khiến nó, với vai trò là anh cả trong ba đứa em, phải người lớn hơn. Nhưng bạn đọc hẳn thấy trong lời nhận xét hài hước, ngây thơ của bé A-li-ô-sa có cả một sự xót xa, buồn bã và đồng cảm. Việc thằng anh lớn hay nhắc lại thời gian đã qua trong quá khứ thể hiện sự nuối tiếc về hạnh phúc đã từng có, hạnh phúc đã qua với ba đứa trẻ. Hình ảnh người bà hiền hậu hiện ra ở cuối đoạn trích như một biểu tượng về tình thương yêu trong gia đình mà ta vẫn thấy nhiều trong các câu chuyện cổ tích, đó chính là ước mơ của những đứa trẻ như A-li-ô-sa, như ba đứa trẻ kia về một mái ấm gia đình thật hạnh phúc và nhiều niềm vui.

Có thể nói qua sự quan sát và nhận xét rất tinh tế của A-li-ô-sa mà cũng chính là tác giả, hình ảnh ba đứa trẻ nhà hàng xóm hiện ra thật đáng yêu nhưng cũng thật đáng thương, tội nghiệp. Bằng tình yêu dành cho trẻ con, bằng tấm lòng trăn trở cho những mảnh đời bé nhỏ gặp nhiều bất hạnh trong cuộc sống, M. Go-rơ-ki đã viết nên một tác phẩm gây xúc động và gợi lòng trắc ẩn ở mỗi con người. Trong mắt ông, trẻ con như những sinh linh thật đáng yêu và mỏng manh, luôn cần và xứng đáng được hưởng sự chăm sóc và bảo vệ của mọi người. Đây là ý nghĩa nhân đạo mà tác phẩm đã chuyển tải được thành công hơn cả những gì thể loại tự thuật yêu cầu. Chính nó giúp cho nhà văn M. Go-rơ-ki cùng cuốn tiểu thuyết tự thuật của ông ở lại trong nhiều trái tim độc giả đến vậy, như một nhà văn đã nói: "Từ trái tim sẽ đến được với trái tim".

PHẦN II:

CHƯƠNG TRÌNH HỌC KÌ II

ĐỀ SỐ 27

Qua lời bàn của Chu Quang Tiềm trong bài *Bàn về đọc sách* em hãy trình bày ý kiến của mình về vai trò của việc đọc sách và phương pháp đọc sách có hiệu quả.

BÀI LÀM

Cổ nhân Trung Quốc có nói: "Để cho con một hòm vàng không bằng dạy cho con một quyển sách hay". Thế mới biết ngay từ xa xưa, con người đã đề cao giá trị của sách vở và vai trò của việc đọc sách. Suy ngẫm về vấn đề này, nhà mỹ học, lý luận văn học nổi tiếng người Trung Quốc - Chu Quang Tiềm - đã đưa ra bài viết *Bàn về đọc sách* thật nhiều ý nghĩa. Với những lí lẽ khoa học, hợp lý và chặt chẽ, tác phẩm là một cái nhìn khá toàn diện về vấn đề "đọc sách". Bạn đọc có thể tìm thấy trong tác phẩm vai trò của việc đọc sách và tự rút ra một bài học kinh nghiệm bổ ích, thiết thực về phương pháp đọc sách hiệu quả cho bản thân mình.

Thứ nhất, khi nói đến vai trò của việc đọc sách ta có thể khẳng định: vai trò đầu tiên cũng là vai trò quan trọng nhất, bản chất nhất của việc đọc sách là để tích luỹ, bổ sung và nâng cao học vấn.

Đúng như lời của Chu Quang Tiềm: "Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là con đường quan trọng của học vấn". Sách chính là phát minh kì diệu của con người và có ý nghĩa rất lớn trong việc lưu truyền từ đời này sang đời khác kho tri thức quý báu của nhân loại. Chúng ta, những thế hệ đi sau muốn tiếp thu lấy những tinh hoa quý giá của ông cha để lại thì mọi con đường đều phải bắt nguồn từ việc đọc sách. Người này có thể đọc sách rồi chỉ dẫn trực tiếp cho người kia học hỏi. Ngẫm nghĩ riêng

về đất nước ta, thời kì con người còn nhiều mông muội, nhiều sự nhìn nhận và lý giải ngô nghê về thiên nhiên và con người thì những "hiểu biết" đó chưa có phương thức lưu truyền nào ngoài truyền miệng. Càng về sau này, con người càng phát triển, chữ viết ra đời, con người lại càng muốn có nhu cầu được ghi chép lại và những "hình thức" đơn sơ đầu tiên của sách như xương thú, mai rùa, vách đá, thẻ tre... ra đời. Điều đó cho thấy nhu cầu ghi chép lại kinh nghiệm sống, vốn tri thức của mình cho mọi người biết là một nhu cầu có từ rất sớm và mạnh mẽ. Nó cũng chính là động lực cho sự phát triển của loài người từ dã man sang văn minh.

Sách được phân loại vô cùng phong phú và đa dạng với nhiều nội dung, nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống. Sách khoa học tự nhiên mang cho ta kiến thức về khoa học tự nhiên, còn sách xã hội lại cung cấp cho ta những kiến thức về xã hội, có sách chuyên bàn về phương pháp có tính chất thực hành thì cũng có sách chuyên về tri thức có tính lý thuyết, có sách lại thiên về giải trí, giúp chúng ta thư giãn đầu óc (truyện cười, tranh hài...). Do đó đọc sách sẽ giúp chúng ta mở mang tầm hiểu biết, bổ sung những thứ chưa biết và trau dồi thêm những điều đã biết. Mỗi một cá nhân nếu ý thức được vai trò đó mà chăm chỉ học tập thì học vấn sẽ ngày một uyên thâm.

Thứ hai, đọc sách chính là cầu nối giao tiếp của một cá nhân với cộng đồng, dân tộc hay toàn nhân loại. Nói về vai trò này, Chu Quang Tiềm viết: "Học vấn không chỉ là việc cá nhân mà là việc của toàn nhân loại". Như vậy có nghĩa là, đọc sách để học hỏi và nâng cao học vấn, mà học vấn là một nhu cầu tự nhiên, tất yếu trong tiến trình phát triển của loài người nói chung chứ không phải của một cá nhân nào riêng lẻ. Do đó, cũng rất tự nhiên, nhân loại sẽ có những kênh giao tiếp phù hợp với mình. Khi ta đọc những câu chuyện thần thoại, sử thi của dân tộc cũng là khi ta bắt được kênh giao tiếp với ông cha, với các vị anh hùng thời kì đó, hiểu được lối sống, phong tục tập quán cũng như cách tư duy của họ. Đọc sách ngoại ngữ để kết nối toàn cầu, điều này ai ai cũng thấy rõ...

Vai trò cuối cùng của việc đọc sách có thể khái quát lên là giúp con người hoàn thiện mình về mặt nhân cách. Nói đúng hơn, sách dạy ta tri thức làm người để sống sao cho xứng đáng với danh xưng thiêng liêng, cao quý ấy. Những cuốn sách đạo đức và nhất là những cuốn sách về văn chương bao giờ cũng có sức truyền cảm mạnh mẽ và

lớn lao đến tâm hồn bạn đọc. Một câu chuyện đời sống giản dị, một tấm gương có thực, hay một triết lý cao siêu... đều chứa đựng nhiều bài học mà văn chương nghệ thuật là một hình thức, phương tiện giúp con người tiếp thu một cách nhanh chóng và hiệu quả thông qua con đường đọc sách.

Với những ý nghĩa quan trọng này của việc đọc sách mà một vấn đề nữa nảy sinh và ngay lập tức được nhiều người quan tâm. Đó là: đọc sách như thế nào mới có hiệu quả? Rõ ràng kiến thức trong sách vở là vô cùng phong phú và quý báu. Có một thực tế là nhiều người đọc sách nhưng không phải ai cũng được gọi là uyên bác. Điều đó chính là do cách đọc sách, cách tiếp thu tri thức của mỗi người không giống nhau và dĩ nhiên có người đúng, người sai.

Để đọc sách có hiệu quả, trước tiên ta phải chọn được sách đúng, sách hay. Damiron có nói: "Lựa sách mà đọc cũng như lựa bạn mà chơi. Hãy coi chừng bạn giả". Quả thật đặt trong tình cảnh xã hội hiện đại ngày nay với số đầu sách ngày càng nhiều và trong đó có những quyển sách không mấy chất lượng cũng được xuất bản ồ ạt, thì việc chọn lựa kĩ trước khi đọc là một việc làm cần thiết.

Khi chọn được sách tốt, sách hay chúng ta mới tìm hiểu phương pháp đọc sách có hiệu quả.

Thứ nhất, đó là phải kết hợp nhuần nhuyễn ba khâu "miệng đọc, tâm ghi, đầu nghiền ngẫm". Không nên hiểu "miệng đọc" đồng nghĩa với việc đọc phát ra thành tiếng, mà ý này muốn nhắc tới ba việc: đọc, nhớ và hiểu. Việc thứ nhất chính là điều kiện cần nhưng chưa đủ. Cho nên có thể nói, đọc sách trước hết phải chú tâm. Nếu miệng đọc (trong đầu hay phát ra âm thanh bên ngoài) mà tâm không ghi thì dễ dẫn đến tình trạng đọc xong là quên hết. Còn nếu đọc, có chú tâm nhưng không nghiền ngẫm thì dẫn đến tình trạng học vẹt, nhớ mà không hiểu hay hiểu sai. Ba việc trên (đọc, nhớ, hiểu) vì thế cần tiến hành theo trình tự từ thấp đến cao. Có làm như vậy, những tri thức mình đọc được từ sách vở mới trở thành tri thức của mình, tức là việc đọc sách có hiệu quả.

Thứ hai, đọc sách không cốt ở chỗ nhiều mà quan trọng là lấy được phần tinh hoa nhất. Biết chọn sách hay thì cũng phải biết cuốn sách đó hay như thế nào mà hướng đến đọc để tìm hiểu và lĩnh hội làm tri thức của mình.

Thứ ba, phải biết phân loại sách để phân bổ thời gian và lập kế hoạch học tập cho hợp lý. Theo đó, sách cơ bản là nội dung cần tiếp thu trước tiên. Ai cũng phải nắm được loại sách này rồi mới tuỳ đối tượng mà đọc thêm sách bổ trợ, sách chuyên sâu...

Thứ tư, phải tạo cho bản thân thói quen đọc sách thường xuyên và lâu dài. Nếu coi việc đọc sách không phải một nhiệm vụ bắt buộc mà như một thói quen của mình thì việc đọc sách mới trở nên dễ dàng hơn rất nhiều. Thêm vào đó, tri thức thì vô cùng, sự hiểu biết của cá nhân lại có hạn nên việc đọc sách cần diễn ra thường xuyên và lâu dài. Kiến thức có lúc cũng thay đổi theo tính lịch sử và kiến thức mới thì mỗi ngày một xuất hiện, đọc thường xuyên là một việc làm cần thiết, vừa nhớ lâu, vừa mở rộng hay cập nhật kiến thức cho phù hợp với hoàn cảnh dân tộc hay thời đại.

Cuối cùng, đọc sách cần tránh sự sùng bái, thần tượng mà luôn có quan điểm khách quan, toàn diện để thấy được cái đúng cũng như cả cái sai (nếu có). Điều này không phải ai cũng làm được vì để đạt được điều này bản thân người đọc cũng phải ở một trình độ khá cao. Tuy nhiên không có gì là tuyệt đối và tinh thần phê phán ở đây không phải là bài xích hay phủ nhận sạch trơn mà trên tinh thần tiến bộ, thúc đẩy sự phát triển mà thôi.

Trên đây là những suy nghĩ của cá nhân tôi sau khi học xong bài *Bàn về vấn đề đọc sách* của Chu Quang Tiềm. Bài viết của ông quả thực rất hữu ích cho tất cả chúng ta, cung cấp cho chúng ta một cái nhìn toàn diện về vai trò của việc đọc sách và phương pháp đọc sách hiệu quả.

ĐỀ SỐ 28

Ý nghĩa nhan đề của bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* - Thanh Hải.

GỢI Ý

Cần đảm bảo được các nội dung sau:

- Trong bài thơ có hình ảnh của ba mùa xuân:

+ Đó là mùa xuân của thiên nhiên tuyệt đẹp, tràn trề sức sống với dòng sông xanh, với bông hoa tím và tiếng chim chiền chiện hót vang rộn rã làm náo nức lòng người.

+ Đó là hình ảnh mùa xuân của đất nước, mùa đất nước hồi sinh mạnh mẽ với khí thế hăng say vừa lao động sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

+ Hình ảnh mùa xuân nho nhỏ còn là biểu tượng cho những gì tinh túy nhất, đẹp đẽ nhất của sự sống và của cuộc đời mỗi con người. Với ý nghĩa ấy, "mùa xuân nho nhỏ" là một cách nói khiêm tốn của tác giả về ước mong đẹp đẽ của tác giả. Nhà thơ ước mong được góp mùa xuân nho nhỏ của mình để xây dựng mùa xuân lớn của đất nước.

- Nhan đề *Mùa xuân nho nhỏ* còn thể hiện quan điểm về sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung, giữa cá nhân và cộng đồng.

=> Nhan đề *Mùa xuân nho nhỏ* là một sáng tạo thực sự mới mẻ của nhà thơ.

ĐỀ SỐ 29

Phân tích bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải.

BÀI LÀM

Lỗ Tấn đã từng nói: "Người ta chỉ chết khi không còn sống trong lòng những người đang sống". Quả đúng như vậy, Thanh Hải đã ra đi về cõi vĩnh hằng cách chúng ta gần một phần ba thế kỉ nhưng những vần thơ cùng tên tuổi của ông vẫn còn sống trong lòng của chúng ta hôm nay, và chắc chắn mai sau vẫn thế. Con người ấy đã cống hiến cả cuộc đời mình cho quê hương, đất nước, cho đến tận những giây phút cuối cùng vẫn còn tha thiết muốn được cống hiến. Và điều đó đã được Thanh Hải gửi gắm qua những vần thơ trong *Mùa xuân nho nhỏ*. Bài thơ chính là tiếng lòng bâng khuâng, tha thiết, sâu lắng của một Thanh Hải yêu đời, yêu quê hương đất nước, một Thanh Hải sống cho thơ, sống cho đời.

Bài thơ được mở đầu bằng những hình ảnh ngập tràn sắc xuân:

Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng

Chỉ với vài hình ảnh nho nhỏ, bình dị và rất đỗi thân quen: một dòng sông xanh, một bông hoa tím... nhà thơ đã dựng nên một mùa xuân thắm sắc và hiền hòa mang đậm chất Huế. Những hình ảnh ấy hòa vào với nhau mở ra một không gian mùa xuân thật cao, thật rộng và thắm sắc. Không phải chỉ có Thanh Hải miêu tả mùa xuân với hình ảnh con sông quê hiền hòa, tiếng chim hót và hoa mùa xuân nhưng cái đặc biệt trong thơ Thanh Hải là nhắc người ta nhớ đến một mùa xuân mang nét riêng của xứ Huế. "Dòng sông xanh"

ở đây chính là dòng sông Hương thơ mộng uốn mình quanh núi Ngự. Và dòng sông ấy còn được điểm thêm một sắc tím. Có thể đó là màu tím của một bông lục bình - một loài hoa gắn với sông nước bình dị. Những thi nhân xưa khi chấp bút viết về mùa xuân thì thường lựa chọn những loài hoa kiêu sa, quí hiếm như: hoa đào, hoa mai... Nhưng với Thanh Hải thì khác, mùa xuân trong thơ của ông được điểm bằng một bông lục bình tím biếc - cái màu đặc trưng nhuộm cả xứ Huế yêu thương này, cái màu tím ấy không ồn ã, không rực rỡ nhưng nó lại làm người ta phải ngẩn ngơ.

Với cách sử dụng phép đảo ngữ đưa từ "mọc" lên đầu câu thơ đã tạo nên một ấn tượng về sức mạnh, sự vươn lên của bông hoa tím giữa màu xanh của dòng sông để điểm tô cho đời sắc biếc của nó. Chỉ với hai gam màu mà nhà thơ đã gợi lên được sắc xuân vừa đằm thắm vừa dịu dàng khiến lòng người xao xuyến. Giữa không gian đầy sức xuân ấy, tiếng chim chiền chiện đã lay động tâm hồn của nhà thơ, khiến cho nhà thơ không thể nén nổi cảm xúc của mình và cất lên tiếng gọi thật thiết tha:

Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời

Chiền chiện là loài chim sơn ca của vùng này, tiếng hót thánh thót, véo von của nó vang động cả đất trời, làm cho mùa xuân thêm rộn ràng. Cách kết hợp giữa hô ngữ "ơi" với cụm từ "hót chi" nghe sao thân thương, trìu mến đến lạ.

Trước cảnh mùa xuân quê hương tươi đẹp, hiền hòa mà chất chứa một sức sống thật mãnh liệt, tâm hồn của nhà thơ như muốn mở rộng ra mãi để đón nhận lấy tất cả, để nâng niu và trân trọng:

Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng

Từng giọt long lanh rơi gợi cho người đọc biết bao liên tưởng. Là giọt sương mai nhỏ đầu cành? Là giọt mưa xuân? Là tiếng chim hót lảnh lót? Hay đó là do sự hòa lẫn vào nhau của dòng sông xanh, màu hoa tím, tiếng chim chiền chiện kết tinh lại thành giọt? Nhưng dù hiểu theo ý nào đi chăng nữa thì những "giọt long lanh" kia vẫn là những âm thanh và hương sắc mùa xuân đã cô đọng lại mà thành. Ở đây nghệ thuật tu từ chuyển đổi cảm giác đã được tác giả vận dụng một cách tài tình, linh hoạt biến những hình ảnh chỉ có thể cảm nhận bằng thị giác, thính giác thành thực thể để nhà thơ có thể

nâng niu, giữ gìn. Chỉ một từ "hứng" cũng đủ diễn tả sự trân trọng của nhà thơ đối với vẻ đẹp của trời mây, sông nước, chim muông, hoa lá đến chừng nào. Đồng thời còn thể hiện cảm xúc trọn vẹn của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên đất trời.

Cũng đắm say trước cảnh sắc mùa xuân mà Xuân Diệu đã có lần phải thốt lên:

Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi.

Với Xuân Diệu mùa xuân biến thành nàng thiếu nữ có cặp môi hồng, non tơ đầy hấp dẫn, quyến rũ đến mức thi sĩ chỉ muốn chiếm giữ lấy. Còn Thanh Hải lại dành cho mùa xuân một tình cảm hết sức dịu dàng, nhưng đầy sự nâng niu, trân trọng và cũng không kém phần mãnh liệt.

Từ mùa xuân của thiên nhiên, đất trời nhà thơ tiếp tục trải cảm xúc của mình ra mùa xuân của đất nước, con người:

Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ

Với những câu thơ vừa tả thực vừa mang ý nghĩa tượng trưng, nhà thơ đã dựng lên một mùa xuân của đất nước qua hình ảnh "người cầm súng", "người ra đồng", đây là mùa xuân của một đất nước, của những con người sống, chiến đấu và lao động. Ý thơ này không mới nhưng khi kết hợp với hình ảnh "lộc" nhà thơ đã tạo nên một cách cảm nhận mới. "Lộc" ở đây không chỉ là chồi non, lá non mà lộc ở đây còn có nghĩa là mùa xuân, là sự sống, là thành quả của hạnh phúc. Người cầm súng giắt lộc trên lưng như để mang thêm sức xuân vào trận địa, làm nên những chiến thắng, người nông dân ra đồng như gieo mầm xanh của sự sống, gieo mùa xuân trên từng nương mạ và hứa hẹn những mùa bội thu. Cái không khí đầy nhiệt huyết ấy đã được thâu tóm lại ở hai câu kết của khổ thơ:

Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao...

Lượng từ "tất cả" được điệp lại hai lần ở đầu mỗi khổ thơ cùng các tính từ "hối hả", "xôn xao" và dấu ba chấm ở câu cuối đã tạo một sức xuân như căng tràn và chảy trong mỗi con người, lan tỏa ra cả cộng đồng, dân tộc.

Mùa xuân của đất trời hiển hiện qua hình ảnh lộc non theo chân người cầm súng vào trận địa, theo chân người ra đồng lên nương mạ và mang ý nghĩa khẳng định những con người ấy đã làm nên mùa xuân bất diệt của đất nước. Và cũng chính vì vậy mà hình ảnh người chiến sĩ gắn với hình ảnh người nông dân đã trở thành một biểu tượng thật đẹp cho mùa xuân của tình người, của đất nước. Phải là người gắn bó với quê hương, với con người bằng tình cảm máu thịt Thanh Hải mới có được những vần thơ vừa hiện thực vừa bay bổng như vậy.

Xuân của đất trời hoà cùng xuân của lòng người, điều đó khiến cho nhà thơ không khỏi không nghĩ tới niềm tự hào về một đất nước mà bề dày lịch sử của nó được đổi bằng máu và nước mắt của bao thế hệ:

Đất nước bốn ngàn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.

Cùng dòng cảm xúc với Thanh Hải, Nguyễn Khoa Điềm từng viết:

Khi ta lớn lên đất nước đã có rồi
Đất nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa..." mẹ thường hay kể

Niềm tự hào về đất nước của Nguyễn Khoa Điềm được hình thành từ những câu chuyện cổ tích bên nôi, từ những cái ngày xửa ngày xưa... Đó là niềm tự hào về một đất nước có bề dày văn hiến. Nhưng điều đặc biệt của thơ Thanh Hải là niềm tự hào đó được nhà thơ cảm nhận trong cái nhịp điệu hối hả cùng những âm thanh rộn rã của cuộc sống mới.

Cũng từ đây tâm hồn lãng mạn của thi sĩ như được chắp thêm đôi cánh để tạo nên một hình ảnh đất nước thật đẹp khi so sánh: "Đất nước như vì sao/Cứ đi lên phía trước". Nói đến vì sao là nói đến vì tinh tú lấp lánh trên bầu trời, là ngôi sao vàng năm cánh rực rỡ trên nền đỏ thắm của lá cờ Tổ quốc, ngôi sao ấy chính là linh hồn, là khát vọng độc lập, tự do thiêng liêng ngàn đời của dân tộc. Bởi từ nô lệ lầm than, dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, của Bác, nhân dân ta đã anh dũng đứng lên tự giải phóng và tô sáng tên "Việt Nam" trên bản đồ thế giới. Vì sao lúc này đã trở thành biểu tượng cho con người, đất nước Việt Nam mãi sáng ngời và mạnh mẽ tiến lên phía trước mặc dù còn bao khó khăn, vất vả.

Với ba khổ đầu của bài thơ chúng ta có thể khái quát được diện mạo của Tổ quốc, đất nước, một đất nước thanh bình, tươi đẹp. Với bề dày lịch sử ngàn năm văn hiến, một đất nước đã trải qua vô vàn những mất mát, hi sinh để giành tự do độc lập, một đất nước với biết bao con người giản dị mộc mạc mà anh dũng kiên cường... tổng hòa lại đó là một đất nước đang trưởng thành, tỏa sáng, ánh sáng của tự do và anh hùng, của tình đoàn kết giữa những con người làm nên đất nước, giữa quá khứ, hiện tại và tương lai của dân tộc.

Trước cảnh sắc mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, trước mùa xuân đất nước, dân tộc ngập tràn sức sống, nhà thơ dâng lên một niềm khát khao, hi vọng:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến

Từ cách xưng hô "tôi" kín đáo, lặng lẽ ở khổ thơ đầu đến đây tác giả đã chuyển sang xưng hô "ta" với bao nhận thức suy ngẫm. Vì sao lại có sự chuyển đổi như vậy? "Ta" là chỉ mình nhà thơ hay còn chỉ những ai nữa? Có lẽ "ta" ở đây vừa chỉ nhà thơ nhưng cũng là chỉ chung tất cả mọi người. Sự chuyển đổi đó cho ta thấy sự chuyển biến trong tư tưởng mỗi con người trong sự thay đổi to lớn của đất nước. Nhân vật trữ tình đã biết đem cái tôi cá nhân của mình hòa cùng cái ta chung của cả đất nước. Từ đó gợi lên trong lòng Thanh Hải những suy nghĩ về trách nhiệm đóng góp của mình trong mùa xuân của đất nước và tâm niệm đó đã biến thành khát vọng muốn được hòa nhập vào cuộc sống của đất nước, được cống hiến phần tốt đẹp - dù nhỏ bé của mình cho đất nước. Từ "một" khi đặt trước "cành hoa", "nốt trầm" đã thể hiện cái ước nguyện khiêm nhường nhưng vô cùng chân thành của nhà thơ. Nhà thơ chỉ xin làm một con chim để cất tiếng hót cho đời thêm rộn ràng, làm một cành hoa để điểm tô thêm cho đời hương sắc và trong bản hòa tấu muôn điệu cuộc sống nhà thơ chỉ xin được làm: "Một nốt trầm xao xuyến". Điệp ngữ "ta làm" nhập vào cùng với nhịp thơ sôi nổi, da diết càng thể hiện khát vọng mạnh mẽ của nhà thơ tự nguyện dâng hiến xuân đời riêng của mình vào xuân đất nước:

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời

Sự lặp lại hình ảnh thơ đã tạo nên một điểm nhấn đặc biệt cho bài thơ. Mùa xuân vốn là một khái niệm thuộc về thời gian nhưng giờ đây nó đã được cụ thể hóa, hữu hình hóa thành hình, thành khối: - "nho nhỏ" để thể hiện ước nguyện của nhà thơ. Ước nguyện được làm một mùa xuân là muốn sống đẹp, sống có ích dẫu chỉ là xuân nho nhỏ trong cái mùa xuân lớn lao của đất nước.

Sự cống hiến lặng lẽ, âm thầm đó là một sự cống hiến miệt mài không dứt, không ngừng nghỉ dù là khi tuổi trẻ còn phơi phới sức xuân hay khi tuổi già tóc bạc buổi xế chiều:

Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.

Mùa xuân nho nhỏ chính là tấm lòng đáng quí của Thanh Hải đối với cuộc đời và tấm lòng ấy còn đáng quí hơn nữa khi chính tác giả ý thức được sự hữu hạn của mình trong cái vô cùng vô hạn của trời đất thiên nhiên mà nhà thơ vẫn cứ muốn cống hiến tất cả và mãi mãi cho cuộc sống. Cách lặp đi lặp lại hai lần từ "dù" như một sự khẳng định quyết tâm cống hiến hết mình của nhà thơ với tất cả sức lực và lòng nhiệt thành, coi đây là niềm vui, lẽ sống. Khát vọng ấy đã trở thành một tâm nguyện bất diệt thể hiện tình yêu thiết tha đối với quê hương đất nước cuộc đời và sâu xa hơn đây là ý thức trách nhiệm đối với xã hội.

Tấm lòng và nguyện ước của nhà thơ chính là tư tưởng, là ước mong được sống với sự cống hiến nhiều hơn là sự hưởng thụ. Sống đúng như quan niệm sống mà Tố Hữu từng khẳng định qua một khúc ca xuân:

Nếu là con chim, chiếc lá
Con chim phải hót, chiếc lá phải xanh
Lẽ nào vay mà không trả
Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình

Những nhà thơ cách mạng đó đã có chung một suy nghĩ thật đẹp, thật cao quý, đó là những gì mà mình nhận của đời là vô cùng lớn lao nên sống phải đóng góp dựng xây cuộc đời.

Với *Mùa xuân nho nhỏ* của mình, Thanh Hải đã một lần nữa khẳng định sự cống hiến cho hạnh phúc chung không bao giờ có thể nói hoàn thành là kết thúc. Cống hiến ấy của con người là vô cùng, là mãi mãi và chỉ thực sự chấm dứt khi con người nhắm mắt xuôi tay.

Khát vọng cống hiến mãi không thôi của Thanh Hải ở đây thật tích cực, đáng quý và cao đẹp bởi có sự tiếp nối của thời đại và có nguồn gốc sâu xa là tình yêu nồng thắm đối với con người, quê hương, cuộc đời.

Khổ thơ đã khép lại nhưng: "Một mùa xuân nho nhỏ, Lặng lẽ dâng cho đời" kia như còn âm vang đọng mãi trong lòng của mỗi chúng ta, với hình ảnh thơ ấy Thanh Hải không chỉ nói được cái ước nguyện của mình mà còn là ước nguyện chung của tất cả mọi người, của mỗi chúng ta: hãy sống đẹp, sống có ý nghĩa để làm nên mùa xuân vĩnh hằng của đất nước.

Đặt trong hoàn cảnh ra đời bài thơ càng được người ta trân trọng hơn, bởi bài thơ được viết trong mùa đông giá rét, khi nhà thơ đang phải nằm trên giường bệnh và cận kề tử thần, vậy mà nhà thơ không chỉ cảm nhận được mùa xuân đang về trên quê hương, đất nước thật tươi đẹp, tràn trề nhựa sống mà còn khát khao được tiếp tục dâng hiến cuộc đời mình cho mùa xuân lớn ấy. Vì vậy nên hiểu mùa xuân ở đây không phải là mùa xuân từ đất trời mà là mùa xuân của lòng người như Xuân Diệu đã có lần cảm nhận:

Xuân của trời đất hôm nay sao mới đến
Trong tôi xuân đã đến tự lâu rồi

(Xuân không mùa)

Chính mùa xuân vĩnh cửu trong lòng ấy là sức mạnh giúp nhà thơ quên đi sự đau đớn của bệnh tật, sự rập rình của cái chết để sống lạc quan và đầy tin yêu đối với cuộc đời.

Khổ cuối bài thơ được ngân lên bằng một âm điệu của xứ Huế: điệu Nam ai, Nam bình da diết, mênh mang, sâu lắng:

Mùa xuân - ta xin hát
Câu Nam ai, Nam bình
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền đất Huế.

Với thể thơ năm chữ, mạch cảm xúc của tác giả như được trải ra khắp mùa xuân của thiên nhiên, đất nước. Theo đó mà nỗi lòng của tác giả cũng tìm thấy được sợi dây liên kết bền chặt với người đọc. Cả bài thơ không một lời lẽ hoa mĩ, trau chuốt, bóng bẩy, giọng thơ nhẹ nhàng, bình dị mà chân chất tình người, đã tạo nên dư âm trong lòng người đọc. Có lẽ chính cái chất nhẹ nhàng sâu lắng, giàu nhạc điệu,

giàu hình ảnh đó mà bài thơ được phổ nhạc. Với giai điệu nhẹ nhàng và tươi đẹp càng làm tăng sức truyền cảm lạ thường của bài thơ, từ đó làm nổi bật những ước vọng cống hiến cao đẹp của một người rất yêu với quê hương đất nước.

Chỉ một tháng sau ngày sáng tác bài thơ này, Thanh Hải qua đời. *Mùa xuân nho nhỏ* đã trở thành di chúc của chính nhà thơ. Bài thơ là lời tâm tình nhỏ nhẹ thiết tha mà vô cùng sâu lắng của một hồn thơ dịu dàng, đằm thắm, yêu đời, yêu đất nước và ước nguyện sống đẹp, sống có ích. Bài thơ đã khơi dậy trong lòng ta những cảm xúc thật khó tả, nhen nhóm trong ta niềm khát khao góp xuân đời riêng của mình vào xuân đời chung của quê hương đất nước:

Như hạt muối hòa trong biển mặn
Cùng góp mình cho cuộc đời chung.

ĐỀ SỐ 31

Phân tích hình tượng Bác Hồ trong bài thơ *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương.

BÀI LÀM

Sinh thời, Bác Hồ luôn luôn nghĩ đến miền Nam, ngày đêm thương nhớ miền Nam. Với Bác, miền Nam là niềm vui, là hạnh phúc, là nỗi đau không lúc nào nguôi: "Miền Nam trong trái tim tôi". Niềm mong mỏi thiết tha của Bác là miền Nam sớm được giải phóng. Miền Nam cũng ngày đêm thương nhớ Bác, mong ngày giải phóng để được gặp Bác kính yêu. Nhưng tiếc thay, khi Bắc Nam sum họp một nhà thì Bác không còn nữa. Lòng thương nhớ, nỗi niềm đau đớn của đồng bào và chiến sĩ miền Nam dồn nén bao nhiêu năm đã được nhà thơ Viễn Phương thể hiện trong bài *Viếng lăng Bác*. Bài thơ không những thể hiện dòng cảm xúc trào dâng của nhà thơ mà còn thể hiện hình tượng lãnh tụ Hồ Chí Minh bằng những hình ảnh vừa quen thuộc, vừa giàu sức khái quát, vừa lung linh gợi cảm. Bằng cảm xúc chân thực và ngôn ngữ thơ gợi cảm, Viễn Phương đã nói hộ chúng ta một chân lý: Bác Hồ vĩ đại sống mãi trong lòng nhân dân ta.

Bài thơ ra đời năm 1976, khi lần đầu tiên sau giải phóng miền Nam, Viễn Phương ra thăm lăng Bác. Bài thơ rất ngắn gọn, súc tích nhưng có sức gợi tạo nên sự xúc động cho người đọc. Ngôn ngữ thơ tuôn trào theo dòng cảm xúc chân thành, tha thiết.

Mở đầu bài thơ, Viễn Phương đã bày tỏ ngay tình cảm sâu nặng, ruột thịt của mình bằng câu thơ giản dị: "Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác".

Tình cảm giữa miền Nam và Bác Hồ luôn luôn là tình cảm ruột thịt: "Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà" (Tố Hữu) và tình cảm của miền Nam đối với Bác cũng là tình cảm nhớ mong da diết: "Miền Nam mong Bác nỗi mong cha" (Tố Hữu). Tự đáy lòng của người con

đến thăm cha, Viễn Phương nói với Bác: "Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác". Câu thơ giản dị nhưng bao hàm một ý nghĩa lớn. Trong tim Bác và trong tim miền Bắc, miền Nam luôn luôn là nỗi đau chia cắt, nỗi nhớ thương, là niềm tự hào, là biểu tượng anh hùng, bất khuất, dũng cảm, kiên cường, là thành đồng Tổ quốc... Giờ đây, nhà thơ mang theo cả niềm tự hào đó của đồng bào miền Nam để đến với Bác.

Hình ảnh đầu tiên trong lăng làm nhà thơ xúc động là hình ảnh hàng tre:

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng

Hàng tre bát ngát cuốn hút cảm xúc của nhà thơ. Qua hình ảnh hàng tre quen thuộc tác giả gửi gắm một ý nghĩa tượng trưng nhằm ca ngợi Bác, ca ngợi dân tộc. Chắc rằng, cũng như mọi người Việt Nam, trong tâm khảm nhà thơ, cây tre là hình ảnh giản dị, thân thuộc, đời đời gắn bó với quê hương làng xóm. Hàng tre xanh xanh trong vườn Bác gợi cho người đọc nhiều liên tưởng. Hàng tre gợi hình ảnh mọi miền quê hương đất nước, nhất là hình ảnh miền Nam yêu thương. Tre kiên cường trong bão táp mưa sa như dân tộc ta vững vàng qua phong ba bão tố, như Bác Hồ suốt đời sống giản dị nhưng kiên cường tranh đấu vì độc lập tự do của dân tộc.

Hoà vào dòng người thăm lăng, nhà thơ tiếp tục dòng suy tưởng. Lời thơ bỗng dạt dào một cảm xúc tự hào, thành kính, thương nhớ Bác:

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

Ai đã từng một lần đi viếng lăng Bác mới hiểu hết hàm ý trong câu thơ của Viễn Phương. Ngày ngày, mặt trời - chúa tể của thiên nhiên - thán phục một mặt trời trong lăng rất đỏ. Mặt trời rất đỏ, hình ảnh tượng trưng cho Bác Hồ - là mặt trời cách mạng, là nguồn ánh sáng rực rỡ không bao giờ tắt, mãi mãi chiếu rọi con đường đi tới của dân tộc Việt Nam. Nhiều nhà thơ đã sử dụng hình ảnh mặt trời để thể hiện ánh sáng của lý tưởng cách mạng, nhưng đối sánh hai hình ảnh mặt trời của Viễn Phương quả là rất độc đáo. Đây là một sáng tạo nghệ thuật có tác dụng bộc lộ nội dung rất hiệu quả.

Không nhiều lời, chỉ một hình ảnh mặt trời rất đỏ, nhà thơ đã khái quát được hình ảnh Bác Hồ vĩ đại. Nhà thơ đã nói hộ chúng ta rằng: Bác Hồ là mặt trời cách mạng đẹp nhất, rực rỡ nhất, chói lọi nhất luôn luôn toả sáng trong tâm hồn người Việt Nam.

Cùng với mặt trời ngày ngày đi qua trên lăng là dòng người đi trong thương nhớ. Nhịp thơ chầm chậm như bước chân của dòng người lặng lẽ đi trong suy tưởng, bao trùm một không khí thương nhớ Bác không nguôi, thành kính kết tràng hoa tình yêu dâng bảy mươi chín mùa xuân của Người. "Người ta là hoa của đất", nhà thơ thật sâu sắc và tinh tế khi tôn quí nhân dân. Mỗi người dân là một bông hoa và dòng người đi trong thương nhớ chính là tràng hoa dâng lên Bác.

Ngày ngày... ngày ngày... thời gian không ngừng trôi và lòng người Việt Nam không bao giờ nguôi tình cảm nhớ thương, yêu quí, kính trọng đối với Bác.

Đặc biệt xúc động là khi vào trong lăng, thấy Bác nằm nghỉ, nhà thơ sững sờ, nghẹn ngào, đau đớn:

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim.

Bác nằm đó như đang trong giấc ngủ bình yên sau bảy mươi chín mùa xuân không hề ngơi nghỉ. Từ ánh điện mờ trong lăng, nhà thơ liên tưởng đến một hình ảnh rất đẹp: vầng trăng sáng dịu hiền. Hình ảnh đó đã đưa người đọc vào một thế giới huyền diệu, trong sáng và thanh khiết; càng gợi ta nghĩ đến tình yêu thiên nhiên, yêu trăng nồng nàn của Bác. Vầng trăng kia đã bao lần sáng lên trong thơ Người. Cả khi trong ngục tù: "Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ, trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ". Cả những khi bận rộn việc nước việc quân, Bác vẫn thấy: "Trung thu trăng sáng như gương", "Rằm xuân lồng lộng trăng soi", "Trăng ngân đầy thuyền", "Trăng vào cửa sổ đòi thơ", "Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa...". Giờ đây, Bác nằm đó, trong giấc ngủ bình yên, giữa vầng trăng sáng dịu hiền. Vẫn biết rằng Bác như trời xanh, mãi mãi sống trong sự nghiệp của chúng ta. Nhưng con tim nhà thơ đau đớn vô cùng khi đứng trước Người. "Mà sao nghe nhói ở trong tim chỉ một chữ "nhói" cũng đủ nói lên nỗi

quặn đau, thương nhớ không gì bù đắp được vì mất Bác, vì nỗi thiếu vắng Bác.

Và nỗi đau không còn kìm nén được nữa, nó trào lên dữ dội khi nhà thơ chia tay với Bác:

Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

Thương Bác, thương đến trào nước mắt, một tình cảm yêu quý mãnh liệt, trọn vẹn như tình cảm của người con đối với người cha ruột thịt. Nhà thơ chia tay Bác trong tiếng khóc nức nở nghẹn ngào. Làm sao ngăn được dòng nước mắt thương nhớ Bác - một con người vừa vĩ đại, thanh cao, vừa gần gũi thân thiết với chúng ta, một con người suốt đời hy sinh, cống hiến cho dân tộc nay vĩnh viễn nằm lại trong lăng? Nhà thơ lưu luyến không muốn rời xa Bác, chỉ muốn biến thành con chim, bông hoa, cây tre, góp tiếng hót, làn hương quanh nơi Bác nghỉ cho trọn niềm trung hiếu với Người. Đoạn thơ dạt dào tình cảm, nhịp điệu thiết tha, cùng với hình ảnh cây tre trung hiếu một lần nữa truyền đến người đọc sự xúc động nghẹn ngào.

Bài thơ ngắn, nhưng tác giả đã thành công khi sử dụng hàng loạt hình ảnh ẩn dụ mang tính tượng trưng sâu sắc. Hình ảnh hàng tre xanh xanh giữa bão táp mưa sa, và các hình ảnh mặt trời rất đỏ, tràng hoa, bảy mươi chín mùa xuân, vầng trăng sáng dịu hiền, trời xanh là mãi mãi đã gợi cho người đọc thấy trọn vẹn hình tượng Bác Hồ gần gũi, cao quí, thanh khiết, vĩ đại biết bao. Ngoài ra, nó còn gợi đến hình ảnh quê hượng, đất nước, nhân dân. Nhà thơ đã có nhiều dụng ý khi sử dụng các hình ảnh rất đẹp, rất lớn lao của vũ trụ: mặt trời, vầng trăng, trời xanh. Những hình ảnh đó tượng trưng cho sự vĩ đại, lớn lao của Bác Hồ. Bác như vầng mặt trời rực rỡ, như vầng trăng sáng dịu hiền, như bầu trời xanh. Ở Bác toả ra ánh sáng của trí tuệ thiên tài và lấp lánh ánh sáng của một tâm hồn cao đẹp. Còn hình ảnh hàng tre xanh xanh lại tượng trưng cho sự bình dị, gần gũi của Người. Và hơn thế nữa, tất cả các hình ảnh ấy đều gợi cho ta thấy sự bất tử của Bác Hồ. Người sống mãi trong lòng nhân dân ta, trong sự nghiệp của chúng ta. Mãi mãi là vị cha già thân thiết, yêu quý của chúng ta.

Viếng lăng Bác không những là tiếng khóc đau đớn, nghẹn ngào trước sự ra đi của Bác, là lòng thương nhớ không nguôi, lòng kính phục vô hạn của nhà thơ Viễn Phương và của nhân dân ta đối với Bác Hồ mà bài thơ còn diễn tả thành công hình tượng Bác Hồ vĩ đại bằng những hình ảnh đẹp, nhịp điệu tha thiết, cảm xúc nồng nàn chân thực. Âm hưởng của bài thơ ngân vang mãi trong lòng người đọc. Bài thơ được phổ nhạc càng trở nên truyền cảm sâu xa, làm xúc động hàng triệu trái tim Việt Nam từ năm 1976 đến nay.

(Nguyễn Thị Xuân Đào)

ĐỀ SỐ 32

Ý nghĩa nhan đề của bài thơ *Sang thu* - Hữu Thỉnh.

GỢI Ý

Cần đảm bảo được các nội dung sau:

- "Sang thu" trước hết là khoảnh khắc giao mùa của thiên nhiên qua cảm nhận tinh tế của Hữu Thỉnh. Khoảnh khắc thiêng liêng kì diệu ấy của thiên nhiên được tác giả miêu tả bằng các hình ảnh vô cùng thơ mộng: bắt đầu từ hương ổi phả vào trong cái gió se se lạnh làm xao xuyến lòng người, đến cái chùng chình đầy lưu luyến bịn rịn của làn sương sớm qua ngõ, từ cái dềnh dàng của con sông đến sự tiếc nuối, sự níu kéo trong dáng "vắt nửa mình sang thu" của đám mây mùa hạ,... Tất cả hợp thành bức tranh thiên nhiên giao mùa tinh tế, say mê lòng người.

- "Sang thu" còn có nghĩa là sự trưởng thành của con người. Khi đời người đã "sang thu", nghĩa là đã qua biết bao nhiêu trải nghiệm, sóng gió của cuộc đời, người ta sẽ điềm tĩnh hơn, vững vàng hơn. Người ta sẽ bớt bất ngờ trước những biến cố. Người ta cũng không còn chao đảo, quay cuồng trước những bão tố nữa mà điềm tĩnh đón nhận và vượt qua nó một cách dễ dàng. Bài thơ với ý nghĩa này vươn lên một tầm cao triết lí chứ không chỉ đơn thuần là một bài thơ tả cảnh thiên nhiên thông thường.

- Đặt trong hoàn cảnh ra đời của bài thơ thì khoảnh khắc "sang thu" ở đây cũng chính là khoảnh khắc "sang thu" của đất nước. Sang thu nghĩa là đất nước trưởng thành hơn. Sang thu nghĩa là đất nước vững vàng hơn. Và sang thu cũng có nghĩa là đất nước bước sang một trang lịch sử mới, trang lịch sử của yên bình, hạnh phúc.

ĐỀ SỐ 33

Phân tích bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh.

BÀI LÀM

Mùa thu luôn là mùa đem đến cho thi nhân, nhiều nguồn cảm hứng mãnh liệt, dồi dào nhất. Cũng như biết bao các nhà thơ khác, Hữu Thỉnh với *Sang thu* đã dành những lời ca đẹp nhất để ngợi ca vẻ đẹp của mùa thu. Bài thơ rung động trái tim người đọc bằng cảm nhận tinh tế của nhà thơ trong khoảnh khắc giao mùa của thiên nhiên đất trời.

Bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh được viết năm 1977 và in lần đầu tiên trên báo *Văn nghệ*. Bài thơ vẽ lên bức tranh thiên nhiên khi trời đất chuyển mình từ hạ sang thu. Như chúng ta đã biết, thời khắc chuyển mùa là thời khắc khá nhạy cảm, nếu vô tình ta sẽ không thể nhận ra được. Đôi lúc, một tia nắng gắt, một cơn mưa rào ập đến khiến ta mới ngỡ ngàng nhận ra mùa hạ đã về. Khoảnh khắc chuyển giao từ mùa hạ sang mùa thu lại càng khó nhận ra. Ấy vậy mà, bằng tâm hồn tinh tế, nhạy cảm tác giả đã nhận ra bức tranh mùa thu, hơi thở của mùa thu đến một cách khẽ khàng. Hơi thở ấy bắt đầu từ:

Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se

Hương mùa thu chính là hương ổi, thứ hương quen thuộc, bình dị của thôn quê. Hương ổi man mác, dịu ngọt "phả vào trong gió se". "Phả" chứ không phải là "tỏa", bởi "tỏa" có cái gì mạnh mẽ quá, nó không hợp với sự dịu dàng của hương ổi. Chỉ một từ "phả" thôi cũng đủ để nói lên cái hồn, cái thần thái của cảnh vật. Hương ổi lan tỏa, phả vào và ướp đẫm gió se khiến cho gió trở thành gió thơm và gió, đến lượt nó đã làm cho hương ổi thêm đậm đà, đưa hương ổi bay cao và bay xa khắp không gian. Từ "bỗng" đặt ở đầu câu thơ diễn tả trọn vẹn những cảm xúc vừa ngỡ ngàng, ngạc nhiên vừa bâng khuâng, xao xuyến của nhà thơ khi nhận ra dấu hiệu quen thuộc của mùa thu.

Làm sao có thể không ngỡ ngàng, xao xuyến, bâng khuâng cho được trước cái hương thơm ngọt ngào, quyến rũ ấy của mùa thu!

Nếu như hai câu thơ đầu là cảm nhận về hương thu thì đến câu tiếp theo đã bắt đầu xuất hiện hình ảnh của mùa thu:

Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.

Hình ảnh sương thu được miêu tả, cảm nhận thật độc đáo qua nghệ thuật nhân hóa: sương chùng chình qua ngõ. Sương cũng là dấu hiệu dễ thấy của mùa thu. Sương cũng giống như con người, mang nhịp điệu của mùa thu chùng chình, chậm chạp. Sương giăng mắc, bảng lảng khắp ngõ xóm mang đến vẻ đẹp huyền ảo thơ mộng rất thu.

Như vậy, từ ba dấu hiệu rất tinh tế, nhỏ bé: hương ổi, gió se, sương trắng, tác giả kết luận: "Hình như thu đã về". Hai chữ "hình như" khiến cho cảm nhận của nhà thơ trở nên mơ hồ, vừa như thực vừa như mơ. Thu dường như đã về mà cũng dường như vẫn chưa xuất hiện. Câu thơ cuối cùng của khổ thơ vừa là tiếng reo vui khẽ khàng khi mùa thu đến vừa có cái gì như bâng khuâng, xao xuyến đến bất ngờ của nhà thơ.

Ở khổ thơ đầu, tác giả cảm nhận mùa thu ở gần thì đến khổ thơ thứ hai tác giả miêu tả mùa thu rộng hơn, xa hơn:

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu

Bốn câu thơ, ba hình ảnh, mỗi hình ảnh là một trạng thái khác nhau và đều mang đặc trưng riêng. Trải qua những cuồn cuộn sóng gió mùa hạ, dòng sông trở về với vẻ yên bình, êm ả chảy trôi. Mùa hạ sông dữ dội bao nhiêu thì bước sang mùa thu, sông lại hiền hòa, sâu lắng, thâm trầm bấy nhiêu. Sông "dềnh dàng" cùng sương "chùng chình" thật xứng đôi! Đó là dòng sông mùa thu. Còn những đàn chim? Phải chăng cũng như tác giả, đàn chim nghe thấy cái se lạnh trong gió để rồi chúng vội vã cất cánh bay đi tránh rét. Cảm nhận của nhà thơ thật tinh tế! Nhưng tinh tế nhất vẫn là trong cách miêu tả đám mây:

Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu

Đám mây trên bầu trời mùa thu thật tài tình: "đám mây mùa hạ, vắt nửa mình sang thu". Mây muôn đời vẫn thế nhưng qua cái nhìn của thi sĩ đa tình, mây trở thành chiếc cầu nối, chiếc cầu nối mỏng manh, tinh tế giữa mùa hạ và mùa thu. Động từ "vắt" đã khiến

hình ảnh đám mây giống như chiếc khăn trắng vừa níu kéo mùa hạ lại vừa tô điểm cho mùa thu thêm dịu dàng, duyên dáng. Hình ảnh đám mây là hình ảnh vô cùng thơ mộng, tình tứ, phù hợp với sự chùng chình của sương, dềnh dàng của sông. Trong thời khắc giao mùa, dường như vạn vật trong nỗi vui mừng đón chào một mùa mới vẫn có sự tiếc nuối mùa đã qua. Khổ thơ thứ hai đã dựng lên một bức tranh thiên nhiên sang thu thơ mộng, yên bình. Nghệ thuật đối lập, nhân hóa kết hợp với các từ láy gợi cảm đã giúp người đọc hình dung ra được phần nào vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên ấy.

Viết về mùa thu, nhà thơ Hữu Thỉnh không chỉ dừng lại ở những cảm nhận về vẻ đẹp của mùa thu mà sâu sắc hơn, tác giả còn đưa ra chiêm nghiệm về mùa thu:

Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi

Đoạn thơ cuối cùng bổ sung thêm những nét tả thực về thiên nhiên của mùa thu. Mùa thu, nắng vàng vẫn nhiều nhưng đã bớt dần những cơn mưa rào ào ạt. Sấm chớp, giông gió không còn đột ngột, bất ngờ như mùa hạ. Nhưng khổ thơ cuối không chỉ dừng lại ở ý nghĩa thực. Qua hình ảnh "hàng cây đứng tuổi", ta biết rằng điều nhà thơ muốn nói ở đây không chỉ là mùa thu của thiên nhiên mà còn là mùa thu của đời người. Không phải ngẫu nhiên, hình ảnh "hàng cây đứng tuổi" lại được dùng làm hình ảnh kết thúc bài thơ. "Nắng, mưa, sấm chớp" trở thành hình ảnh ẩn dụ cho những biến động, những bão táp của cuộc đời. "Hàng cây đứng tuổi" chính là con người đã từng trải, dày dạn kinh nghiệm. Đối với họ, những bão giông kia đâu có gì ghê gớm nữa. Họ điềm tĩnh đón nhận và vượt qua để ngày càng vững vàng hơn. Với ý nghĩa ẩn dụ như vậy, tác giả đưa bài thơ lên một tầng giá trị khác sâu sắc và thấm thía hơn.

Có thể nói, bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh là một trong những bài thơ hay nhất viết về mùa thu. Cái hay của bài thơ này không phải là dựng cảnh mà là gợi lên cái hồn của mùa thu. Đồng thời, bài thơ cũng là những suy ngẫm, chiêm nghiệm về cuộc đời con người của nhà thơ.

Đặt bài thơ vào trong hoàn cảnh ra đời của bài thơ, năm 1977, khi đất nước mới hòa bình, phải chăng tác giả không chỉ muốn khắc họa sự chuyển biến của đất trời mà còn nói tới sự đổi thay của đất nước - bước sang một trang sử mới, trưởng thành hơn, vững vàng hơn và yên bình hơn.

ĐỀ SỐ 34

Ý nghĩa nhan đề của tác phẩm *Bến quê* - Nguyễn Minh Châu.

GỢI Ý

Cần đảm bảo được các nội dung sau:

Bến: tức là chỗ đỗ, chỗ đậu. "Bến quê" ở đây có thể hiểu theo hai cách:

+ Cách thứ nhất: bến quê là hình ảnh bến đò nơi quê hương Nhĩ, cái bến đò mỗi ngày chỉ có một chuyến đưa người từ bên này sang bên kia sông, cái bến đò mà lần đầu tiên sau bao nhiêu năm bôn ba khắp nơi, Nhĩ mới nhận ra vẻ đẹp của nó.

+ Cách thứ hai: bến quê được hiểu là quê hương (gia đình, người thân) và những gì thân thương, giản dị nhất, là bến đỗ của cuộc đời mỗi con người.

Nhưng dù hiểu theo cách nào thì nhan đề của câu chuyện đã phần nào hé mở cho chúng ta thấy ý nghĩa tư tưởng, chủ đề của tác phẩm, đó là: thức tỉnh mỗi chúng ta phải biết trân trọng, nâng niu những vẻ đẹp bình dị, gần gũi của gia đình, quê hương.

ĐỀ SỐ 35

Ý nghĩa nhan đề của tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi* - Lê Minh Khuê.

GỢI Ý

Cần đảm bảo được các nội dung sau:

- Hình ảnh ngôi sao thường biểu trưng cho cái đẹp, sự trong sáng, cho tương lai rực rỡ.

- Những ngôi sao xa xôi trong truyện chính là những cô gái, biểu tượng cho vẻ đẹp anh hùng của những cô thanh niên. Ở họ luôn sáng lên những phẩm chất tốt đẹp, những phẩm chất giản dị mà phi thường biết bao. Đó là Thao, người chị lớn tuổi nhất, vô cùng bản lĩnh và điềm tĩnh nhưng cũng rất thích làm duyên. Đó là Nhĩ trẻ con, hồn nhiên nhưng những lúc khó khăn nhất chị lại là người cũng rất kiên cường. Và đặc biệt là Phương Định, một cô gái Hà Thành vừa mang vẻ đẹp ngoại hình lại vừa toát lên vẻ đẹp của một tâm hồn mộng mơ, yêu đời. Dù cuộc sống trên cao điểm có nguy hiểm, có tàn khốc như thế nào thì nó cũng không thể nào tàn phá được, không thể nào giết chết được những bông hoa đẹp đẽ, tràn trề năng lượng sống ấy.

- Tác giả gọi họ là những "ngôi sao xa xôi" bởi ánh sáng của họ, vầng hào quang bao quanh họ không phô trương mà được thể hiện giản dị, lặng lẽ trong cuộc sống chiến đấu của họ. Và phải chịu khó tìm hiểu chúng ta mới cảm nhận hết được vẻ đẹp sáng trong, sự phi thường ẩn giấu dưới cái bình thường trong con người họ. Có thể nói những con người ấy xứng đáng là "những ngôi sao xa xôi" trên đỉnh Trường Sơn, những ngôi sao dẫn đường cho dân tộc Việt Nam đi tới thắng lợi.

ĐỀ SỐ 36

Phân tích vẻ đẹp của nhân vật Phương Định trong truyện *Những ngôi sao xa xôi* - Lê Minh Khuê.

GỢI Ý

Cần đảm bảo một số nội dung sau:

- Phương Định là một người con gái Hà Nội đẹp với "hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn". Đôi mắt cô được các anh lái xe nói rằng "có cái nhìn sao mà xa xăm". Nhiều pháo thủ và lái xe hay "hỏi thăm" hoặc "viết những bức thư dài gửi đường dây" cho Định. Cô có vẻ kiêu kì, làm "điệu" khi tiếp xúc với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy, nhưng trong suy nghĩ của cô thì "những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ".

- Phương Định là một cô gái rất hồn nhiên, yêu đời, và cá tính. Thuở nhỏ đã hay hát. Cô có thể ngồi lên thành cửa sổ căn phòng nhỏ bé nhà mình "hát say sưa ầm ĩ". Bàn học lúc nào cũng "bày bừa bãi lên", để đến nỗi mẹ phải mắng. Sống trong cảnh bom đạn ác liệt, cái chết kề bên, Định lại càng hay hát. Những bài hành khúc, những điệu dân ca quan họ, bài Ca-chiu-sa của Hồng quân Liên Xô, bài dân ca Ý... Định còn bịa ra lời những bài hát, Định hát trong những khoảnh khắc "im lặng", hát để động viên Nho, chị Thao và động viên mình. Hát khi "máy bay rít, bom nổ". Đúng là "tiếng hát át tiếng bom" của những người con gái trong tổ trinh sát mặt đường, những con người "khao khát làm nên những sự tích anh hùng".

- Phương Định mang trong mình vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội. Sống trên cao điểm, tình đồng chí đồng đội ấy đã truyền thêm sức mạnh giúp họ vượt qua mọi khó khăn thử thách.

- Phương Định là một cô gái vô cùng dũng cảm, gan dạ và có tinh thần trách nhiệm cao. Điều đó thể hiện rất rõ trong một lần phá bom nổ chậm. Cô dũng cảm, bình tĩnh tiến đến gần quả bom "đàng hoàng mà bước tới". Định dùng lưỡi xẻng đào đất, có lúc lưỡi xẻng chạm vào quả bom, có lúc Định "rùng mình" vì cảm thấy tại sao mình làm chậm thế! Rồi bom nổ váng óc, đất rơi lộp bộp, mắt cay mãi mới mở được, cát lạo xạo trong miệng. Đó là cuộc sống thường nhật của họ. Phương Định cho biết "Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng đó là một cái chết mờ nhạt không cụ thể". Phương Định cùng Nho, chị Thao đã sáng ngời trong khói bom lửa đạn. Chiến công thầm lặng của họ bất tử với năm tháng và lòng người.

=> Phương Định là biểu tượng đẹp đẽ cho tuổi trẻ Việt Nam, "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước".

PHẦN III:

HỆ THỐNG CÁC BÀI TẬP LÀM VĂN TRONG CHƯƠNG TRÌNH

BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1:

ĐỀ SỐ 37

Thuyết minh về cây tre Việt Nam.

BÀI LÀM

Cùng với cây đa, bến nước, sân đình, một hình ảnh thân thương, quen thuộc của làng quê Việt Nam là luỹ tre làng. Có một nhà văn đã từng nói về tre: "Nước Việt Nam xanh muôn vàn cây lá khác nhau, cây nào cũng đẹp cây nào cũng quý nhưng thân thuộc nhất vẫn là màu xanh của tre nứa, loài cây vươn lên từ những búp xanh mọc thẳng".

Người ta không thể biết rõ được "tre xanh, xanh tự bao giờ" mà chỉ biết rằng trong truyền thuyết, cổ tích, trong "chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh". Nghĩa là cây tre xuất hiện trên xứ sở này từ lâu lắm rồi, có lẽ còn trước cả sự xuất hiện của con người. Từ thuở hồng hoang, khi tổ tiên ta bắt đầu những bước đi chập chững, đã thấy cây tre ở đó. Sự tích về sự ra đời của tre Đằng Ngà gắn liền với câu chuyện người anh hùng Thánh Gióng nhổ bụi tre làng đánh giặc Ân từ mấy nghìn năm trước. Cây tre trường tồn cùng sự sinh thành, lớn lên của đất nước: "Đất nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc".

Cây tre thuộc họ lúa, có rất nhiều anh em, họ hàng như cây nứa, cây vầu, cây trúc, cây giang, cây luồng... và chỉ tính riêng tre thôi thì có rất nhiều loài như: trinh, hoa, bương, lồ, mạnh tông, tầm vông... Tre thích hợp sinh sôi, phát triển ở những nơi có khí hậu nhiệt đới ấm áp, do đó ta có thể hiểu tại sao đi đến đâu trên khắp dải đất Việt Nam này ta cũng gặp họ hàng nhà tre sinh sống.

Nếu như hầu hết các loại cây chỉ đứng riêng lẻ một mình thì tre luôn mọc thành bụi, có gốc liền gốc, rễ đan rễ tạo thành một sức mạnh chống đỡ trước thiên tai, gió bão. Tre sinh trưởng rất nhanh, theo các nhà thực vật học, gặp điều kiện thuận lợi tre có thể cao thêm từ 15 đến 20 xăngtimét mỗi ngày. Tre thẳng và cao, thân rạ hoá mộc có thể cao đến 30 mét và ít phân nhánh. Thân tre tròn, rỗng bên trong, chia thành 25 đến 40 đốt. Do thân tre có nhiều đốt, thớ tre lại dẻo dai nên cây tre vừa cứng cáp lại vừa mềm mại. Với đặc tính vừa cương vừa nhu như vậy, ta hiểu tại sao tre có thể đu đưa, ngả nghiêng theo gió mà không bao giờ bị gẫy. Mỗi cơn gió đi qua, tre nghiêng theo chiều gió rồi lại nhanh chóng ngạo nghễ vươn thẳng hình dáng cũ. Lá tre được mọc từ các đốt, màu xanh lục, sum suê toả bóng mát. Cả đời cây tre chỉ ra hoa một lần và khi tre bật ra hoa cũng là khi vòng đời của nó khép lại. Nhưng "tre già, măng mọc", trước khi biến mất trong cuộc đời, từ rễ tre đã nảy ra những chồi gọi là măng. Búp măng non vừa mọc đã "mang dáng thẳng thân tròn của tre", đã mang những đặc tính quý báu, vừa cương, vừa nhu của loài cây này, để rồi lại bắt đầu một chu trình sống mới, giống như cây tre mẹ, vượt qua mọi khắc nghiệt để vươn lên.

Không phải ngẫu nhiên mà tre có một ý nghĩa vô cùng quan trọng với người Việt Nam. Những gì tre mang lại cho con người trong chiến đấu, lao động và đời sống thì không sao kể hết. Với những luỹ tre xanh bao quanh làng, trong suốt thời kì xây dựng và gìn giữ đất nước, làng Việt đã trở thành những chiến luỹ, những "pháo đài xanh" chống thiên tai và sự xâm phạm của kẻ thù. Từ thời kì dựng nước cách đây mấy nghìn năm, Thánh Gióng đã nhổ bụi tre làng làm vũ khí đánh đuổi quân xâm lược. Đến giai đoạn sau này, anh hùng Núp cùng bao người dân Việt Nam đã dùng tre làm chông, làm nỏ đánh giặc. Khi đất nước thanh bình, tre lại giúp con người xây dựng đất nước, phục vụ lợi ích của con người trên rất nhiều phương diện. Trong xây dựng, tre dùng để làm nhà, lợp mái, làm cổng... Trong công nghiệp, tre dùng để sản xuất ra giấy, chất đốt... Trong y học, lá tre có thể dùng để chữa một số bệnh như ngứa, chảy máu, hen suyễn, nóng sốt... Trong ẩm thực, từ măng tre có thể chế biến được rất nhiều món ăn ngon. Trong âm nhạc, tre được dùng để tạo ra các nhạc cụ như đàn tơ-rưng, sáo, đàn gió... Trong thủ công mĩ nghệ, đồ gia dụng, tre được

dùng để làm ra những sản phẩm rất đẹp và tiện dụng như: bàn, ghế, giường, tủ, khung tranh, rổ, rá... Có thể nói, tre đi vào cuộc sống bình dị, tự nhiên như một cái gì quá đỗi thân thương và trở thành tất yếu.

Tre gắn bó như vậy nên nó không chỉ có ý nghĩa vật chất mà còn có ý nghĩa sâu sắc trong đời sống tinh thần của chúng ta. Không phải ngẫu nhiên mà tre được coi là biểu tượng cho con người Việt Nam. Những phẩm chất cao quý mà tre chất chiu như: đoàn kết, đùm bọc, ngay thẳng, kiên cường, giàu sức sống... cũng là những phẩm chất mà con người Việt Nam đã tôi luyện được sau bao gian lao, thử thách. Có thể nói, tre mang cốt cách và tâm hồn người Việt. Có vị trí đặc biệt trong tâm thức của chúng ta, tre trở thành nguồn cảm hứng vô tận trong văn học, nghệ thuật. Từ những câu chuyện cổ tích như *Nàng Út ống tre, Cây tre trăm đốt...* đến những câu ca dao, tục ngữ: "Ví dầu cầu ván đóng đinh - Cầu tre lắt lẻo, gập ghềnh khó đi" đều có hình bóng của tre. Tre đi vào thơ của Nguyễn Khuyến với "cần trúc lơ phơ", "ngõ trúc quanh co". *Cây tre Việt Nam* của nhà văn Thép Mới và bài thơ của thi sĩ Nguyễn Duy cũng là những tác phẩm văn học rất nổi tiếng viết về tre.

Tre xanh
Xanh tự bao giờ
Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh
Thân gầy guộc, lá mong manh
Mà sao nên luỹ nên thành tre ơi...

(*Tre Việt Nam* - Nguyễn Duy)

Không chỉ đi vào văn học, hình ảnh cây tre trong âm nhạc, hội hoạ cũng gợi lên rất nhiều những rung cảm tinh tế, đẹp đẽ.

Trong tâm thức của mỗi chúng ta, hình ảnh cây tre xanh bền bỉ, dẻo dai, kiên cường, bất khuất sẽ mãi là biểu tượng của đất nước Việt Nam, con người Việt Nam.

ĐỀ SỐ 38

Cây dừa ở quê em.

BÀI LÀM

Quê tôi là mảnh đất gắn với những gì khắc nghiệt nhất của thiên nhiên, hết gió Lào cát trắng, lũ lụt vào mùa hạ lại đến sương giá, sương muối vào mùa đông. Bởi vậy để có thể sinh sống trên mảnh đất này thì cả con người và sinh vật đều phải có một sức sống thật mãnh liệt. Mùa hè khi những trận gió Lào thổi qua, mọi cây cối đều trở nên khô héo, dường như cơn gió tai quái đó đã hút hết nhựa sống trong cơ thể chúng, đến mùa đông chỉ cần vài trận sương giá, sương muối thì cây cối cứ lụi dần đi. Nhưng có một loài cây đã chống chọi với mọi thử thách khắc nghiệt của thời tiết ở mảnh đất này để sống và vươn lên xanh tốt, đó chính là cây dừa. Quê tôi người ta trồng nhiều dừa và yêu quý cây dừa có lẽ là vì vậy. Về quê tôi bạn có thể thấy dừa ở khắp nơi: trong vườn nhà, bên bờ ao, ven bờ sông, ven ruộng lúa hay sát mé biển... Dừa đã trở thành một loại cây không thể thiếu trong cuộc sống của người dân quê nghèo này.

Dừa là loài cây họ cau. Nó là loại cây lớn nhưng không có cành như những loại cây khác, thân cây cứ thế vươn lên thẳng mãi, thẳng mãi, to như cột nhà và có màu nâu, nó có thể cao gấp ba lần nóc nhà, vỏ của nó nham nhám, sần sùi, nứt nẻ, có chỗ lõm vào có nơi lồi ra. Trên ngọn là những tàu lá dừa như hình những chiếc lược ngà khổng lồ đang chải vào mây xanh. Rễ dừa bám sâu vào lòng đất tạo nên những tinh túy ban tặng con người, đó là hoa và quả. Không kiêu kì như những loài cây khác, người ta có thể thấy hoa dừa trổ quanh năm, bất kể mùa hạ hay mùa đông, dù mùa nào thì những bông hoa dừa cũng vẫn nở thành từng buồng, e ấp trong gió như những búp sen xanh thu nhỏ, thoảng một mùi hương dịu ngọt mà đậm đà, khi những nụ hoa bé xinh trong trắng rụng xuống cũng là lúc dừa kết trái.

Trái dừa lúc đầu bé chỉ bằng hạt vòng cườm đeo cổ, rồi nó cứ lớn dần lên, lúc thì bằng trái cau to... Cho đến khi to bằng quả bóng của cu Bi thì lúc đó quả đã có thể hái được, quả dừa có vỏ ngoài cứng, nhẵn, màu xanh, ở giữa là lớp xơ rồi mới tới gáo dừa, cơm dừa. Gáo dừa khá cứng để bảo vệ lớp cơm dừa và nước bên trong.

Nước dừa là thứ nước trong vắt, vị ngọt thanh thanh. Đi đâu về, giữa buổi trưa hè nắng gắt mà được uống cốc nước dừa có thêm ít cơm dừa non thì quả là tuyệt.

Khi quả còn non, cơm dừa mỏng, mềm, dễ nạo nhưng khi quả đã già thì lớp cơm này dày lên và cứng hơn rất nhiều. Cơm dừa già ăn kèm với bánh đa vừng là một món quà quê vừa thanh đạm nhưng cũng không kém phần hấp dẫn các bà các chị bởi cái vị béo ngậy, bởi cái giòn bùi của nó. Qua bàn tay khéo léo của bà, của mẹ cơm dừa còn có thể làm nên bao nhiêu món khoái khẩu khác như thịt kho dừa, cá kho dừa và đặc biệt là món mứt dừa ngày Tết. Không chỉ có vậy tinh dầu của trái dừa còn giúp cho mái tóc của mẹ, của chị thêm dài, thêm mượt mà.

Những dịp nghỉ hè, tôi được mẹ cho về thăm ngoại, vườn nhà ngoại rộng lắm, nhưng thứ cây nhiều nhất là dừa, tôi thường không ngủ trưa trốn ngoại để ra gốc dừa cuối vườn chơi với lũ trẻ hàng xóm. Chúng tôi say sưa nhặt những bông hoa dừa rụng xuống kết thành vòng tay, vòng cổ chơi trò cô dâu chú rể, rồi chơi ú tim, đánh trận giả... dưới tán dừa xòe rộng râm mát. Tôi còn được ngoại kết cho những chú cào cào xanh mướt từ những chiếc lá dừa để có dịp lên mặt với lũ bạn.

Dường như cây dừa đã quá gắn bó với cuộc sống của người dân quê tôi, từ những vật dụng tầm thường nhất như cái chổi quét sân của ngoại cũng được kết từ những chiếc sương lá dừa. Cho đến chỉ xơ dừa được dùng làm thảm hay bện dây thừng vừa mềm vừa chắc, chịu mưa nắng rất tốt, ngay cả chiếc gáo dừa khi bỏ đi vẫn còn có tác dụng, dưới bàn tay khéo léo của những nghệ nhân, gáo dừa đã biến thành những chiếc khuy áo, bình, ly, tách, muỗng, nĩa, gạt tàn thuốc hay chiếc lược xinh xắn... Những mặt hàng thủ công mỹ nghệ này vượt đại dương xuất khẩu sang các nước Âu, Mỹ... Cây dừa đã dâng tặng cho con người gần như toàn bộ thân thể của nó.

Trong chiến tranh, người dân quê tôi cũng như cây dừa nơi đây đã phải hứng chịu biết bao đạn bom cày xới nhưng họ vẫn ngoan cường chiến đấu bảo vệ đất mẹ thân yêu:

Dừa vẫn đứng hiên ngang cao vút
Lá vẫn xanh rất mực dịu dàng
Rễ dừa bám sâu vào lòng đất
Như dân làng bám chặt quê hương.

(Lê Anh Xuân)

Bấy nhiêu đó cũng đủ thấy cây dừa đã gắn bó mật thiết với cuộc sống, con người quê tôi thế nào.

Lúc còn bé, tôi vẫn nghĩ chỉ quê tôi mới có dừa. Cho đến một lần tôi được đi theo bố vào miền Tây, tôi mới biết ở đây dừa nhiều vô kể, nhiều hơn ở quê tôi, nhưng có điều ở miền đất được thiên nhiên ưu đãi rất nhiều này mọi cây trái đều quanh năm tốt tươi không cứ gì cây dừa cho nên tình cảm của con người dành cho cây dừa cũng không như ở quê tôi.

Trong những ngày cuối năm giá rét, tất cả mọi người đều tất bật đón Tết, tôi cũng cảm thấy mình lớn lên vì tôi sắp thêm một tuổi nữa rồi, tôi không muốn bám theo mẹ đi chợ mua bóng bay con thỏ, con mèo nữa, tôi ở nhà với nội học gói bánh chưng, chiếc bánh chưng quê tôi cũng được gói bằng lá dong nhưng bên ngoài của nó được bao bọc bởi lớp khuôn làm bằng lá dừa. Mùi vị của chiếc bánh cũng theo đó mà đặc biệt hơn, không chỉ mùi lá dong, thịt mỡ, đỗ xanh mà còn có thêm mùi lá dừa của quê hương nữa.

Yêu và thương biết mấy tuổi thơ và những kỉ niệm với cây dừa nơi quê hương.

ĐỀ SỐ 39

Thuyết minh về con trâu.

BÀI LÀM

Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.

Con trâu là người bạn thân thương của người nông dân Việt Nam từ bao đời nay. Mỗi làng quê Việt Nam hầu như luôn có bóng dáng của những chú trâu đang cần mẫn cày ruộng hay thong dong gặm cỏ. Con trâu được xem là biểu tượng của nền nông nghiệp lúa nước ở Việt Nam.

Trâu là một động vật thuộc họ bò, phân bộ nhai lại, nhóm sừng rỗng, bộ guốc chẵn, lớp thú có vú, loài động vật này chủ yếu được dùng để lấy sức kéo. Trâu sinh sống chủ yếu ở châu Á (khoảng 95% trên thế giới), đặc biệt là ở Đông Nam Á trong đó có Việt Nam. Trâu được đề cập nhiều trong văn hoá. Trong mười hai cung hoàng đạo của phương Tây có cung Kim Ngưu, trong mười hai con giáp của người phương Đông cũng có con trâu. Nhưng có lẽ không ở đâu trâu được yêu quí và gắn bó với người dân như ở Việt Nam.

Ngày nay, trâu hoang dã không còn nhiều, ta thường thấy trên những cánh đồng, bờ đê ở làng quê Việt Nam là những con trâu rừng đã được thuần dưỡng. Trâu Việt Nam thuộc nhóm trâu đầm lầy hay còn gọi là trâu nước (phân biệt với trâu rừng châu Phi). Lông trâu màu xám hoặc xám đen, thưa, cứng, thân hình vạm vỡ, thấp ngắn, bụng to, mông đốc, bầu vú nhỏ, bốn chân thẳng, to, gân guốc, vững chãi, sừng có hình lưỡi liềm. Nếu trâu cái (hay còn gọi là trâu nái) có tầm vóc từ vừa đến to, trung bình từ 350 - 400 kg, linh hoạt và hiền lành thì trâu đực nặng từ 400 - 450kg có tầm vóc lớn, cân đối, dài đòn, trước cao sau thấp và tính khí hăng hái hơn. Ngày xưa, người ta phân biệt trâu lành hay trâu dữ một phần nhờ vào đôi sừng trên chỏm đầu. Nếu ta thấy sừng trâu dài, uốn cong hình lưỡi liềm cùng cặp mắt to dữ thì phải coi chừng và có biện pháp thuần phục.

Từ những chú trâu rừng hoang dã, trải qua nhiều thế kỉ thành loài trâu hiền lành và giúp ích rất nhiều cho con người. Trâu nuôi chủ yếu là để kéo cày, một ngày trâu cái có thể cày bừa từ hai đến ba sào Bắc Bộ và trâu đực cày được từ ba đến bốn sào Bắc Bộ. Trong thời đại trước, trâu còn được dùng để kéo xe, chở hàng và có thể kéo trọng tải khoảng 400kg. Trâu cung cấp cho chúng ta sản lượng lớn về thực phẩm và sữa. Phân trâu ủ là phân bón rất tốt cho cây ăn quả và cây lương thực. Những câu tục ngữ, thành ngữ: "Con trâu là đầu cơ nghiệp", "Tậu trâu cưới vợ, làm nhà...", "Ruộng sâu, trâu nái", "Chín đụn mười trâu"... đã nói lên vị trí, vai trò quan trọng của con trâu đối với sản nghiệp người nông dân.

Chăm trâu không có gì là khó bởi trâu rất dễ nuôi, hay ăn, chóng lớn, tính nết cũng hiền lành. Hằng ngày chỉ cần cho trâu uống nước sạch đầy đủ. Nếu trâu phải làm việc ban ngày thì cho trâu ăn đủ ba bữa một ngày, bồi dưỡng trâu với cỏ tươi, cám, cháo... và cho trâu nghỉ ngơi hợp lý. Trâu là tài sản lớn và có vai trò quan trọng như vậy nên được người dân chăm sóc rất chu đáo: "Cấy cày vốn nghiệp nông gia - Ta đây, trâu đấy ai mà quản công".

Không chỉ có ý nghĩa to lớn trong lao động sản xuất, trâu còn có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của con người. Trâu là biểu tượng cho người nông dân Việt Nam hiền lành, cần cù, chất phác... Hình ảnh con trâu ung dung gặm cỏ non, bầu trời xanh ngắt với những cánh diều bay lượn trong không trung hay hình ảnh con trâu đi trước, cái cày đi sau đã trở thành hình ảnh gần gũi, in sâu vào tâm trí của mỗi chúng ta. Con trâu gắn liền với những lễ hội truyền thống như lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn, Hải Phòng, tục đâm trâu ở Tây Nguyên. Người dân Đồ Sơn đã có câu:

Dù ai buôn đâu, bán đâu
Mồng Chín tháng Tám chọi trâu thì về
Dù ai bận rộn trăm bề
Mồng Chín tháng Tám nhớ về chọi trâu

Hình ảnh con trâu trong văn học không chỉ qua những câu ca dao, tục ngữ mà còn thấy trong thơ Nguyễn Khuyến, thơ Bà Huyện Thanh Quan: "Gõ sừng mục tử lại cô thôn"... Ngoài ra, hình ảnh con

trâu còn được đưa vào bức tranh của làng tranh Đông Hồ nổi tiếng như bức tranh: "Trẻ em cưỡi trâu thổi sáo". Trâu được xem là biểu tượng, là vật thiêng của SEA Games 22 tổ chức tại Việt Nam. Biểu tượng Trâu Vàng mặc quần áo cầu thủ đón các vận động viên của các nước bạn vào tháng 12 năm 2003 là sự tôn vinh con trâu Việt Nam, người dân Việt Nam.

Ngày nay có nhiều máy móc hiện đại xuất hiện giúp đỡ cho người nông dân nhưng không vì thế mà ta lãng quên mất con trâu. Trâu mãi là người bạn thân thiết của con người và không thể xoá nhoà trong tâm hồn mỗi người dân Việt Nam, để rồi sau này dẫu có đi đâu, mỗi chúng ta vẫn nhớ về con trâu như nhớ về một hình ảnh đẹp đẽ của quê hương.

Ai bảo chăn trâu là khổ
Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao...

(*Quê hương* - Giang Nam)

ĐỀ SỐ 40

Một nét đặc sắc trong di tích thắng cảnh quê em.

BÀI LÀM

Thái Bình là một mảnh đất giàu truyền thống văn hóa với hơn hai mươi di tích lịch sử được nhà nước xếp hạng quốc gia. Một trong những di tích quốc gia tiêu biểu, được sự quan tâm, tôn tạo, tu bổ của Đảng và Nhà nước là cụm di tích đền thờ các vua Trần. Đây là một quần thể kiến trúc rộng lớn được xây dựng trên địa phận xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà - mảnh đất được coi là nơi phát nghiệp, nơi đặt mộ tổ và mộ các vua, hoàng hậu, công chúa nhà Trần.

Vương triều nhà Trần là một trong những triều đại nổi bật với nhiều chiến công hiển hách nhất trong lịch sử các triều đại Việt Nam trong đó có chiến công ba lần đánh thắng quân xâm lược Nguyên - Mông hung hãn bậc nhất lúc bấy giờ. Sử sách ghi nhận những công lao của nhà Trần với nhiều vị vua anh minh tuấn kiệt như Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông... và nhiều vị tướng kiệt xuất như: Trần Thủ Độ, Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải... Thái Bình là vùng đất phát tích của vương triều Trần vì cách đây hơn 700 năm, tại đây, các vị vua khai nghiệp nhà Trần được sinh ra, gia tộc nhà Trần dựa vào đây mà dấy nghiệp.

Khi đã thành vương triều Trần, vùng đất Long Hưng (nay là Tiến Đức - Hưng Hà - Thái Bình) được chọn là nơi xây dựng các đền thờ, lăng tẩm của hoàng tộc nhà Trần. Khu lăng mộ này được gọi là Thái Đường lăng. Thái Đường lăng là nơi an nghỉ vĩnh hằng của các vị vua đầu triều Trần như: Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông. Các hoàng hậu sau khi qua đời đều được quy về hợp táng tại các lăng mộ như: Thọ lăng, Chiêu lăng, Dự lăng, Quy Đức lăng. Năm tháng qua đi, lăng mộ ba vị vua đầu triều Trần và dòng sông Thái Sư vẫn còn đó. Những di vật nằm sâu trong lòng đất thiêng

được khai quật, hậu thế được tận mắt chứng kiến một quần thể kiến trúc lăng mộ, kiến trúc hành cung Long Hưng uy nghi, hoành tráng.

Năm 1999, dự án đầu tư quy hoạch tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ và lăng mộ các vua Trần đã được thực hiện như tấm lòng hậu thế muốn gửi tới cha ông. Trên diện tích 5175 m^2, đền thờ các vua Trần và Đức thánh Trần Hưng Đạo đã được xây dựng công phu, uy nghi, bề thế toạ lạc trên nền phế tích nằm giữa trung tâm xã Tiến Đức với các hạng mục đã hoàn thành là toà hậu cung, toà bái đường, tả vu, hữu vu, nghi môn, đài hoá vàng, ba ngôi mộ vua Trần và một số công trình kiến trúc liên quan. Các công trình được bố trí theo trục chính, chia thành các không gian như không gian hành lễ, không gian nội tự đền, không gian vườn cây xanh... kế thừa và phát huy truyền thống kiến trúc dân tộc - kiến trúc đình làng. Riêng toà hậu cung đền Trần, một phần trong tổng thể kiến trúc, có kết cấu chữ Đinh, gồm hai toà tám gian, trên diện tích 359m^2. Sự góp mặt của đá trong hợp thể kiến trúc với hệ thống rồng đá được chạm trổ tinh vi, sống động tôn thêm vẻ uy linh của hậu cung. Tòa hậu cung không chỉ là nơi đặt ban thờ các vị vua mà còn là nơi thờ linh vị của các tổ tiên triều Trần như: Thuỷ tổ Trần Kinh, Thái tổ Trần Hấp, Nguyên tổ Trần Lý, Thái thượng hoàng Trần Thừa... Hiện nay công trình đền Trần đã được hoàn tất trong sự đón đợi của nhân dân cả nước.

Đến với cụm di tích đền thờ các vua Trần, du khách không chỉ được đáp ứng về nhu cầu tâm linh - hành hương về cội nguồn thường mang đến những điều tốt lành, thịnh vượng - mà còn được chiêm ngưỡng một công trình kiến trúc tuyệt vời mang đậm tinh thần dân tộc, được hiểu hơn về lịch sử một triều đại lẫy lừng bậc nhất, triều đại đóng góp nhiều chiến công hiển hách cho dân tộc - triều đại nhà Trần.

Có thể nói cụm di tích đền thờ các vua Trần góp phần rất lớn trong việc tô đậm thêm bản sắc văn hóa quê hương Thái Bình nói riêng cũng như đất nước ta nói chung. Mỗi dịp hành hương về nơi đây, người dân Việt Nam như được tiếp thêm nguồn sức mạnh hùng thiêng của cha ông để vững bước tiến vào tương lai, dựng xây đất nước ngày càng giàu đẹp.

BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2:

ĐỀ SỐ 41

Tưởng tượng hai mươi năm sau, vào một ngày hè em về thăm lại trường cũ. Hãy viết thư cho một bạn học hồi ấy kể lại buổi thăm trường đầy xúc động.

BÀI LÀM

Mĩ Thuận, ngày 10 tháng 10 năm 2030.

Hương thân mến!

Cuộc sống cứ hối hả trôi đi, vậy là đã tròn hai mươi năm chúng ta chưa có dịp gặp lại nhau hàn huyên tâm sự. Có biết bao những đổi thay, những biến đổi trong cuộc sống của Hương, của mình và của cả làng quê thân yêu của chúng ta nữa! Nhanh thật! Mới đó mà đã hai mươi năm rồi.

Hè vừa rồi mình quay trở lại thăm quê mà không thể tin nổi vào mắt mình. Quê hương đã thay da đổi thịt thật rồi. Nhưng ấn tượng với mình nhất cậu có biết đó là gì không? Đó chính là mái trường cấp hai - nơi đã từng lưu giữ biết bao kỉ niệm vui buồn một thời của tuổi học trò chúng mình. Mái trường nhỏ bé, xinh xắn ngày xưa bây giờ thực sự đã được khoác một chiếc áo mới hiện đại hơn rất nhiều. Để mình kể cho Hương nghe nhé!

Mình về quê, ngày thứ nhất thì dạo quanh làng xóm. Xóm làng bây giờ toàn nhà cao tầng quét sơn bóng, trông thật khang trang. Đến ngày thứ hai, mình ra thăm trường cũ. Ngôi trường vẫn nằm ở giữa cánh đồng như xưa, nhưng con đường dẫn tới mái trường yêu dấu mà mình còn nhớ hồi đó gồ ghề, toàn đá lởm chởm, đâm vào chân thật đau thì bây giờ đã được rải nhựa phẳng lì. Cứ theo con đường ấy một mạch là ra tới trường.

Từ xa, mình ngỡ ngàng khi nhìn thấy mái trường đang dần hiện rõ ra trước mắt. Không phải là một ngôi trường trơ trọi, nhỏ bé giữa cánh đồng như trong trí nhớ của mình nữa. Trường bây giờ đã gồm

hai dãy nhà cao tám tầng quay mặt ra đường. Toàn bộ trường được sơn một lớp sơn màu vàng pha lẫn màu trắng trông thật trang nhã. Quanh trường là lớp tường bao kín xung quanh cũng được quét lớp sơn màu vàng xen lẫn trắng. Cánh cổng tự động màu xanh nặng trịch từ từ mở ra mỗi khi có người qua lại. Trên cổng treo tấm biển nền trắng chữ đỏ: "Trường Trung học cơ sở Mĩ Thuận".

Bước vào trong trường, cậu biết không, mình đã vô cùng sửng sốt đến nỗi tưởng như mình vào nhầm chỗ vì sự thay đổi kì diệu của ngôi trường xưa. Từ cổng, có một con đường bê tông chạy thẳng vào sân trường. Hai bên đường là hai hồ nước trong vắt. Xung quanh hồ, những cây liễu, cây bàng lúc bọn mình học ở đây còn nhỏ xíu vậy mà giờ chúng đã xanh mướt một màu, toả bóng râm mát xuống mặt hồ khiến không gian trường thật mát dịu. Cái hồ ở bên phải đối diện với phòng ban giám hiệu nhà trường còn có cả vòi phun nước. Nước trắng xoá tung cao rồi rơi xuống. Hơi nước toả ra mát lạnh. Sân trường bây giờ rộng hơn xưa nhiều lắm Hương ạ, lại còn được quy hoạch rất quy củ nữa chứ. Các cây nhỏ ngày xưa đã lớn hết cả rồi. Người ta chặt hết các cành ở thấp để chúng vươn cao, xoè tán làm thành những chiếc ô khổng lồ, che cho học sinh vui chơi mỗi giờ ra chơi, chào cờ hoặc học thể dục.

Ở phía bên trái giáp tường bao là khu nhà để xe được lợp mái tôn rất kiên cố, không tạm bợ như xưa nữa. Cả một dãy để xe được chia thành nhiều ô nhỏ, mỗi lớp có một ô để xe riêng rất gọn gàng, không như chúng mình ngày xưa để lẫn lộn hết cả khiến lúc ra lấy xe thật là bở cả hơi tai. Ở gần đó, có hố cát để học thể dục, có lưới để chơi cầu lông. Thấp thoáng lại có những chiếc ghế đá đặt ở đâu đó trong sân trường. Ngày ấy mà có ghế đá thì chắc là bọn mình suốt ngày ngồi lê la ở đó buôn chuyện mất Hương nhỉ?

Dãy nhà đầu tiên mà mình nhìn thấy có ghi dòng chữ đỏ: "Vì lợi ích mười năm trồng cây/ Vì lợi ích trăm năm trồng người". Trước cửa hành lang ở tầng một là bồn hoa được cắt tỉa rất tỉ mỉ và khéo léo. Rồi còn có cả những cây cảnh hình thù rất ngộ nghĩnh được đặt bên những bồn hoa khiến khung cảnh trước lớp học rất sinh động. Khu nhà tám tầng được chia thành hai nửa bởi chiếc cầu thang máy. Một nửa là lớp học của học sinh, còn một nửa là phòng ban giám hiệu. Nếu như ngày xưa chúng mình thấy các thầy cô giáo chỉ có một

phòng duy nhất để nghỉ ngơi thì bây giờ là cả một hội trường rất lớn có treo phông màn, tượng Bác và có dãy bàn tròn ở giữa với mấy lẵng hoa tươi rất to. Không những thế mình còn thấy cả phòng riêng cho hiệu trưởng, hiệu phó, phòng kế toán, phòng tài vụ,... Mỗi phòng đều được trang bị rất hiện đại: có máy vi tính nối mạng, có điều hòa nhiệt độ, có cả máy chiếu nữa,... Nửa bên kia là lớp học. Bàn ghế hoàn toàn bằng gỗ lim mới toanh. Bảng rất dài và to. Trên đó còn có cả một chiếc bảng trắng nhỏ hơn một chút có thể di chuyển được, sử dụng những lúc thầy cô giảng bài bằng giáo án điện tử. Ở góc sát tường, gần cửa ra vào lại có một chiếc ti vi cỡ lớn để trình chiếu những đoạn băng phục vụ cho nhu cầu học tập của học sinh. Mỗi lớp đều có điều hòa và ở cửa sổ có rèm che rất đẹp. Cuối lớp có treo một chiếc đồng hồ lớn và một bình nước nóng lạnh cho học sinh. Mỗi tầng là một khối và ở mỗi tầng đó đều có nhà vệ sinh riêng. Trống bây giờ được thay bằng chuông báo tự động được lắp đặt ở hành lang của mỗi tầng.

Chưa hết ngạc nhiên vì sự thay đổi của trường lớp thì mình lại càng ngạc nhiên hơn khi vòng ra phía sau dãy nhà thứ nhất. Dãy nhà thứ hai nhỏ hơn dãy nhà thứ nhất một chút nhưng cũng rất khang trang. Tầng thứ nhất là căng tin dành cho học sinh gồm hai gian và ba phòng còn lại là phòng dành cho học sinh ở lại buổi trưa nghỉ ngơi, ôn bài. Tầng thứ hai là tầng thư viện sách, mỗi phòng là một lĩnh vực khác nhau, mở cửa hằng ngày để học sinh tự do vào tìm tài liệu. Các tầng phía trên là phòng thí nghiệm của học sinh và thầy cô các môn lí, hóa. Phía đằng sau của dãy nhà thứ hai này là khu vườn thực nghiệm dành cho học sinh thực hành thí nghiệm các mẫu thực vật khác nhau.

Sau khi đã đi thăm quan khắp trường, mình dừng lại ở phòng ban giám hiệu. Thấy ánh đèn sáng trong phòng, mình gõ cửa, bước vào và thật sững sờ: "Ôi! Cô hiệu trưởng". Cô cũng không khó khăn mấy để nhận ra mình - liên đội trưởng cưng của cô mà. Cô bây giờ đã nhiều tuổi lắm rồi, tóc cô cũng đã bạc nhiều. Khuôn mặt hiền từ phúc hậu của cô đã nhiều nếp nhăn. Chỉ một hai năm nữa là cô về hưu. Cô và mình ôn lại những kỉ niệm ngày xưa và mình cũng nghe cô kể nhiều chuyện ở trường. Hầu như các thầy cô giáo cũ dạy bọn mình đều không còn công tác ở đây nữa. Buồn thật đấy nhỉ. Nói chuyện với cô hiệu trưởng hồi lâu, mình cảm thấy dường như mình đang bé

lại như ngày xưa, để được thầy cô giáo che chở, dạy dỗ. Mình cảm thấy vô cùng sung sướng trước sự thay đổi của mái trường thân yêu. Giờ đây học sinh đã có nhiều điều kiện hơn để phát huy năng lực của mình và chắc chắn thế hệ tương lai sẽ có nhiều thay đổi, sẽ tiến xa hơn nữa. Nhìn sự thay đổi ấy của mái trường cũ, của quê hương xóm làng, lòng mình ngập tràn hạnh phúc. Giá mà có thể gặp lại bạn cũ để chia sẻ cảm xúc ấy thì vui biết mấy.

Khi nào có dịp Hương cũng về thăm trường nhé. Hương sẽ không khỏi ngỡ ngàng, sững sờ đâu.

Thôi, thư cũng đã dài rồi. Mình xin dừng bút ở đây. Cho mình gửi lời hỏi thăm và chúc sức khỏe tới Hương và gia đình Hương nhé. Chào Hương!

Bạn gái

Trần Thị Kim Thoa

ĐỀ SỐ 42

Kể lại một giấc mơ trong đó em được gặp lại người thân đã xa cách lâu ngày.

BÀI LÀM

Người ta thường nói, đối với con cái thì mẹ là người luôn luôn dịu dàng, ân cần, gần gũi còn bố lại thường nghiêm khắc. Nhưng bố tôi thì lại khác. Nghĩ về bố với tôi là nghĩ về một điều gì đó thân thương, thiêng liêng vô cùng. Bố tôi đã từng luôn ở bên cạnh tôi, sẵn sàng hát ru cho tôi ngủ. Bố còn là một người bạn lớn luôn lắng nghe những tâm sự, luôn kiên nhẫn giải đáp những khúc mắc trẻ thơ của tôi. Những tháng ngày ấy quả thật hạnh phúc!

Thế nhưng, bố tôi - người bố vô vàn yêu quý của tôi đã ra đi mãi mãi và tôi biết sẽ không bao giờ tôi lại được sà vào lòng bố, nghịch nghịch bộ râu quai nón rằm rặm của bố nữa. Tôi nhớ bố nhiều lắm. Thế rồi, một hôm khi ngắm nhìn lại những món quà bố tặng năm xưa, một giấc mơ đẹp đã đến với tôi. Hình ảnh của bố xuất hiện trong giấc mơ ấy, khiến cho tôi có cảm giác được sống lại những ngày vẫn có bố ở trên đời.

Lúc còn bé, chẳng như những đứa trẻ khác, tuổi thơ của tôi đầy ắp tiếng đàn ghi ta và giọng hát trầm ấm của bố. Đã lâu lắm rồi tôi chưa được nghe bố hát. Thế rồi, một buổi trưa, tôi bỗng nghe thấy tiếng hát tha thiết ngọt ngào cất lên: "Nắng chia nửa bãi chiều rồi"... Tiếng hát khi gần khi xa đưa tôi vào giấc ngủ lúc nào không hay. Tôi bỗng thấy mình lạc vào một thế giới xa lạ. Tôi đang đứng trước một mâm bánh kẹo, hoa quả được bày rất đẹp mắt. Và đặc biệt là ở đây có một chiếc bánh sinh nhật rất lớn có cắm mười bốn chiếc nến lung linh. Hôm nay là sinh nhật ai vậy nhỉ? Tôi đang băn khoăn thì bước ra từ sau cánh cửa là bố tôi - thật không thể tin được, mẹ tôi và cu Tí, thằng em trai nghịch ngợm của tôi. Mọi người vừa bước ra vừa

hát vang bài *Happy birthday to you*. Không lẽ hôm nay lại là sinh nhật tôi? Trời ơi, sinh nhật mình mà cũng không nhớ nữa. Tôi đoảng thật đấy.

Tôi còn chưa trách mình hết câu thì đã quên luôn điều ấy để đón nhận niềm hạnh phúc bất ngờ này. Hóa ra mọi người đã tổ chức sinh nhật của tôi rất chu đáo. Đặc biệt là có cả bố nữa, điều mà tôi vẫn hằng mong ước. Tôi tưởng sẽ không bao giờ được gặp lại bố nữa, nhưng hôm nay là một dịp đặc biệt. Quả đúng là bố lúc nào cũng ở bên con.

Bố tôi mặc chiếc áo sơ mi trắng và chiếc quần màu đen, tay cầm cây đàn đàn tặng tôi bài *Romance* mà tôi rất thích. Tiếng đàn của bố vẫn trong sáng, mộc mạc, giản dị như xưa, giọng hát của bố vẫn đầy ưu tư. Bàn tay xương xương ấy vẫn linh hoạt trên các phím đàn. Bố tôi lúc này chẳng khác gì một nghệ sĩ tài ba đang biểu diễn trên sân khấu. Gia đình tôi lặng đi vì tiếng đàn đầy xúc động của bố. Cả đến cu Tí, nó là đứa tinh nghịch, chẳng ngồi yên bao giờ cũng khen hay. Người nghệ sĩ tài hoa ấy tiến lại gần tôi, ôm tôi vào lòng và xoa đầu tôi âu yếm. Gương mặt bố vẫn hiền hậu, mái tóc của bố đã điểm nhiều sợi bạc vì trải qua nhiều sương gió. Tôi ôm chặt lấy bố đầy hạnh phúc. Ôm chặt lấy bố để thỏa nỗi nhớ mong. Tôi bi bô kể chuyện trường, chuyện lớp cho bố nghe. Nghe chuyện của tôi, lúc nào bố cũng gật gù khen ngợi đầy khích lệ. Bố còn khuyên chúng tôi phải cố gắng học tập, cố gắng giúp đỡ mẹ khi rảnh rỗi và phải ngoan ngoãn, nghe lời mẹ.

Lúc này tôi nhìn sang mẹ. Mẹ cứ ngồi yên đó, mắt mơ màng nghĩ đến một nơi nào đó. Mẹ thường ngày cũng nhớ bố lắm nhưng sao hôm nay mẹ lại lặng im thế. Có lẽ mẹ muốn nhường cho chúng tôi giây phút hạnh phúc nhất bên cạnh bố tôi.

Tôi đang tận hưởng niềm vui vô bờ bến bên cạnh người bố thân yêu của tôi thì tôi chợt giật mình vì tiếng gọi lanh lảnh của thằng em trai: "Chị ơi, chị! Sao chị lại ngủ gật thế?". Nó lay lay vai tôi khiến cho tôi choàng tỉnh giấc. Hóa ra chỉ là một giấc mơ. Cảm giác tiếc nuối xâm chiếm lòng tôi. Tôi nhớ tới lời dặn của bố tôi và thầm hứa sẽ sống sao cho xứng đáng với niềm tin của người bố thân yêu.

BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3:

ĐỀ SỐ 43

Hãy kể về một lần em trót xem nhật kí của bạn.

BÀI LÀM

Guồng quay của thời gian vẫn cứ trôi đi lặng lẽ và âm thầm, có những kỉ niệm đã lãng quên vào dĩ vãng nhưng cũng có những kỉ niệm vẫn sống mãi cùng thời gian. Những kỉ niệm ấy có thể vui, có thể buồn nhưng đều neo đậu lại nơi tâm khảm mỗi người, trở thành những dấu ấn không thể phai mờ. Với tôi, mỗi khi nhắc đến kỉ niệm tuổi học trò, tôi lại nhớ đến Lan, người bạn gắn liền với một lỗi lầm của tôi. Đó là khi tôi đã trót xem nhật kí của bạn.

Tám năm trời chúng tôi chơi với nhau, đi đâu cũng có đôi như hình với bóng. Tôi những tưởng mình đã quá hiểu Lan. Nhưng không phải thế! Tôi đã sai.

Sáng hôm ấy, một buổi sáng thứ Hai đầu tuần, tôi đến lớp trong một niềm vui mới. Vừa bước vào cửa, tôi đã liếc ngay xuống cuối lớp tìm cô bạn thân. Ủa, Lan chưa đến sao? Bình thường Lan hay đi sớm nhất lớp cơ mà? Tôi tiến nhanh về chỗ mình, lòng bồn chồn lo lắng.

- Mai này, Lan bị đau bụng, bố bạn ấy vừa mới đến đưa bạn ấy về nhà rồi. Bạn ấy để lại cặp sách, cậu ghi bài hộ bạn ấy nhé! - Nhỏ Phương ngồi cạnh tôi nhanh nhảu cho biết.

Lan bị đau bụng ư? Liệu cậu ấy có sao không nhỉ? Lúc về mình phải qua thăm Lan mới được. Lo quá. Thế là cả buổi học hôm ấy, tôi chẳng tập trung được vào môn học nào cả, chỉ ngong ngóng đến giờ về để đến thăm Lan, xem tình hình của Lan thế nào.

Thế rồi tiếng trống trường cũng vang lên báo hiệu kết thúc tiết học cuối cùng. Học sinh từ các lớp ùa ra như ong vỡ tổ. Tôi vội vã thu xếp sách vở của tôi và của Lan rồi hối hả chạy ra hành lang để về cho sớm. Vừa đi đến gần cầu thang, một cậu bé lớp dưới từ đâu chạy ào tới, xô vào tôi. Chiếc cặp xinh xắn của Lan tuột khỏi tay tôi rơi

xuống cầu thang. Khóa cặp bung ra, sách vở rơi tung tóe. Cậu bé ấp úng xin lỗi rồi lại chạy vụt đi để mình tôi lặng lẽ cúi xuống lượm sách vở bỏ vào cặp. Giữa những quyển vở in hình của trường, tôi bỗng thấy một cuốn sổ nhỏ xinh màu xanh lam với hình chú chuột Mickey nom thật đáng yêu. Cuốn sổ gì mà đẹp thế nhỉ? Sổ bài hát chăng, Lan vốn rất thích hát mà. Cuốn sổ đẹp thế này mà chưa bao giờ Lan khoe với mình cả, tệ thật. Tôi vừa trách yêu Lan vừa nhẹ nhàng mở cuốn sổ. Trang đầu tiên hiện ra trước mắt tôi là hai dòng chữ nắn nót của Lan: "Nhật kí". Tôi giật mình gấp vội cuốn sổ lại. Lan viết nhật kí nữa cơ à? Vậy mà mình chẳng bao giờ nghĩ đến. Không biết cậu ấy viết gì nhỉ? Cậu ấy có viết về mình không nhỉ? Mình muốn biết quá. Lâu nay mình chơi thân với Lan nhưng chưa bao giờ mình hỏi xem Lan nghĩ gì về mình cả. Mình tò mò quá. Nhưng đây là nhật kí của Lan, là những gì riêng tư nhất của Lan, mình phải tôn trọng chứ. Nghĩ vậy, tôi miễn cưỡng bỏ cuốn sách vào trong cặp và đóng lại cẩn thận.

Trên đường về, tôi cứ miên man nghĩ tới cuốn sổ. Tôi muốn biết xem Lan nghĩ gì về tôi. Nỗi tò mò ngày một dâng lên. Cuối cùng, tôi tặc lưỡi, mình chỉ xem qua một chút thôi, chẳng qua chỉ là để hiểu hơn cô bạn thân của mình thôi mà. Thế là, thay vì đến thăm Lan, tôi phóng xe thẳng về nhà. Về tới nhà, tôi vào luôn phòng của mình, đóng cửa lại, mở cặp và lôi cuốn sổ ra. Tim tôi đập thình thịch, hồi hộp như đang làm một điều vụng trộm. Cuốn sách mở ra, dòng nhật kí của Lan cứ thế lướt qua mắt tôi.

Ngày... tháng... năm...

Hôm nay, lớp mình đang bắt tay vào công việc ôn thi học kì I...

À! Đây là những lời tâm sự của Lan về lớp 9A thân yêu này.

Và đây nữa:

Ngày... tháng... năm...

Hôm nay, không khí gia đình mình thật buồn tẻ, bố mẹ mình giận nhau thì phải...

Vậy là có cả chuyện gia đình Lan nữa. Tôi cứ mở lần lượt, mỗi trang là một dòng suy nghĩ của Lan về những người, những sự việc xảy ra xung quanh tôi. Bất chợt, tôi dừng lại ở một trang:

Ngày... tháng... năm...

Cả lớp hôm nay nghĩ rằng Nam bị mất máy tính. Và Nam có giận mình không khi mình lấy máy tính của bạn ấy?

Vừa đọc đến dòng đó thì có tiếng mẹ gõ cửa và gọi tôi ra ăn cơm. Tôi vội gấp cuốn sổ, mở cửa phòng và xuống ăn cơm. Nhưng những dòng nhật kí tôi vừa đọc cứ vang lên trong đầu tôi. Tôi hoàn toàn sững sờ. Lan lại có thể lấy trộm đồ của người khác sao? Lan sao có thể làm như thế được? Tôi lục lại kí ức của mình. Một người sẵn sàng cho em nhỏ ăn xin tiền ăn sáng của mình, một người đi học muộn vì giúp đưa cụ già qua đường, một người như thế mà lại đi lấy trộm đồ của bạn mình sao? Nhưng rõ ràng Lan viết trong nhật kí thế mà. Nhật kí thì làm sao có thể sai được. Mà chuyện Nam mất máy tính ở lớp thì ai mà chẳng biết. Trời ơi, thật không thể hiểu nổi. Hóa ra Lan không quá hoàn hảo như mình vẫn thần tượng. Thất vọng quá! Tôi ăn qua loa bát cơm rồi lại xin phép mẹ lên phòng.

Vào tới phòng, tôi vội vàng lôi cuốn sổ ra đọc tiếp.

Ngày... tháng... năm...

Cả lớp hôm nay nghĩ rằng Nam bị mất máy tính. Và Nam có giận mình không khi mình lấy máy tính của bạn ấy?

Mình chơi với Nam lâu lắm rồi mà cái tính cẩu thả, bạ đâu vất đấy của Nam mình nói mãi cũng chẳng thấy ăn thua gì cả. Cái máy tính ấy của Nam là món quà sinh nhật ông Nam tặng vậy mà Nam cũng chẳng biết trân trọng, giữ gìn gì cả. Dùng xong, chẳng bao giờ Nam biết cất gọn vào cặp. Lúc thì vất lăn lóc trong ngăn bàn, lúc thì lôi đi rồi để quên ở bàn này bàn nọ. Đã thế mình giấu đi cho chừa.

Tôi lật tiếp trang sau:

"Ngày... tháng... năm...

Sáng nay mình đem máy tính đến trả cho Nam. Nam mừng quýnh cầm lấy chiếc máy tính rồi cảm ơn mình rối rít. Thật buồn cười cho cậu bạn mình, không những không hề giận hay nghi ngờ gì mình mà lại còn biết cảm ơn mình nữa chứ. Đúng là người bạn thân tốt, luôn luôn hiểu mình. Hi vọng sau lần này, Nam sẽ sửa được cái tính cẩu thả ấy.

Đọc tới đây tôi cảm thấy vô cùng xấu hổ. Lan lấy máy tính của Nam đến hôm sau mới mang trả mà Nam không hề có ý nghi ngờ gì Lan, ấy vậy mà tôi, khi vừa đọc chưa hết vài dòng nhật kí của Lan, chưa hiểu đến đầu đến đũa câu chuyện đã nghi ngờ Lan rồi. Những gì Lan cư xử bấy lâu nay với mọi người chưa đủ để tôi tin tưởng sao? Tôi thật không xứng đáng làm bạn thân của Lan.

Nghĩ vậy tôi bèn gấp cuốn sổ lại. Mình không nên như vậy. Phải tôn trọng cuộc sống riêng tư của Lan. Đã là bạn bè thì phải tin tưởng nhau hoàn toàn, giống như Nam đã tin Lan vậy. Lan đã tin tưởng mình, giao cho mình chiếc cặp sách trong đó có cuốn nhật kí ghi lại toàn bộ tâm tư tình cảm của Lan thì mình cũng phải xứng đáng với niềm tin đó. Bởi có được một người bạn như Lan quả là may mắn đối với tôi.

Tôi bỏ cuốn sổ nhật kí màu xanh của Lan vào trong cặp, trong lòng dội lại một niềm vui sướng khôn tả. Chiều hôm đó, tôi sang thăm Lan sớm và giảng lại những bài hôm nay. Chúng tôi đã có một buổi chiều vui vẻ ở bên nhau.

Kỉ niệm về lần xem trộm nhật kí của Lan đã giúp tôi trưởng thành hơn trong cuộc sống, tôi luôn luôn tâm niệm rằng: đã là bạn bè thì phải tin tưởng nhau.

ĐỀ SỐ 44

Hãy tưởng tượng mình được gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong tác phẩm *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.

BÀI LÀM

Nhân ngày quân đội nhân dân Việt Nam 22 - 12, trường tôi có tổ chức một hoạt động ngoại khóa thú vị và ý nghĩa: Đến thăm, gặp gỡ và trò chuyện với những cựu chiến binh trong xã. Lớp tôi được phân công nhiệm vụ đến thăm nhà bác Hải, một cựu chiến binh thời kháng chiến chống Mỹ. Cuộc gặp gỡ và nói chuyện ấy đã để lại trong lòng tôi những ấn tượng sâu sắc.

Ngôi nhà nhỏ nhắn, xinh xắn của bác Hải nằm trong một con ngõ nhỏ cuối làng. Khi chúng tôi vào tới nơi, bác đang ngồi xem chương trình *Chúng tôi là chiến sĩ*. Nhìn thấy chúng tôi, bác đứng dậy tươi cười chào đón.

Bên trong căn nhà nhỏ cũng không có nhiều đồ đạc. Một chiếc giường nhỏ kê ở góc nhà với chiếc màn mà những người lính ngày xưa vẫn dùng. Một chiếc tủ bày ít đồ lưu niệm. Một bộ bàn ghế cũ kĩ. Trong nhà có lẽ thu hút nhất vẫn là những tấm huân huy chương treo đầy trên tường. Nhìn chúng cũng đủ biết trước kia bác Hải là một vị chỉ huy tài ba, đã từng vào Nam ra Bắc xông pha biết bao trận địa khốc liệt. Phía trên chiếc ti vi là một khung ảnh rất to trong đó treo rất nhiều ảnh bác chụp thời kháng chiến. Hầu hết là ảnh đen trắng chụp bác và mọi người trong đơn vị. Các chiến sĩ trẻ măng quần áo sờn bạc nhưng trên môi luôn nở nụ cười lạc quan yêu đời.

Bác Hải giản dị trong bộ quân phục màu xanh lá cây. Tuy năm nay đã gần bảy mươi tuổi nhưng bác Hải đi lại vẫn nhanh nhẹn và hoạt bát lắm. Gương mặt bác lúc nào cũng toát lên vẻ

cương nghị, kiên cường khó khuất phục được. Sau khi rót nước mời chúng tôi, bác nói:

- Bác rất vui và rất cảm ơn các cháu đã đến thăm bác như thế này.

Lớp trưởng lớp tôi nhanh nhảu đáp lời bác:

- Hôm nay bọn cháu đến thăm bác và rất háo hức được nghe chính bác kể chuyện về cuộc sống người lính năm xưa trong kháng chiến để phần nào hiểu thêm được công lao to lớn của thế hệ cha anh đối với nền hòa bình độc lập của dân tộc. Bác có thể kể cho chúng cháu nghe được không ạ?

Bác Hải mỉm cười gật đầu rồi từ từ kể, đôi mắt hướng ra xa xăm như sống lại những năm tháng chiến đấu ác liệt mà kiên cường.

Năm ấy khi bác vừa học hết năm thứ hai đại học thì có giấy gọi nhập ngũ. Bác vô cùng vui sướng và gác ngay sách vở, bút mực khoác ba lô vào chiến trường. Bác được xung vào đơn vị lính lái xe, hằng ngày tiếp viện cho chiến trường. Hôm thì chở lương thực, hôm thì chở đạn dược, súng ống... Đơn vị toàn những anh lính trẻ măng từ khắp mọi miền quê tụ họp về đây. Mỗi người một tính nhưng ai cũng bền lòng quyết chí hoàn thành nhiệm vụ được giao để tiền tuyến thêm sức mạnh.

Nhiều người tưởng làm lính lái xe nhàn nhã, chỉ việc ngồi trong buồng lái mà nhấn ga. Nhưng thực ra, có lái xe mới biết cái khổ của đời lính lái xe. Các cháu biết rồi đấy, chở lương thực, vũ khí trong thời chiến thì đâu có được đi ở những đường lớn mà phải xuyên rừng mà đi, đường thì gồ ghề, lởm chởm, chỗ thì cành cây chắn ngang, muốn đi được phải nhảy xuống mà dẹp đường. Xe được nguỵ trang rất kĩ bằng lá cây mà vẫn lo bị địch phát hiện. Có những đoạn đường bị địch ném bom nên đứt đoạn với những cái hố sâu hoắm. Lính lái xe lại phải hò nhau cùng với các cô thanh niên xung phong đào đất lấp hố thông đường cho xe chạy. Xe thì có cái nào còn lành lặn đâu, cái thì vỡ kính, cái thì hỏng đèn, cái thì thùng xe xước xát... Những hôm trời nắng, gió thổi bụi cuốn mù mịt, ngồi trong xe mà đầu trắng xóa hết cả trông như những cụ già vậy. Những hôm trời mưa thì cực không tả nổi. Mưa tạt vào mặt đã đành nhưng khổ nhất là những con đường đắp vội cho xe qua nhão ra như bùn, xe thường xuyên bị sa lầy. Trời mưa lạnh mà người vẫn ướt đẫm mồ hôi vì đẩy xe.

Ban ngày đi đường rừng đã vất vả, ban đêm còn vất vả gấp nhiều lần. Ban đêm, đường rừng tối om, đèn lại không được bật vì sợ

bị địch ném bom, các bác cứ phải mò mẫm từng đoạn đường một. Có những đoạn đường bị sạt lở, nếu không vững tay lái và quen đường đi thì rất dễ bị trượt bánh mà rơi xuống vực, chết mất xác. Có những đoạn đường chưa kịp thông, các bác phải nhờ đến cả các cô giao liên, cô thanh niên xung phong đi trước làm cột mốc chỉ đường.

Quãng đường chuyên chở khó khăn, gian nan, nguy hiểm là thế nhưng đơn vị chưa có ai bỏ cuộc hay đào ngũ. Ai cũng cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình để con đường huyết mạch luôn luôn lưu thông. Tất nhiên, không ít đồng chí đã ngã xuống để những vòng bánh xe tiếp tế lăn đều. Mỗi một chiến thắng ngoài mặt trận là sự động viên khích lệ lớn đối với mỗi người lính lái xe chúng ta.

Sau mỗi chuyến đường dài chuyên chở, các bác lại tụ tập nhau lại, kể cho nhau những câu chuyện tếu táo trên đường, cùng nhau hát vang những bài ca cách mạng và cùng chia nhau từng điếu thuốc, miếng cơm, manh áo. Những giây phút ấy đối với các bác đáng quý và thiêng liêng lắm bởi sau những giờ nghỉ ngơi lấy sức như thế, các bác lại lên đường làm nhiệm vụ, không biết khi hoàn thành nhiệm vụ mới này, còn được mấy người lại được quây quần như vậy.

Chiến tranh kết thúc, đơn vị của bác lúc đầu có ba mươi người giờ chỉ còn chưa đến hai mươi. Những năm tháng chiến tranh, uống nước suối, ăn quả rừng, bác may mắn sống được đến hôm nay nhưng oái oăm thay lại nhiễm chất độc màu da cam. Bởi vậy, khi trở về quê hương, làng xóm, bác không lấy vợ mà sống cuộc sống đơn độc với những kỉ niệm của một thời hào hùng. Thi thoảng, nhân dịp ngày kỉ niệm như thế này, các bác thường gặp gỡ nhau và ôn lại những kỉ niệm vừa gian khổ vừa tự hào ấy.

Nghe bác kể mà lòng tôi vô cùng xúc động. Tôi khâm phục sự quả cảm của bác và những người lính lái xe, những người ngày đêm âm thầm lặng lẽ tiếp thêm sức mạnh cho tiền tuyến. Họ đã đổ biết bao nhiêu máu và nước mắt để giành lại nền độc lập hòa bình này để ngày hôm nay chúng tôi được sống trong cảnh thanh bình. Tôi tự hứa sẽ cố gắng học tập thật tốt để xứng đáng với công lao ấy của những người chiến sĩ dũng cảm, kiên cường như bác Hải.

ĐỀ SỐ 45

Nhân ngày 20 - 11, em hãy kể cho các bạn nghe về một kỉ niệm đáng nhớ giữa mình và thầy, cô giáo cũ.

BÀI LÀM

Nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11, lớp tôi có tổ chức một cuộc thi kể chuyện về các thầy, cô giáo. Mỗi người đều chuẩn bị một câu chuyện để kể cho cả lớp nghe. Cuối cùng tôi đã đạt giải nhất cuộc thi đó với câu chuyện về cô Mai, người đã dìu dắt tôi trong suốt thời gian đầu mới bước vào lớp sáu.

Nhà tôi trước kia vốn ở một làng quê hẻo lánh. Tôi học hết lớp năm ở trường thì bố tôi chuyển công tác ra Hà Nội nên gia đình tôi cũng chuyển lên đó luôn.

Bố tôi xin cho tôi vào học trường Đông Ngạc cách nhà mấy cây số. Cuộc sống nơi đô thị có quá nhiều xa lạ đối với tôi, khiến tôi lúc nào cũng thấy nhớ làng, nhớ xóm và nhớ bạn bè ở quê. Lần đầu tiên đến trường, tôi ngơ ngác trước những tòa nhà đồ sộ. Học sinh ở đây được mặc đồng phục rất đẹp, trông ai cũng nhanh nhẹn, hoạt bát và thông minh. Cảm giác lạc lõng xâm chiếm lấy tôi. Bố dắt tôi tới gặp cô Mai, giáo viên chủ nhiệm của lớp mà tôi sắp vào học. Cô dong dỏng cao, nước da trắng hồng tự nhiên. Khuôn mặt cô tròn trịa, phúc hậu. Cô ăn mặc giản dị khiến tôi có cảm giác gần gũi thân quen. Thấy bố con tôi đến chào, cô mỉm cười nói:

- Bước đầu con sẽ có nhiều khó khăn, con cần cố gắng nhiều nhé.

Ánh mắt cô nhìn tôi đầy tin tưởng, động viên. Vì thế tôi vững tâm bước theo cô vào lớp, lớp 6 A15. Cô dẫn tôi đến đứng trước lớp và nói:

- Đây là bạn Quang, mới chuyển từ quê lên. Thời gian đầu bạn sẽ gặp nhiều khó khăn, cô hi vọng lớp chúng ta sẽ giúp bạn nhanh chóng hòa nhập với môi trường mới.

Tôi tưởng các bạn sẽ vỗ tay chào mừng tôi như lớp tôi trước kia vẫn thế khi có bạn mới đến. Nhưng không! Cả lớp vẫn ngồi im không nhúc nhích, những đôi mắt mở to nhìn tôi đầy soi mói. Tôi lúng túng không biết nên nói gì, làm gì nên cứ đứng trơ ra. Cô giáo dường như cũng nhận ra điều đó liền nắm chặt tay tôi và dẫn tôi đến chỗ ngồi của tôi. Cô dặn dò các quy định của lớp học, nói qua cách học của từng môn cho tôi. Cô còn ghi lại cho tôi số điện thoại để tôi liên lạc khi cần. Điều đó khiến tôi xúc động vô cùng. Dù sao, tôi cũng được an ủi phần nào. Buổi học đầu tiên trôi qua lặng lẽ. Tôi vẫn cô độc một mình, không hề bắt chuyện với một ai, kể cả bạn ngồi bên cạnh. Tôi giả vờ không quan tâm tới xung quanh nhưng tôi biết nhất cử nhất động của tôi đều bị những cặp mắt vừa tò mò vừa khinh thị cho vào tầm ngắm.

Ngày thứ hai, tôi bắt đầu tự đạp xe đến trường và vào lớp một mình. Không có cô giáo, thái độ phân biệt của các bạn càng rõ. Những ánh mắt khinh khỉnh vẫn bám riết lấy tôi. Cũng không một ai thèm bắt chuyện với tôi. Có lẽ họ coi thường tôi là dân nhà quê. Ngay cả bạn cùng bàn cũng lảng tôi thật xa. Lòng tôi cô đơn, buồn vô hạn. Có những bạn ác ý, nhìn thấy tôi thì hô to: "Thằng nông dân chân đất mắt toét" khiến cả lớp rộ lên cười ha hả. Tôi ức đến phát khóc lên được nhưng vẫn cố gắng cắn răng nhẫn nhịn, không nói gì. Buổi học hôm đó trôi qua thật nặng nề. Tôi không còn tâm trí nào để nghe giảng cả. Chốc chốc lại ngó đồng hồ. Tôi nhớ da diết các bạn ở quê. Họ sống giản dị thôi nhưng tình cảm biết bao! Tôi muốn về quê. Tôi muốn tránh xa cái nơi lạnh lùng này thật nhanh.

Buổi học kết thúc, tôi thu dọn sách vở ra về. Để tránh mặt mấy bạn hay châm chọc, tôi đợi mọi người về hết rồi mới ra lấy xe. Nhưng ôi thôi, chiếc xe của tôi đã hết hơi tự lúc nào. Tôi kiểm tra lại thì phát hiện ra van hơi bị mở. Hóa ra có ai đó muốn chơi xấu tôi nên đã tháo hơi xe của tôi. Rơm rớm nước mắt, tôi dắt xe ra khỏi cổng trường. Đường phố lạ lẫm, tôi chẳng biết lối nào với lối nào để tìm quán sửa xe. Trời tối rất nhanh. Đèn đường đã sáng, tôi vẫn lóc cóc dắt chiếc xe đạp trong sự lo lắng, sợ hãi.

Bỗng nhiên có một chiếc xe máy dừng ngay bên cạnh tôi. Tôi quay sang nhìn thì hóa ra đó là cô Mai. Cô ngạc nhiên hỏi:

- Quang, sao giờ này em mới về? Xe của em làm sao thế?

Bao nhiêu tức tưởi, ấm ức bỗng trào ra, không thể kìm nén được. Tôi òa lên khóc. Mặc cho cô an ủi, tôi vẫn khóc nức nở. Có lẽ cô cũng hiểu được phần nào tâm trạng của tôi nên cô vỗ vai tôi an ủi:

- Rồi em sẽ vượt qua được, hãy cố gắng lên em!

Sau đó cô gọi điện về nhà cho bố mẹ tôi nói rằng cô sẽ đưa tôi về nhà. Cô mang xe của tôi gửi vào nhà người quen rồi chở tôi qua một quán ăn. Lúc đó tôi đã đói mềm nên tôi không khách sáo, ngồi ăn rất ngon lành. Trong khi ăn, cô đã tâm sự với tôi rất nhiều. Cô tâm sự với tôi hoàn cảnh của cô, những khó khăn vất vả của cô trong những ngày đầu tiên mới ra Hà Nội. Cô nói, có những giây phút cô cảm thấy thực sự mệt mỏi, thực sự kiệt sức muốn buông xuôi nhưng nghĩ đến những người thân luôn đặt niềm tin vào cô, cô lại có thêm sức mạnh. Cô tâm sự những cố gắng, nỗ lực của cô để có được ngày hôm nay. Tôi chăm chú lắng nghe và ghi nhớ từng lời cô dặn.

Về đến nhà, đêm hôm đó, tôi trằn trọc suy nghĩ về những lời nói của cô. Tôi quyết định sẽ thay đổi và sẽ cố gắng nỗ lực như cô trước đây. Tôi sẽ quên đi mặc cảm người nhà quê, sống thật kiêu hãnh. Tôi sẽ cố gắng chăm chỉ học tập thật tốt để chứng minh rằng người nhà quê cũng không thua kém gì người thành phố. Điểm số của tôi vì thế ngày càng cao. Mỗi lần nhìn tôi, cô lại gật đầu hài lòng, ánh mắt cô tràn đầy tin tưởng vào tôi khiến cho tôi có thêm động lực để phấn đấu. Tôi đã chứng minh được năng lực của mình, bởi vậy mà các bạn không còn phân biệt đối xử với tôi nữa.

Ngày tôi nhận giấy khen, tôi định sẽ gặp và cảm ơn cô thật nhiều nhưng tôi không bao giờ có cơ hội đó nữa. Trên đường đến trường, cô đã gặp tai nạn và vĩnh viễn không bao giờ tỉnh dậy nữa. Tôi đã khóc rất nhiều. Sự ra đi đột ngột của cô là nỗi mất mát quá lớn đối với tôi. Đứng trước vong hồn cô, tôi hứa sẽ nỗ lực hơn nữa để một ngày không xa sẽ trưởng thành như cô, xứng đáng với sự tin tưởng của cô. Cô sẽ mãi mãi sống trong trái tim tôi như một điểm tựa ấm áp.

Kể đến đây, tôi khóc nấc lên. Nhiều bạn trong lớp nước mắt cũng đã giàn giụa. Ước chi thầy, cô giáo nào cũng nhân hậu như cô Mai để học sinh chúng tôi được sống và học tập trong một tình yêu thương bao la nồng ấm.

ĐỀ SỐ 46

Kể về một cuộc gặp gỡ với các anh bộ đội nhân ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12). Trong buổi gặp đó, em được thay mặt các bạn phát biểu những suy nghĩ của thế hệ mình về thế hệ cha anh đã chiến đấu, hi sinh để bảo vệ Tổ quốc.

BÀI LÀM

Hơn ba mươi năm, một khoảng thời gian không phải là ngắn kể từ khi Việt Nam giành lại được độc lập chủ quyền, thế nhưng những ấn tượng về một thời đau thương và oanh liệt của hai cuộc chiến tranh thần thánh chống Pháp và chống Mĩ đã khắc sâu trong tâm khảm của mỗi người dân Việt Nam không thể nào quên. Trong những năm tháng hào hùng ấy, có biết bao anh hùng dân tộc đã anh dũng chiến đấu, sẵn sàng hi sinh thân mình vì Tổ quốc thân yêu. Để bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với các thế hệ cha anh đi trước, trường em đã tổ chức lễ kỉ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22 - 12 và mời các anh, các chú, các bác bộ đội về tham dự. Được thay mặt cho các bạn học sinh trong trường phát biểu những suy nghĩ của thế hệ mình về thế hệ cha anh, em đã vô cùng vui sướng và tự hào.

Hôm đó là một buổi sáng thứ Hai đẹp trời. Cái se lạnh của tiết cuối thu đầu đông như lắng lại, từng làn nắng hửng lên, hồng tươi trên đôi má học trò, lòng em xúc động khó tả. Cùng các bạn trong lớp đến sớm để trang trí lễ đài lòng em cứ vui như đi hội. Em và Hoa - lớp trưởng lớp em cắm hoa vào lẵng để chuẩn bị tặng các chú bộ đội. Lúc này, trong đầu em hiện ra biết bao nhiêu câu hỏi: “Không biết các chú bộ đội có vui tính không nhỉ?”, “Mình đã chuẩn bị thật kĩ để phát biểu trước lớp nhưng liệu các chú có hài lòng không nhỉ”... Ôi! Biết bao nhiêu câu hỏi khiến em thêm hồi hộp hơn.

Thế rồi tiếng trống trường vang lên rộn rã. Tất cả học sinh nhanh chóng xếp hàng ngay ngắn trước lễ đài. Sau lời giới thiệu rất trang trọng của thầy hiệu trưởng, các chú bộ đội lần lượt từ văn phòng bước ra hàng ghế danh dự. Tất cả có sáu người. Ai cũng mặc bộ quân phục màu xanh lá cây - màu của niềm tin, hi vọng, màu của hòa bình, hạnh phúc. Trong số đó, có một bác lớn tuổi nhất làm trưởng đoàn. Trước ngực bác cài bốn chiếc huân chương mạ vàng lóng lánh. Ngay sau khi các chú bộ đội đã ổn định chỗ ngồi, lễ chào cờ được diễn ra trong không khí trang nghiêm và thiêng liêng vô cùng. Cùng lúc đó tiếng nhạc Quốc ca hùng tráng vang lên. Nhìn lá cờ đỏ sao vàng đang tung bay phấp phới trong gió mà em thấy tự hào biết bao. Có được sắc đỏ tươi của lá cờ Tổ quốc in hình trên nền bầu trời xanh hòa bình ấy là biết bao công lao, hi sinh mất mát mà thế hệ cha anh đi trước đã đổ xuống.

Sau chương trình văn nghệ sôi động chào mừng ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, cô hiệu trưởng đọc diễn văn nêu lên ý nghĩa thiêng liêng của ngày này. Sau đó, chúng em có buổi giao lưu trực tiếp đầy ý nghĩa với các chú bộ đội.

Bạn Tuấn, liên đội trưởng của trường em, nhanh nhảu đứng lên hỏi:

- Thưa các bác, các chú, cuộc sống bây giờ của bộ đội khác gì với cuộc sống của bộ đội trong thời chiến tranh ạ?

Toàn trường, mọi ngày trong giờ này thường xôn xao là thế, vậy mà hôm nay tất cả đều im phăng phắc. Bao nhiêu con mắt đều đổ dồn vào mấy chú bộ đội. Ai cũng háo hức nghe các chú kể chuyện về cuộc sống trong quân đội. Thay mặt cho toàn đơn vị, bác trưởng đoàn - bác Hưng đứng lên trả lời câu hỏi của bạn liên đội trưởng:

- Các cháu ạ, dù là thời chiến hay thời bình thì bộ đội cũng luôn luôn phải trong tư thế sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ nền hòa bình độc lập cho dân tộc. Bởi thế, tuy bây giờ không phải ra mặt trận, không phải đổ máu như trước nhưng những chiến sĩ bộ đội vẫn luôn luôn phải rèn luyện, phải học chính trị, rèn luyện về tư tưởng, phải tập đột kích, bắn súng, luyện võ,... Nghĩa là phải trang bị tất cả những kiến thức cũng như kĩ năng cần thiết để sẵn sàng khi Tổ quốc cần đến.

Rồi bác kể cho chúng em nghe về cuộc sống hằng ngày vất vả, gian nan nhưng đầy ắp tiếng cười lạc quan yêu đời của bộ đội. Cả trường lặng đi vì xúc động và ngưỡng mộ. Khi bác Hưng kết thúc

những lời tâm sự, chia sẻ chân thành của mình, toàn trường vỗ tay rào rào hưởng ứng. Ngay sau đó, em được cô hiệu trưởng giới thiệu lên phát biểu cảm nghĩ của thế hệ trẻ trước công lao to lớn của thế hệ cha anh mình. Dù đã chuẩn bị rất kĩ từ trước nhưng khi bước lên lễ đài, em vẫn cảm thấy tim mình đập mạnh. Không biết do xúc động hay do lo lắng, hồi hộp quá. Em hít một hơi thật sâu rồi cất tiếng dõng dạc:

- Kính thưa các bác, các chú, các anh bộ đội, kính thưa các thầy, các cô và các bạn thân mến, hôm nay em vinh dự được thay mặt cho toàn trường nói lên những suy nghĩ của mình đối với thế hệ cha anh. Có thể nói, được sinh ra và lớn lên trong một đất nước độc lập, tự do, chúng em vô cùng tự hào và biết ơn sâu sắc đối với thế hệ cha ông đi trước, bởi chính họ là những người đã không tiếc xương máu để giành lại và giữ vững nền độc lập ấy.

Nói tới đây, em bỗng quên hết hồi hộp, lo lắng, giọng nói trở nên tự tin và tràn trề cảm xúc:

- Qua lời giảng của thầy, cô giáo, chúng em hiểu rõ mọi gian khổ, khó khăn nơi chiến trường mà các anh đã phải trải qua. Đồng thời chúng em cũng vô cùng cảm động trước tình đồng chí, đồng đội và ý chí chiến đấu mãnh liệt của các anh. Hôm nay, chúng em lại được nghe những câu chuyện kháng chiến cảm động của các chú, các anh bộ đội, chúng em càng thêm khâm phục công việc, nhiệm vụ âm thầm mà cao cả của các chú, các anh và chúng em cũng vô cùng tự hào là thế hệ tiếp bước thế hệ ông cha đi trước. Chúng em tự hào là người con đất Việt, tự hào về mảnh đất anh hùng với biết bao con người dũng cảm từ thế hệ như Kim Đồng, Võ Thị Sáu, đến những vị tướng tài ba Phan Đình Giót. Đó là mảnh đất hùng thiêng trong những áng thơ hào hùng:

Ôi! Việt Nam xứ sở lạ lùng
Đến em thơ cũng hóa anh hùng
Đến ong dại cũng biến thành dũng sĩ
Cả hoa trái biến thành vũ khí

Là những người đang được thừa hưởng niềm hạnh phúc lớn lao, được sống trong nền độc lập, hòa bình, học sinh chúng em tự thấy phải có trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ nền độc lập của non sông gấm vóc. Chúng em nguyện đem trí tuệ sức lực của mình để xây dựng và

phát triển đất nước ngày càng giàu đẹp hơn bao giờ hết. Chúng em xin hứa sẽ ra sức học tập để xứng đáng với truyền thống của thế hệ cha ông, xứng đáng là những mầm non, những chủ nhân tương lai của đất nước, xứng đáng với lòng mong mỏi và sự kì vọng của các bác, các chú, các anh.

Em vừa dứt lời, học sinh của tất cả các khối lớp vỗ tay hân hoan để hưởng ứng. Bản thân em chưa bao giờ cảm thấy xúc động và lòng tràn đầy quyết tâm đến thế. Bác Hưng cũng vô cùng xúc động nói:

- Tốt lắm! Tốt lắm! Bác tin là các cháu sẽ là những chủ nhân tuyệt vời của đất nước.

Kết thúc buổi giao lưu, trò chuyện là một tiết mục văn nghệ do đội văn nghệ của trường biểu diễn. Khúc ca: *Hát mãi khúc quân hành* vang lên sôi nổi đã khơi dậy trong lòng chúng em những ý chí, quyết tâm mãnh liệt.

Cuộc gặp gỡ với các chú, các anh bộ đội - đại diện cho thế hệ cha anh là một buổi gặp gỡ thật đáng nhớ đối với học sinh chúng em. Tuy không nói ra nhưng ai cũng tự nhủ trong lòng, phải cố gắng học tập thật tốt để sau này xứng đáng là người lính cụ Hồ, tiếp tục sự nghiệp của lớp cha anh đi trước.

BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5:

ĐỀ SỐ 47

Bác Hồ là lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của em về Người.

GỢI Ý

Cần đảm bảo được một số nội dung sau:

* Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ đại:

- Bác đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh của mình đối với nhân dân, với đất nước.

- Bác là người sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng Đảng dẫn đường chỉ lối cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc thoát khỏi xiềng xích nô lệ của thực dân, phong kiến.

- Bác đã trở thành vị chủ tịch nước đầu tiên của nước Việt Nam có chủ quyền, tự do, độc lập.

- Bác cống hiến cuộc đời mình cho lí tưởng cao đẹp: giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, xây dựng Việt Nam thành một quốc gia hùng cường.

- Bác lãnh đạo nhân dân ta chiến thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, khẳng định tên tuổi Việt Nam trên trường quốc tế.

- Công lao của Bác có thể sánh với trời cao, biển rộng.

*Bác Hồ - tấm gương sáng ngời về quan điểm sống "mình vì mọi người":

- Nếp sống của Bác vô cùng giản dị, gần gũi với cuộc sống của nhân dân.

- Bác "hi sinh tất cả, chỉ quên mình", lấy việc cống hiến cho đất nước làm niềm vui và hạnh phúc của mình.

- Đức tính giản dị và khiêm tốn của Bác có sức cảm hóa và thuyết phục mọi người rất lớn.

- Ở Bác hội tụ đủ ba yếu tố: đại nhân, đại trí, đại dũng.

* Tình cảm của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới với Bác Hồ:

- Yêu mến, khâm phục và biết ơn sâu sắc.

- Bác được tôn vinh là lãnh tụ cách mạng kiệt xuất, người chiến sĩ vì hòa bình, danh nhân văn hóa thế giới.

- Bác sống mãi với đất nước và dân tộc.

ĐỀ SỐ 48

Nước ta có nhiều tấm gương vượt lên số phận, học tập thành công (như anh Nguyễn Ngọc Kí bị hỏng tay, dùng chân viết chữ; anh Hoa Xuân Tứ bị cụt tay, dùng vai viết chữ; anh Đỗ Trọng Khơi bị bại liệt đã tự học trở thành nhà thơ; anh Trần Văn Thước bị tai nạn lao động liệt toàn thân đã tự học trở thành nhà văn...). Lấy nhan đề "Những người không chịu thua số phận" em hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của em về những con người ấy.

Đọc tham khảo:

NHỮNG CON NGƯỜI KHÔNG CHỊU THUA SỐ PHẬN

Trái đất có hàng tỉ người sinh sống, có hàng triệu người được sinh ra mỗi năm. Nhưng sinh ra không phải ai cũng được may mắn, được vẹn nguyên thân thể. Bên cạnh những người lành lặn cũng có những người bị khuyết tật. Tuy thân thể không bình thường nhưng họ không chán, nhụt chí hay buông xuôi, bằng ý chí của mình vươn lên và trở thành người "những người không chịu thua số phận".

Họ là những người bị khuyết tật bẩm sinh hay gặp tai nạn nên bị mất một phần của cơ thể, nhưng họ là những học sinh vượt khó... Khi nhìn thoáng qua những con người ấy tôi đã từng nghĩ rằng không biết rồi mai đây họ sẽ đi đâu, về đâu, sẽ làm gì trong cuộc sống vô thường này khi mất đi một bộ phận cơ thể, mất đi điều kiện để phát triển. Nhưng tôi đã thay đổi suy nghĩ khi đọc được những dòng chữ nói về cuộc đời của thầy Nguyễn Ngọc Kí - một người mất cả hai tay nhưng bằng ý chí thầy đã thành công trong việc tập viết bằng hai chân,anh Hoa Xuân Tứ bị cụt tay, dùng vai viết chữ; anh Đỗ Trọng Khôi bị bại liệt đã tự học trở thành nhà thơ... Thật ra, họ không hề như tôi nghĩ, không hề bị động đối với cuộc sống mà họ luôn chủ

động, luôn cố gắng vươn lên, hòa nhập với cuộc sống bằng ý chí của mình. Họ muốn khẳng định mình cũng là một người có ích, mình "tàn" nhưng không phế, nghèo nhưng không nản. Chính vì ý chí đó nên họ đã không là gánh nặng của gia đình và xã hội. Họ đã để lại cho xã hội những tấm gương vượt khó, những bài học bổ ích về tự lực vươn lên và ý chí kiên cường trong cuộc sống. Họ đã tự mình xây dựng cho mình một cuộc sống hoàn thiện và hạnh phúc hơn. Những mảnh đời bất hạnh ấy đã dùng nghị lực kiên cường của mình và sự giúp đỡ của gia đình, xã hội để làm những công việc kiếm ra tiền nuôi sống bản thân, cũng nhằm góp phần ổn định kinh tế xã hội. Khi biết được những điều ấy tôi đã chuyển ánh mắt thương hại thành sự khâm phục của mình đối với họ. Họ thật đáng nể vì họ đã không khuất phục trước số phận của mình, họ đã chọn con đường vươn lên mặc dù con đường ấy mang nhiều chông gai và đầy khó khăn, mặc dù cuộc sống này có biết bao thăng trầm, nhưng họ có niềm tin và nghị lực phi thường để làm hành trang vào đời, làm vũ khí chiến đấu với vòng xoáy cuộc đời.

Những con người không chịu thua số phận ấy thật đáng cho chúng ta khâm phục. Họ đã biết sống và sống có ý nghĩa. Ở họ tôi đã học được rằng nên có ý chí vươn lên trong cuộc sống, không nên chùn bước trước khó khăn. Có thể ước mơ về một tương lai tươi sáng mới thành hiện thực được.

(Sưu tầm)

ĐỀ SỐ 49

Việt Nam, tuy điều kiện kinh tế hạn chế, cơ sở vật chất chưa phát triển, nhưng đã có nhiều học sinh đoạt huy chương vàng tại các cuộc thi quốc tế về toán, lí, ngoại ngữ... Năm 2004, sinh viên Việt Nam lại đoạt giải vô địch cuộc thi Robocon châu Á tại Hàn Quốc. Hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của em về hiện tượng đó.

BÀI LÀM

Cần đảm bảo được các nội dung sau:

- Trước hết, chúng ta có quyền tự hào bởi vì Việt Nam tuy điều kiện kinh tế hạn chế, cơ sở vật chất chưa phát triển, nhưng đã có nhiều học sinh đoạt huy chương vàng tại các cuộc thi quốc tế về toán, lí, ngoại ngữ,... Năm 2004, sinh viên Việt Nam lại đoạt giải vô địch cuộc thi Robocon châu Á tại Hàn Quốc. Hai Giáo sư - Tiến sĩ gốc Việt là Võ Bá Ngữ và Võ Bá Tường vừa được vinh danh tại giải thưởng Eureka Prize 2010 của Australia. Trước đó, tại các kỳ thi Olympic quốc tế các đoàn học sinh của Việt Nam cũng đã giành được những thành tích xuất sắc và xếp ở thứ hạng cao như: 1 huy chương vàng, 4 huy chương bạc và 1 huy chương đồng trong kỳ thi Olympic Toán quốc tế (IMO) 2010 lần thứ 51 tại Astana, Kazakhstan; 2 huy chương bạc và 2 huy chương đồng tại cuộc thi Olympic Hóa học quốc tế lần thứ 42 (IChO 42) tổ chức tại Tokyo (Nhật Bản); 1 huy chương vàng, 3 huy chương bạc và 1 huy chương đồng tại cuộc thi Olympic quốc tế Vật lí lần thứ 41 tại Croatia... Những kết quả trên mà đỉnh cao là Huy chương Fields của Giáo sư Ngô Bảo Châu đã làm rạng danh trí tuệ Việt Nam trên trường quốc tế. Những thành tích mà chúng ta đạt được trong một điều kiện cơ sở vật chất vô cùng thua kém so với các nước phát triển khẳng định rằng con người Việt Nam, tuổi trẻ Việt Nam có

một nền tảng trí tuệ cao và chúng ta đã phần nào khai thác được ưu thế đó một cách hiệu quả.

- Nhưng không vì thế mà chúng ta chủ quan, tự cao tự đại, không vì thế mà chúng ta ngủ quên trong những thành tích đã đạt được. Chúng ta cần lấy những thành tích đó làm động lực để phấn đấu, nỗ lực hơn nữa để tiếp tục phát huy truyền thống ấy, góp phần nâng cao vị thế của dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.

ĐỀ SỐ 50

Một hiện tượng khá phổ biến hiện nay là vứt rác ra đường hoặc những nơi công cộng. Ngồi bên hồ dù, là hồ đẹp nổi tiếng, người ta cũng tiện tay vứt rác xuống... Em hãy đặt một nhan đề để gọi ra hiện tượng ấy và viết bài văn nêu suy nghĩ của mình.

Đọc tham khảo

Sự tuỳ tiện, bừa bãi không chỉ phản ánh một nền văn hoá công cộng thấp kém mà còn là dấu ấn một cuộc sống hoang dã, một nền sản xuất nhỏ lạc hậu. Trong xu thế hội nhập, khoa học kỹ thuật, thiết bị, công nghệ đều có thể nhập khẩu, duy chỉ có con người với những tác phong vốn có là không thể thay thế.

Ngồi trong chiếc thuyền mộc trên suối Yến đến động Hương Tích, tôi thấy cảnh một nhóm thanh niên ăn mặc lịch sự, hồn nhiên ném những bọc ni lông, tàn thuốc lá xuống mặt nước trong xanh... Còn đường lên Nam thiên đệ nhất động không ít cảnh chen lấn, xô đẩy và những câu chửi thề rất phản cảm. Tại các điểm danh thắng khác như đền bà Chúa Kho, hội Lim, cảnh chen lấn, xô đẩy, vứt rác bừa bãi cũng khá phổ biến.

Rất dễ dàng bắt gặp cảnh bà mẹ dắt con đi dạo phố, vừa đi vừa ăn quà rồi hồn nhiên vứt rác xuống lề đường hoặc buông những câu văng tục. Những hành vi như vậy, trước hết sẽ được đứa trẻ thu nhận và lặp lại. Đứa trẻ ấy khi lớn lên thành bậc cha mẹ, ai dám đảm bảo rằng sẽ lại không vứt rác ra công viên khi dắt con đi dạo. Thật là vô vọng nếu nhìn vào thực tế đó, chúng ta bắt buộc phải suy diễn theo logic: sự bừa bãi cũng được thừa kế?

Ở Việt Nam chúng ta, nhất là ở các thành phố lớn, rác rơi vãi khắp nơi trên đường phố. Đơn cử trường hợp của thành phố Hồ Chí Minh, các tuyến đường trọng điểm, nơi khách du lịch nước ngoài hay đi lại cũng không tránh khỏi tình trạng này.

Thành phố bây giờ đã đẹp hơn, xanh hơn nhờ được cải tạo, chỉnh trang. Nhất là trước các lễ hội, thành phố được trang hoàng. Trước và trong SEA Games lại càng rực rỡ, ngăn nắp hơn nữa. Các chiến dịch ngày Chủ nhật xanh, chương trình xanh - sạch - đẹp, những người lao công thường xuyên nhặt rác trên đường Nguyễn Huệ ngay vào ban ngày. Và rất nhiều, rất nhiều hành động khác nữa nỗ lực làm đẹp, làm sạch thành phố.

Tuy nhiên, tình trạng xả rác nơi công cộng vẫn tồn tại, rất dễ tìm thấy nhiều mảnh rác dọc theo hai bên tuyến đường; rất dễ chứng kiến cảnh người ngồi trên xe gắn máy vứt giấy gói thức ăn hay vỏ hộp sữa họ mới vừa uống. Cũng như vậy với tình trạng người ngồi trên xe ô tô, nhất là xe buýt, xe du lịch vứt rác hay thậm chí khạc nhổ xuống đường. Các gia đình sống dọc bên đường mang gói, bọc ra để xuống lòng đường. Vứt rác nơi công cộng, nhất là nơi có nhiều người tập trung thì rất phổ biến, kể cả ở sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất...

Thành phần tri thức mà không có ý thức giữ gìn vệ sinh công cộng thì thật đáng trách. Các nhà vệ sinh ở các trường học thì thật tồi tệ. Tôi có dịp đến thăm một trường đại học, khi bước chân vào nhà vệ sinh thì phải quay ra vì quá bẩn không thể dùng được. Các sinh viên dùng khăn giấy vứt lung tung quanh bồn rửa mặt. Còn bồn tiểu thì vứt đủ thứ: tàn thuốc, kẹo cao su, giấy vụn vò lại và nhiều thứ khác nữa.

Cụm từ "không xả rác" đã trở thành điệp khúc. Chúng ta có thể bắt gặp chúng đâu đó ở các ngã tư, các pa - nô lớn có mang dòng chữ này. Nhiều người cho rằng, hành động xả rác đã trở thành thói quen, rất khó thay đổi. Thiết nghĩ, thói quen được chủ động hình thành trong mỗi người. Từ lúc bắt đầu đi học ở trường mầm non, các em học sinh đã được cô giáo dạy giữ gìn vệ sinh cá nhân, để vật dụng ngăn nắp, bỏ rác vào thùng rác,... Chúng ta có thấy cảm phục hay thậm chí xấu hổ khi thấy một đứa bé bốn tuổi loay hoay tìm giỏ rác để vứt giấy gói quà?

Tuy nhiên, thói quen này lại dần mất đi khi các em lớn. Tại sao? Vì thầy cô giáo không còn đề cập sát sao vấn đề này nữa ở các lớp cao hơn. Thêm vào đó, các em thấy người lớn "không tuân thủ" nên làm theo. Hơn nữa, vứt rác cũng tiện lợi hơn là phải đi tìm và bỏ vào thùng rác. Đây là thời điểm để một thói quen khác dần hình thành.

Một vài đề xuất nhỏ:

Khi xả rác hãy nghĩ đến những người nhặt và thu gom rác sau đó. Kẹo cao su với giấy gói, khăn giấy, giấy gói quà, túi xốp... có thể

bỏ vào túi áo hay túi quần và mang bỏ vào thùng rác ở dọc đường hoặc ở nhà. Vỏ hộp sữa hay các loại rác có kích thước lớn hơn, bỏ vào túi xốp và treo ở trên xe gắn máy hay xe đạp và bỏ vào thùng rác nào tiện lợi nhất. Không nhận tờ bướm quảng cáo phân phát trên đường vì sau đó phần lớn chúng bị vứt bỏ trên đường. Không ăn uống trên đường. Luôn nhắc nhở trẻ em không xả rác.

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất, theo tôi, là do sự giáo dục về vệ sinh môi trường tại Việt Nam chưa được quan tâm đúng mức. Người ta có thể đặt thêm nhiều thùng rác ở Việt Nam, nhưng điều đó chưa chắc sẽ đồng nghĩa với việc giải quyết được nạn xả rác bừa bãi. Tôi đã từng thấy rất nhiều người Việt thản nhiên ném bao, ly nhựa xuống đất khi đang đi đường, hoặc những tốp thanh niên đi picnic cứ vô tư để lại trên đất cơ man là khăn trải, đĩa, bịch ni lông... dẫu thùng rác được đặt kế bên!

Liệu có bao nhiêu người trong số những người xả rác ấy biết được phải mất cả hàng ngàn năm để những vật dụng bằng nhựa bị phân hủy và hậu quả của nó lớn như thế nào? Tôi tin chắc nhiều người trong các bạn nghĩ môi trường sống xung quanh là "của chung" chứ đâu phải "của riêng", vì vậy thật vô lý và rất khó để đòi hỏi các bạn phải hết sức gìn giữ. Quan niệm như vậy là thiển cận và ích kỷ.

Tôi đã từng làm việc trong nhiều công ty nước ngoài, các giám đốc người nước ngoài luôn chê người Việt Nam "chỉ biết tranh cãi nội bộ, giậu đổ bìm leo". Sao mỗi người Việt Nam chúng ta không cố gắng tạo dựng hình ảnh, phẩm chất tốt đẹp của người thanh niên Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế? Tự tạo dựng hình ảnh tốt về bản thân, đất nước mình với người nước ngoài, rồi tiếng lành đồn xa. Có thể chậm nhưng mà chắc.

Hàng triệu hành động, công sức, tâm huyết vì một hình ảnh Việt Nam tươi đẹp sẽ đổ "xuống sông xuống biển" khi du khách đến Việt Nam vẫn gặp cảnh chèo kéo, đu bám, cởi trần, lạng lách, khạc nhổ, vứt rác... nơi công cộng. Muốn vậy cần có những hành động và sự thay đổi trong nhận thức, tư duy, hành vi, lối sống của mỗi công dân trong xã hội.

Đoàn thanh niên rất rầm rộ với chiến dịch thanh niên tình nguyện, tại sao lại không phát động một chiến dịch "sống đẹp" trong các trường học, công sở, địa điểm du lịch trên cả nước?

(Nguồn: hocmai.vn)

BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6:

ĐỀ SỐ 51

Suy nghĩ của em về tình mẫu tử trong đoạn trích *Trong lòng mẹ* (*Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng).

BÀI LÀM

Kí ức về tuổi thơ là một trong những phần kí ức đáng nhớ và sâu đậm nhất trong cuộc đời mỗi con người. Đặc biệt, những kí ức khổ đau thì càng khó xóa nhoà. Nguyên Hồng là nhà văn đã từng có một tuổi thơ cay đắng. Nó thôi thúc ông viết nên cuốn hồi kí *Những ngày thơ ấu*. Đây là một cuốn hồi kí giàu chất trữ tình, bộc lộ một trái tim nhạy cảm, dễ rung động, dễ tổn thương.

Trong lòng mẹ thuộc chương 9 của tập hồi kí, là đoạn trích gây xúc động mạnh mẽ cho người đọc khi thể hiện sâu sắc tình mẫu tử thiêng liêng. Đây cũng chính là đoạn trích kết tinh cảm hứng nhân đạo và kí ức tuổi thơ gắn với tình mẹ của Nguyên Hồng trong toàn tập hồi kí.

Ngay từ những dòng đầu đoạn trích, qua giọng văn giản dị và tự nhiên của Nguyên Hồng, người đọc đã nhận ra cảnh ngộ của bé Hồng: "Tôi đã bỏ cái khăn tang bằng vải màn đi rồi. Không phải đoạn tang thầy tôi mà vì tôi mới mua được một cái mũ trắng và quấn băng đen". Sinh ra trong gia đình bất hạnh, bé Hồng là kết quả của cuộc hôn nhân không có tình yêu. Hơn nữa, một ông bố nghiện ngập rồi chết mòn chết rục bên bàn đèn thuốc phiện để lại cho người mẹ tất cả những cùng túng của gia đình, cuối cùng phải tha hương kiếm sống. Vậy nên dù còn rất nhỏ nhưng bé Hồng đã phải sống trong sự ghẻ lạnh của họ hàng và những thành kiến cổ hủ, thói nhỏ nhen độc ác của đám thị dân. Bà cô Hồng chính là hiện thân cho những thành kiến đáng sợ ấy. Biết chú bé Hồng vốn dĩ thiếu thốn tình thương và sự ấp ủ nhưng bà cô vẫn cố tình kéo Hồng vào một trò chơi độc ác đã được dàn tính sẵn. Bà cô hỏi Hồng. "Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mẹ mày không?". Vốn nhạy cảm, nặng tình thương và

lòng kính mến mẹ, chú bé Hồng "nhận ra những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch" của người cô nên Hồng cúi đầu không đáp. Nhưng bà cô không chịu buông tha. Bà cô liền vỗ vai mà nói rằng: "Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ". Đó là những câu nói đầy ác ý, châm chọc và nhục mạ với rắp tâm làm khô héo tình máu mủ trong lòng Hồng. Đối với bé Hồng thì đó là một nỗi đau. Bởi không gì đau đớn bằng vết thương lòng bị người khác, mà lại chính là cô mình, cứ săm soi hành hạ.

Nỗi đau trong lòng bé Hồng bật thành tiếng khóc phẫn uất, nức nở với hai hàng nước mắt ròng ròng, chan chứa đầm đìa xuống cổ. Nhưng bà cô vẫn tươi cười kể cho Hồng nghe tình cảnh túng quẫn, hình vẻ gầy guộc rách rưới của mẹ Hồng một cách chi tiết, tỉ mỉ, xem như đấy là chuyện vô cùng thích thú. Mục đích của bà cô là "gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là goá chồng, nợ nần cùng túng quá phải bỏ con cái đi tha phương cầu thực". Đó là sự vô cảm sắc lạnh đến ghê rợn của người cô.

Bé Hồng bị đặt giữa ranh giới của định kiến và tình thương. Nhưng may thay Hồng đã nhận ra sự thâm độc của người cô. Chính vì thế chú bé Hồng càng đau đớn uất hận càng trào lên cảm xúc yêu thương mãnh liệt đối với người mẹ bất hạnh của mình.

Mới nghe người cô hỏi, chú đã nhận ra ngay những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và trên nét mặt của bà cô, nên không để những rắp tâm tanh bẩn ấy xâm phạm đến tình yêu thương và kính trọng mẹ. Khi nước mắt ròng ròng, Hồng vẫn cố tỏ ra kiên cường hỏi lại bà cô: "Sao cô biết mợ con có con?". Khi nỗi tức tưởi trong lòng lên đến cực độ, cổ họng nghẹn ứ khóc không ra tiếng, Hồng đã nghĩ: "Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi". Những ý nghĩ này bộc lộ một tâm hồn đau đớn nhưng vô cùng thánh thiện, hiếu thảo, đầy bản lĩnh và đúng đắn. Bởi lẽ Hồng đã biết nhìn nhận và căm ghét những hủ tục, thành kiến trong xã hội, không để cho nó sai khiến mình.

Cảm nhận được tình thương yêu mãnh liệt của chú bé Hồng đối với người mẹ bất hạnh của mình mới thấy hết cảm giác sung sướng,

hạnh phúc tột độ của chú khi được gặp mẹ, được ở trong lòng mẹ. Vừa thoáng thấy bóng một người ngồi trên chiếc xe kéo, Hồng đã bật tiếng gọi: "Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ ơi!". Đó chỉ là cảm tính, nhưng là thứ cảm tính không thể nhầm lẫn. Khi biết chắc chắn đó là mẹ mình, Hồng vội vã, bối rối, lập cập khiến người đọc biết bao thương cảm. Vừa ngồi lên xe cùng mẹ, Hồng đã "òa lên khóc, rồi cứ thế nức nở". Vẫn là những giọt nước mắt nức nở, nghẹn ngào, nhưng lần này là vì hạnh phúc. Cảm giác sung sướng khi sà vào lòng mẹ được bé Hồng diễn tả bằng những cảm nhận đặc biệt và những rung động vô cùng tinh tế. "Những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường". Rồi cảm giác được mẹ ấp ủ, vuốt ve "từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng". Tất cả những cảm giác và niềm hạnh phúc khôn tả này tạo nên tình mẫu tử thiêng liêng và ấm áp nhất cõi trần gian. Không gian này đối lập hẳn với xã hội thực dân chỉ trọng đồng tiền đầy rẫy những thành kiến. Có lẽ đây cũng là những khao khát khôn nguôi của Nguyên Hồng về một cuộc sống tràn ngập tình thương yêu và sự bao bọc.

Trong lòng mẹ là đoạn trích giàu chất trữ tình. Cảm xúc của tác giả thấm đượm trong từng câu chữ, có khi là những cảm xúc căm giận xót xa, có khi lại là những cảm xúc yêu thương tha thiết, mãnh liệt. Qua đoạn trích này, Nguyên Hồng bày tỏ thái độ căm ghét xã hội đương thời, bày tỏ lòng thương cảm đối với hoàn cảnh đáng thương của chú bé Hồng, thái độ bênh vực đối với người mẹ phải âm thầm chịu nhiều cay đắng, nhiều thành kiến của xã hội. Đặc biệt là niềm tin đối với tình cảm của con người. Đây chính là cốt lõi trong tư tưởng nhân đạo trên mỗi trang viết của ông.

ĐỀ SỐ 52

Truyện ngắn *Làng* của Kim Lân gợi cho em những suy nghĩ gì về những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống thực dân Pháp.

BÀI LÀM

Truyện ngắn *Làng* của Kim Lân là một trong những truyện ngắn hay viết về hình ảnh người nông dân. Đến với tác phẩm, chúng ta sẽ thấy rất rõ sự chuyển biến trong tình cảm của người nông dân trong kháng chiến chống Pháp thông qua hình tượng nhân vật ông Hai. Sự chuyển biến tư tưởng ấy đã để lại trong lòng người đọc những suy nghĩ sâu sắc.

Trước hết, chúng ta thấy rằng tình cảm của ông Hai nói riêng và của người nông dân Việt Nam nói chung là thứ tình cảm mang tính truyền thống từ ngàn xưa. Đó là tình yêu làng, yêu nước thiết tha, nồng cháy.

Trước cách mạng tháng Tám, người nông dân chỉ sống quanh quẩn bên cây đa, giếng nước, sân đình bởi vậy đất nước trong quan niệm của họ thu lại trong hình ảnh ngôi làng bé nhỏ, thân thương nơi họ sinh ra và lớn lên. Có thể nói, xóm làng là tất cả đối với họ. Họ yêu làng và luôn tự hào về cái làng của mình. Ông Hai cũng thế. Tấm lòng của ông thể hiện giản dị qua cái tính hay khoe làng rất đáng yêu. Ông khoe mọi thứ về cái làng của ông. Ông khoe làng mình giàu đẹp, sầm uất. Sự giàu đẹp, sầm uất ấy thể hiện ở đâu? Ấy là con đường rải nhựa, đi từ đầu làng đến cuối làng cũng không lấm chân. Ấy là cái lăng cụ Thượng xây rõ là to. Như vậy, chúng ta thấy ông Hai đã dành trọn tình yêu của mình cho xóm làng thân thuộc. Tình yêu làng của ông vừa chân thanh vừa hồn nhiên và rất đáng trân trọng. Nó phù hợp với cách sống, cách nghĩ của người nông dân chân lấm, tay bùn.

Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai có lẽ sẽ không có gì đáng nói nếu tình cảm ấy chỉ đơn thuần gắn với cái làng nhỏ bé của ông. Nhưng thời cuộc thay đổi, cách mạng đến làm chuyển biến tư tưởng, tình cảm của ông và biết bao nhiêu người nông dân khác. Vẫn thể hiện tình yêu làng qua cái tính hay khoe làng ấy nhưng bây giờ, khoe về làng ông không khoe làng giàu, làng đẹp nữa. Khoe về làng, ông khoe về việc xây dựng làng kháng chiến ở quê ông. Phải xa làng, ông nhớ cái làng ấy quá. Ông nhớ những gì? Không phải là nhớ cây đa, bến nước, sân đình mà là nhớ không khí đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá của nhân dân làng ông. Một không khí vô cùng sôi nổi, vô cùng khí thế. Ông lo không phải cho vụ lúa, vụ khoai mà là lo: "Cái chòi gác, những đường hầm bí mật" không biết đã làm xong chưa. Đây có thể nói là những nét tâm lí, những tình cảm hoàn toàn mới mẻ mà cách mạng đã đem đến cho ông Hai cũng như những người dân lao động khác.

Không chỉ tự hào về phong trào kháng chiến ở quê hương, ông Hai còn rất ham thích theo dõi tin tức kháng chiến. Người nông dân trước chỉ biết công việc đồng áng giờ đã biết quan tâm tới tin tức thời sự. Hằng ngày, ông thích bình luận về ta, về Tây. Hôm nào cũng thế, việc đầu tiên là ông đến phòng thông tin đọc báo. Xúc động thay là hình ảnh ông Hai không biết chữ nhưng muốn biết tin tức kháng chiến nên cứ đứng vờ như xem tin tức nhưng thực ra là nghe lỏm người khác đọc. Thú vị thay là cái bực tức của ông Hai khi có người cầm báo mà chỉ đọc thầm không cho ông nghe cùng. Và khi vớ được anh dân quân đọc to, dõng dạc, rành rọt, ông nghe không sót câu nào. Biết bao là chiến thắng, biết bao anh hùng đã khiến "ruột gan ông lão cứ múa cả lên". Những chi tiết ấy đã chứng tỏ sự chuyển biến lớn lao trong tâm tư, tình cảm của người nông dân trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Họ không còn là những người suốt ngày chỉ biết: "Bán mặt cho đất, bán lưng cho trời" trên ruộng đồng nữa. Họ đã thực sự hòa chung vào không khí chiến đấu của cả nước, vào niềm vui kháng chiến thắng lợi và nỗi lo cho chiến dịch dài lâu.

Nhưng có lẽ sự chuyển biến lớn lao nhất, quan trọng nhất trong tư tưởng, tình cảm của người nông dân trong kháng chiến chống Pháp thể hiện rõ nhất ở chỗ: Tình yêu làng đã hòa chung vào tình yêu nước và khi phải lựa chọn một bên là ngôi làng thân thương gắn

bó và một bên là giang sơn, đất nước thiêng liêng, họ đã biết đặt tình yêu đất nước lên trên hết. Sự chuyển biến này thể hiện rất rõ trong tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc. Với bất kì người nào yêu làng tha thiết thì tiếng dữ ấy như tiếng sét ngang tai khiến người ta phải sững sờ, đau đớn. Ông Hai cũng vậy. Ông không thể tin được cái làng Chợ Dầu vốn hừng hực chiến đấu của ông lại làm cái việc đáng xấu hổ ấy. Nhưng khi người ta kể rành rọt, không còn gì để nghi ngờ nữa thì ông xấu hổ vô cùng. Nỗi xấu hổ trở thành ám ảnh khiến ông không dám ngẩng đầu mà đi. Ông muốn lảng tránh tất cả mọi người. Nhìn thấy các con, ông càng nghĩ càng thấy tủi hổ vì chúng nó cũng sẽ bị rẻ rúng, hắt hủi. Ông giận những người ở làng ông tại sao có thể làm những việc như thế. Nỗi ám ảnh của ông Hai chứng tỏ rằng: ông Hai, một người nông dân ít học đã nhận thức được ý nghĩa của cuộc cách mạng, cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Có thể nói, cuộc xung đột nội tâm giữa tình yêu làng và tình yêu nước trong ông Hai thật xúc động. Đã có lúc ông muốn quay về làng vì không đâu người ta chứa chất người làng Chợ Dầu, không đâu người ta chứa chất người làng theo Tây nhưng vừa nghĩ tới đó, ông Hai đã dứt khoát: "Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù".

Câu nói đau đớn nhưng cũng chính là minh chứng hùng hồn cho tình cảm của ông Hai. Làng thì yêu thật nhưng chỉ yêu làng khi làng là làng kháng chiến, còn khi làng phản bội kháng chiến, đi theo giặc thì đi đến đâu cũng phải thù. Tình yêu sâu nặng của ông Hai dành cho làng Chợ Dầu là làng kháng chiến chứ không phải là làng theo Tây. Tình yêu ấy gắn liền với tinh thần trung thành tuyệt đối với cách mạng, kháng chiến. Tình cảm của ông cũng được bộc lộ một cách cảm động khi ông trút nỗi lòng vào lời tâm sự với đứa con út. Ông nói với con nhưng cũng là tự nhủ với lòng mình. Ông nói với con nhưng là để thanh minh với Cụ Hồ, với anh em đồng chí của ông: "Anh em đồng chí biết cho bố con ông, Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông".

Có thể nói, tình cảm của ông với cách mạng, với kháng chiến biểu lộ chân thành, mộc mạc. Tình cảm ấy thật sâu nặng, bền vững và vô cùng thiêng liêng: "Có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai".

Như vậy, có thể nói, ông Hai đã có một sự nhận thức vô cùng đáng trân trọng. Ông đã từng hết lòng yêu thương làng xóm của mình nhưng khi làng ông phản bội Tổ quốc thì ông biết đặt Tổ quốc lên trên hết, đi theo cách mạng, kháng chiến mà thù cái làng mình đã từng yêu tha thiết.

Bao nhiêu đau đớn, bao nhiêu ám ảnh của ông Hai ở cuối truyện đã được trút bỏ khi ông được nghe tin Tây đốt nhà ông. Vẫn là cái tính khoe làng nhưng lần này, lạ thay, ông lại sung sướng khoe cái việc: "Tây đốt sạch nhà tôi rồi". Cái sự vui sướng tột cùng của ông Hai trong tình huống ấy tưởng như mâu thuẫn nhưng suy xét kĩ thì nó vô cùng hợp lí và vô cùng dễ hiểu. Nó là biểu hiện của tinh thần: "Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước" của người nông dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp.

Như vậy có thể nói, với tác phẩm *Làng*, Kim Lân đã chỉ rõ cho chúng ta thấy được sự chuyển biến rất biện chứng, rất logic trong tư tưởng, tình cảm của người nông dân trong hoàn cảnh mới. Sự chuyển biến ấy chính là thành công làm nên nét riêng, nét độc đáo và mang lại vị trí xứng đáng cho tác phẩm này trong nền văn học Việt Nam cũng như trong lòng độc giả bao thế hệ.

ĐỀ SỐ 53

Suy nghĩ về thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ qua nhân vật Vũ Nương ở *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ.

BÀI LÀM

Người phụ nữ trong xã hội cũ hiện lên với vẻ đẹp hoàn mĩ cả ngoại hình lẫn tâm hồn. Vẻ đẹp đó được thể hiện rất rõ qua nhân vật Vũ Nương. Vũ Nương được giới thiệu là một người phụ nữ có đầy đủ "công, dung, ngôn, hạnh". Cái đáng quý nhất của nàng chính là vẻ đẹp tâm hồn, sự nết na, thùy mị vốn có của người phụ nữ xưa. Chính vẻ đẹp ấy đã giúp nàng giữ được tổ ấm, hòa khí gia đình dù chồng nàng là Trương Sinh vốn là một người rất hay ghen.

Phẩm chất của Vũ Nương đã được thử thách và khẳng định trong tình huống đặc biệt: Trương Sinh đi lính, để rồi qua đó càng thấy mến phục nàng hơn bao giờ hết. Khi chồng đi lính, nàng đã tiễn chồng đi bằng tấm lòng tha thiết nhớ mong, ân cần đầy cảm động. Cảnh tiễn biệt ấy khiến ta nhớ tới hình ảnh người phụ nữ trong câu ca dao xưa:

Con cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non

Chồng đi vắng, Vũ Nương một mình gánh vác việc gia đình. Nàng không chỉ nuôi nấng, dạy dỗ con trai bé bỏng mà còn chăm sóc mẹ chồng và khi bà mất nàng lo ma chay cho mẹ chồng chu đáo như với cha mẹ đẻ của mình. Ân tình của nàng đối với Trương Sinh, gia đình nhà chồng không có gì phải chê trách. Nàng xứng đáng là người vợ hiền dâu thảo, người phụ nữ đảm đang, hiếu nghĩa, thủy chung. Nàng xứng đáng được tôn vinh và được hưởng một cuộc sống tốt đẹp. Nhưng nàng cũng chỉ có một mong ước giản dị: chồng bình an trở về. Có thể nói, Vũ Nương là một trong những biểu tượng đẹp về hình tượng người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến xưa.

Song trớ trêu thay, người phụ nữ hoàn mĩ ấy, nghĩa tình ấy lại phải chịu một số phận bất hạnh, đắng cay, một số phận đầy bi kịch. Số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến nói chung, số phận của Vũ Nương nói riêng là số phận đầy nước mắt. Chồng đi vắng đã là một thiệt thòi đối với Vũ Nương. Ngày đêm, nàng mong ngóng chồng trở về để gia đình được sum họp để rồi ngày chồng trở về cũng là ngày tai họa giáng xuống đầu nàng. Biết bao nhiêu ân tình, biết bao nhiêu thủy chung, trinh tiết của nàng đều bị phủ nhận, bị chà đạp chỉ vì một lời trẻ con, chỉ vì một chiếc bóng mà thôi. Trương Sinh nghe lời con, chưa hiểu biết sự tình đã nghi oan Vũ Nương không chung thủy. Trong xã hội xưa, bị nghi oan không chung thủy là một nỗi nhục lớn, một nỗi đau lớn, một vết nhơ không bao giờ rửa sạch. Vũ Nương đã cố gắng minh oan, hết lời giải thích nhưng có lẽ lời minh oan trần tình ấy của nàng không là gì, không có nghĩa lí gì trước sự thống trị của chế độ nam quyền độc đoán. Trương Sinh một mực kết tội Vũ Nương mà không màng tới lời hàng xóm biện minh cho nàng để rồi cuối cùng không còn lựa chọn nào khác, Vũ Nương phải trẫm mình xuống sông để chứng minh sự trong sạch của mình. Hoá ra sự đền đáp cho những ân tình lâu nay của nàng lại chính là cái chết oan uổng. Xót xa thay!

Đặt ra một giả thiết, nếu Trương Sinh không quá ghen tuông đến mức mù quáng, nếu xã hội ấy bình đẳng hơn, coi trọng tính mạng của con người, coi trọng thân phận của người phụ nữ hơn thì có lẽ số phận của nàng đã không bi thảm đến vậy. Và nếu không có chiến tranh phong kiến phi nghĩa thì cũng sẽ không có cuộc chia li, không có những sự hiểu nhầm, nghi ngờ đáng tiếc đến vậy. Và nếu Vũ Nương không sống trong xã hội phong kiến bất công thì có lẽ Vũ Nương cũng không phải tự vẫn để minh oan cho danh dự, phẩm giá của mình như vậy.

Có lẽ, vì thương người phụ nữ nên Nguyễn Dữ đã để cho Vũ Nương có cơ hội được minh oan ở cuối câu chuyện. Trương Sinh khi vô tình hiểu ra người đàn ông mà con mình nhận làm bố chính là cái bóng mới thực sự ân hận. Chàng đã lập đàn giải oan, cầu xin nàng quay trở về. Vũ Nương đã trở về. Nàng hiện lên trong ánh hào quang của nhân phẩm trong sáng, thanh cao nhưng đau đớn thay, nàng chỉ có thể nói: "Thiếp không thể trở về nhân gian được nữa". Câu nói của

Vũ Nương đã thức tỉnh Trương Sinh, cũng như thức tỉnh tất cả mọi người rằng: Vũ Nương không thể nào quay trở về nhân thế được nữa vì người phụ nữ không có chỗ đứng trong xã hội phong kiến xưa. Họ dù sinh ra ở đâu, trong điều kiện nào thì cũng đều chung một lời bạc mệnh đúng như lời Nguyễn Du khái quát:

Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung

Câu thơ là lời Nguyễn Du tri ân với người phụ nữ nói hộ nỗi đau xé lòng của họ.

Như vậy, có thể nói số phận người phụ nữ trong xã hội cũ đã được thể hiện khá sâu sắc qua hình ảnh nhân vật Vũ Nương. Đó là những người mang trong mình vẻ đẹp từ ngoại hình đến tâm hồn nhưng lại phải chịu một số phận đau thương. Bi kịch cuộc đời họ từ đâu ra nếu không phải là do chiến tranh phong kiến, do chế độ nam quyền độc đoán, tư tưởng trọng nam khinh nữ của xã hội phong kiến xưa. Trong xã hội ấy, người phụ nữ không bao giờ có thể ngẩng đầu lên được.

Viết về số phận người phụ nữ, tác giả Nguyễn Dữ cũng như rất nhiều nhà văn khác không chỉ ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ, không chỉ chia sẻ cảm thông với những bất hạnh họ gặp phải mà còn lên án, tố cáo những thế lực chà đạp lên số phận, nhân phẩm của người phụ nữ. Qua đó, các nhà thơ, nhà văn còn lên tiếng đòi quyền sống, quyền hạnh phúc, quyền bình đẳng cho người phụ nữ. Đây chính là tinh thần nhân đạo cao cả của Nguyễn Dữ nói riêng và nền văn học trung đại nói chung.

ĐỀ SỐ 54

Suy nghĩ về đời sống tình cảm gia đình trong chiến tranh qua truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.

GỢI Ý

Cần đảm bảo được các nội dung chính sau:

* Tình cảm của bé Thu dành cho cha thật cảm động và sâu sắc:

- Bé Thu là cô bé ương ngạnh, bướng bỉnh nhưng rất đáng yêu: Thu không chịu nhận ông Sáu là cha, sợ hãi bỏ chạy khi ông dang tay định ôm em, quyết không chịu mời ông là ba khi ăn cơm và khi nhờ ông chắt nước cơm giùm; bị ba mắng Thu lặng im rồi bỏ sang nhà ngoại. Đó là sự phản ứng tự nhiên của đứa trẻ sau gần tám năm xa ba. Người đàn ông xuất hiện với hình hài khác khiến em không chịu nhận vì em đang tôn thờ và nâng niu hình ảnh người cha trong bức ảnh. Tình cảm đó khiến người đọc day dứt và càng thêm đau xót cho bao gia đình vì chiến tranh phải chia lìa. Bé Thu còn đáng yêu vì em dành cho cha một tình cảm chân thành và đầy kiêu hãnh.

- Khi chia tay, phút giây Thu kịp nhận ra ông Sáu là người cha trong bức ảnh, em oà khóc tức tưởi cùng tiếng gọi như xé gan ruột mọi người khiến chúng ta cảm động. Những hành động ôm hôn ba của bé Thu gây xúc động mạnh cho người đọc.

* Tình cảm của người lính dành cho con sâu sắc:

- Ông Sáu yêu con, ở chiến trường nỗi nhớ con luôn giày vò ông. Chính vì vậy về tới quê, nhìn thấy Thu, ông đã nhảy vội lên bờ khi xuồng chưa kịp cập bến và định ôm hôn con cho thoả nỗi nhớ mong. Sự phản ứng của Thu khiến ông khựng lại, đau tê tái.

- Mấy ngày về phép, ông luôn tìm cách gần gũi con mong bù lại cho con những tháng ngày xa cách nhưng con bé bướng bỉnh khiến ông chạnh lòng. Bực quá phải đánh con song vẫn kiên trì thuyết phục con.

Sự hụt hẫng của người cha khiến ta cảm thông và chia sẻ những thiệt thòi mà người lính phải chịu đựng, nhận thấy sự hi sinh của các anh thật lớn lao.

- Phút giây ông được hưởng hạnh phúc thật ngắn ngủi và trong cảnh éo le: lúc ông ra đi bé Thu mới nhận ra ba và để ba ôm, trao cho con tình thương ông hằng ấp ủ trong lòng mấy năm trời.

- Hình ảnh chiếc lược ngà và dòng chữ: "Yêu nhớ tặng Thu con của ba": biểu hiện tình thương con sâu đậm của anh. Ông Sáu hi sinh, tình yêu con của ông bất tử.

Tình cảm gia đình trong chiến tranh thật thiêng liêng và cảm động.

BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7:

ĐỀ SỐ 55

Suy nghĩ của em về nhân vật chị Dậu qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* (Tiểu thuyết *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố).

BÀI LÀM

Tiểu thuyết *Tắt đèn* là một tác phẩm lên án chế độ thực dân nửa phong kiến đã áp bức, bóc lột, bần cùng hóa nhân dân ta. Ngô Tất Tố đã xây dựng thành công nhân vật chị Dậu. Chị như một bức tượng đài đẹp đẽ về người nông dân giàu tình thương, đôn hậu, trong sạch và tiềm tàng sức mạnh chống cường hào, chống áp bức. Qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* với những diễn biến tâm lí tinh tế, sức sống tiềm tàng của người phụ nữ nông dân này được bộc lộ hơn bao giờ hết.

Tiếng trống thúc thuế dồn dập suốt ngày đêm ở làng Đông Xá khiến không một gia đình nào được yên ổn. Gia đình chị Dậu là một trong những gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhất. Sau hai cái tang liên tiếp của mẹ chồng và chú Hợi, vợ chồng chị dù "đầu tắt mặt tối" quanh năm mà "cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc". Anh Dậu lại bị một trận ốm suốt mấy tháng. Nhà chị Dậu rơi vào cảnh cùng đinh nhất nhì trong làng. Chị Dậu phải bán khoai, bán chó rồi bán cả con mà vẫn không đủ nộp sưu cho chồng và em chồng - cho chú Hợi đã chết từ năm ngoái. Không đủ tiền nộp sưu, anh Dậu bị bọn cường hào bắt trói như "trói chó để làm thịt". Bị chúng hành hạ, đánh đập, anh ngất lên ngất xuống. Thế là bao nhiêu đau khổ, tai họa đổ hết lên đầu người đàn bà tội nghiệp.

Là một người phụ nữ hết lòng vì gia đình, thương chồng thương con, trong cơn nguy kịch, chị Dậu vẫn tìm mọi cách để cứu chữa cho chồng. Biết bọn cường hào sắp ập đến nhà, nhưng chị vẫn cố động viên chồng húp lấy một ít cháo, vì chồng chị đã "nhịn suông từ sáng hôm qua tới giờ". Chị vẫn ân cần, thiết tha mời chồng: "Thầy em hãy

cố ngồi dậy húp tí cháo cho đỡ xót ruột". Chị còn "cố ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không". Những cử chỉ biểu lộ sự thương yêu, an ủi của chị đối với anh Dậu một mặt cho thấy tình thương của chị với chồng, mặt khác chứng tỏ sự kiên cường, bình tĩnh, sẵn sàng đối diện với lũ cường hào đang hung hăng ập tới nhà chị.

Khi bọn tay sai "sầm sập tiến vào", chị Dậu một mình đối phó với lũ ác nhân đó. Lúc này, tính mạng của anh Dậu phụ thuộc hoàn toàn vào sự đối phó của chị. Ban đầu chị tha thiết van nài: "Nhà cháu đã túng lại phải đóng cả suất sưu của chú nó nữa... hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khất...". Lúc này, chị Dậu giống như bao người nông dân thấp cổ bé họng, biết thân biết phận mình, coi lũ cường hào ác bá có quyền sinh quyền sát với cuộc sống của mình. Nhưng những lời chị nói chúng đâu có nghe, huống hồ nói đến chuyện chúng động lòng thương. Tên cai lệ, lồng lộn, trợn ngược hai mắt quất: "Mày định nói cho cha mày nghe đấy à?". Rồi hắn xông vào trói anh Dậu "điệu ra đình". Chị Dậu lo lắng, tức giận đến xám mặt vẫn ngọt nhạt: "Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho". Chưa dứt lời, chị bị tên cai lệ bịch luôn mấy cái vào ngực. Chị Dậu đã không thể chịu được liền liều mạng cự lại. Lúc đầu chị vẫn kiên trì cự lại bằng lí lẽ: "Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!". Đây là cái đạo lí tối thiểu nhất của con người. Nhưng tên cai lệ độc ác ấy vẫn không thèm trả lời, còn "tát vào mặt chị một cái đánh bốp" và sấn sổ tới chỗ anh Dậu. Niềm căm giận đốt cháy tâm can người đàn bà bị áp bức. Chị "nghiến hai hàm răng: - Mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem!". Lúc này chị đã hoàn toàn mất đi tâm lí của một kẻ yếu thế, chị gọi cai lệ là "mày" và xưng "bà" với hắn. Chị túm lấy hắn, "ấn dúi ra cửa", khiến tên cai lệ "lẻo khẻo" vì nghiện ngập "ngã chỏng quèo trên mặt đất". Đến tên người nhà lí trưởng xông vào chực đánh chị thì chị "túm lấy gậy, hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau". Kết quả là, "anh chàng "hầu cận ông lí" yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm". Chị Dậu đã khiến những tên tay sai hung ác tơi tả.

Sức mạnh của chị Dậu khi quật ngã tên cai lệ và hai tên người nhà lí trưởng khiến cho người đọc hả hê. Sự kháng cự này trước đó chính chị Dậu cũng không nghĩ tới. Đây là sự kháng cự một cách bất

ngờ, bột phát, xuất phát từ việc bảo vệ anh Dậu. Chính vì vậy hành động này chỉ có tác dụng tức thời, ngay sau đó anh Dậu vẫn bị bắt, gia đình chị Dậu vẫn bị bọn cường hào đè đầu cưỡi cổ. Gia đình chị Dậu vẫn bế tắc, cũng như những người nông dân vẫn chưa tìm ra lối thoát cho cuộc sống khốn khổ của họ. Nhưng nói gì chăng nữa hành động và ý nghĩ của chị Dậu: "Để cho chúng làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được" là báo hiệu một cơn bão táp cách mạng của quần chúng nhân dân và một rạng đông sẽ tới ở phía trước. Chính với ý nghĩa ấy, Nguyễn Tuân đã từng viết: "Ngô Tất Tố "đã xui người nông dân nổi loạn" và "Tôi nhớ như có lần nào, tôi đã gặp chị Dậu ở một đám đông phá kho thóc Nhật, ở một cuộc cướp chính quyền huyện kì tổng khởi nghĩa...".

Có người từng nói tác phẩm *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố đã tạo dựng được hình ảnh chân thực về người nông dân bị áp bức cùng quẫn trong xã hội phong kiến nhưng họ vẫn giữ được bản chất tốt đẹp và tiêu biểu trong đó là chị Dậu. Hơn ở đâu hết, trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*, nhân vật chị Dậu được khắc hoạ sinh động từ lời lẽ, hành động đến cử chỉ... Đặc biệt qua đoạn trích, diễn biến tâm lí của chị được thể hiện thật tự nhiên, chân thực, đúng với logic tính cách của chị.

ĐỀ SỐ 56

Số phận và tính cách nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao.

BÀI LÀM

Nam Cao là một cây bút hiện thực xuất sắc. Thời gian cầm bút không dài nhưng ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị. Có những tác phẩm được coi là kiệt tác trong văn học Việt Nam hiện đại. Qua từng tác phẩm, từng nhân vật, Nam Cao thể hiện những trăn trở của mình về cuộc đời và con người. Một trong những nhân vật như thế là lão Hạc trong tác phẩm cùng tên.

Tác phẩm được ra mắt bạn đọc lần đầu năm 1943. Đây là thời điểm trước cách mạng tháng Tám, khi mà xã hội Việt Nam đang trong đêm đen nô lệ. Cuộc sống của biết bao con người rơi vào thảm cảnh cùng quẫn, không sao vùng vẫy được. Nông thôn nghèo đói xơ xác đến thảm hại. Người nông dân bị bần cùng hóa. Không giống như trong *Tắt đèn* sầm sập tiếng trống thúc thuế, trong *Lão Hạc* với hình tượng một ông lão lương thiện, giàu lòng tự trọng nhưng vô cùng bất hạnh người ta có thể cảm nhận những gam màu xám xịt và những đau đớn, xót xa cho kiếp người.

Giống như bao người nông dân khác, lão Hạc sống một cuộc đời nghèo khổ đến đáng thương. Vợ lão mất sớm, đứa con trai lão lại phẫn chí vì nghèo không lấy được vợ mà bỏ đi đồn điền cao su. Người ta vẫn thường nói: "cao su đi dễ khó về", con trai lão lại nhất quyết bao giờ kiếm được bạc trăm mới trở về. Vì thế, ngày tiễn con trai đi, lòng lão đã ngậm ngùi vì không thể giữ con lại bên mình.

Thế là lão Hạc rơi vào cảnh cô đơn và bất hạnh. Đã già rồi mà ngày cũng như đêm lão chỉ thui thủi một mình. Chính vì thế lão quý con chó bên cạnh mình biết nhường nào! Con chó là kỉ vật của con trai lão, cũng là sinh linh duy nhất bên cạnh lão. Nên lão gọi nó là

cậu Vàng, coi nó như một người bạn để tâm sự những cô đơn, những buồn bã trong lòng. Thế mà lão đã phải bán cậu Vàng của mình đi. Làng mất nghề sợi, đàn bà con gái nhiều, có tí việc là họ tranh làm cả. Lão Hạc rơi vào tình trạng thất nghiệp, rồi lại bị ốm. Lão ốm hai tháng mười tám ngày. Trong khi ốm, lão đã tiêu vào số tiền mà lão cố lòng gom góp với hi vọng thêm thắt cho cậu con trai khi nó trở về. Sau trận ốm, lão gầy và yếu đi nhiều. Chẳng ai thuê lão nữa. Giá gạo ngày càng lên cao. Lão và cậu Vàng mỗi ngày ăn hết ba hào mà vẫn "đói deo đói dắt". Lão rất yêu cậu Vàng nhưng lấy tiền đâu mà nuôi được. Bán cậu đi đồng nghĩa với việc lão Hạc đã "bán" đi nguồn vui, nguồn an ủi, người bạn duy nhất trong cuộc sống của mình. Lão bán con chó vì sự đói khổ và túng bấn khiến lão không thể làm khác được. Đúng là lão bán nó vì tiền. Nhưng không phải để cho lão sống tốt hơn mà vì đứa con trai lão. Bán con chó đi rồi, lão Hạc rơi vào tận cùng của nỗi cô đơn. Cuộc sống thêm nặng nề. Lão chỉ ăn những thứ tự chế được như khoai, củ chuối, sung luộc, rau má, thỉnh thoảng một bữa trai, bữa ốc. Thế rồi lão ăn bả chó để tự tử. Lão chết trong sự dữ dội và đau đớn: "đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra... vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết".

Không chỉ lão Hạc mà biết bao nhiêu người nông dân đã phải tìm đến với cái chết và cũng chết rất dữ dội. Chí Phèo dùng dao tự sát, Lang Rận thì thắt cổ tự tử... Quả thật, cuộc đời thật đáng buồn. Lão Hạc chết mà những trăn trở về kiếp người của lão cứ day dứt người ta: "Không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng!".

Cái chết của lão Hạc khiến ông giáo và người đọc vô cùng đau xót. Bởi đó là cái chết đầy bi kịch của một người nông dân hiền lành, lương thiện. Không đủ tiền cưới vợ cho con, lão buồn và thương con lắm! Con trai lão đi biền biệt ba, bốn năm không về. Đó cũng là từng ngày lão nhớ mong con, lão dành dụm tiền để khi con về nó có đủ tiền cưới vợ và có chút vốn làm ăn. Chính vì thế bao nhiêu tiền dành dụm bấy lâu phải chi tiêu gần hết trong trận ốm khiến lão thấy day dứt. Để giữ lại chút tiền cho con lão cam tâm bán đi niềm vui duy nhất trong cuộc sống còm cõi cô đơn của mình là cậu Vàng. Đói khổ thế nào lão cũng quyết không bán một thước đất, lão tự nhủ: "Mảnh vườn

là của con ta... của mẹ nó tậu thì nó hưởng". Cuối cùng, lão Hạc đã tìm đến cái chết chỉ bởi: "Thà chết chứ không chịu bán đi một sào". Cái chết ấy là một sự hi sinh cực kì lớn lao của một người cha yêu thương con.

Sự lương thiện trong tâm hồn lão Hạc còn thể hiện qua cách đối xử với con chó. Lão gọi nó là cậu Vàng và xưng ông với nó. Cho nó ăn cơm trong bát sứ như nhà giàu, bắt rận và đem nó ra cầu ao tắm. Lão ăn gì cũng chia cho nó cùng ăn. Lão vẫn vuốt ve nó và bảo: "Không giết cậu Vàng của ông đâu nhỉ!... Cậu Vàng của ông ngoan lắm! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...". Trước khi bán cậu Vàng, lão băn khoăn nhiều lắm. Khi bán nó rồi lão Hạc cũng day dứt. Lão thấy mình tệ lắm, "già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó". Kể lại chuyện bán chó cho ông giáo mà "lão cười như mếu, đôi mắt lão ầng ậc nư ớc!". Đó là tấn bi kịch diễn ra trong tâm hồn một con người trung thực và lương thiện. Chính vì thế, khi lựa chọn cách để chết thì lão ăn bả chó như một cách tự trừng phạt mình: chết như một con chó.

Giống như rất nhiều người nông dân nghèo của Nam Cao, lão Hạc rất giàu lòng tự trọng. Lão thà chết chứ không chịu bán một thước đất, vì lão có giữ lại cũng là giữ cho con sau này có cái mà làm ăn, sinh sống chứ không phải giữ cho bản thân lão. Dù phải tìm ăn từng bữa nhưng lão nhất quyết từ chối sự giúp đỡ ngấm ngầm của ông giáo. Trước khi chết, lão cũng không muốn người ta thương hại hay phải làm phiền người khác. Lão gửi lại ông giáo ba mươi đồng bạc để phòng khi lão chết.

Xây dựng nên hình tượng người nông dân rất điển hình trong xã hội cũ không thể không kể đến những thành công về nghệ thuật của tác phẩm. Trước hết phải kể đến nghệ thuật phân tích tâm lí nhân vật và cách chọn người kể chuyện. Câu chuyện xoay quanh vấn đề lão Hạc bán chó và lão đem chuyện đó kể cho người láng giềng thân cận của mình, kể trong cái cười cố gượng, trong hai hàng nước mắt "rân rân". Cảm động nhất là những dòng tâm trạng của một con người cả một đời lương thiện lại đi lừa một con chó. Có lẽ với lão Hạc, lão đã bán đi một thành viên trong gia đình. Buồn biết bao nhiêu! Người vợ của ông giáo cho rằng lão Hạc ngớ ngẩn, lão tự làm khổ mình, không ai thương lão cả. Phải là ông giáo và cũng chỉ có thể là ông giáo mới

hiểu được bi kịch của lão Hạc từ những câu chuyện vặt vãnh mà lão kể và hành động tự tử bất ngờ của lão. Vì thế chọn ông giáo là người kể chuyện khiến cho câu chuyện trở nên gần gũi và chân thực như thể một câu chuyện đời thực đang diễn ra.

Chứng kiến cái chết của lão Hạc, ông giáo thốt lên: "Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác". Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn vì còn có những con người cao quý như lão Hạc. Nhưng cuộc đời lại vẫn đáng buồn vì những con người có nhân cách cao đẹp mà không được sống, thậm chí phải chết một cách đau đớn.

ĐỀ SỐ 57

Lấy nhan đề *Tình đời trong chiếc lá*, em hãy viết bài nêu suy nghĩ của mình về đoạn trích truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* của O Hen-ri.

BÀI LÀM

O Hen-ri là cây bút truyện ngắn xuất sắc của nền văn học Mĩ đầu thế kỉ XX. Truyện *Chiếc lá cuối cùng* tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật của O Hen-ri. Có người đã cho rằng tác phẩm này là bức thông điệp màu xanh về tình thương và sự sống của con người hay "tính đời trong chiếc lá".

Mở đầu đoạn trích là một không khí đượm buồn. Giôn-xi đang sống trong những ngày đợi cái chết. Cô lặng thầm đếm những chiếc lá thường xuân bên cửa sổ. Chiếc lá cuối cùng còn sót lại, cô ngắm nghía nó rất kĩ, "gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa lá hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa". Có thể nói, căn bệnh sưng phổi không chỉ làm cạn kiệt sức sống của Giôn-xi mà còn cướp đi ở cô niềm tin vào sự sống. Cô tuyệt vọng, chán nản, không tin vào sự sống. Cô "đã chuẩn bị cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình". Cô mang trong mình một ý nghĩ là khi nào chiếc lá cuối cùng rơi xuống cũng là khi cô lìa bỏ cõi đời.

Sự sụp đổ về mặt tinh thần của Giôn-xi khiến Xiu vô cùng lo lắng. Họ là những người bạn nhưng tình cảm gắn bó thắm thiết như tình chị em. Xiu kiên nhẫn để an ủi, động viên tinh thần cho Giôn-xi "Em hãy nghĩ đến chị, nếu em không muốn nghĩ đến mình nữa. Chị sẽ làm gì đây?". Không biết mình sẽ thế nào nếu cô em nuôi bé bỏng của mình lìa bỏ cõi đời, nên Xiu đã làm tất cả những gì có thể để giành giật sự sống của Giôn-xi với tử thần. Xiu làm việc nhiều hơn để kiếm tiền mua rượu Booc-đô pha sữa, lúc thì quấy nước súp gà, lúc thì đặt thêm gối cho Giôn-xi. Xiu cầu cứu bác sĩ và cầu cứu cả cụ Bơ-men. Có lẽ cô

cũng muốn mình vững tâm hơn, nghị lực hơn để cứu chữa cho Giôn-xi. Những hành động, tâm trạng và suy nghĩ của Xiu là hiện thân của tấm lòng trắc ẩn, vị tha, nhân hậu cao quý. Xiu và Giôn-xi đều là những họa sĩ trẻ, tuy nghèo nhưng có nhiều ước mơ cho nghệ thuật. Những điểm chung ấy làm họ gần nhau, nhưng chính tấm lòng yêu thương họ giành cho nhau mới thật sự là sợi dây gắn kết bền vững. Chính vì thế cái chết dù đã đến gần kề bên Giôn-xi, chính bản thân Giôn-xi cũng rơi vào tình trạng tuyệt vọng, nhưng người đọc vẫn thấy tin tưởng vào một điều kì diệu đang chờ đón hai cô gái trẻ ở phía trước.

Và điều kì diệu ấy đã tới. Giôn-xi trong tình trạng chờ đợi cái chết đã có thể vượt qua được cái chết. Sau đêm mưa gió dữ dội, khi chiếc mành được kéo lên lúc trời vừa hửng sáng, Giôn-xi phát hiện chiếc lá thường xuân vẫn còn đó. Giôn-xi cảm nhận được trong chiếc lá mỏng manh, nhỏ nhoi ấy chứa đựng một sức sống thật mãnh liệt, bền bỉ nên cô thấy mình đã tệ như thế nào. "Muốn chết là một tội". Nhu cầu sống đã trở lại với cô. Giôn-xi muốn ăn, muốn soi gương, muốn được tới vịnh Na-plơ. Tình yêu cuộc sống, yêu nghệ thuật đã trở lại với Giôn-xi. Chiếc lá thường xuân đã làm trái tim tuyệt vọng của cô ấm lên và tràn trề niềm tin.

Quả thật chiếc lá cuối cùng ấy có ẩn chứa bí mật. Bí mật của một tấm lòng cao thượng. Tấm lòng cao thượng ấy chính là cụ Bơ-men. Đây là một họa sĩ già luôn khao khát trong đời mình có thể vẽ một kiệt tác, nhưng vẫn chưa thực hiện được. Khi nghe Xiu kể về bệnh tật và những tuyệt vọng của Giôn-xi, cụ đã buồn và lo lắng cho cô gái trẻ này. Cụ đã nảy ra ý định bất tử hóa chiếc lá cuối cùng để cứu sống Giôn-xi. Bức tranh vẽ chiếc lá mãi còn trên cây để kéo dài sự sống cho một tâm hồn yếu đuối, đang đếm lá rụng chờ chết. Cụ Bơ-men đã âm thầm vẽ bức tranh kì diệu đó trong đêm mưa gió lạnh buốt. "Người ta tìm thấy một chiếc đèn bão vẫn còn thắp sáng và một chiếc thang đã bị lôi ra khỏi chỗ để của nó, và vài chiếc bút lông vung vãi, và một bảng màu pha có màu xanh và vàng trộn lẫn". Cụ Bơ-men đã bất tử hóa chiếc lá, nhưng cụ đã phải trả giá bằng sự sống của mình. Cụ đã chết vì sưng phổi do ở ngoài trời gió bấc, mưa lạnh lẽo pha lẫn tuyết không ngừng đổ xuống.

Cụ Bơ-men vĩnh viễn ra đi nhưng bức tranh về chiếc lá trở thành một kiệt tác. Trước hết là vì nó giống như thật, đến mức Giôn-xi là

họa sĩ cũng không phát hiện ra đó là tranh. Nhiều hơn thế, chiếc lá ấy được tạo ra bằng việc đánh đổi chính sự sống của người họa sĩ tạo ra nó. Và trên hết nó đã tạo ra sức mạnh, khơi dậy sự sống trong tâm hồn con người. Bức tranh này nói lên giá trị cao nhất của nghệ thuật: nghệ thuật chân chính được tạo ra từ tình yêu thương con người và là thứ nghệ thuật vì con người.

Chiếc lá cuối cùng của O Hen-ri quả là một bức thông điệp màu xanh về sự sống của con người. "Tình đời trong chiếc lá" ấy ấm mãi trong lòng người đọc: tình bạn chân thành của Giôn-xi và Xiu, sự hi sinh của cụ Bơ-men vì người khác,... Xiu & Giôn-xi sẽ tiếp nối ngọn lửa từ trái tim cụ Bơ-men để sống và vẽ nên những kiệt tác cho đời. Cụ Bơ-men đã ra đi nhưng những thế hệ trẻ như Xiu và Giôn-xi sẽ tiếp nối ngọn lửa từ trái tim cụ tiếp tục sống và vẽ nên những kiệt tác mới cho đời.

ĐỀ SỐ 58

Trình bày suy nghĩ về khổ thơ kết thúc bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy.

GỢI Ý

- Khổ thơ cuối cùng của bài thơ *Ánh trăng*:

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.

- Khi phân tích cần đảm bảo một số nội dung sau: Khổ thơ cuối cùng là nơi tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng:

+ Sự xuất hiện trở lại của vầng trăng thật đột ngột, ở vào một thời điểm không ngờ...

+ Hình ảnh trăng được Nguyễn Duy miêu tả tròn đầy, vành vạnh, toả sáng khắp nơi. Đó là vẻ đẹp tự nó và mãi mãi vĩnh hằng. Đó còn là hình ảnh tượng trưng cho vẻ đẹp và những giá trị truyền thống.

+ Phép nhân hoá khiến hình ảnh vầng trăng hiện ra như một con người cụ thể, một người bạn, một nhân chứng, rất nghĩa tình nhưng cũng vô cùng nghiêm khắc đang nhắc nhở con người, một lời nhắc nhở thấm thía, độ lượng nhưng đủ để làm con người "giật mình" nhận ra sự vô tình lãng quên quá khứ tốt đẹp, tức là con người đang phản bội lại chính mình. Nó còn có ý nhắc nhở con người nên trân trọng, giữ gìn vẻ đẹp và những giá trị truyền thống.

ĐỀ SỐ 59

Phân tích các tầng nghĩa trong đoạn thơ sau: *Nào đâu những đêm... nay còn đâu?* trong tác phẩm *Nhớ rừng* - Thế Lữ.

BÀI LÀM

Nhắc đến thơ Việt Nam hiện đại không thể không nhắc đến Thế Lữ - người được coi là có công đầu trong phong trào Thơ Mới. Với giọng thơ biến hoá, du dương, lôi cuốn, lời thơ mượt mà, đầy màu sắc, hình tượng thơ đa dạng, tình thơ đằm thắm mà dạt dào về cái Đẹp của thiên nhiên, âm nhạc, mĩ thuật... Thế Lữ đã để lại nhiều thi phẩm được truyền tụng mà trong số đó không thể không nhắc tới *Nhớ rừng*.

Nhớ rừng được Thế Lữ sáng tác vào năm 1934 và được in trong tập *Mấy vần thơ* năm 1935. Cả bài thơ là tâm trạng nhớ rừng, sự uất hận vì bị tù hãm và khát vọng tự do của con hổ trong vườn bách thú. Thể thơ tự do nhưng không dàn trải, xô lệch, thiếu cô đúc mà từng câu, từng từ, từng nhịp ngắt dòng đều mang giá trị tạo hình đặc sắc. Bài thơ có năm đoạn, mỗi đoạn thơ là một nét tâm trạng khác nhau của con hổ nhưng đoạn thơ thứ ba có thể được coi là hay hơn cả:

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

Đoạn thơ thể hiện nỗi nhớ rừng da diết và nỗi tuyệt vọng của chúa tể rừng xanh. Trong nỗi nhớ của vị chúa tể rừng già, cảnh đại ngàn hiện lên như một bức tranh tứ bình tuyệt sắc. Với cách bố cục chặt chẽ, hoà sắc độc đáo, tạo hình ấn tượng - những kiến thức hội hoạ mà Thế Lữ có thể ảnh hưởng từ khi còn là sinh viên trường Cao đẳng Mĩ thuật Đông Dương cùng với trí tưởng tượng phong phú giàu chất lãng mạn của tâm hồn nghệ sĩ, bốn khoảnh khắc thi vị, ấn tượng nhất trong nỗi nhớ của chúa sơn lâm được tác giả khắc hoạ qua bức tứ bình này. Đó là bốn bức tranh với các cảnh: đêm trăng, ngày mưa, bình minh, chiều đỏ.

Bức tranh thứ nhất khắc hoạ cảnh đêm trăng vàng bên bờ suối:

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?

Cảnh tượng đêm trăng hiện về trong nỗi nhớ của hổ thật lung linh, thật thi vị biết bao. Trong nỗi nhớ da diết, trong sự thừa nhận rằng chốn rừng xanh cao cả là "nơi ta không còn được thấy bao giờ", với con hổ, những đêm trăng bên bờ suối không chỉ là những "đêm vàng" bởi cảnh vật được dát màu trăng mà còn là "đêm vàng" - đêm quý giá. Ánh vàng của trăng tan vào dòng suối lấp lánh. Sao chúa sơn lâm không say mồi ở nơi khác, trong một thời khắc khác mà lại say mồi vào đêm trăng bên bờ suối? Phải chăng vì cảnh tượng ở đây đẹp và thơ mộng đến đắm say lòng chúa. Vậy thì có thể nói chúa sơn lâm say mồi nhưng cũng chính là say "đêm vàng" vậy, hay nói cách khác, "mồi" của chúa sơn lâm chính là "đêm vàng", là ánh trăng tan lung linh trong làn nước suối. Hình ảnh con hổ "say mồi" vừa cho ta thấy cái hồn của mãnh thú, vừa gợi lên một tâm hồn nghệ sĩ đắm say trước cái đẹp. Một hình ảnh vừa ghê gớm vừa quyến rũ.

Bức tranh thứ hai khắc hoạ cảnh: "Những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn":

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?

Một bức tranh với không gian hoành tráng xiết bao. Nếu như màu sắc chủ đạo trong bức tranh thứ nhất là màu vàng thì ở bức tranh thứ hai là màu mưa bạc và màu xanh tươi, mới mẻ của cảnh vật trong cơn mưa. Mưa càng được miêu tả dữ dội và khủng khiếp, có thể

làm rung chuyển cả núi rừng thì càng làm nổi bật hơn sự điềm tĩnh đầy uy lực của chúa sơn lâm: "Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới". "Lặng ngắm" chứa đựng ở đây không chỉ sự trang nghiêm và bản lĩnh mà còn thể hiện sự xúc động xen lẫn thích thú trước cảnh núi rừng rung chuyển và giang sơn mình cai trị đang thay sắc của vị chúa rừng.

Sau cảnh ngày mưa, bức tranh thứ ba khắc hoạ cảnh bình minh đầy nắng:

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?

Có thể nói đây là cảnh tượng giàu màu sắc, âm thanh tươi vui nhất trong bộ tứ bình. Vương quốc mà con hổ đang ngự trị tràn ngập trong màu hồng của hừng đông, màu vàng của nắng sớm, màu xanh óng ả của cây rừng. Xung quanh chúa sơn lâm còn là muôn chim chóc đang rộn ràng ca hót. Trong khung cảnh này, chúa sơn lâm đang chìm trong giấc ngủ say sưa. Giấc ngủ của chúa rừng cũng thật đặc biệt - "ngủ tưng bừng", một giấc ngủ đẹp, đúng "chất" chúa sơn lâm. Chúa sơn lâm đang hưởng giấc ngủ lạc thú của một đế vương giữa chốn rừng già. Có lẽ ngài cũng đang mơ giấc mơ như những gì diễn ra xung quanh ngài vậy. Các điệp thanh bình - minh, tưng - bừng hoà lẫn với vần ca - "ta" mở ra một không gian thật tươi sáng, rộn rã, náo nức.

Bức tranh cuối cùng của bộ tứ bình, bức tranh "chiều lênh láng máu sau rừng" là bức tranh bi tráng nhất, dữ dội nhất và để lại ấn tượng nhiều nhất:

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

Buổi chiều ở giang sơn hùng vĩ trong con mắt của chúa sơn lâm không phải chiều vàng, chiều tà bình thường mà là "chiều lênh láng máu". Dùng màu máu để diễn tả sắc chiều gợi cho ta hình dung về một trận thư hùng vừa mới xảy ra. Trong mắt con hổ, mặt trời giờ đây không còn là một vật vô tri, vô giác mang ánh nắng tới trái đất nữa mà đã trở thành một đối thủ tầm cỡ của nó. Do đó, trong trận chiến này "con thú - mặt trời" "chết" - chứ không phải lặn. Hình tượng "mảnh mặt trời" "chết" cùng ánh nắng gay gắt cuối ngày loé lên càng làm tăng thêm phần bi tráng của nó sau chiến bại. Để rồi chúa sơn

lâm sẽ chiếm lấy "riêng phần bí mật" của rừng đêm, sẽ tung hoành, sẽ là lãnh chúa tối cao mà không phải chia sẻ cho bất cứ kẻ nào. Thật dữ dội và hùng tráng xiết bao khi trong không gian của mình, chúa sơn lâm đã chiến thắng, không phải con người, cũng không phải những con thú khác như báo, gấu... mà là vầng thái dương. Tầm vóc của vị chúa rừng vì thế mà trở nên lớn lao, kì vĩ ngang tầm vũ trụ.

Bức tranh cuối cùng hoàn chỉnh tạo nên bức tứ bình tuyệt tác. Trung tâm của mỗi bức tranh đều là hình ảnh của chúa sơn lâm với mỗi bức là một dáng vẻ riêng của vị chúa tể. Nhưng quá khứ càng đẹp, càng oanh liệt bao nhiêu thì nỗi nhớ càng da diết, đau đáu bấy nhiêu. Chẳng thế mà kèm theo mỗi kỉ niệm đẹp đẽ của mình, chúa rừng lại buông ra câu hỏi: "Nào đâu...?" đầy nuối tiếc, để rồi chỉ còn biết cất lên lời than thảm thiết:

Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

Tứ bình vốn là một lối tạo hình quen thuộc của người xưa, ban đầu chỉ có trong hội hoạ rồi sau đó xâm nhập vào thi ca. Bức tranh tứ bình trong *Nhớ rừng* của Thế Lữ kế thừa bút pháp cổ điển này nhưng vẫn đầy sáng tạo và đổi mới. Từ thể thơ, hình ảnh thơ đến tình cảm trong bức tứ bình này đều mang một sức sống phóng khoáng, mới mẻ chưa từng thấy trong "thơ cũ". Ta hiểu được vì sao Vũ Đình Liên lại nói rằng chỉ với hai câu: "Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối / Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan" cũng có sức mạnh như một tuyên ngôn để bênh vực cho thơ Mới".

ĐỀ SỐ 60

Cảm nhận và suy nghĩ của em về đoạn kết trong bài thơ *Đồng chí* - Chính Hữu.

GỢI Ý

- Đoạn kết của bài thơ *Đồng chí* - Chính Hữu:

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

- Khi phân tích cần đảm bảo được một số nội dung sau:

+ Cảnh thực của núi rừng trong thời chiến khốc liệt hiện lên qua các hình ảnh: rừng hoang, sương muối. Người lính vẫn sát cánh cùng đồng đội: đứng cạnh bên nhau, mai phục chờ giặc.

+ Hình ảnh: "Đầu súng trăng treo" vừa có ý nghĩa tả thực, vừa có tính biểu trưng của tình đồng đội và tâm hồn bay bổng lãng mạn của người chiến sĩ. Phút giây xuất thần ấy làm tâm hồn người lính lạc quan, thêm tin tưởng vào cuộc chiến đấu và mơ ước đến tương lai hoà bình. Chất thép và chất tình hoà quện trong tâm tưởng đột phá thành hình tượng thơ đầy sáng tạo của Chính Hữu.

ĐỀ SỐ 61

Cảm nhận của em về tâm trạng của Tản Đà qua bài thơ *Muốn làm thằng Cuội*.

BÀI LÀM

Tản Đà là một hồn thơ lãng mạn mang tâm trạng buồn chán trước thực tại đen tối và tầm thường, muốn thoát khỏi thực tại. Bài thơ *Muốn làm thằng Cuội* là một tác phẩm thể hiện ước muốn thoát khỏi thực tại bằng mộng tưởng rất "ngông" của Tản Đà:

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!
Trần thế em nay chán nửa rồi,
Cung quế đã ai ngồi đó chửa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
Có bầu có bạn can chi tủi,
Cùng gió, cùng mây thế mới vui.
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế gian cười.

Bài thơ được sáng tác theo thể thất ngôn bát cú Đường luật truyền thống nhưng nó không mực thước, trang trọng như trong *Qua đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan, không ngang tàng, kì vĩ như *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* của Phan Bội Châu hay *Đập đá ở Côn Lôn* của Phan Châu Trinh. Trong bài thơ này, thi sĩ không bị sự ràng buộc nặng nề của vần luật, nó nhẹ nhàng, hóm hỉnh, phóng khoáng và ngông nghênh. Sức hấp dẫn của bài thơ này chính là ở đó.

Hai câu mở đầu, thi sĩ đã bày tỏ trực tiếp tâm trạng của mình:

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!
Trần thế em nay chán nửa rồi,

Cách xưng hô "chị Hằng ơi", "em" rất thân mật khiến hai câu thơ tuôn chảy như một lời nói tự nhiên. Tìm đến chị Hằng để bộc

bạch nỗi sầu quả là khéo chọn địa chỉ để bày tỏ nỗi lòng mình. Thế gian rộng lớn bao la nhưng tác giả không tìm được ai để bầu bạn mà phải tìm đến "chị Hằng". Có lẽ, thi sĩ cho rằng chỉ có ánh trăng thu sáng rọi, chiếu khắp thế gian mới có thể thấu hiểu tâm sự và khát vọng của mình. Bởi tâm sự lớn và khát vọng cũng lớn. Trong bài *Giải sầu*, Tản Đà có bộc bạch nỗi lòng mình: "Từ độ sầu đến nay, ngày cũng có lúc sầu, đêm cũng có lúc sầu. Mưa dầm, lá rụng mà sầu, trăng trong gió mát mà càng sầu; một mình tịch mịch mà sầu, đông người cười nói mà càng sầu, đem thơ văn ngâm vịnh mà càng sầu... sầu không có mối, chém sao cho đứt; sầu không có khối, đập sao cho tan". Thực ra nỗi sầu của Tản Đà không phải không có mối, nhưng chán trần thế thì biết phải làm sao! Vì vậy, thi sĩ khao khát muốn thoát khỏi cõi trần bay lên cùng trăng sao để làm thằng Cuội tháng năm bầu bạn với chị Hằng. Thi sĩ ngỏ lời:

Cung quế đã ai ngồi đó chửa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
Có bầu có bạn can chi tủi,
Cùng gió, cùng mây thế mới vui.

Thông thường khi buồn chán, người ta hay tìm về quá vãng, tiếc nuối những gì đã qua. Tản Đà không vậy, cũng là thoát li thực tại nhưng thi sĩ muốn cất cánh bay lên "cung quế" và "cành đa". Đó là một nhu cầu tinh thần vừa cao sang vừa mới lạ. Nó hướng về cái đẹp, thoát li cái tầm thường của trần thế. Cách dùng điệp ngữ "có", "cùng" và lối dùng khẩu ngữ "đã ai ngồi đó chửa", "nhắc", "can chi", "thế mới" tạo nên giọng thơ vui tươi, hóm hỉnh. Nhưng điều đó càng góp phần bộc lộ cái "ngông" trong hồn thơ Tản Đà. Ông không chịu khuất phục "cõi trần nhem nhuốc", muốn được sống một cuộc sống đích thực với những niềm vui mà cõi trần không có.

Mạch cảm xúc lãng mạn và ngông được đẩy lên đến cao độ bằng một hình ảnh đầy bất ngờ và ý vị:

Rồi cứ hằng năm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế gian cười.

Một câu thơ bảy chữ mà chứa đựng tới ba hành động: "tựa nhau", "trông xuống thế gian" và "cười". Tựa vai nhau với chị Hằng quả là niềm khao khát và hạnh phúc của biết bao kẻ. Lãng mạn, thi vị và đa tình biết bao. "Trông xuống thế gian" mà "cười" mới thật sự ngông

cuồng biết bao. Đối tượng để cười là "thế gian". Cho thấy, trong mắt tác giả, thế gian chẳng những không thi vị, không có niềm vui nào cho con người mà còn đầy rẫy những điều xấu xa. Tản Đà không định cười cả "thế gian" một lần, mà là nhiều lần, "hằng năm" đều cười. Nói cách khác thi sĩ đã hoàn toàn lãng quên cõi đời thực mà chỉ sống với cõi mộng của mình.

Tâm trạng chán ghét cuộc sống thực tại, muốn tìm lối thoát cho tâm hồn là tâm trạng chung của các nhà thơ lãng mạn nước ta đầu thế kỉ XX, mà Tản Đà là người đã "dạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hòa nhạc tân kì đang sắp sửa" (*Thi nhân Việt Nam* - Hoài Thanh).

ĐỀ SỐ 62

Bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy gợi cho em những suy nghĩ gì?

BÀI LÀM

Vầng trăng từ lâu đã là người bạn tri âm tri kỉ của khách làng thơ. Chỉ một vầng trăng vằng vặc giữa trời ấy thôi mà kì diệu thay, mỗi lần hiện diện trên những trang viết của các nhà văn, nhà thơ, trăng lại có một sắc màu riêng, độc đáo biết bao. Nếu như trăng trong thơ Nguyễn Du là chứng nhân cho thiên tình sử Kim - Kiều thì trăng trong thơ của Nguyễn Trãi lại gần gũi cùng li rượu sóng sánh ánh bạc. Nếu như trăng trong thơ Hàn Mặc Tử là ánh trăng đa tình, lả lơi thì trăng trong thơ Nguyễn Duy lại khác hẳn. Đó là *Ánh trăng* vừa gần gũi, gắn bó với con người nhưng cũng rất nghiêm khắc với con người.

Bài thơ mở đầu bằng những lời thơ rất giản dị:

Hồi nhỏ sống ở đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỷ.

Bốn câu thơ giới thiệu hoàn cảnh gắn bó với trăng của nhân vật trữ tình. Vầng trăng là người bạn tri âm, tri kỉ với tác giả trong những tháng năm chiến tranh ở rừng. Vầng trăng là người bạn tâm giao, chia sẻ những buồn vui trong hoàn cảnh sống, chiến đấu vô cùng ác liệt ấy. Vầng trăng là người bạn thủy chung luôn luôn soi rõ bước chân người đi. Trăng và người, người và trăng cứ tự nhiên gắn bó, quấn quýt lấy nhau. Đã có lúc, con người tưởng như không thể sống thiếu trăng, không thể tách rời trăng:

Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa.

Câu thơ thứ ba: "ngỡ không bao giờ quên..." tưởng như vô tình nhưng lại ắp đầy tâm sự của nhà thơ. Từ "ngỡ" đặt ở ngay đầu câu thơ khiến câu thơ vừa vang lên đã ngập chìm trong nuối tiếc chơi vơi, trong ngỡ ngàng thảng thốt. Bởi:

Từ ngày về thành phố
quen ánh điện cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường.

Vừa ở trên người ta ngỡ như không bao giờ có thể chia lìa được mối tình tri kỉ giữa trăng và người, không bao giờ có thể quên được vầng trăng tình nghĩa ấy. Thì ngay lập tức ở câu sau người và trăng đã như người dưng qua đường. Sự thay đổi đến chóng mặt khiến người ta phải thảng thốt giật mình. Trăng thay đổi? Không. Trăng thì muôn đời vẫn thế, muôn đời thuỷ chung. Vậy thì rõ ràng là người đã đổi thay. Con người đổi thay vì hoàn cảnh đổi thay. Con người không còn phải lặn lội trong rừng sâu hang tối nữa mà đã được về thành phố, về thành phố với biết bao những ánh điện cửa gương. Biết bao nhiêu những tiện nghi bày ra trước mắt cuốn hút con người, để rồi con người vô tình quên đi người bạn tri kỉ luôn sát cánh cùng ta trong khó khăn, gian lao, thiếu thốn. Câu thơ có cái gì đó như nghẹn nghẹn đầy xót xa. Xót xa cho trăng hay xót xa cho sự thay lòng đổi dạ của con người. Có lẽ cả hai.

Những dư âm - kỷ niệm về ánh trăng hẳn sẽ trôi qua nếu bất ngờ từ dòng thơ sau không được gợi mở:

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn.

Cuộc hội ngộ tình cờ như đánh thức điều gì sâu tận tâm hồn người bạn cũ, để nỗi niềm chan chứa trải dọc cả câu thơ:

Ngửa mặt nhìn lên mặt
có cái gì rưng rưng?
như là đồng là bể,
như là sông là rừng...

"Ngửa mặt" - hành động ấy không chỉ là hành động ngắm trăng. Dường như Nguyễn Duy muốn nhìn thật lâu gương mặt người bạn tri

kỷ năm xưa sau một thời gian dài không gặp gỡ, như muốn khắc sâu hình bóng kẻ tri âm dạo nào vào tiềm thức. Nửa như để tìm lại - nửa như không muốn quên đi. Lương tâm thi nhân bỗng lên tiếng về sự lãng quên của mình, những ăn năn không bật được thành lời đã khiến dòng thơ như dài thêm vì day dứt khôn nguôi:

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.

Cái "giật mình" đáng trân trọng và đầy ý nghĩa khép lại bài thơ trong muôn trùng suy tưởng từ người đọc. Vầng trăng kia lặng im không nói, không oán trách, vầng trăng cứ lặng lẽ tròn mà khiến con người sực tỉnh và trở về với chính mình, tìm lại những dấu yêu xa xưa đã lãng quên vào dĩ vãng. Xin bạn đừng hỏi rằng nếu như không vì mất điện liệu nhà thơ có thể có được sự thức tỉnh giữa phồn hoa đô hội và nhận thấy một ánh trăng tri kỷ hay không? Bởi lẽ vầng trăng trước khi ta được sinh ra cũng cứ khuyết lại tròn, khi ta tồn tại hay sau này trở thành cát bụi trăng vẫn cứ tròn lại khuyết vậy thôi. Thế mà cái điều hiển nhiên, có tính quy luật ấy lại khiến tác giả "giật mình"...

Những điều tưởng chừng như phi lý khi đưa vào tâm trạng con người để giải thích bỗng trở thành có nghĩa. Ánh trăng như đã xuyên suốt cả bài thơ, bổng trầm trải dọc theo chiều sâu cảm xúc nơi Nguyễn Duy: lúc lắng chìm, khi trăn trở, phút suy tư...

Bạn có thấy không? Giữa nhịp sống ồn ào, dòng đời cuộn chảy; vẫn còn trong trẻo trên cao - vầng trăng tròn vành vạch; vẫn còn vương vấn đâu đây ánh sáng trong mát, nhẹ nhàng, im lắng trong tâm hồn của mỗi chúng ta...

ĐỀ SỐ 63

Phân tích khổ thơ đầu trong bài *Sang thu* của Hữu Thỉnh.

GỢI Ý

Khi phân tích cần đảm bảo được một số nội dung:

+ Mở đầu bài thơ bằng từ "bỗng" nhà thơ như diễn tả cái hơi giật mình, chợt nhận ra dấu hiệu mùa thu từ làn "gió se" mang theo hương ổi bắt đầu chín.

+ Hương ổi phả trong gió se.

+ Từ "phả": động từ có nghĩa là toả vào, trộn lẫn -> gợi mùi hương ổi ở độ đậm nhất, thơm nồng quyến rũ, hoà vào trong gió heo may của mùa thu, lan toả khắp không gian tạo ra một mùi thơm ngọt mát - hương thơm nồng nàn, hấp dẫn của những vườn cây sum suê trái ngọt ở nông thôn Việt Nam.

+ Sương chùng chình: những hạt sương nhỏ li ti giăng mắc như một làm sương mỏng nhẹ nhàng trôi, đang "cố ý" chậm lại, thong thả, nhẹ nhàng, chuyển động chầm chậm sang thu. Hạt sương sớm mai cũng như có tâm hồn.

=> Sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ về thời khắc giao mùa.

ĐỀ SỐ 64

Cảm nhận và suy nghĩ của em về tình cảm cha con trong bài *Nói với con* của Y Phương.

BÀI LÀM

Nhà thơ Y Phương được biết đến như một hiện tượng đặc biệt, tiêu biểu cho hồn thơ dân tộc miền núi. Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Trùng Khánh - Cao Bằng, mỗi trang thơ của ông đều thấm nhuần tinh hoa, đều mang đậm hơi thở của dân tộc Tày. Chẳng thế mà có người đã từng nhận xét rằng: "Thơ Y Phương như một bức tranh thổ cẩm đan dệt nhiều màu sắc khác nhau, phong phú và đa dạng, nhưng trong đó có một màu sắc chủ đạo, âm điệu chính là bản sắc dân tộc rất đậm nét và độc đáo. Nét độc đáo đó nằm ở cả nội dung và hình thức. Với Y Phương, thơ của dân tộc Tày nói riêng và thơ Việt Nam nói chung có thêm một giọng điệu mới, một phong cách mới". Giọng điệu mới ấy, phong cách mới ấy được thể hiện rất rõ trong bài thơ *Nói với con*.

Bài thơ viết về một đề tài không lạ: tình phụ tử thiêng liêng, xúc động. Ta đã từng một lần lặng đi trước thứ tình cảm thiêng liêng ấy trong truyện *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng, thì đến đây lại một lần nữa ta thấm thía sâu sắc vẻ đẹp của tình cha con thắm thiết. Nhưng nếu như trong truyện *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng, để làm sáng lên tình cha con thiêng liêng, cảm động, tác giả đã đặt tình cảm ấy vào trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt: hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt, thì ở trong bài thơ *Nói với con*, Y Phương lại nhẹ nhàng ngợi ca tình cha con bằng những lời tâm tình, nhắn nhủ đầy tâm huyết của người cha. Ta có thể đọc được trong những lời thủ thỉ, tâm tình ấy lòng yêu thương con vô bờ bến, niềm ước mong cháy bỏng: con sống xứng đáng, phát huy truyền thống của gia đình, quê hương. Chính vì vậy, bài thơ không xoáy mạnh vào tâm

can người đọc như *Chiếc lược ngà* mà nhẹ nhàng xuyên thấm vào lòng người, gọi dậy trong ta những nỗi niềm bâng khuâng, xao xuyến.

Mượn lời người cha nói với con về tình yêu thương của cha mẹ, sự đùm bọc của quê hương với con, nhà thơ đã gợi về nguồn sinh dưỡng trong mỗi người chúng ta. Bài thơ được mở đầu bằng khung cảnh gia đình ấm cúng, đầy ắp tiếng nói cười. Mười một câu thơ như tràn đầy những đầm ấm, yên vui của tình cảm gia đình, tình cảm quê hương:

Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười
Người đồng mình yêu lắm con ơi
Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.

Một mái nhà có mẹ, có cha và con hạnh phúc vì được sống hạnh phúc trong tình yêu thương. Cha mẹ đã dìu dắt, nâng đỡ con từ những bước đi đầu tiên, đã tìm thấy niềm vui từ con. Hơn thế nữa, con còn được sinh ra, lớn lên trong tình yêu thương, vẻ đẹp của "đồng mình". "Người đồng mình yêu lắm con ơi!" Lao động tuy vất vả nhưng cuộc sống của "người đồng mình" tươi vui, rất ngọt ngào. Dáng vẻ tuy thô sơ, công việc tuy nặng nhọc (đan lờ, ken vách) nhưng tâm hồn "người đồng mình" lãng mạn biết bao nhiêu: Họ làm một cách nghệ thuật những công việc của mình (cài nan hoa, câu hát). Con thật hạnh phúc vì con được sống giữa những con người như vậy - những con người khéo tay, yêu thiên nhiên, yêu lao động, lạc quan và nhân hậu. Thiên nhiên "đồng mình" cũng rất đẹp: Rừng núi quê hương thơ mộng đã dành cho con những gì tinh tuý nhất (hoa), đã nuôi dưỡng con về cả tâm hồn, lối sống, "tấm lòng". Và từng ngày, con đã lớn lên... có cha mẹ nâng đón và mong chờ, có thiên nhiên thơ mộng, có cuộc sống lao động gắn bó. Con đã trưởng thành trong nghĩa tình của quê hương như vậy đó. Nói với con những điều đó, cha mong con hiểu những tình cảm cội nguồn đã sinh dưỡng con, để con yêu cuộc sống hơn.

Dặn dò con về quê hương, về "đồng mình", cha càng muốn con phải khắc cốt ghi xương nơi mình đã sinh ra và trưởng thành. Cuộc sống của "người đồng mình" vất vả, gian nan "thương lắm con ơi":

Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc

Nhưng tự hào lắm con ơi, người đồng mình đã, đang và sẽ luôn sống đẹp. Họ có sức sống mạnh mẽ: vất vả nhưng khoáng đạt, gắn bó với quê hương. Họ "không chê, không lo" gian khổ, mà vẫn sống tràn đầy "như sông như suối". Họ mộc mạc, chân chất nhưng giàu ý chí, niềm tin, mong xây dựng quê hương tốt đẹp hơn:

Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục.

Sự đối lập giữa bên ngoài: "thô sơ da thịt" nhưng bên trong không hề nhỏ bé về tâm hồn, người đồng mình có ý chí tự làm chủ cuộc sống của mình. Qua sự liên tưởng phong phú sáng tạo: "tự đục đá kê cao quê hương", người đồng mình là những con người lao động cần cù, có nghị lực, niềm tin, mà tầm vóc, nỗi buồn, chí hướng của họ là cái cao, xa chiều kích của trái đất (Cao đo nỗi buồn / Xa nuôi chí lớn). Họ giữ gìn bản sắc dân tộc mà vẫn làm rạng rỡ quê hương như vậy bởi họ yêu quê hương sâu nặng và luôn lấy quê hương làm chỗ dựa tinh thần. Người cha muốn con yêu là yêu những điều đó, yêu những đức tính cao đẹp của người đồng mình.

Cả đoạn thơ như âm vang trong những lời tự hào, sự gắn bó và tình yêu tha thiết của người cha về quê hương. Nó như trở thành một hành khúc mạnh mẽ ngợi ca quê hương. Và lời nhắc nhở của người cha với con chính là một nốt nhấn kết lại bản hành khúc của quê hương:

Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ được nhỏ bé
Nghe con.

Cho con thấy tình yêu thương, niềm tin tưởng của cha, người cha mong con biết sống sao cho tốt, cho xứng đáng với tình cảm của cha. Cho con hiểu cuộc sống của người đồng mình, người cha muốn con cảm thương với những khó khăn, vất vả để khao khát đi xây dựng quê hương. Ca ngợi những đức tính cao đẹp của người đồng mình, cha đã truyền cho con vẻ đẹp sức mạnh của truyền thống quê hương, mong con sống có tình nghĩa, biết chấp nhận gian khó, vươn lên bằng ý chí của mình, vững vàng trên đường đời.

Điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con chính là lòng tự hào với quê hương và niềm tự tin khi bước vào đời. Nói với con mà chính là cha đã trao tặng cho con. Cha đã vun đắp cho con những tình cảm tốt đẹp, cho con một hành trang quý và đã sẵn sàng chắp cánh cho con bay đi khắp mọi nơi.

Bài thơ không dài, chỉ với hai mươi tám câu thơ tự do, có câu ngắn chỉ hai từ, lại có câu dài tới mười từ, đan xen linh hoạt rất phù hợp với dòng cảm xúc chân thành của người cha. Giọng thơ tha thiết, trìu mến. Ngọt ngào làm sao từng tiếng nhắc nhở, dặn dò "yêu lắm con ơi" "thương lắm con ơi", "Con ơi... nghe con!". Đẹp làm sao các hình ảnh thơ vừa cụ thể, mộc mạc, cô đọng mà vừa phong phú, sinh động, giàu chất thơ: "Rừng cho hoa / Con đường cho những tấm lòng...". Những đặc sắc về nghệ thuật cộng hưởng hài hoà với những cung bậc tình cảm khác nhau của cha đã tạo nên dư âm sâu lắng cho bài thơ. Tiếng thơ trong *Nói với con* là tiếng lòng của Y Phương, tiếng lòng về tình yêu và niềm tự hào đối với quê hương, dân tộc. Tiếng cha nói với con hay chính là lời trao gửi thế hệ vậy!

BẢNG HỆ THỐNG KIẾN THỨC NGỮ VĂN LỚP 9

I. PHẦN VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

A - TRUYỆN VĂN XUÔI TRUNG ĐẠI

TT	TÊN TÁC PHẨM	TÁC GIẢ	HOÀN CẢNH SÁNG TÁC VÀ THỂ LOẠI	GIÁ TRỊ NỘI DUNG	GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT
1	Chuyện người con gái Nam Xương	Nguyễn Dữ	- Nửa đầu thế kỉ XIX - Truyện truyền kì	Chuyện kể về cuộc đời của Vũ Nương, qua đó thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ.	- Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện độc đáo. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: khắc họa nhân vật qua hành động, lời nói. - Sử dụng nhiều yếu tố truyền kì, kì ảo làm nổi bật giá trị nhân đạo. - Kết hợp nhiều phương thức biểu đạt: tự sự, biểu cảm.
2	Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh	Phạm Đình Hổ	- Đầu thế kỉ XIX. - Tùy bút	Phản ánh cuộc sống xa hoa của vua chúa và sự những nhiễu của bọn quan lại thời Lê - Trịnh đối với nhân dân.	- Miêu tả khách quan, chân thực. - Chi tiết chọn lọc, tiêu biểu. - Thủ pháp liệt kê.
3	Hoàng Lê nhất thống chí	Ngô gia văn phái	- Tiểu thuyết chương hồi	Tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá Quân Thanh, sự thất bại thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.	- Nghệ thuật kể chuyện xen kẽ với miêu tả một cách sinh động, cụ thể gây ấn tượng mạnh đối với người đọc.

B - TRUYỆN THƠ TRUNG ĐẠI

TT	TÊN TÁC PHẨM	TÁC GIẢ	HOÀN CẢNH SÁNG TÁC VÀ THỂ LOẠI	GIÁ TRỊ NỘI DUNG	GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT
1	Truyện Kiều	Nguyễn Du	- Đầu thế kỉ XIX - Truyện thơ Nôm	Tác phẩm kể về cuộc đời, số phận đáng thương của Vương Thúy Kiều, một cô gái tài sắc vẹn toàn qua đó thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc của tác giả.	- Nghệ thuật xây dựng nhân vật, miêu tả thiên nhiên, đặc biệt là bút pháp tả cảnh ngụ tình. - Ngôn ngữ đạt tới đỉnh cao của ngôn ngữ nghệ thuật.
2	Lục Vân Tiên	Nguyễn Đình Chiểu	- Giữa thế kỉ XIX - Truyện thơ Nôm	Truyền dạy đạo lý làm người: Xem trọng tình nghĩa giữa con người với con người trong xã hội; đề cao tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu khốn phò nguy; thể hiện khát vọng của nhân dân, hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời.	- Kết cấu ước lệ, khuôn mẫu: Người hiền gặp lành, kẻ ác bị trừng trị.

II. PHẦN VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

A - TRUYỆN HIỆN ĐẠI

TT	TÊN TÁC PHẨM	TÁC GIẢ	NĂM SÁNG TÁC	GIÁ TRỊ NỘI DUNG	GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT
1	Làng	Kim Lân (1920 - 2007)	1948	Qua tâm trạng đau xót, tủi hổ của ông Hai ở nơi tản cư khi nghe tin đồn làng mình theo giặc, truyện thể hiện tình yêu làng quê sâu sắc thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến của người nông dân.	Thành công trong việc xây dựng tình huống truyện và trong nghệ thuật miêu tả tâm lý và ngôn ngữ nhân vật.

TT	TÊN TÁC PHẨM	TÁC GIẢ	NĂM SÁNG TÁC	GIÁ TRỊ NỘI DUNG	GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT
2	Lặng lẽ Sa Pa	Nguyễn Thành Long (1925 - 1991)	1970	Cuộc gặp gỡ tình cờ của ông họa sỹ, cô kỹ sư mới ra trường với người thanh niên làm việc một mình tại trạm khí tượng trên núi cao Sa Pa. Qua đó, truyện ca ngợi những con người lao động thầm lặng, có cách sống đẹp, cống hiến sức mình cho đất nước.	Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện hợp lý, cách kể chuyện tự nhiên, kết hợp giữa tự sự, trữ tình và bình luận.
3	Chiếc lược ngà	Nguyễn Quang Sáng (1932)	1966	Câu chuyện éo le và cảm động về hai cha con: ông Sáu và bé Thu trong lần ông về thăm nhà và ở khu căn cứ. Qua đó, truyện ca ngợi tình cha con thắm thiết trong hoàn cảnh chiến tranh.	Thành công trong nghệ thuật miêu tả tâm lý và xây dựng tính cách nhân vật, mà nổi bật là nhân vật bé Thu.
4	Bến quê	Nguyễn Minh Châu (1930 - 1989)	1985	Qua những cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật Nhĩ vào lúc cuối đời trên giường bệnh, truyện thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những giá trị và vẻ đẹp bình dị, gần gũi của cuộc sống, của quê hương.	Nghệ thuật viết văn tự sự phối hợp với miêu tả cảnh, miêu tả nội tâm đặc sắc và giàu triết lý.
5	Những ngôi sao xa xôi	Lê Minh Khuê (1949)	1971	Cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái thanh niên xung phong trên một cao điểm ở tuyến đường Trường Sơn trong những năm chiến tranh chống Mỹ cứu nước. Truyện làm nổi bật tâm hồn trong sáng, giàu mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của họ.	Nghệ thuật kể chuyện và miêu tả đặc sắc.

B - THƠ HIỆN ĐẠI

TT	TÊN BÀI THƠ	TÁC GIẢ	NĂM SÁNG TÁC	THỂ LOẠI	GIÁ TRỊ NỘI DUNG	GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT
1	Đồng chí	Chính Hữu (1926 - 2007)	1948	Tự do	Tình đồng chí của những người lính dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ và lý tưởng chiến đấu, được thể hiện thật tự nhiên, bình dị mà sâu sắc trong mọi hoàn cảnh, nó góp phần quan trọng tạo nên vẻ đẹp tinh thần của người lính cách mạng.	Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm.
2	Bài thơ về tiểu đội xe không kính	Phạm Tiến Duật (1941 - 2007)	1969	Tự do	Qua hình ảnh độc đáo - những chiếc xe không kính, khắc họa nổi bật hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ với tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam.	Chất hiện thực sinh động, hình ảnh độc đáo; giọng điệu tự nhiên, khỏe khoắn, giàu tính khẩu ngữ.
3	Đoàn thuyền đánh cá	Huy Cận (1919 - 2005)	1958	Thơ 7 chữ	Những bức tranh đẹp, rộng lớn, tráng lệ về thiên nhiên, vũ trụ và người lao động trên biển theo hành trình chuyến ra khơi đánh cá của đoàn thuyền. Qua đó, thể hiện cảm xúc về thiên nhiên và lao động, niềm vui trong cuộc sống mới.	Nhiều hình ảnh đẹp, rộng lớn được sáng tạo bằng liên tưởng, tưởng tượng, âm hưởng khỏe khoắn, lạc quan.

TT	TÊN BÀI THƠ	TÁC GIẢ	NĂM SÁNG TÁC	THỂ LOẠI	GIÁ TRỊ NỘI DUNG	GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT
4	Bếp lửa	Bằng Việt (1941)	1963	Kết hợp thơ 7 chữ thơ 8 chữ	Những kỷ niệm tràn đầy xúc động về bà và tình bà cháu, thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.	Kết hợp giữa biểu cảm với miêu tả và bình luận; sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà.
5	Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ	Nguyễn Khoa Điềm (1943)	1971	Chủ yếu là thơ 8 chữ	Thể hiện tình yêu thương con của người mẹ dân tộc Tà - Ôi gắn liền với lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu và khát vọng về tương lai.	Khai thác điệu ru ngọt ngào, trìu mến.
6	Ánh trăng	Nguyễn Duy 1948	1978	Thơ 5 chữ	Từ hình ảnh ánh trăng trong thành phố, gợi lại những năm tháng đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên đất nước bình dị; nhắc nhở thái độ sống tình nghĩa thủy chung.	Hình ảnh bình dị mà giàu ý nghĩa biểu tượng; giọng điệu chân thành nhỏ nhẹ mà thấm sâu.
7	Con cò	Chế Lan Viên (1920-1989)	1962	Tự do	Từ hình tượng con cò trong những lời hát ru, ngợi ca tình mẹ và ý nghĩa lời ru đối với đời sống của mỗi con người.	Vận dụng sáng tạo hình ảnh và giọng điệu lời ru của ca dao.
8	Mùa xuân nho nhỏ	Thanh Hải (1930-1980)	1980	Thơ 5 chữ	Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên và đất nước, thể hiện ước nguyện chân thành góp mùa xuân nhỏ của đời mình vào cuộc đời chung.	Thể thơ năm chữ có nhạc điệu trong sáng tha thiết, gần với dân ca; hình ảnh giản dị, những so sánh, ẩn dụ sáng tạo.

TT	TÊN BÀI THƠ	TÁC GIẢ	NĂM SÁNG TÁC	THỂ LOẠI	GIÁ TRỊ NỘI DUNG	GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT
9	Viếng lăng Bác	Viễn Phương (1928 - 2005)	1976	Thơ 8 chữ	Lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ đối với Bác Hồ trong một lần từ miền Nam ra viếng lăng Bác.	Giọng điệu trang trọng và tha thiết; nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp và gợi cảm, ngôn ngữ bình dị cô đúc.
10	Sang thu	Hữu Thỉnh (1942)	1977	Thơ 5 chữ	Biến chuyển của thiên nhiên lúc giao mùa từ hạ sang thu qua sự gợi cảm nhận tinh tế của nhà thơ	Hình ảnh thiên nhiên được gợi tả bằng nhiều cảm giác tinh nhạy, ngôn ngữ chính xác, gợi cảm.
11	Nói với con	Y Phương (1948)	Sau 1975	Tự do	Bằng lời trò chuyện với con, bài thơ thể hiện sự gắn bó, niềm tự hào về quê hương và đạo lý sống của dân tộc.	Cách nói giàu hình ảnh, vừa cụ thể, gợi cảm, vừa gợi ý nghĩa sâu xa.
12	Mây và sóng	Ra-bin-đra-nat Ta-go (1861-1941)	Trong tập thơ *Trăng non*, 1909	Tự do	Qua lời trò chuyện của bé với mẹ, thể hiện tình yêu mẹ vô ngần của em, ca ngợi tình mẹ con bất diệt và thiêng liêng.	Kết cấu hai phần đối xứng và nối tiếp, độc thoại lồng đối thoại, giọng điệu hồn nhiên, nhiều hình ảnh đẹp, bay bổng.

PHỤ LỤC I:
MỘT SỐ ĐỀ KIỂM TRA MẪU

ĐỀ SỐ 1:
ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9

(Thời gian làm bài 45 phút, không kể thời gian chép đề)

I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm) Trả lời các câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào một chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Tác giả văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương* là:

A. Nguyễn Du B. Nguyễn Đình Chiểu
C. Nguyễn Dữ D. Phạm Đình Hổ

Câu 2: *Truyện Kiều* thuộc thuộc thể loại:

A. Truyện lịch sử B. Truyện thơ Nôm lục bát
C. Truyện cổ tích D. Truyện ngắn

Câu 3: Trong đoạn trích *Chị em Thuý Kiều*, tác giả miêu tả vẻ đẹp của Thuý Vân trước Thuý Kiều vì:

A. Thuý Vân không phải là nhân vật chính
B. Thuý Vân đẹp hơn Thuý Kiều
C. Tác giả muốn làm nổi bật lên vẻ đẹp của Thuý Kiều
D. Tác giả muốn đề cao vẻ đẹp của Thuý Vân

Câu 4: Bộ mặt xấu xa của bọn vua chúa phong kiến được thể hiện rõ nhất trong tác phẩm:

A. *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*
B. *Hoàng Lê nhất thống chí*
C. *Chuyện người con gái Nam Xương*
D. *Truyện Kiều*

Câu 5: Đặc điểm thể chí trong *Hoàng Lê nhất thống chí* là:

A. Thể văn vừa có tính chất văn học, vừa có tính chất lịch sử.
B. Lời ban bố mệnh lệnh của vua chúa xuống thần dân.
C. Là thể văn nghị luận cổ được vua chúa trình bày một chủ trương hay công bố kết quả một sự nghiệp để mọi người cùng biết.
D. Là lời công bố chủ trương, đường lối, nhiệm vụ mà vua, triều đình nêu ra yêu cầu thần dân thực hiện.

Câu 6: Câu nói:

Nhớ câu kiến nghĩa bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng

có nghĩa là:

A. Thọ ơn người thì phải biết đền ơn.
B. Làm ơn thì không cần được trả ơn.
C. Làm người phải có tấm lòng bao dung, nhân ái.
D. Thấy việc nghĩa không làm không phải là anh hùng.

II. TỰ LUẬN: (7 điểm)

Tóm tắt văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương*. (khoảng 25 dòng)

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm - Mỗi câu đúng 0,5 điểm)

1 - A	3 - C	5 - A
2 - B	4 - A	6 - D

II. TỰ LUẬN: (7 điểm)

Yêu cầu:

- Trình bày sạch sẽ, diễn đạt lưu loát, ít sai lỗi chính tả, ngữ pháp.
- Học sinh biết chọn chi tiết cơ bản nhất để tóm tắt:

+ Xưa có anh chàng Trương Sinh cưới vợ xong phải đi lính.
+ Vợ ở nhà sinh một đứa con trai.
+ Sau khi đi lính về, một hôm đứa con nói với Trương Sinh là đêm đêm có một người hay đến với mẹ.
+ Trương Sinh nghi là vợ hư, mắng chửi và đuổi đi.
+ Bị oan, Vũ Nương nhảy xuống sông Hoàng Giang tự vẫn.
+ Sau khi vợ chết, một đêm đứa con chỉ lên chiếc bóng Trương Sinh trên tường và nói đó là người đêm đêm hay đến với mẹ.
+ Trương Sinh biết vợ bị oan, lập đàn giải oan bên sông Hoàng Giang.
+ Vũ Nương hiện về giữa dòng sông nhưng từ chối trở lại trần gian.

ĐỀ SỐ 2

ĐỀ THI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9

(Thời gian làm bài 90 phút, không kể thời gian chép đề)

I. CÂU HỎI GIÁO KHOA: (4 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Em hãy chép lại khổ thơ cuối trong bài *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* - Phạm Tiến Duật và nêu cảm nhận của em về khổ thơ đó.

Câu 2: (2 điểm)

Nêu mối quan hệ giữa phương châm hội thoại và tình huống giao tiếp. Việc không tuân thủ các phương châm hội thoại có thể bắt nguồn từ những nguyên nhân nào?

II. TẬP LÀM VĂN: (6 điểm)

Kể về một cuộc gặp gỡ với các anh bộ đội nhân ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12). Trong buổi gặp đó, em được thay mặt các bạn phát biểu những suy nghĩ của thế hệ mình về thế hệ cha anh đã chiến đấu, hi sinh để bảo vệ Tổ quốc.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

I. CÂU HỎI GIÁO KHOA: (4 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

- Chép đúng khổ thơ: (1 điểm)

Không có kính, rồi xe không có đèn,
Không có mui xe, thùng xe có xước,
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim.

- Cảm nhận dựa vào các gợi ý sau: (1 điểm)
  + Nêu được sự thiếu thốn của các chiến sĩ lái xe.
  + Tình yêu mãnh liệt trong các chiến sĩ.

Câu 2: (2 điểm)

Quan hệ giữa phương châm hội thoại và tình huống giao tiếp: Vận dụng phương châm hội thoại cần phù hợp với tình huống giao tiếp. (Nói với ai? Nói khi nào? Nói ở đâu? Nói để làm gì?) (0,5 điểm)

Việc không tuân thủ các phương châm hội thoại có thể bắt nguồn từ những nguyên nhân sau:

+ Người nói vô ý, vụng về, thiếu văn hoá giao tiếp. (0,5 điểm)
+ Người nói phải ưu tiên cho một phương châm hội thoại hoặc một yêu cầu khác quan trọng hơn. (0,5 điểm)
+ Người nói muốn gây một sự chú ý, để người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý nào đó. (0,5 điểm)

II. TẬP LÀM VĂN: (6 điểm)

Dàn ý:

* Nội dung: (5,5 điểm)

1. Mở bài: (1 điểm)

Nêu được thời gian, lí do, địa điểm và quang cảnh diễn ra như thế nào?

2. Thân bài: (3,5 điểm)

- Em đã phát biểu ra sao? (Tình cảm và tâm trạng khi chuẩn bị phát biểu và sau khi phát biểu - Miêu tả nội tâm)
- Nội dung phát biểu:
  + Những suy nghĩ của em về những việc làm của thế hệ cha anh đã đi trước.
  + Những trách nhiệm của thế hệ sau đối với thế hệ cha anh.

(Những suy nghĩ thường diễn đạt bằng yếu tố nghị luận)

3. Kết bài: (1 điểm)

Kết thúc buổi gặp gỡ, tâm trạng của mỗi người như thế nào? Những gì còn đọng mãi trong lòng. Em đã thầm hứa như thế nào?

* Hình thức: Trình bày sạch sẽ, rõ ràng. Bố cục chặt chẽ, ít sai lỗi chính tả. Văn phong trong sáng. (0,5 điểm)

ĐỀ SỐ 3

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9

(Thời gian làm bài 45 phút, không kể thời gian chép đề)

Câu 1. Thế nào là thành phần biệt lập?

Hãy nêu thành phần cảm thán và lấy ví dụ?

Câu 2. Chép thuộc lòng hai khổ thơ trong bài "Mùa xuân nho nhỏ" (Thanh Hải). Nêu ý nghĩa của bài thơ.

Câu 3. Có ý kiến cho rằng đạo đức của một số học sinh hiện nay đang xuống dốc trầm trọng. Hãy trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Câu 1. (2 điểm)

Thành phần biệt lập là những bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa của sự việc. (1 điểm)

Thành phần tình thái dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu. (0,5 điểm)

Ví dụ (0,5 điểm)

Câu 2. (2 điểm)

Tùy theo mức độ trình bày của học sinh mà ghi điểm. (1 điểm)

Ý nghĩa: Những rung cảm tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên đất nước và khát vọng cống hiến cho đất nước, cho cuộc đời. (1 điểm)

✷ Mở bài: (1 điểm)

Giới thiệu khái quát vấn đề cần nghị luận.

Nêu được luận điểm chính đối với yêu cầu của đề: Đạo đức của một số học sinh đang xuống dốc trầm trọng.

Câu 3. (6 điểm)

✷ Thân bài: (4 điểm)

- Biểu hiện của đạo đức đang xuống dốc

+ Nói tục, chửi thề, tụ tập ăn chơi, hút chích...

+ Những biểu hiện tiêu cực khác trong đời sống và học tập.

- Đối tượng chính là ai?

+ Học sinh

- Nguyên nhân:

+ Điều kiện kinh tế khó khăn, không có khả năng lo cho con (luận cứ)

+ Cha mẹ không quan tâm đến đời sống tinh thần của con em mình

+ Chỉ chăm lo về mặt kinh tế, bỏ mặc con cái.

+ Môi trường xung quanh ảnh hưởng đến sự phát triển của học sinh.

+ Bị tác động bởi phim, ảnh, game...

+ Chưa được quan tâm đúng mức (những em có hoàn cảnh khó khăn)

+ Ý thức bản thân chưa tốt về vấn đề trên.

- Ảnh hưởng đến gia đình, nhà trường và xã hội như thế nào?

- Bên cạnh những bạn có chiều hướng đi xuống ấy thì luôn có những bạn được xem là "Con ngoan trò giỏi", có thể nêu những tấm gương làm dẫn chứng.

- Nêu những biện pháp để giải quyết vấn đề trên.

- Lời khuyên, động viên, tuyên truyền về vấn đề này cho những đối tượng liên quan.

✷ Kết bài: (1 điểm)

- Cảm nghĩ của học sinh về vấn đề trên.

- Đối chiếu bản thân, còn mặt nào hạn chế, mặt nào cần phát huy.

- Lời hứa của học sinh về bản thân, nhiệm vụ của mình với các bạn xung quanh.

ĐỀ SỐ 4

ĐỀ THI HỌC KÌ II

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9

(Thời gian làm bài 90 phút, không kể thời gian chép đề)

Câu 1: (1 điểm)

Chép lại bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" của Hồ Chí Minh và nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ đó.

Câu 2: (1 điểm)

Chỉ ra những thủ đoạn, mánh khóe bắt lính của chế độ thực dân Pháp qua văn bản "Thuế máu" được trích trong "Bản án chế độ thực dân Pháp" của Nguyễn Ái Quốc.

Câu 3: (1,5 điểm)

Câu cầu khiến là gì? Nêu công dụng và cho ví dụ.

Câu 4: (0,5 điểm)

Thay đổi trật tự từ các câu sau:

a. Vài chú tiều, lom khom dưới núi.

b. Mấy nhà chợ, lác đác bên sông.

Câu 5: (6 điểm)

Trong một cuộc nói chuyện với học sinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nói: "Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó".

Hãy giải thích câu nói trên. Liên hệ bản thân, em thấy cần phải làm gì để trau dồi đạo đức và tài năng theo lời dạy của Bác.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Câu 1: (1 điểm)

Chép đúng bài thơ. (0,5 điểm)

Nêu hoàn cảnh sáng tác. (0,5 điểm)

Câu 2: (1 điểm)

Thủ đoạn, mánh khóe bắt lính của thực dân Pháp:

- Tiến hành lùng ráp, vây bắt người ta phải đi lính.
- Lợi dụng chuyện bắt lính mà dọa nạt, xoay xở kiếm tiền.
- Trói xích, nhốt người như nhốt súc vật.

Câu 3: (1,5 điểm)

- Câu cầu khiến là câu có những từ cầu khiến như: hãy, đừng, chớ, thôi, nào, ... hay ngữ điệu cầu khiến. (0,5 điểm)

- Công dụng: dùng để ra lệnh, yêu cầu, khuyên bảo, ... (0,5 điểm)
- Ví dụ: Em hãy cố gắng học tốt hơn để cha, mẹ và thầy, cô vui lòng. (0,5 điểm)

Câu 4: (mỗi câu 0,25 điểm)

a. *Lom khom dưới núi, tiều vài chú.*

b. *Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.*

Câu 5: 6 (điểm)

* Mở bài: (0,5 điểm).

- Nêu yêu cầu và nhiệm vụ của thanh thiếu niên hiện nay. Từ đó đặt vấn đề cần rèn luyện cả đức lẫn tài.
- Dẫn câu nói của Bác.

* Thân bài: (4 điểm).

- *Thế nào là có tài, có đức?*

+ Tài: Kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm, sáng kiến, để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao,

+ Đức: Hết lòng phục vụ nhân dân, có tư cách đạo đức, tác phong tốt.

- *Mối quan hệ giữa tài và đức*:

+ Người vừa có tài, vừa có đức thì thật là đáng quý (các anh hùng liệt sĩ, danh nhân, nhà quản lí giỏi,...).

+ Tại sao có tài mà không có đức lại là người vô dụng?

Dẫn chứng: Một cán bộ quản lí giỏi nhưng tham ô. Một học sinh khá nhưng vô kỉ luật, gian dối.

+ Tại sao có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó?

Dẫn chứng: Một đội trưởng sản xuất không am hiểu khoa học, kĩ thuật, làm mò mẫm, dẫn đến chỗ sản xuất tụt lùi. Một học sinh xếp hạnh kiểm tốt, nhưng học kém không hoàn thành nhiệm vụ học tập thì chưa thể coi là phẩm chất tốt và cũng không phát huy được tác dụng đối với các bạn,...

- *Suy nghĩ về lời dạy của Bác và liên hệ với bản thân*:

Chăm lo rèn luyện toàn diện để đáp ứng yêu cầu của Tổ quốc đối với thanh niên, thiếu niên trong giai đoạn hiện nay.

* Kết bài: (1 điểm).

Tóm tắt ý nghĩa, tác dụng lời dạy của Bác và rút ra bài học sâu sắc nhất đối với bản thân.

Hình thức: (0,5 điểm).

- Có luận điểm rõ ràng, luận cứ và luận chứng xác thực.
- Có bố cục rõ ràng, chặt chẽ, lời văn trong sáng.
- Trình bày rõ ràng, sạch đẹp.

PHỤ LỤC II:
GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐỀ TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 MÔN VĂN

ĐỀ SỐ 1

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÁI BÌNH
ĐỀ CHÍNH THỨC

KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Năm học 2010 - 2011
Môn thi: NGỮ VĂN
Thời gian làm bài: 120 phút
(không kể thời gian giao đề)

Câu 1. (2,0 điểm)

Đọc câu văn sau đây và trả lời các câu hỏi bên dưới:

"Nếp sống giản dị và thanh đạm của Bác Hồ, cũng như các vị danh nho xưa, hoàn toàn không phải là một cách tự thần thánh hoá, tự làm cho khác đời, hơn đời, mà đây là lối sống thanh cao, một cách di dưỡng tinh thần, một quan niệm thẩm mĩ về cuộc sống, có khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tâm hồn và thể xác."

(Sách giáo khoa Ngữ văn 9 - Tập một - NXB Giáo dục - 2009)

a. Câu văn trên được trích trong văn bản nào, của ai?

b. Hãy giải nghĩa:

- *danh nho*
- *di dưỡng tinh thần*

c. Phân biệt nghĩa của các từ: *thanh đạm* và *thanh cao.*

Câu 2. (3,0 điểm)

Viết bài văn ngắn giới thiệu về *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ.

Câu 3. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về hình tượng người lính trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu.

Họ và tên thí sinh: ....*Số báo danh:*...............................

Giám thị 1: ....*Giám thị:*......................................

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÁI BÌNH

KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2010-2011

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN
(Hướng dẫn này gồm 02 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Người chấm cần nắm bắt được nội dung trình bày trong bài làm của thí sinh để đánh giá được một cách tổng quát, tránh đếm ý cho điểm. Chủ động, linh hoạt vận dụng, cân nhắc từng trường hợp.
- Tinh thần chung: nên sử dụng nhiều mức điểm (từ 0 điểm đến 10 điểm) một cách hợp lí. Mạnh dạn cho điểm 0, điểm 1; không yêu cầu quá cao đối với mức điểm 9, điểm 10. Đặc biệt khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.
- Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản, người chấm vẫn cho đủ điểm như hướng dẫn qui định.
- Việc chi tiết hoá điểm số (nếu có) so với biểu điểm phải đảm bảo không sai lệch với hướng dẫn chấm và được thống nhất trong những người chấm thi. Sau khi cộng điểm toàn bài, không làm tròn.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (2 điểm) 1a	Câu văn trên được trích trong văn bản: Phong cách Hồ Chí Minh của Lê Anh Trà (SGK Ngữ văn 9 Tập một trang 7). *(Chú ý: Thí sinh có thể trình bày thêm phần phụ chú chi tiết trong SGK).*	0,5đ
1b	Giải nghĩa: *danh nho*: Nhà nho nổi tiếng. *di dưỡng tinh thần:* Bồi bổ cho sảng khoái về tinh thần, giữ cho tinh thần vui khoẻ.	0,5đ 0,5đ
1c	Phân biệt nghĩa: - Thanh đạm: (ăn uống) giản dị, không có những món cầu kì hoặc đắt tiền. (cuộc sống) giản dị và trong sạch, thanh bạch. - Thanh cao: (tâm hồn) trong sạch và cao thượng. *(Chú ý:* Thí sinh có thể diễn đạt theo hiểu biết của mình nhưng phải phân biệt được hai từ trên một từ dùng để chỉ cuộc sống về vật chất và một từ chỉ đời sống tinh thần).	0,5đ

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 2 (3 điểm)	+ Giới thiệu chung về *Chuyện người con gái Nam Xương* - Tác giả: Nguyễn Dữ (...) - Thể loại: Truyện truyền kì - Nguồn gốc: Là truyện thứ 16 trong số 20 truyện của tác phẩm *Truyền kỳ mạn lục,* viết bằng chữ Hán, dựa vào cốt truyện cổ tích *Vợ chàng Trương.*	0,5đ
	+ Trình bày những điểm nổi bật của *Chuyện người con gái Nam Xương.* - Tóm tắt truyện: Đảm bảo các ý sau: a - Vũ Thị Thiết là người con gái thùy mị nết na có chồng là Trương Sinh. Trương Sinh đi lính, Vũ Nương ở nhà chăm sóc mẹ già và nuôi dạy con thơ. Mẹ mất, nàng lo toan chu đáo. - Trương Sinh trở về, nghe lời con nhỏ, nghi vợ không chung thuỷ. Vũ Nương tự vẫn. - Cái bóng trên tường giúp Trương Sinh hiểu ra mọi sự thì đã quá muộn. b - Trương Sinh lập đàn giải oan bên sông nhưng chỉ thấy Vũ Nương hiện lên giữa dòng nói với chồng mấy lời rồi biến mất.	1,0đ
	- Giá trị nội dung: • *Giá trị hiện thực:* Truyện giúp người đọc cảm nhận cuộc sống gia đình dưới xã hội phong kiến nam quyền, thấp thoáng bóng dáng của cuộc chiến tranh phong kiến phi nghĩa; phản ánh số phận bi kịch của người phụ nữ. • Giá trị nhân đạo: niềm thương cảm đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến, đề cao vẻ đẹp truyền thống của họ, lên án, tố cáo những thế lực vùi dập con người...	0,75đ
	- Giá trị nghệ thuật: Nghệ thuật dựng truyện, miêu tả nhân vật, sáng tạo trong việc kết hợp những yếu tố kỳ ảo với những tình tiết có thực, tạo nên vẻ đẹp riêng của truyện truyền kỳ.	0,5đ
	+ Đánh giá chung về vẻ đẹp của một áng văn xuôi cổ, xứng đáng là một "thiên cổ kỳ bút" (áng văn hay của ngàn đời) *Lưu ý:* - Thí sinh phải tuân thủ bố cục của một văn bản thuyết minh. Không cho điểm tối đa những bài viết dưới dạng dàn ý. - Phần tóm tắt tác phẩm học sinh có thể theo nhiều cách miễn là không sai lệch.	0,25đ
Câu 3 (5 điểm)	a- Cảm nhận chung về hình tượng người lính trong bài thơ *Đồng chí* - *Đồng chí* là sáng tác của nhà thơ Chính Hữu viết vào năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. - Chân dung người lính hiện lên chân thực, giản dị với tình đồng chí cao đẹp.	0,5đ

Câu	Đáp án	Điểm
	b- Hình tượng người lính thể hiện ở 2 nội dung: + Nội dung hình tượng: (Hình ảnh người lính hiện lên một cách chân thực, cảm động): - Họ là người nông dân áo vải, từ những vùng quê nghèo khó "nước mặn đồng chua", "đất cày lên sỏi đá"... vào cuộc chiến đấu gian khổ. - Chấp nhận cuộc sống quân ngũ đầy thiếu thốn: "áo rách vai", "quần có vài mảnh vá", "chân không giày"; gian khổ: "cười buốt giá" "sốt run người"...	1,0đ
	+ Nội dung tình cảm: (Hình ảnh người lính với vẻ đẹp tình cảm, tâm hồn): - Lí tưởng chung đã khiến họ từ mọi phương trời xa lạ tập hợp lại trong hàng ngũ quân đội cách mạng và trở nên thân quen gắn bó: "Súng bên súng đầu sát bên đầu". - Mục đích: Tất cả vì tổ quốc mà hi sinh... Họ gửi lại quê hương tất cả: "Gian nhà không mặc kệ gió lung lay". - Tình đồng chí: + Được nảy sinh từ nhiều điểm chung: (Cảnh ngộ, lí tưởng, nhiệm vụ...) để rồi thành mối tình tri kỉ: Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ. Tình cảm ấy phát triển thành tình đồng chí. + Tình đồng chí giúp người lính vượt lên mọi khó khăn gian khổ: - Giúp họ chia sẻ, cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng của nhau: "Ruộng nương anh gửi bạn thân cày"... "Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính". - Giúp họ vượt qua những gian lao thiếu thốn của cuộc kháng chiến: "Áo anh rách vai"... chân không giày. Cùng chịu đựng những cơn "Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi". - Tình cảm gắn bó thầm lặng mà cảm động của người lính: "Thương nhau tay nắm lấy bàn tay". - Sức mạnh của tình đồng chí đã giúp người lính chủ động trong tư thế chờ giặc tới: "Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới" - Vẻ đẹp tâm hồn của những người chiến sĩ: Lãng mạn và lạc quan: "miệng cười buốt giá"; hình ảnh "đầu súng trăng treo" gợi nhiều liên tưởng phong phú.	3,0đ
	c - Khái quát nâng cao: - Vẻ đẹp của người lính trong bài thơ tiêu biểu cho vẻ đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp. - Hình tượng người lính được thể hiện qua các chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực cô động mà giàu sức biểu cảm, hướng về khai thác đời sống nội tâm.	0,5đ

ĐỀ SỐ 2

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN
NĂM HỌC 2010 - 2011
KHÓA NGÀY: 22, 23/6/2010
ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn: NGỮ VĂN (hệ chuyên)

Thời gian làm bài: 150 phút (*không kể thời gian phát đề*)

Câu 1. (6,0 điểm)

Viết một văn bản nghị luận (không quá một trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về lòng vị tha.

Câu 2. (14,0 điểm)

Em hãy phân tích đoạn thơ sau:

Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười
Người đồng mình yêu lắm con ơi
Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.

(*Nói với con* - Y Phương, sách *Ngữ văn* lớp 9, Tập hai, trang 72 NXB Giáo dục - 2005)

Ghi chú: Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:........................ Số báo danh:.................

Chữ kí của giám thị 1:................ Chữ kí của giám thị 2:......

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN
NĂM HỌC 2010 - 2011
KHÓA NGÀY: 22/6/ 2010

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh cách chấm đếm ý cho điểm.
- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.
- Việc chi tiết hóa điểm số của các ý (nếu có) phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi ý và được thống nhất trong hội đồng chấm thi.
- Điểm toàn bài đạt được vẫn giữ nguyên, không thực hiện việc làm tròn số.

II. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Câu 1 (6,0 điểm)

a. Yêu cầu về kĩ năng:

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề tư tưởng, đạo lí. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b. Yêu cầu về kiến thức:

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng lí lẽ và dẫn chứng phải thiết thực, hợp lí, thuyết phục; cần làm rõ được các ý chính sau:

- Nêu vấn đề cần nghị luận.
- Vị tha là có tinh thần chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác mà hi sinh lợi ích của cá nhân mình. Như vậy lòng vị tha ở con người chứng tỏ một tinh thần vô cùng bao dung, nhân ái.
- Lòng vị tha thể hiện ở thái độ vô tư, không mưu toan tính toán khi giúp đỡ người khác làm một việc gì đó. Có được lòng vị tha, con người sẽ cảm thấy thanh thản trước cuộc đời bởi thấy rằng mình có ích. Hơn thế, họ còn được mọi người mến yêu, quý trọng.
- Lòng vị tha của học sinh được thể hiện trong việc đóng góp ủng hộ những gia đình nghèo khó và sống vì những người thân yêu quanh mình:

học tốt chăm ngoan để ông bà, cha mẹ, thầy cô vui lòng; giúp đỡ bạn bè cùng trang lứa trong học tập, lao động,...

- Trong cuộc sống hôm nay rất cần những tấm lòng vị tha vì đó là một lối sống đẹp, biểu hiện lòng nhân ái.

Lưu ý:

- Chỉ cho điểm tối đa khi thí sinh đạt được cả yêu cầu về kĩ năng và kiến thức.

- Nếu thí sinh có những suy nghĩ riêng mà hợp lí thì vẫn được chấp nhận.

c. Cách cho điểm:

- Điểm 6: Đáp ứng các yêu cầu trên, có thể mắc một vài lỗi nhỏ về diễn đạt.

- Điểm 3: Trình bày được một nửa yêu cầu trên, còn mắc một số lỗi về diễn đạt.

- Điểm 1: Nội dung sơ sài, diễn đạt yếu.

- Điểm 0: Hoàn toàn lạc đề.

Câu 2 (14,0 điểm)

a. Yêu cầu về kĩ năng:

Biết làm bài nghị luận về một đoạn thơ đã được giới thiệu trong chương trình Ngữ văn cấp THCS; kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b. Yêu cầu về kiến thức:

Trên cơ sở những kiến thức về bài thơ *Nói với con* của Y Phương đã được giới thiệu trong chương trình Ngữ văn cấp trung học cơ sở, thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm rõ các ý chính sau:

* Giới thiệu:

- *Nói với con* là bài thơ đặc sắc của Y Phương. Tác phẩm đã thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình.

- Đoạn thơ là phần mở đầu của bài thơ *Nói với con* của Y Phương. Khổ thơ là lời người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng: con lớn lên trong tình thương yêu, nâng đỡ của cha mẹ, trong cuộc sống lao động, nên thơ của quê hương.

* Nội dung cụ thể của đoạn thơ:

- Cội nguồn của mỗi con người đều bắt đầu bằng không gian êm đềm của gia đình. Ở đó, con cứ lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, trong sự nâng đón và mong chờ của cha mẹ.

+ Không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt ngập tràn tình yêu thương và âm thanh tiếng nói cười của con thơ đã tạo ra âm điệu tươi vui, quấn quýt. Hơn thế, người đọc còn cảm nhận được trong hình ảnh thơ một khung cảnh cụ thể với ánh mắt trìu mến, vòng tay âu yếm của cha mẹ, bước chân chập chững của con thơ.

+ Trong khung cảnh tươi vui đầm ấm ấy, ta thấy rõ tình yêu thương của cha mẹ dành cho con: từng bước đi, từng tiếng nói của con đều được cha mẹ chăm chút, mừng vui đón nhận.

- Trong lời tâm tình với con, người cha đã cho con biết: Con được trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên mơ mộng và nghĩa tình của quê hương.

+ Con lớn lên trong cuộc sống lao động cần cù, tươi vui của người đồng mình được gợi lên qua những hình ảnh đẹp: *Đan lờ cài nan hoa/Vách nhà ken câu hát* - các thao tác làm nên dụng cụ lao động đánh bắt cá; xây dựng ngôi nhà bằng những bàn tay khéo léo ấy đã tạo nên một không gian đẹp cho cuộc sống lạc quan.

Chú ý: các động từ *cài, ken* vừa diễn tả động tác vô cùng khéo léo của người đồng mình, vừa phác họa một cuộc sống lao động gắn bó hòa quyện niềm vui.

+ Rừng núi quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình, thiên nhiên ấy đã che chở, nuôi dưỡng con người về cả tâm hồn và lối sống.

Chú ý:

+ Hoa là vẻ đẹp của thiên nhiên ban tặng cho người đồng mình;

+ Nói *Con đường cho những tấm lòng* nghĩa là nhà thơ đã khẳng định môi trường sống của quê hương đã nuôi dưỡng nhân cách và tâm hồn con trẻ.

Như thế, người cha muốn con hiểu quê hương mình là vùng đất giàu truyền thống văn hóa và trọng nghĩa tình.

- Người cha còn nhắc với con về kỉ niệm ngày cưới của cha mẹ để mong con luôn nhớ:

+ Mình sinh ra và lớn lên trong tình yêu và hạnh phúc của cha mẹ;

+ Tình yêu của cha mẹ, nghĩa tình của quê hương sẽ ôm ấp và nâng đỡ con trọn đời.

* Về nghệ thuật:

Học sinh biết khai thác một số các phương tiện nghệ thuật đặc sắc được Y Phương thể hiện trong đoạn thơ:

- Giọng điệu thiết tha trìu mến, các lời gọi thường mang ngữ điệu cảm thán.

- Xây dựng các hình ảnh cụ thể mà có tính khái quát, mộc mạc mà vẫn giàu chất thơ; cách dùng từ ngữ giản dị, chân chất theo phong cách người dân tộc.

- Bố cục chặt chẽ, dẫn dắt tự nhiên: các dòng thơ tự do như những lời nói trong sinh hoạt thường ngày, hết sức tự nhiên; như lời tự sự, lời nhắn nhủ phù hợp, gần gũi và dễ hiểu đối với người đọc.

- Một số các phép tu từ như: phép điệp, đối xứng,... được tác giả dùng rất thành công trong việc thể hiện nội dung đoạn thơ.

Đánh giá:

Đoạn thơ tiêu biểu nhất cho phong cách thơ ca của Y Phương. Tâm hồn người miền núi nói riêng và tâm hồn người Việt nói chung được biểu hiện thật trong sáng, chân thực và đầy sức mạnh. Những chân lí đơn sơ về giá trị con người được tái tạo trong một thứ ngôn ngữ dễ hiểu, dễ nhớ nhưng đầy cảm xúc.

Lưu ý: Chỉ cho điểm tối đa khi thí sinh đạt được cả yêu cầu về kĩ năng và kiến thức.

c. Cách cho điểm:

- Điểm 14: Đáp ứng các yêu cầu trên, có thể còn mắc một vài lỗi nhỏ về diễn đạt.

- Điểm 7: Trình bày được một nửa các yêu cầu trên, còn mắc một số lỗi diễn đạt.

- Điểm 1: Bài viết quá sơ sài, diễn đạt yếu.

- Điểm 0: Hoàn toàn lạc đề.

ĐỀ SỐ 3

SỞ GD& ĐT NGHỆ AN	KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
ĐỀ CHÍNH THỨC	TRƯỜNG THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU
	NĂM HỌC 2010 - 2011

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (4,0 điểm).

Cho đoạn văn:

Sau trận bão, chân trời, ngấn bể, sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông.

(Nguyễn Tuân - *Cô Tô, Ngữ văn 6*, tập hai, trang 89, NXB Giáo dục, 2004)

a) Trong những từ sau đây, từ nào không phải là từ láy:

hồng hào, thăm thẳm, bình minh, tròn trĩnh.

b) Giải nghĩa từ: *trường thọ*. Tìm một từ có yếu tố "*trường*" đồng nghĩa.

c) Phân tích hiệu quả thẩm mĩ của các biện pháp tu từ trong đoạn văn trên.

Câu 2 (6,0 điểm).

Viết một đoạn văn (khoảng 10 - 15 câu) trình bày cảm nhận của em về cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh trong đoạn thơ sau:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,
Súng bên súng, đầu sát bên đầu,
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.
Đồng chí!

(Chính Hữu - *Đồng chí, Ngữ văn 9,* Tập một, trang 128, NXB Giáo dục, 2006)

Câu 3 (10,0 điểm).

Bài thơ *Nói với con* (Y Phương) gợi cho em những suy nghĩ gì về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người?

Họ và tên thí sinh:.. Số báo danh:............

SỞ GD&ĐT
NGHỆ AN

KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
TRƯỜNG THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU
NĂM HỌC 2010-2011

HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn: Ngữ văn

(Hướng dẫn và biểu điểm chấm gồm 02 trang)

I. YÊU CẦU CHUNG:

1) Ngoài việc đánh giá, kiểm tra kiến thức cơ bản, giám khảo cần phát hiện và trân trọng những bài làm thể hiện tố chất của một học sinh giỏi: kiến thức văn học vững chắc, sâu rộng; năng lực cảm thụ văn chương tinh tế, sâu sắc; kỹ năng làm bài tốt; diễn đạt trong sáng, có cảm xúc, có giọng điệu riêng.

2) Hướng dẫn chấm chỉ nêu những ý chính và các thang điểm chủ yếu. Trên cơ sở đó, giám khảo có thể thống nhất định ra các ý chi tiết và các thang điểm khác. Với những bài làm sáng tạo so với đáp án, nếu lập luận thuyết phục, giám khảo nên cân nhắc, trân trọng.

3) Giám khảo nên đánh giá bài làm trong tính tổng thể ở từng câu và cả bài, không đếm ý cho điểm một cách máy móc, nhằm đánh giá học sinh trên cả hai phương diện: kiến thức và kỹ năng.

4) Tổng điểm toàn bài là 20, chiết điểm 0,5.

II. NHỮNG YÊU CẦU CỤ THỂ

Câu		Nội dung, kỹ năng	Điểm
Câu 1	a	Từ không phải là từ láy: *bình minh*	0,5
	b	- *trường thọ*: sống thọ, sống lâu - Tìm được một từ Hán Việt có yếu tố "*trường*" với nghĩa: dài (Ví dụ: trường ca, trường tồn, trường chinh, ...)	1,0
	c	- Các biện pháp tu từ có trong đoạn văn: so sánh, ẩn dụ - Hiệu quả thẩm mĩ: + Gợi tả cảnh mặt trời mọc trên biển đảo Cô Tô rực rỡ, tráng lệ nên thơ ... + Thể hiện niềm say mê cái đẹp; tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước; sự trân trọng của Nguyễn Tuân với người dân lao động. + Thể hiện sự tài hoa của Nguyễn Tuân trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh	2,5

Câu		Nội dung, kỹ năng	Điểm
Câu 2		* Yêu cầu về kỹ năng: Biết cách tạo lập đoạn văn rõ ràng mạch lạc, chặt chẽ, dung lượng khoảng 10 - 15 câu. * Yêu cầu về nội dung: - Hình ảnh thơ: chọn lọc, đậm chất hiện thực, vừa cụ thể vừa có tính khái quát, biểu tượng. - Ngôn ngữ: mộc mạc giản dị mà trong sáng; hàm súc cô đọng ... - Hiệu quả của cách sử dụng từ ngữ hình ảnh: cảm nhận và lý giải sâu sắc về cơ sở của tình đồng chí đồng đội thiêng liêng cao đẹp; góp phần thể hiện phong cách thơ Chính Hữu.	6,0
Câu 3		Yêu cầu chung: - Hiểu đúng yêu cầu của đề ra, biết cách làm bài văn nghị luận văn học kết hợp nghị luận xã hội. Tạo lập được một văn bản có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng có cảm xúc, có giọng điệu riêng ... - Đề ra tương đối mở nhằm khuyến khích những suy nghĩ riêng, có tính sáng tạo của học sinh trên cơ sở cảm thụ sâu sắc tác phẩm. - Học sinh có thể tổ chức bài làm theo nhiều cách khác nhau miễn là thuyết phục, thể hiện đúng yêu cầu đề ra. Dưới đây là một số gợi ý chính:	
	a	Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận	1,0
	b	Cảm nhận khái quát về bài thơ:	3,0
		- *Nói với con* là một bài thơ hay, có ý nghĩa triết lý sâu sắc: mượn lời người cha nói với con, nhà thơ ca ngợi tình cảm gia đình ấm cúng; tự hào về những vẻ đẹp của con người quê hương, truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình. Từ đó, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống và ý chí vươn lên trong cuộc sống. - Nội dung bài thơ được diễn tả bằng hình thức nghệ thuật độc đáo (thể thơ tự do, giọng thơ tâm tình, sâu lắng; hình ảnh thơ chân thực, mộc mạc, đậm đà màu sắc dân tộc; ngôn ngữ trong sáng, thể hiện cách diễn đạt, lối tư duy của người miền núi; sử dụng nhiều biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ, điệp từ, đối lập ...) nên có sức thuyết phục, lay động sâu xa.	
	c	Suy nghĩ về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người:	6,0
		- Gia đình và quê hương là cội nguồn sinh dưỡng thiêng liêng của mỗi con người. - Mỗi người cần phải biết trân trọng, gìn giữ vun đắp tình cảm gia đình, tình yêu quê hương xứ sở. - Mở rộng liên hệ thực tế: + Phê phán những suy nghĩ, việc làm còn lệch lạc, hời hợt thậm chí sai trái đối với gia đình và quê hương. + Đề cao những việc làm, hành động, suy nghĩ đúng đắn.	

MỤC LỤC